

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Văn Lục (III)

Tiểu sử

Hiện định cư tại Montréal, Canada

Tác phẩm

Đi tìm thời gian đánh mất



Mục Lục

Đi tìm thời gian đánh mất

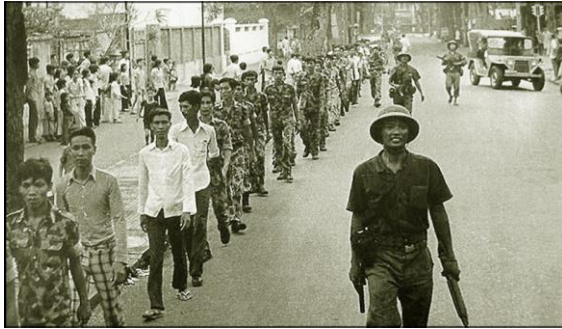
(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Đi tìm thời gian đánh mất

30-4-1975

30-4-1976

30-4-2006



Sài Gòn không còn ngày

Buổi tối, tôi leo lên sân thượng. Trời tối đen, có một sự im lặng sâu thẳm. Nhưng trong bóng đêm, tôi đã nghe rõ được tiếng của im lặng. Cái im lặng của cõi đêm, của một trống rỗng, của một hố thẳm, của một mảnh đời đang sống đã khép lại. Chỉ mới hôm qua, những chiếc trực thăng còn lập lòe trên các mái nhà và biệt tăm ngay sau đó vào đêm tối. Rồi chốc lát đã mất hút. Niềm hy vọng như cạn mòn.

Một triệu, một trăm mười ngàn (1.110.000) binh sĩ VNCH đâu rồi? Và 50 binh sĩ Hoa Kỳ còn sót lại? Mà Neil Sheenan trong *Innocence perdu* đã từng nói: “Cette guerre que nous n’aurons jamais gagné” (Trận chiến mà chúng ta đã chưa hề bao giờ thắng). Mà nay chúng ta chuẩn bị một cuộc hành trình qua sa mạc (une traversée du désert) với khô héo cạn kiệt hy vọng, một hành trình gian khổ với đầy bất trắc đe dọa, hiểm nguy.

Trưa 30-04-1975, ngồi một mình thấy tương lai vô định. Lòng buồn vô tả. Nước mắt tuôn trào không ngăn được. Bụng tự nhiên nhói lên từng lời. Vui chưa thấy, lo thì như ứa tràn. Chẳng hiểu chính quyền mới đối xử ra sao? Đó cũng là mối lo của tất cả mọi người. Chiến tranh đã chấm dứt. Đáng nhẽ phải vui mà hóa buồn.

Hết rồi cảnh chạy đôn chạy đáo tìm đường thoát thân. Có sự im lặng nặng nề như một con vật chờ chết trong nỗi tuyệt vọng. Ván bài chơi đã xong. Ngoài đường, 8 chiến xa T-54 đã vào thành phố trên đại lộ Thống Nhất. Nhiều nhà đóng cửa rồi từ trong nhà ngó ra xem động tĩnh. Chỉ có một thiểu số người dám ra đường đứng thản nhiên nhìn đoàn xe cộ đi qua. Bộ đội tỏ ra ngơ ngác và kỷ luật. Họ dơ tay vẫy chào ngượng ngập.

Mãi vào lúc 16 chiều ngày 30-4-1975, ba vị thuyết khách của ông Dương Văn Minh, thuộc thành phần thứ ba là luật sư Trần Ngọc Liễng, giáo sư Châu Tâm Luân và Linh Mục Chân Tín mới từ trại David Tân Sơn Nhứt ra về. Các ông là những người được tướng DVM cử làm đại diện vào trại David chiều ngày 29-4-1975 để thuyết phục những người của Mặt trận với lời yêu cầu họ đừng đánh phá Sài Gòn. Các tướng Nguyễn Anh Tuấn và Đại tá Võ Đông Giang đã hứa chỉ pháo chút ít để làm áp lực với tướng DVM mà thôi. Quân Bắc Việt đã tiến quân vào TSN nên các ông bị kẹt lại cho đến chiều 30 tháng tư mới ra về được.

21 năm sau, ngày 28-1-1996, Chân Tín trả lời phỏng vấn đài VNCR đã nói khác: “*Chúng tôi ngồi yên nhìn cái ngu dốt và cái sa lầy của một chế độ đang trên đà tan rã*”. Nay, mới đây nghe tin ông ra tờ báo chui. 82 tuổi đầu tướng đã tự cho phép mình hưu tranh đấu. Ông vẫn chưa ngưng nghĩ. Điều gì khiến một người đã tạm quay mặt với Chúa để theo Cách mạng, nay trở thành kẻ đối đầu với chính những điều xác tín của mình?

Ngoài phố, chỉ còn nghe tiếng xích sắt khô khan của bánh xe nghiêng trên mặt đường nhựa. Mặt đất như rung lên bần bật. Sài Gòn như oằn mình dưới làn xích sắt đi qua. Tiếng xích sắt như nhắc nhở gọi về tiếng xích sắt của mùa xuân Praha năm nào. Cái mùa xuân nát úa. Cái mùa xuân hy vọng của tuổi trẻ Prague chưa kịp nhú lên thì đã bị xích sắt xe tăng của Hồng quân Liên Xô đè dập nát khi tiến vào Prague, trên những đường phố lát đá gồ ghề, thẫm màu đen thối nào. Praha, Sài Gòn, ngạo nghệ và tử nhục.

Những chiến xa trên có cấm cờ của mặt trận Giải Phóng miền Nam như niềm hy vọng nhỏ nhoi của người Sài Gòn. Niềm hy vọng mong manh mà đặng kia là cuối đường. Những chiếc chiến xa đang chạy trên đường Tự Do, Catinat cho người ta có cảm tưởng đường Tự Do của miền Nam là đại lộ Champs-Élysées của Paris... Nhưng Champs-Élysées của Paris vào tháng 8-1944 là cả một biển người đón tiếp De Gaulle. Biển người đó là nỗi vui mừng giải thoát, chỉ có tiếng cười và nước mắt hoan lạc. Nhưng Champs Élysées thì không phải đường Tự Do ở Sài Gòn. Đường Tự Do không có nỗi vui hoan lạc mà chỉ có những ánh mắt lo âu và sợ sệt. Ở một góc phố cạnh hotel Majestic, người ta thấy một nhóm nhỏ người đứng nhìn chiến xa đi qua. Bên kia đường, có một thanh niên mặc quần tây áo trắng bỏ ngoài quần, chấp tay đứng nhìn. Không có biển người mà cũng không có tiếng vỗ tay reo hò. Và 125 nhà báo ngoại quốc đứng ở đâu đó. Họ còn ở lại để chứng kiến cảnh tháo chạy, cái cảnh mà Bảo Ninh đã mô tả trong truyện ngắn *Ba lẽ một: chen chúc, xô lấn, giày đạp, chà xéo, đánh nhau, giết nhau, cưỡng hiếp và cướp bóc* và cảnh tiến tới ồ ạt của những T54 và K63, *như một cơn lốc bằng thép xé mặt lộ lướt tới với thân tốc kinh hồn, là phẳng mọi chướng ngại trên đường, nhắm hướng Nam truy kích...*

Đài phát thanh Sài Gòn mở đầu bằng tiếng hát Trịnh Công Sơn. Tiếng hát một thời. Tiếng hát của một đời người.

Anh cất tiếng hát không phải khúc ca da vàng, nhưng lạc lõng với bài : *Nổi Vòng tay lớn* bên cạnh đám bạn bè anh, trong đó có Nguyễn Hữu Thái, một SV tranh đấu.

Dân Sài Gòn đã đón tiếp quân Giải Phóng như thế. Một nhóm người người dân ngơ ngác, 125 nhà báo và TCS với *Nổi Vòng Tay Lớn*. 8 chiến xa có trang bị kính nhắm hồng ngoại tuyến dùng cho những cuộc đánh nhau ban đêm? Chả còn gì để dấu giếm nữa. Những chiến xa Liên Xô từ ngoài Bắc chạy thẳng vào chứ đâu phải của mặt trận giải phóng miền Nam ? Trên chiến xa có cấm cờ MTGPMN. Nhưng cấm một lá cờ thì không lẽ đủ để thay đổi nguồn gốc một lịch sử.

Trong khi đó, ông Minh và toàn bộ chính phủ ông đã chờ sẵn tại dinh độc lập để trao quyền hành lại cho những người chủ mới. Người ta không thấy có một đại diện nào của MTGPMN. Nhiều người chê trách ông Minh hèn "bán đứng miền Nam". Nếu ông Minh hèn thì những kẻ chạy vắt giò lên cổ từ những ngày cuối tháng tư phải gọi bằng tên gì ? Kẻ trốn chạy và kẻ ở lại lãnh thọ, ai hèn hơn ai ? Sài Gòn lúc đó như một bãi rác với đủ thứ rác: rác Mỹ, rác quân đội với súng ống, quân trang, quân dụng vứt bừa bãi, rác chính quyền tham nhũng. Cùng lắm, ông Minh chỉ là người không thức thời cúi mình xuống nhặt cái danh chính quyền bị người ta vứt lại từ đồng rác đó.

Lại còn vấn đề trao cái chính quyền đó vào tay ai ? Chẳng biết nữa, người nói ông Bùi Tín, người nói Chính ủy Tùng. Theo Stanley Karnov, trong *Viet Nam* viết : "*Ngồi trên một chiến xa vào dinh độc lập, Ông Bùi Tín chuẩn bị đóng hai vai trò một lúc: Là nhà báo, ông muốn là nhân chứng cho cuộc đầu hàng này. Tôi chờ các ông từ sáng nay để trao quyền hành lại cho các ông, đại tướng Minh đã nói như thế khi ông Bùi Tín vào đến đại sảnh. Bùi Tín đáp lại, không có vấn đề trao quyền hành. Quyền hành của các ông còn đâu để mà giao. Ông không thể giao một cái mà ông không có.*" (Pénétrant à bord d'un char dans la cour du Palais, il se préparait à jouer un double rôle: journaliste, il désirait être témoin de la capitulation, officier le plus élevé en grade de son unité, il avait pour devoir de la recevoir. J'attends depuis ce matin pour vous remettre le pouvoir, annonça le général Minh, quand Bui Tin entre dans le salon. Il n'en est pas

question, répliqua le colonel. Votre pouvoir s'est écroulé. Vous ne pouvez donner ce que vous n'avez pas.)

Nhưng có lẽ câu nói quan trọng nhất của Bùi Tín vẫn là câu sau đây : "*Cùng là người Việt Nam cả, sẽ không có kẻ thắng người bại. Chỉ có người Mỹ là kẻ bại trận. Nếu ông là người yêu nước, đây là lúc để vui mừng, vì chiến tranh đã không còn nữa trên quê hương của chúng ta* " (Entre Vietnamiens, il n'y a ni vainqueur, ni vaincus. Seul les Américains ont été battus. Si vous êtes patriotes, c'est le moment de vous réjouir. La guerre pour notre pays est terminée". Từ đó đến nay, đã hơn 30 năm, người ta vẫn chờ đợi câu nói của Bùi Tín được thực hiện. Cũng trong tháng 9 năm 1975, các ông Lê Đức Thọ và Xuân Thủy còn nhắc nhở mọi người rằng: *Ai còn nói nguy là nguy...*

Hồi mất Điện Biên Phủ, cuộc chiến giữa Pháp và Việt Minh phải mất 56 ngày đêm. Mất Sài Gòn nhanh hơn, chỉ có 55 ngày. Ít hơn một ngày. Hồi ĐBP, chỉ mất một nửa. Lần này mất tất cả.

Phía những người thua trận

Không kể những người đã tháo chạy, không kể những người còn kẹt lại trong gọng kìm lịch sử oan nghiệt. Còn có những người cất lên tiếng nói cuối cùng.

Thiếu Tá Long, Cảnh sát Quốc Gia đã đến đứng trước tượng TQLC trước tòa nhà Quốc Hội ở Sài Gòn rồi rút súng tự sát. Ông đã nằm chết ngay dưới chân pho tượng.

Trung sĩ Quân Cảnh Trần Minh, thuộc đại đội một quân cảnh phụ trách an ninh khu vực Bộ Tổng Tham Mưu. Lúc 10giờ 30, sau khi nghe tin đầu hàng, trung sĩ Trần Minh đã dùng súng lục tự tử dưới chân cột cờ Bộ TTM.

Thêm vào đó là những cái chết của Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ, tư lệnh sư đoàn 5 bộ binh. Chuẩn tướng Trần Văn Hai, sư đoàn 7 bộ binh. Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh quân khu 2. Thiếu tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó quân đoàn 4. Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh quân đoàn 4. Những cái chết anh dũng. Nhưng đã thay đổi được gì và có thể đại diện cho những vị khác đã bỏ chạy không ? Đó là những cái chết bằng ngàn lời ca, bằng vạn tiếng nói. Và kẻ chết cuối cùng vẫn là kẻ có lý.

Và tự sát bao giờ cũng cần được hiểu là một sự **hy sinh cuối cùng** (Ultimate sacrifice) đáng được trân trọng.

Không có cái chết vô ích mà chỉ có những cái sống vô ích.

Đó là số phận những người đã tự chọn cái chết.

Còn số phận những người còn lại ?

Tôi ghi lại đây hình ảnh một anh lính VNCH, đi chân đất, hai tay áo rách, đầu gối rách, chấp tay. Đằng sau anh là một bộ đội mặc đồ đen, cầm súng lăm lăm và sau chót là đám đông dân làng, khoảng 6, 7 chục người khoanh tay bắt lực với lời ghi chú của nhiếp ảnh viên:* Un avenir qui ne s'annonce pas vraiment radieux pour ce soldat de Thiệu: pendant combien d'années sera-t-il rééduqué.. (ảnh của Abbas. Gamma). Một tương lai không mấy sáng sủa cho người lính này của Thiệu: Người lính này sẽ bị đưa đi học tập cải tạo trong bao lâu?

Thật ra người lính lúc đó chỉ có 3 chọn lựa: đi tản ra nước ngoài, nhấn nhục để đi học tập cải tạo hoặc tìm đến cái chết. Cạnh đó là bức hình của kẻ chiến thắng. Hình một anh bộ đội chống nạng, cụt hẳn một giò đến háng, đi bên cạnh một xe tăng đã bốc cháy với lời ghi:* Après les vingt- cinq années de guerre, une photo qui résume tout (ảnh của Leroy-Gamma). Sau 25 năm cuộc chiến, một bức hình nói lên tất cả..

Cũng khoảng 2 giờ rưỡi trưa hôm ấy, những chiến xa đã từ trong dinh Độc Lập chạy dọc theo đại lộ Catinat-Tự Do, từ nhà thờ Đức Bà ra hướng bờ sông.. Có tới mười người dụt dề dơ cánh tay vẫy chào. Nhiệm vụ của người chiến thắng không phải là dễ. Chiếm được Sài Gòn rồi, nhưng làm sao thay vì chỉ có 10 cánh tay dụt dề dơ lên, phải nhân lên bao nhiêu triệu lần ? Phải chờ xem vậy thôi.

Vào cái giờ này của ngày chiến thắng. Toàn bộ báo chí đã ngưng xuất bản. Gần 50 chục báo hằng ngày của Sài Gòn sáng nay vắng mặt. Họ đâu cả rồi ? Tất cả liên lạc viễn thông với thế giới bên ngoài cũng bị cắt. Họ chẳng còn lại đại diện của các tòa đại sứ sau đây: Pháp, Bỉ, Nhật, Khâm sứ tòa thánh, Thụy Sĩ và lãnh sự Ấn độ. Chế độ mới hầu như tạm thời cắt đứt với thế giới bên ngoài. Cho mãi đến ngày 23 tháng năm, liên lạc với thế giới bên ngoài mới được nối lại và chuyến bay đầu tiên ra nước ngoài vào ngày 24 tháng năm. Chuyến bay này chở một số người ngoại quốc còn kẹt lại trong thành phố mà phần lớn là người Pháp.

Theo Ngũ Giác Đài, có khoảng 50 người Mỹ bị kẹt lại VN sau ngày 30 tháng tư, cộng thêm 26 người VN là vợ con của những người Mỹ này. Sát cạnh nhà tôi, có hai vợ chồng người Việt cũng ra đi theo diện quốc tịch Pháp. Trong tình huống này mới thấy người Pháp là những người tử tế. Chị họ con ông bác tên Diệp, làm y tá nhà thương Grall cũng được đi và sang Pháp cũng làm y tá lại, lương bổng ngạch trật như cũ. Chẳng bao lâu sau, có vợ chồng một đại tá, đã đến cư ngụ ở căn nhà đó. Sau này, suốt vài năm ở cạnh nhà như hàng xóm, ra vào đụng mặt nhau, ông bà chưa bao giờ nói chuyện, hoặc chào hỏi chúng tôi lấy một lần. Điều này phải được hiểu là thế nào ? Không dễ dàng gì để những người đại diện đó được nhìn nhận. Họ không có trong mắt của người Sài Gòn.

Chiến thắng thì đã xong, nhưng chinh phục thì chưa tới.

Phía trí thức miền Nam: Mặt trận Giải Phóng, ảo tưởng và ảo ảnh.

Xin ghi lại đây hình một bé gái chừng 12 tuổi, đầu quấn một khăn trắng đang đi trên một bờ ruộng với lá cờ MTGPMN, hai màu, ở giữa có ngôi sao với lời tiên đoán: ** le drapeau du FNL flotte sur le Sud-VietNam. Il sera sous peu remplacé par le drapeau du Nord, devenu celui du Viet Nam réunié* { ảnh của JC Labbé-Gamma}. (Lá cờ MTGPMN tung bay ở miền Nam VN. Nhưng chẳng bao lâu nữa, nó sẽ được thay thế bằng cờ của miền Bắc, trở thành cờ của VN thống nhất).

Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc đã để lại một di sản thừa như một cục bườu ung thư cần nhổ. Đó là MTGPMN. Mặt trận này đối với trí thức thành phần thứ ba hay đối với sinh viên VN hải ngoại chỉ dẫn đưa họ đến một kết quả là: những ảo tưởng vĩ đại (grandes illusions) và đối với toàn thể thế giới là một âm mưu lừa bịp trắng trợn.

Xin nhắc để mọi người cùng nhớ: những trí thức đi theo Mặt trận hồi đó gồm có các ông luật sư Trịnh Đình Thảo, Chủ tịch LMCLLDTCVHBN, phó chủ tịch HĐCV CPLTCHMNVN, chủ tịch UBTUMTTQVN và vợ là Ngô Thị Phú ở Sóc Trang, Lâm Văn Tét, Phùng Văn Cung, Trần Kim Bảng bút hiệu Thiên Giang, vợ nữ sĩ Vân Trang, Nguyễn Văn Chì, Chánh án Phạm Ngọc Thu, dược sĩ Đỗ Thu, Kỹ sư Cao Văn Bôn, Kỹ sư Tô Văn Cang, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, chức sắc Cao Đài Nguyễn Văn Ngươi, kỹ sư Trương Như Tảng, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, bà Nguyễn Thị Bình, Huỳnh Tấn Phát, luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Lữ Phương, bà Bùi Thị Nga, Trần quang Long, Trần Triệu Luật, nhà văn Thanh Nghị Hoàng Trọng Quý và vợ ca sĩ Tâm Vấn. Thêm vào đó gs Lê Văn Hảo theo vào năm 1968, chủ tịch LMCLLDTCVHBN, thêm chủ tịch UBKNHTT. Trong dịp tờ Quê Mẹ phỏng vấn ông năm 1999 ở Pháp, ông Hảo giải thích: dự luận gán cho ông về cuộc thảm sát Mậu Thân ở Huế là không đúng. *"Thứ nhất, lúc quân đội CS đánh Huế, tôi không có mặt trong thành phố. Trước tết 5 ngày, tôi được dẫn lên núi, nói là mời họp rồi giữ tôi ở lại luôn, không về thành phố lần nào. Cùng với tôi có Hoàng Phủ Ngọc Tường. Chỉ có Hoàng Phủ Ngọc Phan và Nguyễn Đắc Xuân đã theo bộ đội về Huế và tôi được biết Phan và Xuân đã từng ngồi xét xử nhiều người có quan hệ với chính quyền Sài Gòn, trong những phiên xử của cái gọi là Tòa Án Nhân Dân."*

Sau này, các ông Trần Quang Long, Trần Triệu Luật đã chết vì bom Mỹ. Còn lại là những người sống sót trở về..

Sau 30 tháng 4, đám trí thức trên vỡ mộng. Họ không có một vị trí nào trong chính quyền Cộng Sản tương lai và danh xưng MTGPMN cũng không ai muốn nhắc tới. Chẳng bao lâu sau ngày giải phóng, cờ của Mặt trận bị cuốn gói, xếp một chỗ.

Có thể bà bác sĩ Dương Quỳnh Hoa là người đầu tiên xin ra khỏi đảng CS và không tham dự phái đoàn nhân sĩ trí thức miền Nam ra ngoài Bắc. Lý do chính là hai vợ chồng chính thức phản đối việc thống nhất hai miền như một thứ bội phản đối với miền Nam. Đơn xin rút tên ra khỏi đảng đã được Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra một điều kiện: Phải 10 năm sau mới được quyền công bố chính thức rút tên ra khỏi đảng. Sau này, trong bài phỏng vấn trả lời trên tờ Far Eastern economic review (Feer) ngày 17-10-1996, Dương Quỳnh Hoa đã trả lời câu hỏi: « *Quel est l'évènement le plus marquant pendant les 50 années passées?* » bằng một phán quyết: « *L'effondrement du mur de Berlin qui mit un terme à la 'grande illusion'.* » (Biến cố nào được coi là nổi bật nhất trong 50 năm đã qua? Trả lời: Sự sụp đổ bức tường Bá Linh chấm dứt một thời kỳ của 'ảo tưởng lớn').

Và nói như ông Hồ Sĩ Khuê: “*Thành viên Mặt trận thực sự chẳng có bao nhiêu. Nhưng ở Sài Gòn, sao mà ai cũng có vẻ là người của Mặt trận quá.*” Nhưng bên trong, họ chỉ làm bù nhìn. Hình nộm” ngồi chơi xơi nước” như theo lời tường thuật của kỹ sư Trương Như Tảng. Ông Tảng vốn là một sinh viên du học bên Pháp, có dịp gặp Hồ Chí Minh, coi HCM như khuôn mặt lãnh tụ sáng chói nhất để chống lại người Mỹ, và trước mắt, chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm đã viết: *Hồi ký của một Việt cộng* (A Viet Cong Memoir) cho thấy MTGPMN chỉ là một sự dàn dựng, họ được đưa vào bưng để làm bung xung, đánh lừa cả thế giới. Họ bị bịt mắt, dẫn đi quanh co trong rừng. Những buổi họp, để giữ bí mật, các thành viên mặt trận đều bịt mắt, vì thế chẳng biết ai vào với ai. Ai là thật, ai là giả? Đó là kinh nghiệm đau xót của một số ít trí thức miền Nam. Trong *The Myth of Liberation*, Trương Như Tảng tố cáo sự dàn dựng giả dối của chính quyền Cộng sản Hà Nội: “Trong nhiều năm, họ đã nghe Việt Nam Dân chủ Cộng hòa long trọng tuyên bố cam kết”, qua lời Tổng bí thư Lê Duẩn, rằng “*Miền Nam cần có chính sách riêng của miền Nam*”. Hay như lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố với phóng viên nước ngoài: “*Chẳng ai lại có cái ý nghĩ ngu xuẩn và tội lỗi là thôn tính miền Nam*”.

William Shawcross, trên tờ *Washington Post*, nhận xét:* “He became the Viet Cong’s Minister of Justice, but at the end of the war, he fled the country in disillusionment and despair. He now lives in exile in Paris, the highest level official to have defected from Viet Nam to the West. This is his candid, revealing and unforgettable autobiography.” (Tạm dịch: “Ông trở thành Bộ trưởng Tư pháp trong chính phủ Việt cộng, nhưng sau khi chiến tranh chấm dứt, ông đã trốn thoát khỏi Việt Nam với tâm trạng bị vỡ mộng và thất vọng. Nay ông tỵ nạn ở Paris. Ông là một trong những viên chức cao cấp nhất đã đào thoát ra khỏi Việt Nam sang Tây Phương. Đây là cuốn tự truyện đáng nhớ, phơi bày (nhiều chuyện) và thành thật.”)

Vai trò bù nhìn của MTGPMN cũng được đề cập đến trong hồi ký của Vũ Thư Hiên. Ông viết: “*Trẻ con miền Bắc cũng biết Mặt trận Giải phóng là do miền Bắc dựng nên*”.

Người trí thức miền Nam một lần nữa bị lừa gạt .

Riêng Nguyễn Hữu Thọ, sau 1975 được làm phó chủ tịch nước. 1981, phó chủ tịch quốc hội, 1988, chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc... Nhưng cuối cùng thì ông cũng phải thốt ra một câu như sau: “*Dân chủ không thể có bằng sự ban ơn, mà bằng sự đấu tranh*”.

Sau ngày miền Nam bị mất vào tay Cộng sản, nhiều người trong bọn họ trước đó mang ảo tưởng sẽ có vai trò, sẽ được dùng, sẽ được lãnh đạo miền Nam, bị gạt ra bên lề một cách thảm hại, có chức mà không có quyền. Màn lường gạt, trá trở này chắc chắn không phải lần đầu mà chắc chắn cũng không phải lần cuối. Những người trí thức này chỉ quên một điều: Người Cộng Sản bao giờ cũng ăn thịt trước tiên những đứa con đẻ của mình.

Niên lịch mới, Sài Gòn thời của những tiên tri giả.

Bộ đội chính quy, cán bộ miền Bắc đã đành là có mặt. Nhưng đám 30 tháng tư, bọn cách mạng 30 cơ hội nhỏ nhẻ thì đầy đường, đầy ngõ. Không biết ở đâu ra mà họ đông thế. Chúng là những tiên tri giả, bán rao thời cuộc. Gọi theo một thứ ngôn ngữ chuyên dùng hơn thì đó là bọn tiêu bạc giả, vốn liếng là sự bịp bợm, sự tráo trở và tư cách vô liêm xỉ. Có thể bọn họ tuần trước, tháng trước, năm trước còn "đả đảo Cộng Sản" nay thì hoan hô... Bên cạnh đó, có một số trí thức đã có dính dáng, hoạt động bí mật trong Mặt Trận nay xuất đầu lộ diện. Trong số này, có Giáo sư Lý Chánh Trung, sau làm đại biểu Quốc hội, Nguyễn Ngọc Lan trên tờ Đối Diện nay đổi là Đứng Dậy. Đổi tên tờ báo đã khéo, chơi chữ đã khéo, nhưng Đứng Dậy có thể hiểu lầm là nổi dậy. Hãy coi chừng. Một số người khác như Nguyễn Đình Đầu, luôn luôn dấu mặt sau hội trường giật giây và em rể, giáo sư Trần Đức Quảng, gs Châu Tâm Luân, LM Chân Tín, Trần Bá Cường v.v.

Và nếu nói như người Pháp: « Il n'y a que le premier pas qui compte », có nghĩa chỉ bước đầu tiên mới quan trọng, thì những người trên là những người đầu tiên ló mặt sau ngày Giải Phóng tìm một vị trí quan trọng?

Ngày 4-5-1975, xung đột với Cam pu chia

Những tin tức nóng hổi sau đây nhiều bạn đọc, sau hơn 30 năm, có thể đây là lần đầu tiên được nghe nói tới. Điều đó không lạ, vì tin tức thông tin nằm trong mạng lưới tuyên truyền của chế độ CS. Vào ngày 4-5-1975, có nghĩa là chỉ bốn ngày sau khi miền Nam thua trận, quân đội Khờ me của Pol Pot đã đổ bộ xâm chiếm đảo Phú Quốc. Ngày mùng 8, quân đội trên bộ của Pol Pot đột nhập vào tỉnh Tây Ninh. Ngày 10, chiếm đảo Thổ Chu và bắt hơn 500 thường dân. Để trả đũa, bộ đội VN chiếm đảo Poulo Way, sau đó thì rút lui. Tất cả những biến cố trên xảy ra dân chúng đều không hay biết vì các báo bị đình bản. Nhưng đài phát thanh cũng không thông báo cho dân chúng biết.

Nòng súng của bộ đội Bắc Việt chưa kịp nguội thì đã chuẩn bị cho một cuộc chiến khác. Hai cuộc chiến trước đây là chiến tranh chống chủ nghĩa Đế quốc thực dân, vậy thì sẽ gọi tên cuộc chiến sắp tới là gì? Cho đến nay, có hai cuộc chiến đã xảy ra, một phía Nam và một phía Bắc VN. Vẫn chưa có một tên gọi thích đáng. Chúng vẫn chưa có một giấy khai sinh hợp lệ. Phải gọi đó là những cuộc chiến tranh gì? Cũng không ai nhắc tới nửa lời về lễ thắng thua của hai cuộc chiến ấy. Mọi chuyện được bung bít dấu nhem như thường lệ. Nói gian dối là cái lệ của người làm chính trị chẳng khác gì rỉ sét là cái đương nhiên của vỏ tàu biển. Nói gian dối riết rồi bị lộ, bị chìm chẳng khác gì rỉ sét lâu ngày đục vỡ sàn tàu.

Quân đội Khờ Me đổ bộ vào Nam Vang hôm 17 tháng 4, thì ngay ngày hôm sau đã chuyển quân về hướng biên giới VN. Và như đã trình bày ở trên, đã chiếm đảo Phú Quốc. Theo ông Phan Hiền thì sau đó, nhiều cuộc thương thuyết đã diễn ra từ tháng 4-1976, nhưng kết quả không đi tới đâu và hai bên đã ngưng mọi thương thuyết vào ngày 18-5-1976... Sang đến tháng 4-1977 thì tranh chấp giữa hai bên càng trở nên ác liệt. Các tỉnh biên giới của VN như Tây Ninh, Hà Tiên phải di tản dân chúng. Tây Ninh thì một phần dân chúng phải bỏ nhà, Hà Tiên đến ba chục ngàn người phải di tản đi nơi khác. Phóng viên Roland-Pierre Paringaux đã nhìn thấy hàng đồng thây người bị giết, bị cắt cổ ở các ruộng thuộc tỉnh Hà Tiên. Francois Nivolon cũng đã nhìn thấy những cảnh chém giết, đốt nhà tàn bạo như thế ở làng Mỹ Đức, cách biên giới Cam Pu Chia chỉ 4 km. Có gia đình cả bố mẹ, 4 anh chị em đều bị giết, trừ một người con gái sống sót kể lại như một nhân chứng. Sau này, Ông Ngô Diên tố cáo có cố vấn Trung Quốc trong các binh đội quân Khờ me đỏ. Phải chăng, đằng sau Pol Pot là kẻ thù cố cựu của VN? Thật vậy, do sự xúi dục của Bắc kinh, chính quyền Căm bốt mới dám gây chiến tranh biên giới với Việt Nam và cắt đứt quan hệ ngoại giao với ta ngày 31-12-1977.

Ông Trần Văn An, một cán bộ tỉnh, cho biết từ 1975, tại tỉnh Tây Ninh, tỉnh giáp ranh với Cam bốt, có một 1090 thường dân bị giết do quân đội Pol Pot gây ra. 70.000 dân chúng phải dời bỏ ruộng vườn đi nơi khác. 15000 mẫu hoa màu bỏ không canh tác. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là những con số đưa ra, sự thẩm định độ chính xác cần được đề cập.

Trong một tài liệu sau này VN thu nhật được cho thấy Pol Pot coi cuộc đối đầu giữa Cambốt và VN là một đối đầu giữa Sống hoặc Chết. Sự thù ghét của Pol Pốt đã rõ ràng và minh bạch trong cuốn *Sách đen* ghi nhận: " *Dân tộc Cam Bốt nuôi một mối hận quốc gia đối với Việt Nam, một kẻ hiếu chiến đi xâm lược, nuốt chửng đất đai của Cambốt. Người Cam Bốt biết rõ ràng tính xảo trá, mưu mô quỷ quyệt và giả hình của VN. VN hành động như một Hitler đối với Cambốt một cách man rợ và Phát xít. Chúng ta phải bằng mọi cách giết người VN, một đối 30.*"

Cũng sau này, trên mặt báo Le Figaro đã cho chạy một hàng tit lớn, phóng viên Yves-Guy Berges xác nhận: « Hà nội đang tiến hành một cách khoa học một cuộc diệt chủng lớn nhất trong lịch sử » (Hanoi procède scientifiquement au plus grand génocide de l'histoire). Điều này xem ra có vẻ không đúng sự thật. Le Figaro tỏ ra thiếu ngay thẳng và trung thực. Hà nội đã không đến mỗi ngu đại như thế, vì họ có cách xử lý khôn ngoan và khéo léo hơn. Nhưng mặc dù Pol pot gây hấn trước đã mang quân sang chiếm đóng Phú Quốc, việc VN mang quân sang chiếm đóng Campuchia đã bị cộng đồng thế giới lên án khiến uy tín ngoại giao của VN bị suy giảm, nhất là đối với các nước Đông Nam Á. Về phía người Mỹ, Ngoại trưởng Mỹ Cyrus Vance nói : "*Các cuộc nói chuyện Mỹ-Việt Nam về bình thường hoá đã tan vỡ do cuộc xâm lược Cam pu chia của Việt Nam.*"

Ông Trần Quang Cơ, nguyên thứ trưởng ngoại giao CHXHCNVN, trong Hồi ức và Suy nghĩ đã đặt câu hỏi : " *Việc ta từ chối bình thường hóa quan hệ không điều kiện của Mỹ, làm cao trước việc Asean ngỡ ý muốn VN tham gia tổ chức khu vực này, theo tôi, đã đưa lại những hệ quả vô cùng tai hại cho nhân dân và đất nước. Liệu Trung Quốc có dám tiếp tay cho bọn diệt chủng Pol Pot khiêu khích ta và dám đánh ta năm 1979 nếu như VN sau chiến thắng 1975 có một chiến lược * thêm bạn bớt thù* thực sự cầu thị hơn không?*"

Ngày 5-5-1975, Thông cáo của tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn.

Sau tiếng hát của TCS trên đài phát thanh Sài Gòn, dấu hiệu thứ hai đón tiếp chính quyền mới là vị đại diện của Thiên Chúa giáo.

Chưa đầy một tuần sau ngày Giải phóng, TGM Nguyễn văn Bình gửi tâm thư kêu gọi giáo dân phải hòa mình vào nhịp sống mới, nỗ lực đón nhận trong tinh thần hoà hợp, hòa giải dân tộc. Lá thư có đoạn như sau: " *Một trang sử mới đã mở ra cho dân tộc VN.. Đây là một niềm vui chung của cả dân tộc, và với cái nhìn theo đức tin của người tín hữu, đây cũng chính là một hồng ân của Thiên Chúa.. Hơn mọi lúc, giờ đây người công giáo phải hoà mình vào nhịp sống của toàn dân, đi sâu vào lòng dân tộc.. người công giáo chúng ta phải phải sẵn sàng thi hành một cách tích cực mọi nghĩa vụ công dân do Chính phủ cách mạng lâm thời chỉ dẫn.*"

Nội trong năm 1975, có cả thấy ba lá thư chung như thế. 12 tháng 6 một lá thư hai và nhân dịp Hội nghị Hiệp thương thống nhất tổ quốc diễn ra tại TP Sài Gòn, một lá thư ba mà nội dung nhằm thứ nhất trấn an người TCG, linh mục, tu sĩ trong toàn địa phận. Thứ hai bảo đảm với chính quyền CM về sự sẵn sàng hợp tác trong hoàn cảnh mới. Theo tinh thần hiến chế: *Gaudium et Spes. Anh em ơi, hãy vui mừng.* Một vài Kitô giáo trí thức cấp tiến như Nguyễn Ngọc Lan đã dùng thánh kinh để gọi Ngày Giải Phóng: đó là tin mừng cứu độ đã được gửi đến.

Bảo hãy đừng sợ thì còn nghe được. Bảo hãy vui mừng thì quả thực không dễ.

Một số khác thì tỏ ra lo ngại về đường lối hòa giải của Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình. Sài Gòn có khoảng 600 linh mục, trong đó có hơn 100 vị đã du học nước ngoài và 2000 tu sĩ phần đông khép mình dưới sự chỉ đạo của đức cha Bình. Tất cả những cơ sở trường tư thực TCG như đại học, đại chủng viện như cơ sở dòng Tên, Dòng Công, Chúa Cứu thế, học viện thánh Piô 10, Đà Lạt, các cơ sở thương mại như nhà in Nguyễn Bá Tông, trại gà Đà Lạt, thương xá Eden, nhà sách, cơ sở nhà in Tân Định đều phải giao nộp cho chính quyền mới. Theo Georg Evers, Missio 2003, CHLB Đức trong bài *Tình trạng nhân quyền tại CHXHCNVN, tự do tôn giáo*, bản dịch Việt ngữ của *Liên Đoàn công giáo Việt Nam tại Đức* thì Giáo Hội miền Nam có 226 trường trung học, 1030 trường tiểu học. Ngoài ra theo *niên giám 2004*, vào năm 1962-1963, giáo hội TCG miền Nam có 58 cô nhi viện nuôi hơn 6000 trẻ em, 48 bệnh viện, 35 viện

dưỡng lão, 8 trại phong và 159 phòng phát thuốc phát thuốc cho khoảng gần 2 triệu lượt người. Tất cả đều bị trưng thu, nộp cho nhà nước.

Sự chọn lựa của Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình đã hẳn không phải dễ. Một tháng trước ngày qua đời, phóng viên Hải Nam, tức Trương Bá Cần, báo CGVDT đã phỏng vấn cụ trong 20 năm “sống phúc âm giữa lòng Dân tộc”, cụ là người đứng đầu CGVN, xin cụ cho biết cảm tưởng của cụ trong 20 năm qua sống dưới chế độ VNDCCH, cụ còn thấy sợ không. Trả lời “vẫn còn sợ” và cụ nói tiếp: *"Đời con người giống như một cuộc leo núi. 50 năm đầu là thời gian leo núi và những năm còn lại sau này là xuống núi. Khi leo lên núi thì thời gian kéo dài và khó khăn, còn khi xuống núi thì dễ dàng và nhanh hơn. Nhưng với tôi, 20 năm qua, cảm tưởng sâu đậm của tôi là đã phải sống một thời gian dài nhất của đời người"*.

Sau này, tác giả Tuệ Không, trong một bài viết vào 10-5-1995, cho rằng tất cả bài phỏng vấn trên là ngụy tạo của Ủy Ban Tôn giáo chính phủ dựng đứng lên. Toà TGM Sài Gòn cũng xác nhận cụ Nguyễn Văn Bình đã quá suy yếu, kiệt sức để có thể trả lời một bài phỏng vấn như thế. Bài phỏng vấn từ câu hỏi đến câu trả lời là của ông Trương Bá Cần dàn dựng viết ra. Ông có đưa tới trình Đức Cha vẫn đang đau yếu, chỉ đọc mấy câu, câu được, câu mất và yêu cầu đừng đăng. Nhưng ông Trương Bá cần đã viện cớ là bài đã lên chữ rồi, ở nhà in, để rồi xin cứ đăng. Theo tôi, có lẽ tâm trạng và lòng mong ước của cụ Giám Mục Bình thể hiện rõ nhất trong câu trả lời lúc 80 tuổi của báo Iregno Attualita, đăng lại trên Église d' Asie là: *"Lúc này đức cha ước vọng gì nhất. Trả lời: Sau những biến cố Đông Âu, tôi hy vọng mọi sự sẽ tiến triển tốt đẹp."* Phía Phật Giáo, cả hai vị lãnh đạo của hai khối đều không có tiếng nói. Thượng toạ Thích Tâm Châu chọn lựa ra đi như nhiều người. Thượng toạ Trí Quang thì tịnh khẩu suốt hơn 30 năm nay. Phật tử như rắn không đầu. Người cần lên tiếng và đáng nhẽ phải lên tiếng là TT Trí Quang. Còn ai uy tín hơn ông trong lúc này, người đã từng được nước Mỹ qua phóng viên James Wilde và Frank Mc Culloch trên tờ Time mệnh danh *"politician from the pagoda"* hay *"a most extraordinary man"* (người phi thường nhất). Tôi chỉ muốn đổi một vài chữ như sau. Trước 1975, ông là một politician outside the pagoda và sau 1975, một politician inside the pagoda.

Nhưng ông Diệm, ông Thiệu không còn, Thượng toạ Trí Quang không có giá nữa. Ông chỉ có thể là * người của thời cuộc* dưới một chế độ kiểu ông Diệm, ông Thiệu mà thôi. Trong suốt hơn 30 năm quy ẩn và ngòai dịch rất nhiều kinh sách, ông chỉ làm được một thứ chính trị inside the pagoda, một điều hữu ích cho chính ông và cho những kẻ thù của ông ở bất cứ phía nào. Đó là: Ta bảo cho các người hay, ta không bao giờ là người Cộng Sản như các người nghĩ, nhưng ta là nhà tu thật trong chế độ Cộng Sản. Và TGM Bình thì có thể nói: Ta bảo cho các người hay, có người chê ta ba phải. Nhưng trước sau, ta là nhà tu thật dưới thời ông Diệm, ông Thiệu. Nhưng ta trở thành nhà chính trị bất đắc dĩ dưới thời Cộng Sản.

Và có lẽ, tôi thích nhất câu nói để đời sau đây của nhà tu thật: *"Nó giết mình hôm trước, hôm sau nó đem vòng hoa đến phúng điếu mình."*

Có lẽ chính nhờ hiểu cái lẽ quyền biến của câu trên đã giúp ông không phải nhận một vòng hoa phúng điếu.

Sau 1975, chúng ta có chủ nghĩa CS và có thêm **chủ nghĩa bất đắc dĩ**. Bất đắc dĩ để Thượng toạ Trí Quang phải quy ẩn trong chùa và bất đắc dĩ, Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình phải làm chính trị. Kẻ làm chính trị phải đi tu và kẻ đi tu phải làm chính trị.

Và cả miền Nam đều làm những công việc bất đắc dĩ như thế.

Ngày 6 tháng 5-1975, bộ mặt thứ hai của Sài Gòn sau Giải Phóng

Bộ mặt thứ nhất là **những tiên tri giả** ở trên, bộ mặt thứ hai là những người **buôn bán giả**. Chỉ sau một tuần, cái điểm nổi bật của một thành phố chết vừa mới trở dậy là sự xuất hiện rất nhiều những người buôn bán lẻ. Họ ngòai dọc theo các đường, từ đầu phố hay đầu con hẻm. Bán đủ thứ và mua cũng đủ thứ.

Người buôn bán phần đông là những người chưa bao giờ buôn bán. Đây là lần đầu họ làm nghề buôn bán bất đắc dĩ. Sự buôn bán này là một bài toán trắc nghiệm người chủ mới trong thế chờ đợi thời thế, nghe ngóng động tĩnh.

Nghĩ đến hoàn cảnh bất đắc dĩ của cả miền Nam, xin mượn lời hát của TCS:

Hãy sống dùm tôi

Hãy nói dùm tôi

Hãy thờ dùm tôi...

Nhiều người không muốn sống, không muốn thờ và đã hẳn không muốn nói nữa.

Cuộc truy diệt văn hóa, sách vở miền Nam.

Người ta kể trường hợp ông NL, một cán bộ vào tiếp thu văn hoá miền Nam có dịp đọc cuốn Loan Mất Nhung của nhà văn Nguyễn Thụy Long. Ông thích cuốn sách đó, mang về Bắc trình ông Tố Hữu. Ông TH đọc xong nói: "*miền Bắc đã không thể có người viết văn như thế này ..*"

Vậy mà lần đầu tiên người dân Sài Gòn phải đốt sách vở.

Nhà văn Bùi Ngọc Tấn trong cuốn viết về Bè Bạn cũng đã từng trải nghiệm việc phân thư như thế ở ngoài Bắc: *« thế là tất cả các thư từ đều được đem ra đốt. Dưới bếp nhà anh chị tôi, vắng vẻ. Tôi nhớ là mùa nắng hanh. Những bức thư bắt lửa. Đây mới thật là lễ Hiến tế.. Tôi đưa từng lá thư vào lửa. Khuôn mặt của những người bạn hiện ra trong ngọn lửa lem lem. Tôi và Nguyễn Bình cùng im lặng. Không ai nói một lời trong suốt lễ hóa vàng. Không cả tiếng thờ dài nữa. »*

Trong cuộc truy lùng sách vở Ngụy, bị đánh giá đòi truy và phản động này, thì ông LM Trương Bá Cẩn, nguyên giáo sư sử học, hay Trần Bá Cường tỏ ra biết lợi dụng thời cơ nhất. Trần Bá Cường đã yêu cầu địa phận, nhà xứ, nhà in nộp tất cả tài liệu ấn phẩm tôn giáo. Từ đó cho người sàng lọc tài liệu nào không cần thì đem bán ki lô, tài liệu nào xử dụng được hay có giá trị lịch sử thì ông cất giữ cho riêng mình. Người viết bài này biết rằng riêng địa phận Sài Gòn và nhà in Tân Định còn tàng trữ rất nhiều tài liệu quý giá từ thời Pháp thuộc. Các văn kiện liên quan đến tòa thánh, các phúc trình địa phận, các thư từ giao dịch của các vị giám mục tiền nhiệm, các sắc chỉ, bài sai, các sách cũ quý và hiếm không đâu có, các sách đạo như kinh bản, hạnh thánh, báo chí như tờ Nam Kỳ địa phận trong suốt hơn 40 năm... Không biết ông Cường đã cướp được những tài liệu gì và cất giữ ở đâu. Điều chắc chắn là cả một di sản văn hóa tinh thần có giá trị lịch sử đạo TCG bỗng chốc trở thành tiêu ma.

Sau này, cái tội đối với lịch sử đó, mình ông gánh vác lấy.

Trách chính quyền CS truy diệt văn hóa miền Nam đã là một lễ, ngay một số nhà văn miền Bắc cũng có cái nhìn khinh miệt, đánh giá thấp văn học cùng văn nghệ sĩ miền Nam, dù đã sau nhiều thập niên. Trong truyện ngắn *Rửa tay gác kiếm* xuất bản vào năm 2002 mới đây, ta còn đọc được những đoạn văn như sau của Bảo Ninh: *"Chỉ mỗi mình Tú, một tay một sách, nguyên sinh viên trường Tổng Hợp là không ngại rúc vào đó, ngụp lặn lục tìm trong bụi tha về phòng một bao tải nặng chịch những cuốn tiểu thuyết chưa bị mối xông. Nhưng tất cả đều rất một nòi thối tha mục nát văn chương chống Cộng, chữ nghĩa tối tăm, mờ ám, nội dung láo toét, ít ai kiên nhẫn đọc nổi quá nửa trang, chất giấy lại không hợp để vắn thuốc và khổ thì quá nhỏ để gói bọc một thứ gì, thành thử đóng sách của Tú chẳng mấy ai buồn ngó, dù rằng nó cứ vơi đi. Người ta thấy các mẫu vụn của những Chu Tử, Xuân Vũ, những gì đó nửa quanh chỗ dựng điều cày và trong nhà bếp, trong nhà cầu..."*

Họ đã cố hủy diệt văn học miền Nam mặc dù đã không hiểu gì về Văn học ấy. Càng không hiểu được sức sáng tác từ tinh thần tự do sáng tạo của các nhà văn miền Nam cũng như hệ thống tự do xuất bản so với miền Bắc. Bình Nguyên Lộc viết 820 truyện ngắn vào năm 1966. Đến 1975, số lượng đã hẳn trên 1000 truyện. Truyện dài của ông gần 100 cuốn. Nhà văn Duyên Anh có khoảng 60 tác phẩm. Phạm Duy đã sáng tác gần 1000 bản nhạc đủ loại. Hay có, dở cũng có. Trịnh Công Sơn trên 600 bài, nhiều bài thuộc loại nhạc vượt thời gian đi vào bất tử cả từ lời ca đến nhạc điệu. Chỉ xét về lượng sách xuất bản, có nhà văn nào ở miền Bắc có thể so sánh bằng ?

Nguyễn Tuân, nhà văn hàng đầu miền Bắc, trước tiên chiến có 10 tác phẩm nổi tiếng như *Vang bóng một thời*, *Tàn đèn dầu lạc*, từ 45-75 có 10 tác phẩm đều tầm thường như *Hà nội Ta Đánh Mỹ giỏi...* Những Tô Hoài, ngoài một vài cuốn ký, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyên Hồng, Vũ Ngọc Phan, nhất là Nam Cao đã viết được gì ?

Văn Cao bắt hủ thời tiền chiến nay để lại được gì ? Có bằng số lượng 2% phần trăm so với Trịnh Công Sơn? Có đi được nhiều thế hệ tuổi trẻ như Trịnh Công Sơn ? Hay như Huy Cận với những bài *Cướp súng giặc*, *Giết giặc*, *Tặng gia sản xuất*, hoặc Lưu Trọng Lư với *Cái mũ nôi*, *Tươi đẹp mâu cờ*. Nhà văn Thanh Tịnh với *Bài trừ hàng xa xỉ phẩm*, *Chống tư tưởng sợ Mỹ...*

Xin trích dẫn nhà thơ Lưu Trọng Lư nổi tiếng với Lá Thu Vàng để chúng ta có dịp ngậm ngùi:

Đưa nào rẽ thùy chia yên.

Bắn cho nổ con người, lòì con mắt

Chặn bàn tay, trói giết bàn tay.

Và đây là thi sĩ Tô Hữu, nhà thi sĩ đứng thứ nhì ở miền Bắc:

Thăm lăm anh à lũ ác ôn

Giết cả trăm người trong một sáng

Máu tươi lênh láng đỏ đường thôn

Có những ông già nó khảo tra

Chẳng khai, nó chém giữa sân nhà

Có chị gần sinh không chịu nhục

Lấy vồ nó đập thai ra

Có em nhỏ nghịch ra xem giặc

Nó bắt vô vườn, trói gốc cau

Nó đốt, nó cười.. em nhỏ hét:

Má ơi nóng quá, cứu con ra.

Ngày 15 tháng 5-1975, giáo chức được lệnh phải trình diện tại Bộ Giáo Dục.

Một trong những sai lầm của chế độ mới là để giáo sư cũ đi dạy trở lại.

Bởi vì, tất cả không trừ một người, đều không đủ tư cách làm một thầy giáo trong chế độ mới. Không phải chỉ đi học hai ba tuần lễ chính trị đã đủ để biến họ thành một giáo viên của mái trường xã hội chủ nghĩa. Việc dạy và học trở thành một màn kịch lừa đảo, tráo trở và ngô nghê. Thầy đóng kịch còn trò mất tin tưởng. Con người sống bất đắc dĩ, sống hai mặt, nói một điều nghĩ một điều. Đi dạy mà sợ học trò, nhất là học trò lớp nhỏ. Đối với học trò lớn, để có sự thông cảm hơn. Không tin nhau thì còn dạy dỗ gì được. Cái tội tệ nhất của học đường không phải là thiếu trường sở, cơ sở vật chất, thầy giỏi, phương pháp giáo dục năng động, cho bằng sự mất niềm tin nơi giới trẻ đánh mất niềm tin ở thầy.

Chính trị hóa học đường là điều xúc phạm nhân phẩm thầy giáo.

Trong Nam, trước 30-4-1975 người thầy chưa hề bị xúc phạm như thế. Sau 30-4-1975, đi dạy học là một dần vật khổ sở đối với thầy vì cảm thấy mình hèn, không nhân cách. Mỗi ngày, ông thầy phải tranh đấu với chính mình, vật lộn với cái đầu của mình, phải tìm cách chiến thắng những tư tưởng bất đồng cứ ngo ngoe muốn ngóc đầu dậy để phản đối cái này cái kia. Có nhiều thứ để phản đối, để không đồng ý. Vai trò nhà văn, nhà giáo quả không xa nhau lắm ở chỗ biết nói sự thật. Xã hội phải tin vào người thầy và trả lại vai trò truyền đạt kiến thức và nhân phẩm.

Bộ mặt thứ ba của Sài Gòn sau Giải Phóng: bộ mặt của kẻ chiến thắng?

Có cuộc diễn binh ăn mừng chiến thắng. Chiến thắng gì, ai chiến thắng ai? Đã nói rằng cuộc chiến này không có người thắng, kẻ thua. Vậy ăn mừng chiến thắng là bị mặt đối với người Sài Gòn. Người Sài Gòn muốn quên, còn họ muốn nhớ. Họ muốn phô trương sức mạnh, họ muốn người Sài Gòn nhìn nhận thua cuộc. Họ muốn xác nhận một điều không cần xác nhận nữa. Và mỗi năm, họ tái diễn lại cảnh này.

Tôi tự hỏi khi thống nhất nước Đức thì dân chúng Tây Đức ứng xử thế nào, nhà cầm quyền Tây Đức đã hành xử ra sao? Đã bắt đi học tập? Đã đầy đi kinh tế mới? Đã tịch thu tài sản, nhà cửa dân Đông Đức? Đã truy diệt đốt phá sách vở bên Đông Đức? Đã bắt các nhà văn, nhà báo Đông Đức vào tù? Đã dựng nên những bức tường ô nhục? Đã gọi dân quân Đông Đức là bọn Ngụy, bọn phản động? Đã xua đuổi người ta ra biển? Đã có bao nhiêu người dân Đông Đức phải trốn ra khỏi nước họ? Và một câu hỏi chót: Dân Tây Đức đã hy sinh bỏ ra bao nhiêu tỉ để thực hiện việc thống nhất nước Đức?

Các anh em đồng bào, những thanh niên trí thức từng du học, từng đi làm bên các nước Đông Âu, hãy làm nhân chứng viết lên điều này. Các anh đã thấy gì, nghĩ gì và so sánh gì khi nghĩ tới hoàn cảnh thống nhất đất nước sau 1975 so với nước Đức?

Bài học thống nhất nước Đức là bài học lớn mà người CS khi nhìn lại đã không học được, chỉ vì việc thống nhất này xảy ra sau 1975. Nhưng ngay cho dù xảy ra trước 1975, vị tất đã học được gì? Bằng chứng là sự tan rã chế độ CS Đông Âu, nào họ đã rút ra được bài học gì? Bộ mặt thứ ba này cho thấy một điều: Họ luôn luôn cư xử với người Sài Gòn như kẻ thắng cuộc, như kẻ đô hộ với người bị trị. Đó là một thứ thực dân kiểu mới.

Người ta thấy trên đường phố diễn hành những đại bác 130 ly của Sô Viết, hoả tiễn Sam 2 Sô Viết xuất phát từ Thủ Đô Hà nội. Một lần nữa xác quyết rằng, đây là thành quả chiến thắng của Hà nội chứ không của một ai khác. Một thành quả mà Hà nội đã trả một giá không rẻ. Trong Les gens de la C.I.A, 1980, Guérin đã cho biết một cán bộ CS ở Bình Dương, vào năm 1963-1965, nhóm của ông này có cả thầy 75 người, đến ngày giải phóng, chỉ còn mình ông sống sót. "Des soixante-quinze membres des années 1963-1965, je suis le seul survivant". Dương Thu Hương nhắc lại số học sinh trong 4 lớp Trung Học cùng thời với bà, sau chiến tranh, chỉ có hai người sống sót trở về.

Đó là cảnh mà một thi sĩ Trung Hoa đã ngao ngán viết: " *Nơi vó ngựa chiến đi qua, mười năm sau, cỏ chưa mọc và gió thổi còn mang mùi máu..*"

Đó cũng là cảnh mà một chuyên gia người Mỹ, ông Keith Weller Taylor đã ngạc nhiên nhận xét về sức sống của người VN: *Những chuyên gia về sự tồn tại.*

Cảnh đó cũng được quay chiếu thành film: We were soldiers. (Chúng ta đều là những người lính). Ở nơi đó, vị trung tá chỉ huy trước cảnh hoang địa với sự hy sinh của hơn 2 phần 3 đồng đội chỉ còn mỗi một điều an ủi: « **Cuối cùng thì những kẻ còn lại vẫn là những người chiến thắng** ».

27-5-1975, bộ mặt thứ tư của Sài Gòn sau Ngày Giải Phóng: Sự sợ hãi.

Đài phát thanh thành phố ra lệnh phải thu nộp tất cả các sách vở, báo chí, phim ảnh, tài liệu in ấn trước ngày 30 tháng tư được coi là đòi truy? Chỉ một lệnh này thôi đủ làm dân thành phố đau ruột. Nhà nào chả có sách vở, nhà nào mà chả có chữ nghĩa.

Hình như chế độ tạo cho mọi người dân "mặc cảm tội lỗi" đến làm gì cũng sợ. Làm việc gì, nói điều gì, phát biểu điều gì cũng phải dòm trước, dòm sau, uốn lười bảy lần mới nói. Cái tâm trạng đó biến nhân cách con người thành thiếu trung thực, nghĩ một đằng làm một nẻo. Sống như thế kẻ là đáng buồn. Sợ bóng, sợ gió, sợ đủ thứ. Trước đây còn trẻ sợ ma, sợ người chết, nay bắt đầu sợ người sống. Nhất là sợ chế độ.

Chế độ mới quản lý con người bằng cách đẩy họ đến tâm trạng sợ hãi bằng cảnh cáo, bằng hù dọa, bằng học tập, bằng lý lịch, bằng bản tự kiểm mà biểu tượng là các vị công an phường khóm với những hình thức chế tài, kiểm soát, chế độ xin cho.

Như ở BaLan, 65% dân chúng có hồ sơ của mật vụ Ba Lan. Thế thì sống luôn luôn trong sự sợ hãi và bất an thường trực. Thân phận lưu đầy ở đây là cảm thức mình là kẻ tội phạm. Cảm

thức này phải sống trong lòng chế độ mới biết được. Mới đây, tôi về VN, ra Hà nội, đến các khu vực *cắm thành* dọc theo đường Hoàng Diệu, khu Ba Đình, tự nhiên cảm giác bất an, lo sợ tự nhiên dấy lên trong tôi. Sau 30 năm trở lại, tưởng nó chết rồi, nó còn đó trong vô thức góc đầu trở lại. Tôi vội vã rời khỏi khu vực đó..

Đó là một thứ phong kiến kiểu Cộng Sản.

Cái khốn khổ dần vật con người không phải là đã phạm tội gì mà vận dụng hết cách như trí nhớ, sự khôn ngoan, trí thông minh nghĩ ra, tưởng tượng ra tội phạm.

Cái cảm nghiệm này đối với những người theo đạo TCG thật sự không xa lạ gì. Khi còn nhỏ tuổi, người theo đạo TCG cũng thường rơi vào mặc cảm mình lúc nào cũng tội lỗi, một ngày ít lắm cũng phạm tội đến 7 lần. Trẻ con mà có tội gì ? Vậy mà mỗi tuần mỗi xưng tội. Mỗi tuần ngồi thần ra để để ra tội, để càng nhiều càng tốt. Có gì khác nhau giữa người Thiên Chúa Giáo và người Cộng Sản ?

Người miền Nam sinh ra nòng vực, cái gì cũng có cảm giác mình bị lừa.

Chủ nhật 1-6-1975, quân bài mặt chược cũng biết đóng kịch và người tử tế không còn nữa.

Đã một tháng trôi qua, đã có rất nhiều thay đổi. Mọi người đều cố gắng vận dụng khả năng thích ứng, sao cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Thật cũng không dễ dàng gì. Trước 1975, tôi có thú giải trí xoa mặt chược cuối tuần. Đã một tháng hầu như quên lãng. Nay chợt nhớ lại. Thời gian như đã từ lâu chưa chơi lần nào.

Lần đầu tiên, tôi lén lút đi xoa mặt chược cho đỡ ghiền. Nhưng 160 quân bài mặt chược nay cũng phải mặc thêm bộ áo che chắn như người để khỏi gây ra tiếng động khi xoa bài. Chủ nhà đã nghĩ ra được sáng kiến đến lạ. Ông tốn kém đi mua một lớp sảm xe đạp, cắt ra thành từng khúc vuông nhỏ, rộng nửa đốt ngón tay, rồi quần ngoài quân mặt chược. Vì thế quân bài xoa va vào nhau không phát ra tiếng kêu, tránh cho hàng xóm khỏi nghe thấy. Nhưng từ nay, mỗi lần đánh quân bài ra, nó nháy từng từng đến là buồn cười. Không ngờ, nó đóng kịch cũng hay. Đi ra đi vô phải ra lần lượt từng người một để tránh sự dòm ngó của người chung quanh. Niềm vui nho nhỏ, giải trí cũng đã sứt sẹo, mất vui.

Trên đường về nhà, từ chỗ đánh mặt chược ở khu Hàng Xanh, nhất là vùng Thị Nghè, đường Nguyễn Huệ, bờ sông Sài Gòn, người ta bán đủ thứ do ăn cắp, hôi của từ các kho hàng, các hãng xưởng. Có thể tìm thấy đủ thứ ở các nơi đó. Nạn con buôn chạy hàng, manh múm, nạn chợ đen, giá cả mỗi nơi mỗi khác thay đổi từng ngày. Hàng thùng thuốc lá của các hãng Bastos, hãng thuốc lá M.I.C, Thùng bia của hãng B.G.I. được đem ra bán. Xăng được bán lẻ từng chai ở mọi chỗ với cái chai không được bày ra đường làm dấu hiệu. Xăng này do bộ đội bán ra, vì các cây xăng bị đóng cửa. Giá cả từ 1000 đồng đến 2000 đồng một chai.

Sau này, tôi cũng nhập vào dòng chảy buôn bán xuôi ngược này. Nhiều nguồn, nhiều cách buôn lăm. Tôi mua lại những chai thuốc viên Aspirine từ Hà Nội mang vào. Mua cả lọ hàng 2, 3 chục ngàn viên. Tôi đem đến bán cho một hai cơ sở bào chế.. Họ ghiền, tán thuốc Aspirine Hà nội rồi cho máy chạy ép ra thuốc Aspro trong Nam, có vỉ nhựa bọc. Viên thuốc cứng nhắc, trình bày đẹp, in ấn đẹp, viên thuốc không mềm nhũn như thuốc Hà nội mà giá đắt gấp 3,4 lần hơn. Chưa biết là có pha thêm bột không ? Bào chế xong, tôi lại đến mua lại cho một số hiệu thuốc quen và bán lại cho những người bán lẻ, có thể họ bán lại cho chính anh cán bộ đã bán Aspirine Hà nội.

Thật là một vòng xoay đến buồn cười. Thật ra đó chỉ là vấn đề thương hiệu, vấn đề tên nhãn thuốc.

Nói chung, mọi người từ trong Nam đến ngoài Bắc đều "có vẻ tin tưởng" vào những sản phẩm trong Nam hơn. Thuốc ngoài Bắc, người ta gọi là "thuốc rơm". Đây là lúc người ta so sánh nhiều thứ lăm. Ngoài Bắc thế này, trong Nam thế kia. Mà bao giờ kẻ thắng trận cũng thành kẻ thua

Tôi là người gốc Bắc, nhưng do sự tiếp xúc thường xuyên với người cán bộ, tôi cảm thấy tôi có chất Nam nhiều hơn chất Bắc. Chất Nam Kỳ làm tôi có cảm tưởng không giống chút nào với

những người mới vô nũa. Tôi khác họ. Trước đây, có thể có kỳ thị Nam Bắc. Nay có thể có kỳ thị Bắc-Bắc, Bắc 54 với Bắc 75.

Nếu cần tổng kết một tháng trôi qua thì phải nói đã ló dạng nạn buôn bán, mách mung, nạn chợ đen, tham nhũng, nạn chup giựt lừa đảo bắt đầu. Một xã hội đen, một xã hội bên lề đã thành hình. Đó cũng là đặc trưng của Sài Gòn sau 30 tháng tư. Có những người trước đây tử tế như thể nay sinh gian tham, mách mung, lừa đảo. Đã thấy xuất hiện những người tử tế không còn tử tế nữa. Người thật thà trở thành gian manh. Người ăn nói trung thực trở thành nói láo khoét. Con người sống trung thực bắt đầu biết đóng kịch. Chủ nghĩa bắt đắc dĩ đã sản sinh ra những người vợ trung chinh nay bắt đầu thay lòng đổi dạ. Học trò siêng năng trở thành lười biếng. Thanh niên ngưỡng vọng cao vời bắt đầu mất lý tưởng.

Đó là điều mà Dương Thu Hương cho là một nghịch lý: *"Một dân tộc dũng cảm biết bao trong chiến tranh và hèn mọn biết bao trong cuộc sống thời bình"*.

Chiến tranh đã cướp đi tất cả những gì là cao quý, trong sáng chỉ còn để lại bọn khôn ngoan cơ hội, bọn trục lợi, bọn ăn may theo trình tự : Trong chiến tranh, người trẻ chết trước người già, người nghèo cùng khổ bán máu chết thay cho bọn giàu có quyền, có chức. Người ít học chết thay cho bọn có học, chết thay cho bọn đầu cơ chính trị.

Người bắt đầu không ra người. Cái gì đã làm đổi thay cá tính con người như vậy. Những mách khéo lừa đảo đủ loại ra đời mà không sách vở nào dạy hết được. Chính bản thân tôi cũng bị lừa vài lần đến đau điếng. Tại sao xã hội lại thay đổi như vậy? Trước đây, cũng không thiếu tầng lớp người nghèo xác xơ, tại sao cảnh đó lại không xảy ra?

Ngày 1 tháng 6-1975: Trục xuất Khâm sứ Toà thánh và hủy bỏ việc bổ nhiệm GM Nguyễn Văn Thuận làm phó TGM.

Trong thời gian này, có xảy ra vụ trục xuất Khâm sứ Toà Thánh và phản đối việc bổ nhiệm GM Nguyễn Văn Thuận làm phó TGM có quyền thay thế. Việc trục xuất do sự phát động của một số 20 LM cấp tiến Triều và Dòng, trong đó có LM Thanh Lãng, giáo sư đại học Văn Khoa.

Ngoài Thanh Lãng còn phải kể đến Nguyễn Quang Lãm, Vương Đình Bích, Trương Bá Cần, Trần Viết Thọ, Nguyễn Văn Trinh, Phan Khắc Từ, Hoàng Kim, Nguyễn Thới Hòa, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Nghị, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Huỳnh Công Minh, Nguyễn Thiện Toàn, Đinh Bình Định. Nhiều tin đồn và dư luận xôn xao và đã có xáo trộn trong đám giáo dân. Một nhóm sinh viên căng biểu ngữ trước tòa TGM Sài Gòn vào ngày 13-5-1975 phản đối việc bổ nhiệm Đức cha Nguyễn Văn Thuận.

Theo như lời phỏng vấn ông Nguyễn Văn Hanh trên tờ Sài Gòn Giải Phóng thì: *"Do đó đã xảy ra xôn xao và xáo trộn, thậm chí có chết người trong cuộc xô xát đêm 3-6-1975, gần cầu Trương Minh Giảng"*. Phần LM Thanh Lãng, người cổ xúy cho việc này thì đã viết một bài: *"Tạm tổng kết vụ Giám Mục Nguyễn Văn Thuận"*. Nhân đó ông Nguyễn Văn Hanh đã không quên thừa dịp này đề cao LM Thanh Lãng: *"là nhà văn và là nghiên cứu có tiếng là trí thức và ôn hoà.."* Trong khi đó thì lại có một tiếng nói khác của LM Trần Du, đăng trên tờ Đứng Dậy, số 72, trang 46 như sau: *"Quyết định bắt Đức Giám Mục Nguyễn Văn Thuận rời Sài Gòn không thể thi hành được. Hai triệu dân công giáo không chấp nhận. Đức Giám Mục Nguyễn Văn Thuận không có quyền từ chức. Vậy thì chính quyền có thể giết Ngài, có thể giết cả tôi, có thể bỏ tù Ngài hay bỏ tù tôi.. Nhưng không thể tự ý trục xuất Đức Giám Mục Nguyễn Văn Thuận ra khỏi Sài Gòn"*.

Phần TGM Nguyễn Văn Bình trong một lá thư gửi LM, tu sĩ, giáo dân ngày 7-6-1975 đã xác định:

- Việc bổ nhiệm là hợp với nhu cầu mục vụ
- Chính tôi đã đồng ý hoàn toàn việc bổ nhiệm này.
- Mấy tổ chức mệnh danh công giáo chỉ là thiểu số.
- Những tội danh gán buộc cho Đức khâm sứ Henri Lemaître và Đức TGM Nguyễn Văn Thuận hoàn toàn thất thiệt.
- Chấm dứt các chiến dịch bôi nhọ, vu cáo.

- Chặn đứng các chiến dịch vận động phi pháp trục xuất TGM Nguyễn Văn Thuận.
Bất chấp kháng thư của TGM Nguyễn Văn Bình, hai tháng sau, ngày 15-8-1975, Ủy ban MTDTGTPHCM và Ủy ban quân quản trình bày vụ TGM Nguyễn Văn Thuận tại Nhà hát thành phố (trụ sở Hạ Nghị Viện cũ), ông Phó chủ tịch Mai Chí Thọ tuyên bố: " đưa giám mục Nguyễn Văn Thuận về lại Nhatrang, vì Giám Mục Thuận được chuyển đến Sài Gòn không phù hợp với tình hình mới." Cũng trong ngày ấy, tức 15-8, Ủy Ban quân quản mời ĐC Bình và Thuận đến "làm việc" tại dinh Thống Nhất (dinh Độc lập), giữ cha Thuận lại, đưa xe buýt bùng chở đi câu lưu tại Cây Vông, thuộc tỉnh Khánh Hoà, sau đó chuyển ra Bắc, bị tù 13 năm, trong đó có 9 năm biệt giam, cho tới ngày 23-11-1988.

Xin ghi lại đây mấy dòng nhật ký của TGM Nguyễn Văn Thuận: " Ngày 1 tháng 12, năm 1976, lúc 9 giờ tối, bất thành linh, tôi bị gọi đi cùng với vài tù nhân khác. Chúng tôi bị xích người này với người kia từng hai người một và được đẩy lên xe cam nhông.. Chúng tôi bị đưa lên tàu, chở ra miền Bắc- một cuộc hải hành dài 1700 cây số. Dĩ nhiên trong điều kiện như một đàn súc vật người chen chúc, thiếu ánh sáng, thức ăn và không khí, nhưng đầy ắp những tiếng uất ức nói không nên lời. Trong 9 năm biệt giam cơ cực, có lúc tôi bị giam trong một xà lim không có cửa sổ. Có khi đèn điện bật sáng từ ngày này qua ngày khác. Trong thời gian, tôi bị biệt giam, tôi được giao cho 5 người canh gác. Họ thay phiên nhau luôn luôn có hai người ở với tôi... Khi tôi bị quản thúc tại làng Giang Xá, cách Hà Nội khoảng 20 cây số, người canh giữ tôi là một tín hữu công giáo."

Vụ việc này xảy ra chỉ không đầy hai tháng sau khi "chỉ thị của Thủ Tướng Chính phủ về các hoạt động tôn giáo"

Thứ bảy, 7-6-1975, thân phận một nữ sinh viên tranh đấu trước 75.

Trong giới sv, nhiều người biết đến Cao thị Quế Hương như một người tranh đấu điển hình, nhất là trong giới Phật tử. Cuộc biểu tình, tuyệt thực nào mà không có cô. Ra tù, ra khám như chơi. Nổi tiếng tranh đấu như thế, chắc hẳn vào tù không khỏi bị các quản ngục làm nhục cách này, cách khác. Báo chí nhắc đến cô với ngưỡng phục vì lòng can đảm, vì nhiệt tình hăng say. Vào những giờ phút chót của VNCH thì cô vẫn đang ngồi tù ở Biên Hòa. Ở một nơi nào, trong một trại giam biệt lập, mà ít người biết.

Hôm nay, cô Cao Thị Quế Hương từ Đà Lạt về mỗi năm để làm giỗ cho anh Nguyễn Ngọc Phương và để gặp lại bạn bè tranh đấu thời trước. Cao thị Quế Hương là một khuôn mặt nổi bật trong giới SV tranh đấu trước 1975. Nhắc lại cái thời kỳ ấy, có một số các bà, đặc biệt có chị Yến và một bà người Tàu chuyên nấu bếp ở chùa Ấn Quang. Họ thường tổ chức nấu ăn, tiếp tế tương chao cho tù nhân ở nhà giam Tân Hiệp Biên Hoà. Đám giỗ Phương đã được tổ chức ở Tịnh xá Ngọc Phương của cố ni sư trưởng Huỳnh Liên. Mỗi lần giỗ như thế thì có đồng các ni sư, ni cô và các bà Sài Gòn tụ tập lại. Lễ dĩ nhiên là thường ăn đồ chay.

Trong thời kỳ đó, toà án mặt trận vùng 3 chiến thuật xử lần thứ nhất tạm phóng thích khoảng 10 sinh viên, trong đó có cô Cao Thị Quế Hương, Nguyễn Ngọc Phương, tự Ba Triết, Dương Văn Đầy và Huỳnh Tấn Mẫm. Mẫm nguyên là chủ tịch Sinh Viên 1970, lãnh đạo thành đoàn Tòa xử lần 2. Mẫm và Đầy và một sinh viên được thả, số còn lại bị giữ cho đến ngày được trao trả. Trừ Nguyễn Ngọc Phương.

Cuối năm 1972, Nguyễn Ngọc Phương và một số tù Chí Hoà nhịn ăn để chống lại đại tá Vệ, giám đốc nhà tù Chí Hoà. Phương đuối sức, được đưa vào bệnh viện Sài Gòn. Đến đầu 1973, Phương chết. Sau này Lê Văn Nuôi, chủ tịch thành đoàn, chủ bút báo Tuổi Trẻ thường nhắc lại kỷ niệm về Phương: *Phương chưa kịp mừng Hiệp Định Hoà Bình ra đi thì đã mất.*

Đám ma Phương được nhiều dân biểu, nghị sĩ đối lập như các dân biểu Kiều Mộng Thu, Phan Xuân Huy, Hồ Ngọc Nhuận v.v.. đến nhà ở đường Cao Bá Nhạ phúng điếu. Sau đám tang Nguyễn Ngọc Phương, Cao Thị Quế Hương bị bắt lại và bị giam ở trại Chiêu Hồi Đức Tu Biên Hòa cho đến trước ngày giải phóng. Cao Thị Quế Hương trốn khỏi trại trước ngày giải phóng và ra ở nhà chị Dậu, một phụ nữ đấu tranh nổi tiếng ở Vũng Tàu, đến tháng 5-75 mới về lại Sài Gòn.

Cuộc đời của Cao Thị Quế Hương sau đó cũng chìm lìm vô danh như nhiều người khác. Cô về sống với mẹ ở Đà Lạt như một người quy ẩn. Nói quy ẩn cũng không đúng hẳn. Cô giữ chức chủ tịch Hội Liên Hiệp phụ nữ tỉnh Lâm Đồng, Đà Lạt.

Đó là những bóng người như những bóng đêm cam lạng nhường chỗ cho những bông mướp ra đời và sắp ra đời, tùy theo mỗi thời kỳ.. Thoạt đầu là những Trí thức yêu nước, sau này là trí thức hải ngoại tìm về vv..

Đến có thể nói một điều chua chát như thế này. Rất nhiều người đã "nổi" nhờ chế độ độc tài Nguyễn Văn Thiệu miền Nam như: Cao thị Quế Hương, Huỳnh Tấn Mẫm, Lý Quý Chung, Ngô Công Đức, Hồ Ngọc Nhuận, các quý vị đi theo MTGPMN. Sau giải phóng. Thay vì nổi thì họ chìm.

Sài Gòn của tin đồn thất thiệt.

Nay thành phố giới nghiêm từ 10 giờ tối. Dù không có giới nghiêm thì cũng không ai muốn ra khỏi nhà vào cái giờ ấy. Có nhiều tiếng nổ lớn ở phía Bắc thành phố vào lúc 3 giờ.. Có tiếng còi hụ của xe cứu hỏa, người ta đồn với nhau là tiếng nổ do Plastic gài vào xe của của bộ đội.

Cũng có hai bộ đội bị đâm chết ngay cạnh rạp ciné Mini-Rex, đường Lê Lợi. Nhiều người còn kháo với nhau có mảnh giấy ghim trên ngực người chết ghi "*chúng tôi không muốn cuộc cách Mạng của các ông*". Thật sự thì đã có ai nhìn thấy mảnh giấy ghim trên ngực đó không? Chắc là không. Chỉ đồn, chỉ bịa, chỉ tưởng tượng đủ thứ. Tôi không tin có mảnh giấy đó.

Mảnh giấy đó chỉ nằm trong đầu người ta mà thôi.

Thay vì nghe đài phát thanh thì nay dân chúng đã có « Radio Catinat », mỗi ngày phát thanh tin đồn thất thiệt hai mươi bốn trên hai mươi bốn.

Sài Gòn không có thông tin, nên nảy ra rất nhiều tin đồn để lấp chỗ trống đó. Càng cấm, tin đồn càng nhiều. Có những tin đồn đến hoang đường, đến không tưởng mà người ta vẫn kháo nhau cho là thật. Tin đồn được tung ra từ các đám người đám bốp thời cuộc, ngồi ở cà phê đầu đường tán dóc cho qua thì giờ.

Bà Ngô bá Thành trong một cuộc phỏng vấn đã nhận xét : "*Radio-Catinat là một lực lượng đáng kể ở thành phố Hồ Chí Minh.. Nó vượt qua dễ dàng những phương tiện truyền thông chính thức của chúng tôi*".

Hôm nay. Hôm nay là hôm nào? Hôm nào cũng được, miễn là ngày của chúng tôi. Một số đồng nghiệp trẻ tổ chức ăn với nhau tại nhà một cô giáo bên Khánh Hội.

Không khí đầm ấm, nhớ đời. Cuộc sống của chúng tôi chỉ có ý nghĩa thực sự ở những lúc này. Chúng tôi gần nhau hơn, chia sẻ nhiều hơn, mặc dầu bữa nhậu dù cố gắng lắm cũng rất đạm bạc. Ăn xong, một số các em nữ giáo viên trẻ đàn hát nhạc cũ. Hát nhỏ thôi. Hát lén thôi.

Nhưng chính ở chỗ hát lén mà nó đậm đà, mà nó cảm động. Ăn trộm, ăn vụng đã ngon, lần đầu tiên *hát lén* cũng thấy hay không thể chê được. Nhiều em gái, dơ dóm nước mắt. Chúng tôi chia tay, trong lòng ai cũng muốn có những bữa ăn như thế nữa.

Thứ ba, 10-6-1975, đại sứ Pháp Merillon ra đi.

Chuyến máy bay thứ ba ra nước ngoài chờ theo tất cả những nhà ngoại giao còn sót lại. Trong số này, có ông đại sứ Pháp Mérillon, nổi tiếng vào những câu chuyện giờ thứ 25 của Sài Gòn. Ông ôm gói ra đi trong một tình trạng bị đối xử thật tồi tệ đối với đại diện một cường quốc như nước Pháp. Hà Nội hình như muốn khép tất cả các cánh cửa ra ngoài. Với sự ra đi của ông đại sứ Pháp.. hầu như mọi liên lạc với thế giới tự bản bị cắt đứt. Hà nội hình như muốn đóng cửa để dễ làm việc, giải quyết những chuyện nội bộ cho xong. Sau này, tại hải ngoại đã có cuốn sách dựng đứng việc đại sứ Mérillon thương lượng với chính quyền giải phóng về một giải

pháp bị thất bại. Lại một chuyện hoang tưởng nữa, mắt công ông đại sứ viết bài báo cải chính cũng không xong.

Thứ năm, 12-6-1975, trình diện học tập cải tạo

Ngày đánh dấu một thay đổi lớn với tất cả những nhân viên, sĩ quan trong chế độ cũ. Giường máy chính trị chế độ bắt đầu chạy, bắt đầu xiết. Thông cáo cho hay, các sĩ quan và viên chức chính phủ cũ sẽ phải đi học tập cải tạo tối thiểu một tháng đối với Sĩ quan quân đội và cảnh sát ngụy, những người làm chính trị, dân biểu, bộ trưởng, nghị sĩ. Họ phải trình diện trong ngày mai và chỉ được mang theo quần áo mặc thay đổi và còn nói rõ mang theo 13610 đồng để trả tiền ăn trong một tháng.

Đối với các Hạ sĩ quan trở xuống, chỉ phải trình diện học tập ba ngày. Tờ Sài Gòn Giải Phóng giải thích: "*Họ có phần trách nhiệm của họ vì đã cầm súng đánh giặc cho kẻ thù, hoặc đã làm việc cho kẻ thù*".

Chắc nhiều người nay ở Hải ngoại đã hẳn không quên được cái ngày lịch sử này đối với đời sống còn lại của họ.

Tôi gọi đó là ngày mà chính quyền dựng lên một bức tường ô nhục phân biệt giữa kẻ thắng, người thua. Sau 30 tháng tù, nhiều bức tường ô nhục đã được dựng lên như thế.

Tiền nơi đây, xin trích dẫn những con số khác nhau về số những người đã phải đi học tập cải tạo. Dư luận dân chúng thì đưa ra con số là 80 vạn người tù học tập cải tạo. Năm 1976, P. de Beer đưa ra con số 200.000. J.Lacouture, vào tháng 5, 1976 đưa ra con số 300.000. Những người có khuynh hướng thân CS thì đưa ra những con số như sau: Tháng tư, 1978, Chanda cho có 50.000, tháng tư 1978. RP. Paringaux cũng 50.000. tháng 6, 1979, F. Nivolon, trên tờ Le Figaro, thiên tả, đưa ra con số 50.000.

Trong truyện đi học tập, có một số cựu viên chức miền Nam đã được miễn như các trường hợp kể sau đây: Trong *Hồi ký không tên*, Lý Quý Chung có ghi lại như sau, khi ông nhận được một phong bì giao tận tay: * *giao cho nguyên Tổng Trưởng Thông Tin, nguyên dân biểu đối lập ngụy quyền, Lý Quý Chung, thông báo được miễn học tập tập trung.* * Ký tên: Cao Đăng Chiếm. Phó chủ tịch Ủy Ban Quân Quản.

Khi nói rằng Lý Quý Chung được miễn học tập cải tạo tập trung thì có nghĩa là ông được miễn khỏi phải vào các trại tập trung như cô nhi viện Long Thành. Nhưng ông vẫn phải tham dự các khóa học tập tại chỗ, tổ chức nhiều nơi và nhiều ngày trong thành phố Sài Gòn lúc bấy giờ. Chẳng hạn, hơn một ngàn giáo sư trung học cả công cả tư trong thành phố cũng được miễn đi học tập tập trung. Nhưng họ vẫn phải tham dự các khóa học tập ngắn ngày trong thời gian liên tiếp ba tuần lễ.

Một trường hợp điển hình khác là ông Lý Chánh Trung, đã từng được đưa vào bưng để tiếp xúc với những lãnh đạo MTGPMN. Khi giải phóng xong, dù sau nay được là dân biểu, được tiếp tục giảng dạy ở Đại Học Văn Khoa.. Ông vẫn phải tham dự các khóa học tập về chủ nghĩa Mác Lênin, không phải một vài tháng, mà kéo dài cả năm, có trao đổi, có làm bài, có chấm điểm.

Vậy thì bất cứ ai ở miền Nam, nếu không trực tiếp là đảng viên Cộng Sản, hay đã tham gia trực tiếp vào MTGPMN thì dù được miễn học tập cải tạo tập trung vẫn phải dự các lớp học tập tại chỗ. Đó có thể cũng là trường hợp của tướng Lê Văn Nghiêm và một số trí thức miền Nam khác.

Vì thế, việc miễn học tập tập trung cũng còn dành cho một số người khác như Dương Văn Ba, Đinh Văn Đệ, Phan Xuân Huy, Hồ Ngọc Nhuận, Ngô Công Đức, Đinh Xuân Dũng, Nguyễn Phúc Liên Bảo, Nguyễn Hữu Hiệp, Trần Bá Thành (cựu TGD Cảnh sát Sài Gòn, thời ông NĐD) v.v..

Nhưng sau đó những người trên vẫn tham dự những buổi học tập diễn ra từ ngày 15-8 đến 22-8, do Tạ Bá Tòng hướng dẫn.

Bên cạnh đó, các ông Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Văn Mẫu, Trần Văn Hương là những trường hợp đặc biệt của đặc biệt. Bốn vị này thay vì đi học tập tại chỗ thì người ta gọi là những buổi trao đổi. Thật ra thì cũng là một thứ học tập, ở mức độ nhẹ nhàng và thoải mái thôi. Chỉ có khác là học ở Sài Gòn. Trong những buổi học tập này, cụ Hương là người hăng hái nhất, phát biểu cũng nhiều nhất.

Cuối cùng thì có thể nói là cả miền Nam phải học tập. Trẻ, già, lớn, bé, từ phường khóm đến trường học. Không miễn trừ cho bất cứ người nào.

Nhà nào cũng có người là sĩ quan phải đi học tập. Không sĩ quan thì ngụ quyền. Đâm ra nhà nào cũng có chuyện buồn, cũng có chuyện phải lo. Anh rể tôi, anh cột chèo đều phải đi cả. Các chị tôi đã hẳn buồn và lo lắng. Tôi làm sao không buồn theo.

Cuối cùng cả miền Nam đều buồn.

Mẹ tôi không nói ra, nhưng có vẻ héo hắt đi. Đôi mắt hõm sâu thêm vì những đêm không ngủ. Nụ cười úa tàn không còn oang oang như trước nữa. Bố tôi thì bề ngoài thấy như vẫn vậy. Thói quen của mẹ dấu diếm những điều cho riêng mình đã thành tật. Do đó, nó khoét sâu vào tâm khảm, đục khoét cơ thể lúc nào không hay. Người cứ nhẹ đi như bấc. Có những buổi trưa bất ngờ sang thăm mẹ. Mẹ ngồi ngủ gục, ẻo lả một bên. Tôi ngỡ ngang kinh ngạc, xót xa. Con rể đi học tập, con trai lang thang, lếch thếch ngoài Vũng Tàu tìm đường đi. Con cả ở ngoài bắc vẫn biệt tăm, vẫn mù mịt, không biết sống hay chết. Đã mấy chục năm rồi sao chưa về. Nỗi đau quá khứ trộn thêm nỗi lo hiện tại. Các con tứ tán. Mẹ vẫn không một lời ca thán. Mà mẹ biết trách ai bây giờ.

Chẳng bao lâu sau, mẹ từ già cõi đời vì gánh nặng cuộc đời không gánh nổi.

Mẹ tôi chết. Không còn cách gì can quyết tâm phải ra đi của tôi nữa. Đúng là mẹ tôi ép tôi phải ra đi.

Từ ngày Cách mạng vào đến giờ, tôi tự hỏi: đã có một ngày, đã có việc gì làm cho chúng tôi vui? Chưa. Chỉ có những chuyện buồn, hết chuyện nọ đến chuyện kia. Thế giới chia cách từ chỗ đó.

Trong vấn đề đi học tập này, chắc cần phải nói thêm cho rõ. Có vài người trong chính quyền mới là các ông Năm Xuân, Mai Chí Thọ và ông Tạ Bá Tòng, Nguyễn Hộ, Võ Văn Kiệt, ông Sáu Ngọc, giám đốc công an thành phố rồi Sáu Đức, tỏ ra* nói tay* đối với một số trí thức miền Nam. Không có mấy ông này thì nhiều người cũng khốn khổ lắm. Theo ông Hồ Ngọc Nhuận, sau 30-4-75, lãnh đạo đã cho ông một đặc ân là lên danh sách những người được đi học tập cải tạo riêng. Ông Nhuận có kể trường hợp Dương Văn Ba bị lọt sổ. Can thiệp mấy cũng không được. Ông Tạ Bá Tòng thì cứ nhất định phải đưa DVB đi học tập. Đến phút chót, ông Tòng mới xét lại và miễn cho DVB khỏi đi học tập cải tạo tập trung. Có những anh đã được can thiệp như dân biểu Thạch Phen, đại úy quận trưởng, gốc Khmer hay Trần Ngọc Giao đã được miễn học tập tập trung.. Nhưng về địa phương thì lại khác, bị bắt, rồi được thả, rồi cả hai ông đều chết. Không có ông Mai Chí Thọ thì ông Nguyễn Chức Sắc, chồng bà dân biểu Kiều Mộng Thu hay dân biểu Lê Tấn Trọng làm sao thoát cảnh tù đầy.

Cũng cần nhắc lại ở đây là thành ủy TPHCM đã đánh giá khá tích cực ba thành phần sau đây sẽ là những yếu tố thuận lợi sau này trong việc xây dựng, tái thiết và phát triển miền Nam. Bỏ qua ba yếu tố này sẽ là những bất lợi bất cập gây trở ngại cho việc tái thiết và phát triển miền Nam.

Đó là 3 thành phần cơ hữu của chế độ cũ cần được đánh giá đúng mức: Người Việt gốc Hoa, viên chức và sĩ quan chế độ cũ và khối người Thiên Chúa giáo.

Rất tiếc, sự đối xử phân biệt với người Hoa cũng như việc trục xuất người Hoa ra khỏi VN, việc đánh tư sản mà phần lớn là người gốc Hoa, việc bắt viên chức cũng như sĩ quan đi học cải tạo lâu ngày đã đưa đến thảm cảnh 'boat people' như mọi người đã thấy. Việc trục xuất khâm sứ toà thánh và các thừa sai ngoại quốc mà theo đề nghị của ông Nguyễn Cơ Thạch là nên duy trì toà Đại sứ Hoa Kỳ để cho việc bang giao quốc tế không bị gián đoạn.

Nếu đề nghị của ông Nguyễn Cơ Thạch, một người có kinh nghiệm về những bang giao chính trị trên thế giới, được chấp nhận, thì đã hẳn có thể tránh được nhiều thảm họa cho đất nước. Cơ hội xây dựng đất nước đã một lần để hụt tay.

Một truyện vui kể lại:

Gia đình tôi có dịp đón tiếp anh chị Kim, con nhà bác từ Hà nội vào. Anh chị cũng hiền lắm. Hình như cũng không được khá giả gì. Anh có cô con gái là nữ ca sĩ nổi tiếng miền Bắc lúc bấy giờ. Giọng cháu lanh lảnh, thánh thót, sắc cạnh, cao vút, nhưng không truyền cảm lắm. Nghe vẫn chưa quen, thấy thế nào ấy. Thấy hay, nhưng vẫn không cảm được. Cho cái gì, anh chị cũng nhận mang về, tất cả chỉ là đồ cũ. Tôi có chai rượu Black and White để dành, nhân dịp đó mang ra đãi anh. Hình như chỉ qua chầu rượu thứ hai, anh đã say mềm. Say rồi, anh chẳng giữ ý tứ, chẳng rào trước đón sau, chẳng nói theo bài bản nữa như lúc mới đến. Anh lộ nguyên hình hài là anh, con người thật. Anh chửi hăng quá, chửi cho đã như thể chưa bao giờ có dịp để chửi như thế, như thể đã nhịn nhiều năm. Anh chửi những nhân vật đời thường anh chỉ biết tụng niệm.

Xin đổi câu thơ này ra để tặng anh:

*Sống mình không được nói
Chết mới được ra lời.*

Anh không chết, nhưng rượu vào làm anh chết giả và lúc đó anh mới sống thật với lòng mình. Tôi chỉ buồn cười. Cũng thương anh rồi dịu anh đi ngủ. Chị ấy thì sáng hôm sau có vẻ rất băn khoăn khổ sở về bữa rượu hôm trước. Tôi thì thấy thường quá, say nói lãng nhăng ai chấp làm gì. Từ đó, anh chị không bao giờ vào chơi nữa. Thật đáng tiếc.

12 tháng 6, 1975. Mỹ gửi đến tòa Đại sứ Việt Nam một thông điệp

Thông điệp này do sứ quán Mỹ ở Paris gửi đến sứ quán của VN ở Paris: "Về nguyên tắc, Mỹ không thù hận gì VNDCCCH. Đề nghị trên cơ sở đó tiến hành bất cứ quan hệ nào giữa hai bên. Mỹ sẵn sàng nghe bất cứ gợi ý nào mà phía VNDCCCH có thể muốn đưa ra".

Sau đó có buổi họp giữa ta và Mỹ, cấp bí thư thứ nhất ngày 10-07, giữa ông Đỗ Thanh và Pratt chủ yếu bàn về vấn đề MIA. Mỹ chấp nhận Việt Nam vào LHQ, Mỹ có thể đóng góp khôi phục lại Việt Nam bằng cách phát triển buôn bán, hợp tác kinh tế.

Và theo ông Trần Quang Cơ, nguyên thứ trưởng ngoại giao CHXHCNVN, Năm 1977 ta đã có đủ khả năng để ta bình thường hóa quan hệ với Mỹ, nhưng ta đã bỏ qua. Thật là đáng tiếc.

Thứ bảy 14 tháng 6-1975, thay đổi giờ thay đổi đời.

Kể từ sáng nay, giờ Hà nội (GMT-7) thay thế chính thức cho giờ ở Sài Gòn (GMT- 8). Đây là một thay đổi duy nhất mà người Sài Gòn không ai để ý tới. Chuyện thay đổi cả đời người còn chưa lý tới, một giờ thì nhằm nhò gì. Bây giờ là giờ của cách mạng hiểu theo nghĩa nào cũng đúng cả: Giờ của lịch sử, giờ của người chiến thắng.

Chỉ có kẻ thua trận là không có giờ và dĩ nhiên không có cả tương lai nữa.

Gia đình tôi lại có dịp tiếp đón một ông chú bên nhà vợ. Mọi người gọi là chú Tiến. Nghe nói, hình như chú là thứ trưởng bộ kinh tế thì phải. Tội nghiệp chú, các bà cô vợ tôi được dịp chửi rửa xả láng, nói bóng nói gió, chê bai đủ thứ. Chú chỉ cười. Chú chẳng thèm xin bất cứ thứ gì, có cho chắt cũng không lấy. Chú giàu chăng ? Phần tôi, phải nhận tôi quý mến chú, dù ông chỉ hỏi thăm tôi một hai câu..

Giống anh chị Kim, ông chỉ tới thăm một lần và không bao giờ trở lại.

Dù sao, có bà con ở phía cách mạng cũng lợi, vì có thể chửi mà không sợ đi tù.

Thứ ba, 17 tháng 6-1975, tất cả các ngân hàng tư nhân đều bị đóng cửa.

Tất cả tài sản và tiền của các ngân hàng đều phải chuyển giao về ngân hàng quốc gia VN. Tất cả các hãng xưởng, nhất là của người Pháp đều rơi vào tình trạng tê liệt không hoạt động

được. Đó là các hãng Citroen, các đồn điền cao su, các hãng nước ngọt vv. Họ phải chuyển giao hãng xưởng, tài sản tư nhân phải bán, ra đi với hai tay trắng. Lời hứa của tướng Trần Văn Trà, ủy ban quân quản thành phố vào ngày 8 tháng năm trước đại diện 120 đại diện báo chí ngoại quốc không còn ai nhắc tới nữa : " *tất cả các tài sản của người ngoại quốc sẽ được bảo đảm tôn trọng* ". Theo ông Duchemin đã được Mai văn Bộ trấn an : *Người Pháp cứ việc yên tâm ở lại làm ăn.*

Cái mà chính phủ nhắm tới là Người Tàu đang nắm giữ việc thương mại, buôn bán ở Chợ lớn. Nhưng chính phủ còn chưa ra tay. Mặc dầu vậy, những người Tàu có tiền của cũng đã chuẩn bị trong tay một giấy thông hành Đài Loan rồi. Đừng quên rằng, sau những người Tàu Chợ Lớn, còn có cả một nước Tàu đứng sau họ.

Thứ bảy 21 tháng 6-1975, giáo dục dưới mái trường XHCN.

Ngoài các trường công đã được hoạt động ngay những ngày đầu giải phóng, nay một số trường tư và trường chuyên môn dạy nghề được phép mở cửa, hoạt động trở lại. Đây là cái cửa mở đầu tiên được mở ra. Nhưng coi chừng, cửa chỉ mở hờ. Trường Regina Pacis nay không còn dạy giáo lý hay đọc kinh mà thay vào đó là những bài hát ca tụng Bác Hồ..

Các trường đại học cũng mở cửa lại, nhưng chưa có chính thức giảng dạy. Các chức Viện trưởng, khoa trưởng đều từ ngoài Bắc vào nắm giữ. Chuyên với hồng bắt đầu từ đây. Đây là keo thử thách nữa về sự phân biệt thế nào là chuyên, là hồng. Đất nước tiến lên hay thụt lùi cũng từ cái khâu này.

Lại có vụ ám sát giết hai bộ đội sáng nay ở đường Trần Hưng Đạo. Họ bị cửa đứt cổ. Chẳng biết là thật hay giả. Dù sao, những tin tức kiểu đó cũng là món ăn giải trí và bổ dưỡng cho những kẻ thua trận.

Các giáo sư tuân tự đến trường đều đặn. Không bảo nhau mà trong trường chia ra phe phái rõ ràng không có quy ước và không có giới tuyến. Anh Hiệu trưởng cu ky một mình. Anh kín đáo quá. Hiệu phó lảng vãng vẫn không che đậy hết cái gốc tư sản của anh. Mọi việc giao tiếp, xử lý, hình như anh đại diện H.T lo liệu. Một anh trẻ tên Hùng, đang là đoàn viên, rất gương mẫu, rất kỷ luật, rất khe khắt với chính mình và đồng nghiệp. Con mắt có vẻ soi mói mọi người, mọi chỗ. Anh cũng cu ky một mình theo cách của anh. Sau này, anh tình nguyện đi lính sang Campuchia. Anh đã không có cơ hội trở về. Cùng lắm anh có Hương, một đoàn viên khác là bạn đồng hành. Nhưng tuy không nói ra người ta vẫn đọc được tâm sự ẩn kín của Hương. Ánh mắt lúc nào cũng gợi buồn, sự cố gắng đến mệt mỏi, nụ cười gương gạo. Hoá ra, số phận Hương có thể còn khổ gấp đôi lần những người bạn đồng nghiệp. Một số nữ giáo viên lớn tuổi mà có thể chồng con đi học tập, họ làm việc, tuân thủ như cái máy không hồn. Một cuộc sống bất đắc dĩ. Một cuộc sống mơ về một cuộc sống ở một nơi nào khác.

Đa số giáo viên trẻ còn vui đùa hồn nhiên hợp thành một đám. Hố thẳm rơi của những người cùng thân phận. Nhiều tình cảm nảy nở giữa họ do cùng tâm trạng, cùng hoàn cảnh, cùng suy nghĩ. Ít lắm, có vài đồng nghiệp trẻ mà nhen nhúm quý mến nhau hết mực, trân trọng hết mực, bảo vệ nhau hết mực..cho mãi đến về sau này. Điều mà người ta không hề có, điều mà người ta không có dịp để sống trong những thời gian trước 75..

Thứ sáu 27 tháng 6-1975, các tin đồn mỗi ngày mỗi nhiều.

Có bốn bộ đội canh gác ở ngay trong thư viện quốc gia bị giết. Hai bị đâm chết, hai bị cắt cổ. Trong ngày, nhiều tiếng nổ lớn được nghe thấy từ phía Tân Sơn Nhất. Hai thường dân cư ở

Honda bị bắn hạ trước cửa toà lãnh sự Pháp vào lúc 4 giờ. Đến 20 giờ tối, ba bộ đội bị bắn chết bởi hai người đi trên xe Honda ở góc Phan Thanh Giản, Phan đình Phùng.
Tin đồn như thức ăn hằng ngày của dân Sài Gòn.

Mùng 10, tháng 7-1975, tờ báo Công giáo và dân tộc: tiếng nói của chính quyền.

Sau đúng 10 tuần lễ, một tờ báo công giáo được xuất bản :

Tờ Công giáo và Dân tộc do nhóm Trương Bá Cần, hay nói ngược lại là Trần Bá Cường, Vương Đình Bích, Phan Khắc Từ, Huỳnh Công Minh điều hành. Họ là người của Cộng sản. Xin ghi lại đây lời của Vương Đình Bích: " *Đảng Cộng Sản đã gây dựng 4 người chúng tôi làm đầu nã mọi hoạt động của đảng trong giới Công giáo*". Phan Huỳnh Công Minh, khi được chọn làm đại biểu Quốc Hội đã phát thệ: " *Phần tôi, tôi nguyện suốt đời phục vụ*". Trong một bài viết trên Tin nhà, số 43, 2000. Nguyễn Hữu tấn Đức gọi bọn bốn ông này là Prêtres et commissaires. Linh mục và cán bộ. Thật ra tiền thân của nó là từ một tờ báo CGDT ở giáo xứ Paris, từ 69-75 do ông Nguyễn Đình Thi đứng đầu. Nó có mặt từ đây cũng là do tiền của Nguyễn Đình Thi tài trợ lúc ban đầu. Tất cả 4 người trên đều có dính dáng, liên lạc hay hoạt động với chế độ cộng sản từ trước. Tờ báo chỉ là nối kết những tổ chức tôn giáo nhà nước như trước đây ở Hà Nội. Chẳng hạn, ngoài Bắc có tổ chức với cái tên rất dài là : Ủy Ban liên lạc toàn quốc những người VN yêu tổ quốc, yêu hoà bình (UBLLCGTQ) Tờ báo CGDT ở Sài Gòn tọa lạc trên một toà nhà ba tầng gồm 50 nhân viên, trong đó có một vài tu sĩ.. Vốn liếng tài trợ tờ báo là những hợp tác xã, cơ sở kinh doanh được nhà nước tài trợ như xí nghiệp làm bút bi, quạt trần, khách sạn Đại Kết, công ty Tinh Hoa, trường ngoại ngữ Nguyễn Trường Tộ, trường dạy nghề và máy vi tính Bạch Đằng..

Cho đến nay, tờ báo vẫn còn hoạt động đều đặn. Có lẽ đây là tờ báo duy nhất được sinh ra từ sau giải phóng và tồn tại lâu dài như vậy. Nó không thể chết, vì nếu nó chết thì cái đã làm nên nó chắc hẳn cũng không còn nữa. Vì có tính cách chính thức như tiếng nói của chính quyền nên nhiều người nghi kỵ và dè dặt. Người dân có cái nhạy cảm và dị ứng với cái gì chính thức, cái công quyền. Trước đây, các tờ Chỉ Đạo, Cách Mạng Quốc Gia cũng nhận được sự rề rúng của dư luận quần chúng. Đây là cái bình phong che chắn cho chế độ. Sau này, chính nội bộ của họ cũng tố cáo nhau như trường hợp giữa ông Nguyễn Đình Đầu và ông Trần bá Cường tức Trương Bá Cần viết lộn ngược. Ông Vương Đình Bích thì đã viết thư hạch hỏi ông Phan Khắc Từ về tội lem nhem tiền bạc, về tổ chức, về chuyện một vợ hai con của ông. Tiền bạc vốn tài trợ ngoại quốc khoảng 150 ngàn Mỹ kim. Vốn vay để thêm thu nhập cho tờ CGDT như ở trên đã nhắc tới. Ông Bích hỏi ông Từ tiền lời lãi do xí nghiệp làm bút bi, quạt trần, đỡ đầu cho công ty Tinh Hoa, vay vốn hai tỉ để lập nhà máy may và trồng 33 mẫu cao su, rồi đầu tư với công ty Singapore, đầu tư khách sạn Đại Kết, trường ngoại ngữ Nguyễn Trường Tộ, trường dạy nghề may và trường dạy vi tính Bạch Đằng là bao nhiêu, tiền đó bây giờ ở đâu. Tất cả đều do ông Từ đứng tên. Làm sao người dân biết được những chuyện làm ăn đó. Thì cũng do chính họ tố giác nhau mà dân mới biết được.

Nhưng chuyện lem nhem của các ông thì có liên quan gì đến chính quyền, miễn là tiếng nói của các ông vẫn theo một điệu nhạc đã soạn sẵn, bài bản được dàn dựng.

Sau này, Đức cha Nguyễn Minh Nhật, chủ tịch HĐGM Việt Nam đã trả lời phỏng vấn trên tờ Églises d'Asie là: " *người Thiên Chúa giáo hết tin tưởng vào UBĐKCG và tờ báo Công giáo và Dân tộc*. Câu trả lời như thế có thể bị hiểu lầm là trước đây người ta vẫn tin, bây giờ mới hết tin.

Thứ tư mùng 9 tháng 7-1975, vẫn lại những phụ nữ có chồng đi học tập.

Có một nhóm phụ nữ có chồng đi trình diện học tập cải tạo đã tụ tập trước dinh Độc Lập cũ. Họ đòi hỏi cho biết tin tức về chồng con của họ. Bộ đội đã đến giải tán. Có những tin đồn cho biết, có 4 xe nhà binh chở bọn họ bị giết trên đường đi. Chế độ càng bưng bít, tin đồn càng nhiều. Sự lo sợ càng lúc càng gia tăng. Người ta bắt đầu đặt ra nhiều dấu hỏi về số phận những người đi học tập này.

Sau này, vào năm 1979, Việt Trần đã nhắc lại điều ấy trong cuốn sách của ông: *J'ai choisi l'exil*. nxb Seuil, 1979.

Hai chị tôi cũng nằm trong số những người đàn bà bất hạnh trên. Anh rể tôi, một sĩ quan đại úy an ninh quân đội. Một thứ sĩ quan bàn giấy mà suốt đời chỉ là đại úy. Chưa hề bao giờ biết bắn súng. Vậy mà anh đi biệt ra Bắc hơn mười năm sau mới trở về. Chị lớn tôi, một nách 7 đứa con, hai đứa lớn nhất còn ngồi ghế đại học, đứa út chập chững vào trung học. Chị nhỏ cũng không thua, 6 đứa. Gia đình chị lớn trước đây sống bưng bít nhờ có thêm hiệu hớt tóc ở đường Nguyễn Thiện Thuật. Cuộc sống đạm bạc qua ngày, chắt chiu và hà tiện để nuôi các con ra người. Chị tôi cũng lắm là loại đàn bà đảm đang, khéo thu vén như nhiều người khác. Nhưng nay chồng đi học tập. Gánh nặng đè trên hai vai các chị. **Bồng chốc hai chị tôi trở thành những người đàn bà phi thường.** Một chị buôn bán kem. Một chị xông xáo, hàng gì cũng buôn, buôn đủ thứ. Đã hai lần, hể cứ buôn bán có tiền là 'xuất cảng' quảng mấy đứa nhỏ ra biển. Hết lớp này đến lớp kia như lên cơn đồng. Hai lớp đã quảng chúng ra biển đều thoát và không bị hãm hiếp. Nỗi lo, nỗi mừng cứ như sóng dồi. Các chị tôi như mê, như say điên cuồng không còn biết sợ là gì. Tôi sang trước, năn nỉ, lạy van các chị đừng cho các cháu đi nữa. Vẫn đi. Đi là đi. Đi xong tất cả chừng nấy đứa thì chị nào chị nấy như cái khăn ướt vắt khô nước, cạn kiệt. Chị nhỏ tuổi gục xuống như cây chuối bị phạng ngang lưng như mẹ tôi trước đây, chưa kịp đi đoàn tụ. Bên này, tôi tức tưởi khóc lén một mình. Chị lớn vừa sang ít lâu, gục theo không kèn, không trống. Gục xuống vì công việc đã hoàn tất. *Mission accomplie.*

In memoriam những dòng này cho hai chị tôi. Những người đàn bà bất hạnh trong một đất nước mà trời đất nổi cơn gió bụi, mà nước mắt như mưa sa, mà lòng người độc ác vô tận, mà hận oán như trời đất bao la.

Dù sao thì các anh rể tôi cũng may mắn hơn nhiều người đi học tập khác. Tôi có người bạn, anh Nguyễn Thanh Ty, anh nguyên là giáo sư biệt phái nên phải đi học tập. Mới đây anh có viết một cuốn sách và gửi tặng cho tôi đọc: *Trong lao tù, CS, Trại Đá Bàn và A.30*. Mấy tháng sau ngày đi học tập, anh đã nhận được thư vợ viết như sau: " *Nếu những ngày tới, em không còn cách nào kiếm được gạo nuôi con nữa thì mẹ con em sẽ cùng uống thuốc chuột chết cho xong. Em và các con đã khổ quá rồi*". Nỗi bất hạnh của anh không dừng ở đó, sau này anh biết vợ anh đã bỏ lại các con cho bà nội để tìm một bến đậu khác. Nào có thể trách ai bây giờ.

Một trích dẫn cuối cùng. *'Hai mươi năm làm vợ lính thời chiến, 13 năm vợ tù cải tạo thời bình, là người con gái ở miền quê Bầu Trai. Tôi có làm gì đâu mà suốt đời chỉ sống với nước mắt'* (Trích Người Bầu Trai. Tháng tư 2004.)

Qua những câu chuyện kể trên, hể mà một chính quyền hành dân, làm dân khổ thì ta sẽ xếp hàng về phía những người cùng thân phận hay đứng về phía kẻ có quyền lực. Sự chọn lựa hẳn đã là rõ.

Một cảnh đời khác đang vẽ ra...

Trong khi đó thì theo tin hãng France-presse cho biết, ở Hà nội nay có nhiều xe Honda từ Sài Gòn chạy trên đường phố. Xe gắn máy dần thế chỗ cho xe đạp. Một nếp sống mới đang thành hình. Người ta còn thấy nhiều loại nước uống sản xuất bởi hãng B.G.I cũng được bày bán ở đây. Bất nước chè xanh nay thay thế bằng ly nước xị hiệu Con Cọp.

Sài Gòn thì như một thành phố bị chiếm đóng và có nạn hôi của những người thua cuộc để khuân về Hà nội. Nhiều nhất là salon, tủ lạnh, quạt máy, máy hát, vải vóc, thuốc tây và ngay cả bột giặt. Nghĩa là tất cả những gì ở Hà nội không có. Những chiếc xe nhà binh chở lính vào thì nay đầy nhóc những món hàng của kẻ thua cuộc để lại. Một cuộc vợ vét thặng tay và khá trắng trợn.

Hãng giấy Cogido có 8000 tấn giấy trong kho đã được lệnh chuyển ra Bắc. Tất cả những xe hơi mới của hãng Citroen, Renault, Peugeot cũng được lệnh chở ra Bắc. Hãng Engineco, có 165 xe được tân trang cũng chờ để được chở ra Bắc. Cách mạng bị mang tiếng nhiều về vấn đề này lắm. Những lời mỉa mai, bóng gió không thiếu qua cái câu chửi thơ tho gì : Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng này.

Hạt gạo miền Nam đã thiếu hụt nay lại phải cần chia đôi, chia ba cho miền Bắc.

11 tháng 7-1975, Tướng Trà: Mất xích cuối cùng của cánh miền Nam

Tướng Trà bị gọi ra Bắc để trả lời và tình bày về những rối ren, về tình trạng an ninh và nhất là tình trạng tham nhũng hối lộ. Vai trò của ông và mặt trận có dấu hiệu không còn nữa.

Cho đến lúc này, nạn tham nhũng trong thành phần cán bộ lãnh đạo, trong chính quyền bắt đầu lộ dạng. Và kể từ đó đến nay, sau gần 30 năm, không có dấu hiệu gì có sự cải tiến. Đã có bao nhiêu nghị quyết ? đã có bao nhiêu lần tuyên bố cương quyết diệt trừ tham nhũng ?

Ở một nước Tự do thì người dân sẽ có cảm tưởng chính quyền coi thường dân chúng. Có thể thế được chăng? Có thể kéo dài mãi chăng ?

11 tháng 8-1975, tờ Tin Sáng với nhóm cựu dân biểu đối lập thời VNCH

Một tờ báo tư nhân đầu tiên đã được phép xuất bản. Tờ **Tin Sáng** mà một số người đứng đầu trước đây đều là những dân biểu đối lập trong chính quyền Ngụy. Đó là các ông Ngô Công Đức, Lý Quý Chung, Hồ Ngọc Nhuận, Nguyễn Hữu Hiệp, Hồ Ngọc Cứ, Nguyễn Văn Bình, Hoàng Ngọc Biên, Trương Lộc, Phan Ba, Dương Văn Tông.

Lý Quý Chung tin tưởng rằng với sự có mặt của tờ Tin Sáng cho thấy có sự hợp tác giữa chính quyền mới và những người trí thức chế độ cũ. Ông còn nói thêm, xưa làm báo như thể những người bửa củi, còn bây giờ làm báo như một người thợ nề xây cất.

Theo những người chủ trương tờ báo, họ hãnh diện đây là tờ báo duy nhất không phải Cộng Sản trong lòng một chế độ Cộng Sản. Tờ báo tồn tại được bao lâu? Đó là câu hỏi chưa có câu trả lời. Trong le Nouvel Observateur, mùng 4 tháng 8, 1975, Jean Lacouture viết :

"Ngô công Đức n'est pas un conformiste. Le revoici à pied d'oeuvre. On verra dans la marge de liberté d'expression qui lui sera laissée un test décisif de L'esprit démocratique du nouveau régime" Năm năm sau N. Chomsky trong Guerre en Asie viết :*" Cinq années se sont passées. Le Tin Sáng de Ngô Công đức et ses amis parait toujours. Le test est il positif ?* Câu hỏi vẫn còn đó, câu trả lời thì có rồi.

Sau này, ông Võ Văn Kiệt trong một bài phỏng vấn vào ngày 30 tháng 4 năm 1980 cũng coi Tin Sáng như một biểu tượng hợp tác giữa chính quyền CS và trí thức miền Nam..

Nhưng chẳng bao lâu sau thì tờ Tin Sáng bị đóng cửa, vì “ đã hoàn thành nhiệm vụ” (Tin sáng 1975-1980)

Tờ Tin Sáng ăn mừng:

Ông Hồ Ngọc Nhuận có ý tổ chức một bữa ăn *Đoàn Viên* trong nhóm bạn bè của ông, ở địa chỉ số 132, Lê Lai. Không biết ai trong số những người này đã thay chủ bút mời bữa ăn đó. Có thể là Nguyễn Xuân Lập, Trần Thị Huệ, Huỳnh Tấn Mẫm hay Dương Đầy. Chỉ biết là phờng khóm không cho. Cuối cùng chỉ vì một bữa ăn mà phải cầu cứu đến ông Tạ Bá Tông. Ông Tạ Bá Tông lại xin ở cấp cao hơn nữa. Nhận được giấy phép ở cấp cao hơn nữa rồi mấy người lu bu, tụ tập đầy đủ ở trên lầu. Phờng khóm đã vác súng đến hỏi chuyện. Năn nỉ mãi thì cũng

được thông cảm, sau khi xin lỗi và hứa lần sau rút kinh nghiệm hơn. Ông chủ tịch phường khóm khi ra về không quên nhắc: * *Nên nhớ, thủ tướng cũng phải xin phép, nếu muốn làm gì ở đây..*

Thứ năm 7 tháng 8-1975, Học Tập Không Ngày Về.

Nay đã hơn 7 tuần rồi, quá cái giới hạn đi học tập một tháng một lần. Chính quyền cho biết nay những người đi học tập có quyền gửi thư về nhà một tháng một lần. Lại một hứa hẹn nữa nhằm xoa dịu đám vợ sĩ quan ở nhà. Chính sách học tập cải tạo là một lãng phí nhân tài, sức lao động sản xuất và nhất là gây hận oán trong bà con, thân nhân người đi học tập. Việc kéo dài thời gian đi học tập một cách không cần thiết làm buồn lòng dân Sài Gòn và tạo ra sự mất tin tưởng vào chế độ. Có ai có đủ thành thật để cho biết họ đã học được gì ? và đã cải tạo được như thế nào ? Vì vậy mà thành phần những người đi học, dù sau này đã được sang đây vẫn canh cánh bên lòng nỗi hận oán chế độ ?

Nhân khi đọc bài này, tôi có người bạn là anh Lê Tấn Lộc, giáo sư Triết, nguyên Trường Khu Học Chánh 12 tỉnh miền Đông. Với chức vụ đó, anh phải đi trình diện học tập cải tạo. Hai người bạn tù đã chết. Anh có kể rằng có một phái đoàn của Hội Ân xá quốc tế tới thăm trại học tập. Họ đã lừa các anh tù cải tạo vào trong rừng, chỉ để lại một số người làm cò mồi. Trong khi đó, trên tờ Tin Sáng, một trí thức tên tuổi có viết rằng: *người đi học tập được ăn thịt gà rôti, nghỉ mát và chơi bóng chuyền. Vui và khỏe mạnh.* Cũng ông, khi người con trai của ông làm nghĩa vụ sang đánh Campuchia.. Ông đã làm một bài thơ ca tụng những người thanh niên lý tưởng đã từ bỏ gia đình ra đi giúp nước. Sau này, một số trí thức, trong đó có ông, đã ký tên trong một danh sách biện hộ cho đường lối của chính quyền trong vấn đề tù cải tạo, vấn đề người di tản v.v.

Anh Lê Tấn Lộc có quyền bất nhẫn về chuyện đó như kể trong cuộc bị phản bội.

Xin nêu danh tánh một số trí thức miền Nam đã đặc biệt đứng tên ủng hộ chế độ mới, ủng hộ chính sách đi học tập cải tạo trong một lá thư gửi ra cho bạn bè người ngoại quốc. Họ không cần thanh minh với 3 triệu người VN di tản, mà chỉ biện bạch với người ngoại quốc thôi. Họ là Giáo sư Hồ Đắc An, Ông Trương Bá Cần, Ông Võ Đình Cường, Thượng tọa Minh Châu, Nghệ sĩ Kim Cương, Dân biểu Lý Quý Chung, Bác sĩ Trần Văn Du, Nhà báo Ngô Công Đức, Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà, Nhà văn Vũ Hạnh, Giáo sư Trần Vinh Hiền, Ông Tôn Thất Dương Ky, Giáo sư Bùi Thị Lang, Luật sư Trần Ngọc Liễn, Thẩm phán Trần Thúc Linh, luật sư Nguyễn Long, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, giáo sư Châu Tâm Luân, sư Huỳnh Liên, ông Huỳnh Công Minh, Thẩm Phán Triệu Quốc Mạnh, giáo sư Nguyễn Vinh My, dân biểu Hồ Ngọc Nhuận, giáo sư Nguyễn Quang Nhac, Giáo sư Chu phạm Ngọc Sơn, giáo sư Phạm Biểu Tâm, giáo sư Trần Kim Thạch, giáo sư Lê Văn Thới, luật sư Ngô Bá Thành, giáo sư Lý Chánh Trung, ông Phan Khắc Từ, kỹ sư Lâm Văn Vạng, kỹ sư Đinh Xa.

Trong số những người này, đôi khi có người bắt đắ dĩ có tên. Họ cũng muối mặt câm lặng, cũng có thể khổ sở lắm. Nhưng phần tôi, cũng bắt đắ dĩ phải hài tên họ ra vì trong tay tôi có tên tuổi họ và lá thư trên.

Đây là nội dung mở đầu tóm tắt của lá thư đó: *' Nous, intellectuels de l'ancien sud Viet Nam, profondément indignés par la bruyante campagne de calomnie et de dénigrement menée dans certains pays occidentaux contre la République socialiste du VN, notre patrie, estimons de notre devoir de publier la présente lettre'*

Và quan điểm của các trí thức có tên tuổi ở trên trùng hợp với quan điểm của một vài nhà báo: ' Ces camps ne sont ni des clubs de vacances ni des Goulag'. Ý kiến của R.Pic, tháng tư 1976. J.Lacouture thì viết: " Ce n'est pas le Goulag apparemment- pas l'école des Roches non plus" tháng 5, 1976. Nói tóm một chữ: Chúng không phải những trại tập trung. Cũng không có cái bề ngoài của một trại diệt chủng. Đó là ý kiến của phóng viên đã đến thăm trại Nam Hà và đã gặp cựu đại tá Lê Thanh Hoà, cựu Trung Tướng Huỳnh Văn Cao, cựu nghị sĩ Ng. Văn Hàm. Họ, những người trí thức có tên ở trên đã tự hạ mình để nói gian dối che đậy cho chế độ.

Phần tôi, xin được phép kiệm lời khi nói đến số phận người tù cải tạo. Bởi vì tôi không đủ tư cách, đủ lời để nói về điều ấy. Còn quá nhiều người mà nỗi khổ, nỗi nhục của họ không thể cất ra lời. Chẳng biết văn chương nào có thể chuyển tải những nỗi đau làm người của kẻ thua trận. Tôi cùng lắm chỉ đứng ngoài mà nhìn vào. Chỉ biết rằng khi tôi đọc: *Một nửa VNCH nổi dãi của Tạ Chí Đại Trường* nhắc đến đoạn: *một người đàn bà ngồi trên xe ba bánh trên một đoạn đường đất đỏ, bụi mù. Xe vừa lướt qua thì thấy một đoàn người tù cải tạo đang lếch thếch trên đường về trại. Bà mũi lòng hát bao bố củ sắn xuống và những người tù xấu số đã chạy xô đến tranh dành như một lũ chó đói. Người đàn bà trên xe Lambretta ba bánh thấy cảnh đó bèn vội ôm mặt khóc.* Tôi cũng chẳng làm gì khác hơn người đàn bà bất hạnh ấy.

Thành lập Hội Trí thức yêu nước.

Bên cạnh việc cho Tin Sáng hoạt động trở lại, còn có một biến cố khá quan trọng không thể không nói đến ở đây: việc thành lập Hội Trí Thức yêu nước. Để có được cơ sở hoạt động, chính quyền đã lấy một cơ sở của các cha dòng Đa Minh. Đó là câu lạc bộ Phục Hưng mà trước đây dành cho sinh viên có chỗ ăn ở. Cư xá này do cha Đỗ Minh Vọng, Cras thiết lập từ 1955. Đây chẳng những là nơi dành cho SV có chỗ ăn ở, nó còn là chỗ sinh hoạt của các tổ chức sinh viên công giáo, nơi đào luyện các trí thức trẻ trước khi vào đời. Sau Giải Phóng, như nhiều tổ chức khác tự động tan rã. LM Nguyễn Huy Lịch thời đó đã cho mượn trụ sở này. Người đến tiếp nhận cư xá Sinh Viên là ông Tạ Bá Tòng, một người cư xử rất tốt với đám trí thức miền Nam. Ông Tạ Bá Tòng đã giao cơ sở này cho Hội Trí Thức yêu nước mà đại diện là các ông Chu Phạm Ngọc Sơn và Lý Chánh Trung.

Tổng Thư Ký Hội trí thức yêu nước là ông Huỳnh Kim Báu, một đảng viên đảng Cộng Sản. Phần đông còn lại là trí thức cũ miền Nam, giới nhà văn và nhà giáo cộng với trí thức đi học tập về. Chẳng hạn như trường hợp Thế Uyên mới được thả ra từ trại học tập. Những người này đến Hội Trí thức như những người trú mưa dưới một cái dù che chắn cho khỏi ướt áo. Họ có mặt mà như thể vắng mặt, chìm lặn vào đám đông.

Trong số những trí thức cũ, có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ trước đó đã theo mặt trận hoặc có cảm tình với Mặt trận và lúc này họ nổi bật lên như Lý Chánh Trung, Nguyễn Trọng Văn, Hà Thúc Huy, Nguyễn Đình Đầu, Trần Văn Quảng, Huỳnh Ngọc Chênh, Phạm Hoàng Hộ, Chu Phạm Ngọc Sơn, Phạm Biểu Tâm, Châu Tâm Luân, Nguyễn Tân, Nguyễn Hữu Thái, Trương Thìn, Phạm Trọng Cầu, Hỷ Khương, Hoàng Điệp, Trần Long Ẩn, Miên Đức Thắng, Trịnh Công Sơn, Phạm Thế Mỹ, Đỗ Hồng Ngọc.

Sau này Hội có tổ chức những đêm văn nghệ hát nhạc TCS và được rất nhiều người đi nghe và tham dự. Thay vào tiếng hát Khánh Ly nay có nam ca sĩ Thanh Hải hát nhạc TCS. Nhiều người đi nghe cho rằng Thanh Hải có thể thay thế được tiếng hát của Khánh Ly.

Trịnh Công Sơn trong đêm Văn Nghệ đầu tiên này đang bận ở Huế đã không vào được. Mãi đến năm 1979, TCS mới bỏ Huế vào Sài Gòn. Nhưng anh đã có gửi hai bài hát của anh vào nhờ nhạc sĩ Miên Đức Thắng hát dùm. Hai bài hát của TCS có tên là :

Gánh rau ra chợ và Máy kéo nông trường.

Chị Trần Tuyết Hoa, vợ anh Nguyễn Hữu Thái trong dịp này đã khuyên TCS không nên sáng tác những loại nhạc như thế. Không biết Miên Đức Thắng hát như thế nào và hát làm sao. Hát gánh rau ra chợ, hát máy kéo nông trường đã hẳn không phải là dễ. Tự nhiên MDT lại gánh cái trách nhiệm nặng nề này. Đây là hai bài hát lỗi nhịp nhất trong cuộc đời sáng tác của họ Trịnh. Biết để mà hiểu, không phải để ghét. Bằng vào hai bản nhạc này, người ta tự hỏi TCS có còn là TCS nữa hay không.

Thái Kim Lan, với bài: " *Trịnh Công Sơn; nơi vùng ưu tư thành tiếng Du ca*" đã viết như sau: " *Cả một công trình sáng tác mười mấy năm đang bị đe dọa phải chối bỏ, kiểm soát, tự phê bình...Không có bài hát nào của Sơn trong quá khứ được cho lọt sổ. Nhạc Sơn bị cấm phổ biến..Tôi có cảm tưởng đau đớn là Sơn đang tập đi lại những bước nhạc ấu trĩ trong sự nghiệp sáng tác của mình, như kiểu kia một đàn vịt đang bơi dưới ao hồ..*" Sau này, tình hình khá hơn, chế độ lỏng tay hơn, TCS sáng tác được mấy bài khác *đỡ hơn* như *Một hòn bi xanh, Ở trọ,*

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui.. Hòn bi .. xanh là có vấn đề rồi. Không có lập trường. Riêng bài *Ở trọ*, tôi nghĩ đây chỉ là một bài hát rất tôn nghiêm. *Tôi nay ở trọ trần gian, mưa nắng cũng ở trọ* để rồi *khoác áo chân như, bước tới hư vô*. Bài hát rất người, rất tôn nghiêm, rất mùi đạo. Cuộc đời như một ở trọ. Đến bài *Tôi chọn một niềm vui. Mỗi ngày, tôi chọn một niềm vui, cùng nhau ca hát.. Tôi chọn nơi này, để thấy tiếng cười rộn rã bay. Tôi chọn một lần thôi, tôi chọn nắng đầy.. Nhưng mỗi ngày, tôi chọn ngồi thật yên để nhìn rõ quê hương, ngồi nghĩ lại mình, vì sao tôi sống, vì đất nước cần, một trái tim*. Hay và ngậm ngùi. Nhưng lại bị hiểu xuyên tạc, bị phản bác là đất nước nay đã thống nhất, thiếu gì niềm vui, hà cớ gì anh lại phải chọn niềm vui. Cắc có nữa, tại sao anh lại chọn *ngồi thật yên*. Anh phải nhúc nhích đi chớ. Hà cớ gì lại chọn ngồi thật yên.. Có vấn đề, có vấn đề rồi.

Nhưng biết được hai bài này và những bài sau mới hiểu được thân phận người trí thức dưới chế độ CS, hiểu được nỗi lòng của họ Trịnh. Cũng như sau này, tôi được biết rằng, họ Trịnh than thở với một người bạn thân của mình là làm bài kiểm thảo đưa cho HPNT xem trước, HPNT đọc xong cũng chê là viết chưa đạt yêu cầu, phải viết lại. HPNT đang cố lấy điểm để có được cái thẻ đảng. Tôi vẫn bực ông chưa hết và tôi biết rằng viết những dòng này những bạn bè chung quanh ông mà tôi được biết họ, một số sẽ không vui. Nhưng tôi đành lòng trích một bài viết của tôi vào tháng 12, 2002: *Về chính sách của Hà Nội và thái độ của một số nhà văn miền Bắc đối với văn học miền Nam qua cuốn Chân Dung Và Tác Phẩm của ĐĐK :” Trong cuốn ký, chốc lát, thái độ của ông trở thành hung hãn, côn đồ. Ông xách mé gọi người lính Cộng Hoà là thằng lính Ngụy, thằng Diệm, thằng Thiệu. Những người CS thứ thiệt gọi như vậy còn nghe được. Nhưng ông, một trí thức miền Nam, được ăn học, được đào tạo, có cái nếp sống văn hoá của miền Nam, thật khó mà chấp nhận cái ngôn ngữ chợ cá như vậy. Chắc không phải là ông quá.”* Ông vẫn chứng nào tật ấy, trên Nét Cổ Đô, 2005, vào cái giờ này của hơn 30 năm sau, qua lời phỏng vấn cò mồi của Nguyễn Xuân Hoàng (Không phải NXH, giáo sư triết, nhà văn) ông cũng vẫn miệt thị gọi: bọn ngụy. Bọn ngụy là ai. Là tất cả bạn bè của ông, là tất cả họ hàng, bà con thân thuộc của ông ở ngoài Huế.

Đây là nỗi khổ khổ thứ hai của họ Trịnh bị bạn bè ép. Ép mà phải cắn răng chịu.

Viết đến đây, tôi có điều để thưa. Trước hết cảm ơn anh chị Nguyễn Hữu Thái, cựu sv kiến trúc, cựu sv tranh đấu Sài Gòn cũ, người đã có cái hân hạnh đứng... bên cạnh tướng Dương Văn Minh, ký giấy đầu hàng CS. Mặc dầu, tôi đã có đôi lần viết hơi nặng lời với anh, anh vẫn không giận, vẫn hỏi thăm rồi gửi cho tôi bài viết của chị Trần Tuyết Hoa, vợ anh và chị đã thẳng thắn tiết lộ hai bài hát sáng tác bất hủ của họ Trịnh. Xin dùng mấy dòng chữ này cảm ơn anh chị thay đọc giả.

Phần những người được coi là bạn thân của họ Trịnh. Nhiều người chẳng hề tiết lộ hai bài hát này và những bài sau kế tiếp. Ngay cả mới đây, những người viết kỷ niệm 5 năm ngày TCS mất cũng né tránh. Viết thật mới là yêu mến TCS. Ở trong chế độ CS, đừng ai nói hay. Làm người bình thường đã là khó. Huống chi là người hùng.

10 năm sau, Hội Trí thức yêu nước này kể như không còn sinh hoạt gì đáng kể nữa. Một phần người ta lo sinh kế, lo tìm đường đi nước ngoài. Phần khác cán bộ đảng nhà nước ngoài Bắc vào nhiều ” Sự có mặt của họ kể như những thành phần Indésirable”.

Trong số những hội viên hội trí thức yêu nước có Nguyễn Văn Trung. Ông chưa tham dự được bao nhiêu buổi hội họp thì đã bị bắt vào hồi 18 giờ 30, ngày 14 tháng 6, 1978. Với tội danh được ghi trong biên bản: *can tội Phản Cách mạng*. Biên bản ghi tiếp. Sau khi bị can bị bắt, vợ của bị can là Trần Thị Minh Chi đã cùng đi với chúng tôi khám xét nhà ở thì thấy có những vật kê dưới đây, nghi có liên can đến vụ án (19. tội phản cách mạng):

- Một giấy chứng nhận của trường Đại Học Văn Khoa.
- Một số sách báo, tài liệu cắt báo và chép tay
- Một máy đánh chữ
- Một chứng nhận được giữ sách báo cũ.

Trên đây là những tang vật liên quan đến tội phản cách mạng. Tôi cũng đọc lá thư của Bà Chi gửi vào cho chồng, đã qua kiểm duyệt của Ban Chấp pháp như sau:” Về tả bố, chẳng khác nào như trong truyện được săn sóc nuôi cho ăn uống mập thiết là mập, trước ở nhà xanh vàng, mặt có những vết nhăn. Bây giờ thấy tròn quay, những vết nhăn biến đâu, trắng..

Bà Trung đã phải viết như thế đấy. Không viết không được. Viết như thế rồi cũng lộ ra những chỗ viết thật thà trong một lá thư khác như: *Lưng quần tây của anh rộng nhờ ai khâu bớt vào hai bên.*

Và trong hoàn cảnh cô đơn, tuyệt vọng như thế, ông Trung có lúc tưởng mình không có hy vọng sống còn. Ông đã viết một lá thư như chúc thư để lại ngày 26-11-1978 trong đó có đoạn như sau:” *Đối với họ hàng. Cho Bố gửi lời thăm chào từ biệt họ hàng nội ngoại. Xin tha cho Bố những điều đã làm mất lòng và xin hãy thương yêu giúp đỡ nhau, coi những ty hiềm là nhỏ mọn. Gia đình Đào chịu khó tiếp tục chăm sóc ông nội. Đối với bạn bè quen thuộc. Chuyển lời Bố xin mọi người tha thứ những điều đã làm cho buồn phiền và cầu nguyện cho Bố.*” Nguyễn Văn Trung 26-11- 1978.

Xin đọc với tâm tình chia xẻ về cái khổ trong lao tù Cộng Sản.

Và đến ngày 21 tháng 12 năm 1978, ông Trung nhận được giấy tạm tha với nội dung: Căn cứ kết quả cuộc điều tra. *Không ghi chữ nào cả. Xét thấy: Sức khỏe bị can quá yếu (bệnh tim).*.. Trong khi chờ kết quả cuộc điều tra và quyết định di lý.. Ký tên. TL Giám Đốc Công An, Trưởng phòng chấp pháp: Ngô Văn Dân.

Tội vẫn còn đó. Vẫn thế. Chỉ tạm tha thôi.

Cả hai Lý Chánh Trung, Nguyễn Văn Trung đều là trí thức thành phần thứ ba. Viết cũng nhiều, ảnh hưởng cũng không ít. Người tham gia tích cực bằng hành động, người tham gia chỉ bằng ngòi bút. Một dân biểu, một đi tù. Tôi chỉ xin tóm tắt sự nghiệp của các ông bằng cách trích dẫn điều họ viết.

- Đối với Lý Chánh Trung, sự nghiệp viết lách của ông tóm tắt trong câu này:” **Về một môn học mà thấy không muốn dạy và trò không muốn học’.**

- Đối với Nguyễn Văn Trung, có thể tóm tắt trong lời phát biểu sau đây của ông:” **Tham gia Cách Mạng là tham gia vào một quá trình tự tiêu diệt sau này’.**

Về cái hội này, xét về mặt nhân đạo, nó cũng là nơi che dù cho nhiều trí thức miền Nam sau khi đi học tập về khỏi cảnh vui dập đi kinh tế mới, hoặc khỏi bị phùng khóm làm khó dễ, hoặc đỡ đàn bao gạo khi túng đói. Sau này, hội trí thức giải tán và dời ra thành Hội Liên Hiệp Khoa Học Kỹ thuật do Chu Phạm Ngọc Sơn làm chủ tịch. Hội này hoạt động bằng cách mở các lớp dạy sinh ngữ và các sinh hoạt khoa học kỹ thuật. Cuối cùng, dòng Đa Minh đã làm đơn đòi lại cơ sở này qua TGM Bình chỉ hai tháng trước khi ngài qua đời. Sau nhiều năm chờ đợi, nhà nước đã trả lại cơ sở này cho dòng Đa Minh ngày 22-12-2003.

Coi như một món quà Noel của nhà nước.

Thứ năm 14 tháng 8-1975 :

Có lẽ cái đụng chạm đến người dân miền Nam nhiều nhất vẫn là miếng ăn.

Cơm áo không biết đùa và không đùa với bất kỳ ai, bất kỳ họ là trẻ con hay người lớn. Sống trước đã, có cái ăn trước đã. Không có ăn là không được.

Đời sống mỗi ngày mỗi khó khăn, cái gì cũng trở thành khan hiếm, dĩ chí từ một hạt muối, thìa bột ngọt. Các giáo chức được phát một kỳ một gói bột ngọt, sau xuống mười thìa cà phê bột ngọt, nửa ký thịt trong một tháng, một tút thuốc lá(10 bao), sau xuống một bao rồi đến nửa bao Sài Gòn Giải Phóng. Tôi nghiện thuốc lá, nhưng nay một bao thuốc lá mua hợp tác xã bán ra có thể thêm tiền chợ một ngày. Tôi bỏ hút thuốc lá từ đó.

Nhờ Giải phóng, tôi bỏ được tật xấu hút thuốc.

Giá thức phẩm gia tăng. Cái gì cũng khan hiếm đến không hiểu được. Muối là một sản phẩm quá rẻ, không đáng nói tới cũng trở thành đắt. Một kilô muối tăng từ 50 đồng đến 500 đồng. Một bao quẹt tăng từ 20 đồng đến 40 đồng.. Giá cả tăng đến 80%. Dân chúng bắt đầu phải xếp hàng để đến các hợp tác xã. Đợi chờ cả nửa ngày cho nửa ký sà bông, nửa ký đường. Có những điều trước đây cứ có tiền là mua được, nay trở thành * chế độ, xin cho* của chính quyền. Chính quyền cho cái gì thì được cái nấy. Nghĩ lại câu nói của một kinh tế Gia Anh nói không sai : "*Kẻ nào nắm giữ hầu bao là kẻ đó có quyền*".

Gạo bán ở tổ dân phố không ăn được. Hoặc mốc, muối mọt, hoặc có rất nhiều sạn. Chúng tôi bán đi để mua gạo ăn được. Nay tôi có thêm nghề chạy kiếm các mối bán thực phẩm. Lúc rảnh, tôi chạy xe Vespa ra tận Phú Lâm đón các xe hàng về để mua gạo lậu từ các bà buôn lậu. Họ giấu gạo ở bất cứ chỗ nào có thể giấu được, ngay cả chỗ kín bụng dưới. Đó là những xe thò đi động nơi những người đàn bà dị hình, dị tướng.

Cả nước nay chỉ lo có một chuyện : **Lo ăn.**

Về lỗi lầm lịch sử của chính quyền Cộng Sản để dân đói, xin được trích dẫn lời chứng của ông Trần Quang Cơ, trong Hồi ức như sau: " Là nhân chứng của lịch sử và cũng là người trực tiếp tham gia các hoạt động ngoại giao này với tư cách là Vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ Bộ ngoại giao, trực tiếp tham gia đàm phán về bình thường hoá quan hệ với Mỹ ở Paris năm 1977, rồi Nữu Ước 1978, tôi thật sự đau xót vì ta đã bỏ lỡ mất cơ hội củng cố thể đứng của Việt Nam trong hòa bình.. Trong tập hồi ký của mình *From Third world to first*, Từ thế giới thứ ba đến thế giới thứ nhất, Lý Quang Diệu đã nhận xét: " Năm 1975, TP Hồ Chí Minh có thể sánh ngang với Bangkok. Nhưng nay, năm 1992, nó tụt lại đằng sau tới 20 năm." Là người Việt Nam, đọc lời nhận xét này của Thủ Tướng Lý Quang Diệu, ai mà không đau xót, vì Việt Nam đã bỏ lỡ cơ hội. Chính quyền Carter thực sự muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam qua lời tuyên bố của ngoại trưởng Cyrus Vance: " *Việc tiến tới bình thường hoá quan hệ Mỹ-Việt Nam phù hợp với lợi ích của hai nước.*"

Nhưng Việt Nam cương quyết đòi Mỹ giải quyết *trọn gói* 3 vấn đề. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao, giải quyết vấn đề MIA và viện trợ 3 tỉ 2 như đã hứa. Mỹ bị quốc Hội bó tay trong vấn đề bồi thường. Đến lúc ta quyết định rút bỏ đòi hỏi Mỹ phải bồi thường chiến tranh viện trợ 3,2 tỉ và nhận công thức, "bình thường hóa quan hệ không điều kiện của Mỹ thì đã quá muộn".

Việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ và việc gia nhập khối Asean, mãi ngót 20 năm sau, 1995, chính quyền VN mới thực hiện được một cách khá chật vật. Nếu chấp nhận bình thường hóa với Mỹ thì ta đã có thể Không phải một mình đối đầu với Trung Quốc trong cái chiến tranh *dạy cho một bài học*

Đó là cuộc sống bất đắc dĩ.

Ở một góc cạnh khác của đời sống, xin kể là tôi có người bạn là anh Đặng Ngọc Thiềm, giáo sư trường Trần Lục. Không biết có phải vì phẫn chí, vì bất mãn hay có thể bị điên mà anh đã ra nông nổi này.

Anh có lối sống mà tự bản thân đời sống nó là một lời tố cáo chế độ mới. Đời sống của anh là gián tiếp bởi họ chế độ: **Chính các anh làm tôi ra nông nổi này.** Từ quần áo dơ bẩn, lối thô, từ phong cách thái độ, từ cách ứng xử, từ cách phát ngôn, từ cách thức làm việc, từ chiếc xe đạp cà rịch cà tàng, từ cách cho điểm, từ cách giảng dạy, từ nụ cười châm biếm chế nhạo. Đến nỗi nhìn qua anh, nhìn ra chế độ. Anh chính là chế độ ấy.

Anh cố tình ăn mặc dơ dáy đến hôi hám, đến bẩn thỉu. Một giáo sư tự trọng, dù nghèo không thể ăn mặc như thế trước mặt học trò. Mỗi lần lĩnh nửa cân thịt, anh treo tòng teng ở ghi đông xe cho mọi người thấy. Anh để lên bàn giáo sư cho học sinh thấy. Anh dơ lên khoe với học trò

anh được nửa kí thịt. Học trò im lặng nghe ông thầy làm xiếc, đóng kịch. Anh luôn luôn dùng đủ cách để khen chế độ đến lố bịch.

Anh tố cáo chế độ chỉ bằng những lời khen quá lố. Thông minh và xảo lá.

Ban Giám hiệu là cấp lãnh đạo ở ngoài vào cũng như trên Quận, Sở đều không có một lời phê phán trực tiếp hay gián tiếp về anh. Họ cư xử thật đúng mực. Bình thường là phải để anh nghĩ việc.

Việc dạy học và cho điểm của anh cực kỳ phi lý và lố bịch. Cột điểm Sử địa của anh bao giờ cũng có ba cột điểm trong một tháng. Hãy coi bằng cách nào anh đã nghĩ ra lỗi cho điểm quái gở đến như thế. Tỉ dụ học sinh A: Anh cho 3 cột 9 điểm, 8 điểm và 7 điểm. Học sinh B, anh đổi vị trí điểm theo thứ tự như: 8 rồi 7, 9. Học sinh C là 7,8,9. Học sinh D là 7,9,8, E là 8,9,7. G là 9,7,8. Rồi anh cứ cho điểm xoay tua như thế.

Anh không chấm bài, anh không cho điểm hay cho điểm đồng loạt là một cách miệt thị nền giáo dục ấy.

Anh Hiệu trưởng xem và không nói gì cả. Việc cho điểm của anh rõ ràng ngầm ngụ ý không đánh giá học trò, không đánh giá việc dạy học, phủ nhận vai trò thầy giáo và phủ nhận luôn việc dạy học.

Đây là một thứ phản đối tối thượng (Ultimate protest). Mang chính bản thân mình ra làm đối tượng diễu cợt. ?

Nếu không có cuộc đời, anh Thiềm sẽ là một giáo sư như thế nào ? Trước đây, anh trịnh trọng, áo sơ mi là ủi dài tay, thắt cà vạt, dáng người to lớn, dềnh dàng, không thiếu trịnh trọng trong đi đứng, ăn nói, xử thế. Vài ba năm sau, tôi ra khỏi nước, được tin anh đã mất.

Tiếc cho một người tính tình lúc nào cũng vui cười với óc hài hước rất cao đã tìm cách tự hủy nhân cách mình dần dần một cách cố ý. (Suicide prolongé et intentionnel) Cố ý tự hủy, cố ý sa đọa hoá nhân cách và con người như thế không còn là con người nữa. *Đó là lối tự hủy của người có học, của trí thức bày tỏ một nhân cách lộn ngược, bất cần đời thường thấy nơi một số nhà văn, nhà trí thức, người hiểu đời, hiểu thế sự..*

Thứ sáu 15 tháng 8-1975, giám mục Seitz, địa phận Kontum-Pleiku bị trục xuất khỏi Việt Nam

GM Seitz cùng với 9 người khác gồm 6 linh mục và ba nữ tu đã bị trục xuất khỏi VN. Các tu sĩ trên đã bị quản thúc tử tháng 3-1975 ở trên cao nguyên. Vài ngày trước đấy, họ được lệnh rời khỏi cao nguyên. Sau khi bộ đội lục soát hành lý của họ, họ được chở bằng xe che mui kín về Sài Gòn và giam giữ ở khách sạn Caravelle, sau đó được dẫn ra phi trường. Đứng quên là sau này vào ngày 7-7-1976, những linh mục dòng tên cuối cùng cũng đã rời Việt Nam (gồm hai Pháp, 2 Y Pha Nho, một Gia Nã Đại và một Ý.) Dòng tên còn lại khoảng 30 lm người Việt Nam. Một số người Pháp vẫn tưởng rằng họ được chính quyền mới ưu đãi hơn các người ngoại quốc khác. Thực tế không phải vậy. Giám đốc đồn điền IPH và Chủ nhân hãng Michelin cũng phải cuốn gói. Chẳng những mất tài sản mà chính phủ Pháp qua đại diện còn phải đứng ra bảo lãnh những món thuế còn thiếu của các công ty này. Giám đốc CARIC cũng được phép rời VN để tìm sự trợ giúp tài chánh nơi chính phủ Pháp cho những công trình đóng tàu biển. Nói chung, các công ty này tự dâng hiến toàn bộ cơ sở vật chất, tài sản bất động sản mà vẫn còn nợ thuế chưa trả được.

Khi về lại Pháp, GM Kim có viết một cuốn sách nhan đề: « *Le temps des chiens muets* » (Thời của những con chó câm). Ông viết: « *Les chiens muets, ce sont ceux qui ont peur de dire la vérité, qui n'osent pas aboyer* » (Những con chó câm là những con chó sợ nói sự thật và không dám sủa)

Xin trích bản thông cáo lý do trục xuất các người ngoại quốc như sau: Communiqué du service d'information et de la culture de la province de Kontum.

Les étrangers qui viennent d'être expulsés le 12 août 1975 et dont les noms suivent: Paul Seitz. André Marty. Léon Dujon. Marcel Arnould. Josep Curient. Gabriel Brice. Olivier

Deschamps. Edirc Baker. George Christian. Raphaelle Cormier. Marie-Renée Legal. Cécile de Boissy ont commis des crimes suivants:

Họ phạm 8 tội tất cả. Tội nào cũng đáng lãnh án chung thân hay tử hình như trong bản thông cáo nói: crimes qui méritent l'emprisonnement et la peine de mort. Vậy mà họ chỉ bị trục xuất mà còn bất mãn phản đối đòi ở lại.

Tội nặng như thế, trục xuất là phải rồi.

Phản tôi, tôi chỉ mong muốn thay thế chỗ của Paul Seitz để được trục xuất sang nước Pháp mà không được.

Số phận TGM Thuận đã được an bài:

Cũng trong ngày 15 tháng 8 này, Phó TGM Nguyễn Văn Thuận dời thành phố Sài Gòn đi tù suốt 13 năm. Sau này, một trong số những người chống đối việc bổ nhiệm của ĐC Thuận như ông Nguyễn Văn Chín, đại diện phong trào Công giáo Dân tộc và là LM Thanh Lãng đã viết lời xin lỗi trong một lá thư di chúc vào ngày 28-11-1988 như sau : * *Tôi xin công khai sám hối với Chúa và Hội Thánh Toàn cầu và VN. Lạy Chúa, xin tha thứ cho con mọi lầm lẫn và ban cho con lòng tin lòng trông cậy và ơn tha thứ. Tôi xin công khai sám hối xin lỗi đức Cha Nguyễn Văn Thuận, xin Chúa gìn giữ và trả công cho đức Cha.*

Ngày 28 tháng 11-1988. Đinh Xuân Nguyên, Thanh Lãng.

LM TL sau đó qua đời ngày 17-12-1988.

Về cái chết của TL, có dư luận nghi ngờ vì có sự ám toán mờ ám. TL có viết gửi nhà nước một thư ngỏ để bênh vực quan điểm của giáo hội về việc phong thánh. Bức thư được in ra nhiều bản chuyển tay nhiều người. Có một số SV văn khoa đến xin được gửi bức thư ra Hải ngoại để được phổ biến rộng rãi. Ông đã tiếp họ trong trạng thái bình thường và vui vẻ. Thế rồi Công an quận Tân Bình mời lên gặp và qua ngày hôm sau, ông bị trúng gió và qua đời trong sự bán tin bán nghi của nhiều người.

Cũng trong cái tinh thần sám hối ấy mà sau này vào tháng 8-1988, một nhóm LM và giáo dân đã họp ở trụ sở báo ĐMHCG thuộc dòng CCT soạn thảo hai bức thư, một gửi cho TGM Nguyễn Văn Bình, một gửi cho HĐGMVN vào ngày 15-8-1989 để yêu cầu đòi can thiệp cho TGM Thuận trở lại Sài Gòn.

Hai lần họp. Hội 1975 tụ tập ở toà khâm sứ và toà TGM đòi trục xuất TGM Nguyễn Văn Thuận để ủng hộ chính quyền. 12 năm sau, tụ họp đòi cho TGM Thuận trở về, chính thức chống đối chính quyền.

Ngày 16 tháng 8-1975, một lá thư chung của Toà Giám Mục.. ra quá chậm

Giáo hội thường được gọi là thăm lạng miền Bắc do TGM Trịnh Như Khuê dời đến hơn 3 tháng sau, hôm nay mới chính thức ra thông tư, mà nội dung hoàn toàn đạo giáo, không nhắc gì đến ngày 30 tháng tư cả. Người ký thay Giám mục là LM Trần văn Mai.

Nội dung lá thư có những câu như: *‘cố gắng làm người công giáo tốt, người công dân tốt. Công giáo tốt thì cầu nguyện cho họ chóng được lên Thiên đàng, công dân tốt thì mừng Quốc khánh cách long trọng.’*

Giọng điệu không có gì là hồ hởi, lại còn có vẻ lơ đãng cái ngày trọng đại thống nhất 30 tháng tư nữa.

Trong khi đó lá thư trong Nam của cha ĐC Bình đề ngày 2-9-75 có những đoạn: *” trong lòng của tín hữu, cõi trần gian và cõi trời không còn cách biệt, không còn phân ly, nhưng đã hoà đồng và vươn lên mãi dưới sức tác sinh của Thánh Thần Thiên Chúa. Sống niềm tin ấy trong những ngày lịch sử này của dân tộc, chúng ta không còn lý do gì để không vui mừng đón nhận những giá trị của Cách Mạng.”*

Hai lá thư chung của hai TGM ở vào hai thời điểm khác nhau cho biết thái độ của họ đối với chính quyền như thế nào.

Hơn 20 năm sau sống dưới chế độ được mệnh danh là “*giáo hội thâm lặng*”, hình như những vị lãnh đạo Thiên Chúa giáo miền Bắc vẫn chưa nuốt nổi món ăn CS và mối quan ngại đối với chính quyền Cộng sản vẫn còn.

Vì thế, không lạ gì cuộc an táng ĐC Bình, khác hẳn cuộc an táng của Hồng Y Trịnh Như Khuê. Đám tang TGM Bình vào ngày 3-7-1995 được tổ chức trọng thể. Báo Sài Gòn Giải Phóng ra ngày 4-7-1995 cho biết rõ tên tuổi một số cơ quan và nhân vật tham dự. Đặt vòng hoa có: Ông Đỗ Mười, Tổng Bí Thư, ĐCSVN. Ông Lê Đức Anh chủ tịch nước CHXHCNVN. Ông Nông Đức Mạnh, chủ tịch Quốc Hội. Đến viếng có ông Nguyễn Văn Linh, Võ văn Kiệt và các Đoàn Đại biểu UBTUMTTQ. Đoàn Đại biểu Dân Vận trung ương, Đoàn Đại biểu thành uỷ, Hội Đồng nhân dân TPHCM vv..

Cáo phó đăng hai lần liên tiếp trên tờ SGGP vào ngày mùng 2 và 3, tháng 7, trên trang nhất, góc dưới bên phải, chỗ thường chỉ để dành riêng cho các lãnh tụ Đảng và nhà nước từ trần mà thôi.

Và đây là một vài lời chia buồn của các viên chức nhà nước. Ông Lê Khắc Bình chủ tịch UBMTTQ Tp HCM ghi:” *Vĩnh biệt cụ TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình, đã góp phần vào việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân*”. Ông Võ Trần Chí, bí thư thành uỷ dẫn đầu đã ghi vào sổ tang:” *Vô cùng thương tiếc cụ Phao lô Nguyễn Văn Bình, TGM giáo phận tpHCM đã tận tụy suốt đời kính Chúa yêu nước, góp phần vào sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc*” Trong khi đó thì ông Trần Bạch Đằng nói lên nhân một buổi hội nghị. *TGM Bình là một ông cù lần nhất trong ba ông cù lần*.

Có lẽ lời nhận xét trung thực nhất là cụ Bình là người luôn luôn chịu đựng, đứng mũi chịu sào và đồng thời vừa phải tìm cách hợp tác với chính quyền mới.

Nhưng chẳng nên nhìn mấy cái bề ngoài phô trương của đảng này để xét đoán con người. Hãy nhớ lại những lời phát biểu của TGM trước khi chết như một chúc thư cho người ở lại qua lời phỏng vấn của Trần Bá Cường:’ *Nhưng với tôi, 20 năm qua, cảm tưởng sâu đậm của tôi là đã phải sống một thời gian dài nhất của đời người*’. Hiểu câu này như một lời trời trần để hiểu nỗi khổ tâm của một người chủ chiên ở trong một hoàn cảnh đất nước đã phải cam chịu trong 20 năm qua.

Thứ ba, ngày 19 tháng 8-1975, những món quà ý nghĩa:

Ngày kỷ niệm năm chính quyền của Việt Minh vào năm 1945. Chính quyền đã gửi đến cấp lãnh đạo Thiên Chúa giáo bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của người có đạo. Nhưng người ta cũng chưa quên được việc trục xuất mới đây GM Kim và các thừa sai người Pháp.

Món quà thứ hai cho dân thành phố là việc phóng thích 200 người trong các trại học tập cải tạo. Con số quá ít ỏi, nhưng cũng gây được một chút hy vọng mong manh nơi các gia đình có người thân còn trong trại học tập cải tạo. Niềm tin đó đã kéo dài lê thê trong nhiều năm sắp tới.

Món quà thứ ba đến từ Liên Xô. Một tàu dầu của Liên Xô đã cập bến Sài Gòn mang theo 31 vạn tấn dầu.

Trong những món quà khác, Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế đã gửi bằng đường biển đến VN thuốc men, dụng cụ y khoa. Điều đặc biệt là Hội Hồng Thập tự đã nhận được một giấy đòi thuế cho những món quà tặng đó. Số tiền là 36 vạn đô la mà Hội HTT phải trả. Hai bên đã thương lượng rất nhiều lần mới đi đến được thỏa thuận. Quà đã tới, đã trao làm sao thu hồi lại được. Vấn đề là làm sao trả bớt thuế. Cho quà mà còn phải đóng thuế, họa chăng chỉ có người VN. Rút kinh nghiệm quà phải đóng thuế, cho phải trả tiền, một chuyến tàu khác của Hội Hồng Thập Tự đang trên đường đến VN đã được lệnh đổi hướng đến một nước khác biết điều hơn.

Thứ ba 26 tháng 8-1975, tờ Tin Sáng loan tin

Tin ở đây là chính quyền đã kiểm soát và làm chủ đến 70% các cơ sở xí nghiệp ở miền Nam. Trong đó có hãng Denis frères của Pháp. Nhân công sau đó bị cho nghỉ việc mà không được bồi thường một đồng xu nào.

Các ngân hàng tư là những nạn nhân đầu tiên. Tiền bạc, tài sản đều được chuyển giao về Ngân hàng Quốc Gia

Ngoài việc chiếm các cơ sở thương mại, các cán bộ cao cấp chính quyền mới còn chiếm các biệt thự, các dinh thự cũng như các tài sản ở trong đó. Mặc dầu có thông cáo ra lệnh: **không có bất cứ tổ chức nào, không có bất cứ đơn vị quân đội nào có quyền trục xuất những người ở trong các biệt thự đó cũng như tịch thu tài sản của họ**

Có lẽ cũng lắm chỉ có dinh thự của ông Hannon, giám đốc CARIC là không ai đụng tới. Cũng vì vậy, chẳng mấy chốc mà những cán bộ cao cấp trong đảng trở thành triệu phú như ông Lu nhận xét. Ông Lu His-Ying, một thương gia tiếng tăm và có thể lực của người Tàu, một người theo chủ nghĩa Mao cười nói rằng Trung Quốc rất chú ý đến ý nghĩa cuộc chiến thắng này, đồng thời đến số phận những người Trung Hoa như ông hiện nay. Có tất cả 1 triệu rưỡi người Trung Hoa như ông Lu và đó là con số đáng kể. Sau đó, ông cho rằng những người của Hà nội ông có thể mua được dễ dàng. Lại cười.

Cái cười của người Trung Quốc.

Lời nói tiên tri của ông Lu phải chẳng mở đầu cho một cơ cấu chính quyền tham nhũng như hiện nay.

Trong khi đó báo chí tuyên truyền, rì rả cho ngày lễ Độc Lập sắp tới. Để chuẩn bị cho ngày đó, 1000 nhà sư đã tụ tập đến rạp Rex vào ngày 27 tháng tám để học tập. Ngày hôm sau, cũng khoảng con số như thế những tu sĩ Ki Tô giáo đến rạp này cũng để học tập.

Các nhà sư, các ông cha quen làm thầy dạy người khác, quen giảng, quen thuyết pháp. Lần đầu tiên trong đời, họ trở thành những cụ, những quý vị LM, tu sĩ, những quý vị Thượng Tọa, đại đức trở thành các *tỳ kheo*, các học trò ngoan ngoãn như học trò nghe người khác dạy. Nào trước đây ai đã dạy được các cha, các thầy, các thượng tọa, đại đức. Góms thay cho người Cộng Sản.

Đó là những buổi học tập bắt đắc dĩ để mừng một ngày lễ. Kể từ đây, hễ có lễ lạc là phải học tập. Bắt đắc dĩ phải nghe, bắt đắc dĩ để mừng.

Thứ bảy 30 tháng 8-1975, câu chuyện về các nhân vật chế độ cũ:

Ông Trương Vĩnh Lễ, nguyên chủ tịch Quốc Hội VNCH thời đệ nhất, chủ nhân nhà in Sài Gòn ấn quán. Hồi còn chế độ Ngô Đình Diệm, mỗi lần có dịp lễ lạc gì trên Viện Đại Học Đàlat, tôi đều nhận thấy ông có mặt. Có thể, ông đã không thiếu một buổi nào. Trông ông hiền lành như ma sơ. Một người như ông, hiền lành như bụt, chắc làm chính trị là phải. Ông có cả hai cái hiền đó cộng lại. Về sau này, những Trương Công Cửu, Trần Văn Lắm chỉ có cái giả vờ hiền. Thua ông Lễ nhiều lắm. Trong những buổi lễ như thế, tôi cứ chú mục nhìn ba người, nhìn ông Lễ, nhìn ông Diệm rồi sau đó đó lại liếc sang nhìn ông Nhu. Thật chả giống nhau tý nào. Ông Nhu có cái nhìn xa vắng, tiết ra cái oai để sợ lắm, ngồi đó mà nghĩ đầu đầu, không nhếch mép một nụ cười. Không thèm chú mục tới bất cứ ai. Không để ý tới những bài diễn văn, những lời chúc tụng chung quanh mình. Ông Diệm để mỉm cười, hơi tí đỏ mặt, có vẻ người bề ngoài là người phúc hậu, dễ gần, dễ cởi mở. Sau này, dư luận nói ông ác lắm, tôi cũng không tin. Ông Lễ thì khép nép từ tốn, chấp tay cúi đầu khi lên chịu mình thánh Chúa. Ông Diệm không còn là một Tổng Thống, mà là một ông cha. Còn ông TVL, không còn là chủ tịch QH, mà là một con chiên. Từ đó, tôi đã biết chọn, ai trong ba người là người làm chính trị. Tự thâm tâm, tôi đăm mê ông Nhu, tôi để ý cái lối ngồi bất động, bộ áo vét hơi nhàu nát, chềnh mảng, mái tóc hoa râm, cứng, thưa và hơi biếng chải, làn da mặt đồi mồi hơi xạm tối, cái vóc dáng trí thức khác người, hơn người của ông. Tôi không lần nào thấy bà Nhu ngồi gần, hay bà ngồi đâu xa xa, lẫn vào đám đông. Chỉ có vậy mà tôi đã nhớ ông suốt đời. Sau này, tôi có người bạn là NTV cũng nhắc lại một tâm trạng giống y như tôi.. chúng tôi đều chỉ ngồi nhìn ngắm ông Nhu.

Kể từ đó, tôi không thấy khuôn mặt chính trị nào đáng nể nữa. Nhưng nhắc tới ông Nhu là nhớ tới ông Lễ như một phụ bản. Tôi nhớ đến ông TVL là vì thế. Nay nhà in và toàn bộ máy móc

của ông đã bị trưng thu kể từ tháng 7. Được tin ông bị bắt cùng với toàn thể gia đình vì có ý định trốn đi ra nước ngoài.

Tự nhiên, cả một quá khứ quay trở về. Tôi nhìn ra chỗ ngồi của ông TVL bên cạnh TT Ngô Đình Diệm và cuối hàng ghế đầu, phía tay trái, chỉ còn một người ngồi nữa là hết dãy ghế, chỗ của ông Ngô Đình Nhu, chỗ có vẻ khiêm tốn, khuất lấp. Thật ra chỗ của ông Nhu, ông muốn ngồi chỗ nào mà chả được.

Sau này, không biết số phận ông Trương Vĩnh Lễ ra sao.

Danh sách trí thức miền Nam ủng hộ chế độ mới.

Đây là những trí thức trong thành phần thứ ba và nay ra hợp tác với chính quyền mới. Đây là danh sách cụt và ngắn gọn. Còn rất nhiều người tham gia hợp tác khác mà chưa đủ nổi, chưa tiện nói.

Cao Thị Quế Hương, Chân Tín, Huỳnh Công Minh, Huỳnh Liên, Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Giáp, Lê Văn Thới, Hồ Ngọc Nhuận, Lê Văn Nuôi, Lý Chánh Trung, Lý Quý Chung, Ngô Bá Thành, Ngô Công Đức, Nguyễn Duy Thông, Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Long, Phạm Biểu Tâm, Phan Khắc Từ, Thích Minh Châu, Tôn Thất Dương Ky, Trần Ngọc Liễn, Trần Thúc Linh, Triệu Quốc Mạnh, Trịnh Đình Thảo, Trương Bá Cần, Võ Đình Cường, Võ Thị Bạch Tuyết, Vương Đình Bích.

Phản cự chủ tịch Thượng Nghị Viện VNCH Nguyễn Văn Huyền

Cụ đã đứng ngoài danh sách trên. Sau này cụ đau nặng. Nhưng Ủy Ban Trung Ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam đã nhiều lần mời cụ tham gia vào mặt trận. Cụ đã từ chối vì lý do sức khỏe. Trên tờ Đại Đoàn Kết, người ta nhắc lại với lời tán dương cụ là người đã biện hộ cho luật sư Nguyễn Hữu Thọ ở thời kỳ chống Pháp. Nhưng họ cũng không quên nhắc khéo cụ đừng có làm cao quá về lời mời tham gia vào Mặt Trận.. vậy mà cụ đã vô tình lặng lẽ ra đi chưa kịp có một lời giã biệt. Mới đây tờ báo điện tử Chuyên Luận, bên Úc đã cố ý nói không tốt về cụ gián tiếp cho rằng cụ và nhóm Trần Văn Lắm đã làm áp lực lên Thủ Tướng Võ Văn Kiệt đưa đến cái chết của TT Thích Thiện Minh ở trong tù. Một cái chết còn rất nhiều nghi vấn. Nhưng đưa ra một giả thuyết vô bằng như vậy quả là không nên.

Xin nêu ra vài nhận xét của Hồ Ngọc Nhuận về cụ Huyền. Kể cũng trớ chêu thật, chỉ khác nhau một chữ đệm mà mỗi người xét đoán sự việc mỗi người mỗi khác. Hoàng Nguyên Nhuận, trên Chuyên Luận thì nghi can cho cụ có trách nhiệm vào vụ thẩm sát TT Thích Thiện Minh.

Còn Hồ Ngọc Nhuận thì lại nghĩ rằng, cụ là một trong những nhà chính trị hiếm hoi của VNCH là người đạo đức. Cụ cũng là người mà Cao Thị Quế Hương, một sv Phật tử tranh đấu hết lòng bày tỏ sự biết ơn, vì thời gian ở tù, cô vẫn được cụ tới viếng thăm và giúp đỡ. Hồ Ngọc Nhuận đã viết như thế này:” *Không biết cụ lấy đâu ra từ trong con người ốm yếu của cụ cái chất giọng trầm, sắc, chắc, khoẻ, to và cái hơi dài như vậy.* Hãy xem cảnh cụ Huyền điều khiển Thượng Viện dưới ngòi bút của Hoàng Ngọc Nhuận:” *Như trên đã nói, tôi muốn nói gì cứ nói, tôi muốn đao to búa lớn với hành pháp thế nào cũng được, như trong vụ dân biểu Trần Ngọc Châu bị bắt và trong nhiều vụ khác..Nhưng khi tôi vừa cất giọng hướng mũi tấn công về cụ Lương coi như đồng lõa của hành pháp..thì nhanh như cắt, cụ Huyền chộp lấy cái búa gỗ.. Hẳn cụ chủ tịch TV cho rằng cụ chủ tịch Hạ Viện là khách danh dự của cụ, nên cụ phải bảo vệ, không để ai động đến. Nhưng tôi đâu nỡ để cho cụ ‘búa’ mất sức lắm.. và cảnh vờn nhau thăm lặng không kém phần quyết liệt giữa một già, một trẻ như vậy tại Hội Trường không chỉ diễn ra một lần, khiến nhiều đồng viện để ý theo dõi cũng phải bật cười.*

Sau gần 20 năm sống thăm lặng, cụ bỗng được mời vào Trung Ương MTTQVN. Là người sùng đạo, cụ Huyền cũng là người mực thước, đức độ và rất được cố TGM Bình hết mực tin cậy. Cụ có người em gái là nữ tu dòng kín. Đến lúc cuối đời, cụ vẫn sống khiêm tốn, giản dị, hàn vi trong ngôi nhà nhỏ ở gần góc Hồng Thập Tự- Bùi Chu, một phần nhà mặt tiền dành cho một người cháu hành nghề hớt tóc. Yếu nhiều, cụ nghỉ ngơi, làm việc ngay tại phòng khách, cạnh giường luôn để sẵn cây gậy.”

Một thời gian sau, cụ Huyền lặng lẽ ra đi. Mà không *ai* hay.
Tôi nghĩ viết như thế là đủ, khỏi cần tranh cãi với Hoàng Nguyên Nhuận.

Thứ ba, mùng 2-9-1975, Kỷ niệm ngày lễ Độc Lập.

Đây là buổi tập trung đông đảo người nhất kể từ 30 tháng tư. Buổi chiều có pháo bông. Tờ Giải Phóng cho biết có 10 triệu người tham dự buổi Mít tinh trên tổng số hơn 3 triệu dân thành phố. Lại những con số ảo đến lố bịch. Có những con số làm phiền, có những con số ảo lố bịch và có những con số làm ta phát nản.

Cũng trong dịp này, thành phố Hà nội khánh thành khách sạn Thăng Lợi. Cũng là dịp để mừng 30 năm ngày tuyên bố Độc Lập. Khách sạn này là do tiền tài trợ giúp của nước Cu Ba anh em cho Việt Nam. Vật liệu xây dựng từ bao xi măng đến cái nắm cửa, cho đến thày thợ đều chở từ Cu Ba sang. Ở vào thời kỳ đó thì khách sạn Thăng Lợi là niềm tự hào của hai nước và chỉ dành cho các khách sang, các nhà ngoại giao từ ngoại quốc đến. Ở đây cũng là kho lương thực cho các nhân viên đại sứ quán có thẻ lương thực mà tiêu chuẩn là một nửa lít sữa cho ba người một ngày và nửa kí lô đường cho một người trong một tháng.

Tiêu chuẩn lương thực như thế cũng chả có gì là hấp dẫn, nhưng đối với một người VN bình thường thì quả là không dễ mà có được.

So sánh khách sạn Thăng Lợi với khách sạn Thống Nhất, còn gọi là hotel Métropole cũ thì cũng khác xa nhau một trời một vực. Tòa Đại sứ Ý ưu tiên có được hai phòng cho hai cố vấn tòa Đại sứ với gia đình họ ở khách sạn Thống Nhất. Tòa đại sứ Irak thì chỉ được một phòng, vừa làm văn phòng, vừa làm chỗ ăn ngủ cho 3 nhân viên sứ quán. Muốn có máy lạnh thì nhân viên sứ quán phải tự mang máy lạnh đến và khi dời khỏi khách sạn thì phải hứa tặng lại cho khách sạn. Các nhân viên sứ quán thì bị hạn chế di chuyển và chỉ có chuột là tự do đi lại trong khách sạn. Nhân viên sứ quán Úc Đại lợi nhận thấy nước máy quá dơ bẩn đã nghĩ ra được cách lọc nước máy đơn giản và hiệu quả. Buộc một chiếc bút tất vào vòi nước. Vậy là xong.

Kỳ tết vừa rồi, tôi có dịp đi ngang qua khách sạn này. Nó chẳng còn như xưa nữa mà đi vào sự hoang phế chờ để được đập phá đi.

Tất cả đã thay đổi nhiều lắm.

Có tin bệnh viện Grall đóng cửa.

Bệnh viện tư duy nhất của người Pháp còn để lại. Phải đóng cửa, vì thiếu thuốc men, mặc dầu có một số thùng thuốc được chở đến từ Singapore từ 22 tháng 7. Theo các bác sĩ trong bệnh viện, nhu cầu thuốc men cần cho bệnh viện lúc này là 20 tấn. Chuyện phải đến đã đến, mặc dầu Sài Gòn thiếu trầm trọng các bác sĩ, y tá cũng như thuốc men.

Tốt hơn hết trong lúc này là đừng có ốm đau gì cả.

Người ta có thể nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn nói, tại sao lại không có thể nhịn ốm được nhỉ ?

Thứ sáu, 12 tháng 9-1975, Hội nghị Hiệp Thương thống nhất tổ quốc

Phái đoàn gần 100 trí thức miền Nam ra thăm miền Bắc đi tham dự Hội Nghị Hiệp Thương Thống Nhất Tổ Quốc.

Trong phái đoàn đặc biệt có Ni sư Trưởng Huỳnh Liên, luôn luôn mặc áo toàn vàng nghệ, theo phái khát sĩ, đầu cạo láng coóng. Thật chẳng giống gì với mấy sư ông miền Bắc toàn một màu nâu, đầu quấn khăn. Bên cạnh theo phù tá là Nữ nghệ sĩ Kim Cương cũng láng coóng theo kiểu áo dài trong Nam..

Trong phái đoàn có một nhà báo kỳ cựu là ông Nam Đình. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu được tại sao ông lại có mặt ở đây. Trước đây trong Hội ký Nam Đình, hội ký làm báo của ông, ông đã cực lực lên án phe đệ tam đã giết hại những người của phe đệ tứ như Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu. Ông là một trong những nhà báo nổi tiếng có một thư viện đồ sộ và những tài liệu quý báu ít ai có được. (Xem thêm, nhìn lại sáu mươi năm tranh đấu cho Việt Nam. Hồ sơ đệ tứ, tập 3. Nhóm đệ tứ VN tại Pháp)

Còn Chân Tín thì trẻ con miền Bắc tưởng lầm là ông Liên Xô. Với vàng trán hói quá khổ và mái tóc dài thõa xuống ngang vai. Lúc đó, ông làm lớn lắm: Thứ nhất là Ủy viên Trung ương Mặt trận tổ quốc VN và phó chủ tịch Mặt trận thành phố. Mới đây, tôi gặp lại ông ở Sài Gòn thì đầu tóc đã ngắn không còn dài như trước nữa. Chỉ ít lâu sau khi về lại thành phố thì ông đã nói: *Tôi được giải phóng rồi*, nghĩa là mất tuột tất cả những chức vụ hữu danh vô thực trên. Lúc này thì ông kêu gọi người **Cộng Sản phải xám hối**.

Ông bị cô lập và cuối cùng giam lỏng ở Cần Giò. Những người bị giam tù thời VNCH như Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Huy Diễm hay Võ Thị Bạch Tuyết, giám đốc Sở lao động thương binh và xã hội thành phố cũng thường rủ nhau tới thăm ông. Thăm như một trả ơn nghĩa lúc ông là sáng lập Ủy Ban đòi cải thiện chế độ lao tù tại miền Nam VN

Nguyễn Ngọc Lan thì cân cả quần, cả áo mới nặng được 33 kí lô sau khi ăn cơm xong. Ông tham quan Hà nội, 1975 về viết bài trên tờ Đứng Dậy, trước hồi VNCH là tờ Đối Diện. Bài báo nhằm giới thiệu Hà nội một cách trung thực với nhan đề: *Hà nội tôi thế đó*. Thế đó là thế nào. Nghĩa là nghèo xác xơ. Nói thế đâu có được. Nói thế là chửi xỏ xiên chế độ. Kết quả là Đứng Dậy đóng cửa và ít lâu sau, ông trở thành người đối lập chỉ trích nhà nước Cộng Sản trong: *Những tin nhà*.

Lại có thêm Lý Chánh Trung, người nổi bật nhất trong phái đoàn, có thói quen ngậm ống vớ rất là cao sang và tự hào. Ông kể cho tôi là đi đến đâu, từ chị lái đò đến anh công nhân đều đã đọc bài viết của giáo sư trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Như thế, trình độ văn hóa của dân miền Bắc kể là cao hơn so với miền Nam. Nghe những truyện ông kể, tôi thật sự không vui. Tôi chỉ biết nói thế. Sau này mới đây gặp lại ông, hình như ông đã bỏ thói quen ngậm ống tẩu. Ông chỉ còn giữ lại được nụ cười nhếch mép cố hữu từ thời tuổi trẻ. Cái còn lại duy nhất của đời ông lúc tuổi xế chiều.

Bà Ngô Bá Thành và Lý Quý Chung (cả hai đều đã mãn phần) đều coi đây là một vinh dự hi hữu của cả một đời người. Riêng Lý Quý Chung, trong *Hồi ký không tên* của ông cho hay, khi ba ông, ông Lý Quý Phát, bị đột quy và lúc tập nói được thì câu đầu tiên ba ông đã nói với ông như sau: ** Tao không muốn gặp mày nữa, gia đình mày đã ra thế này, cha mày đã ra thế này mà mày còn viết báo cho Cộng Sản, cha mày từ mày**. Ông thú nhận là chưa bao giờ ba của ông đã nặng lời với ông như thế. Ông viết thêm về gia đình ông: Cùng một lúc, tôi **mất** bảy đứa em vào lúc này người vượt biển coi như không có hy vọng gặp người ở lại.

Nhưng câu thú nhận đau lòng nhất vẫn là: Sau 30 năm, tôi vẫn là « *người khách đặc biệt* », chưa bao giờ là một thành viên trọn vẹn của chế độ mới.

Sau đó thì phái đoàn miền Nam được hướng dẫn đi tham quan một xã tiêu biểu là xã : Như Quỳnh, cách Hà nội 20 cây số trên đường đi Hải Phòng, thuộc tỉnh Hưng Yên. Sau chuyến tham quan về thì ông Hồ Ngọc Nhuận viết khác Nguyễn Ngọc Lan như thế này: ** Nhưng ngày nay thì đã hoàn toàn khác hẳn. Đồng bào nông thôn của ta ở miền Bắc đã thật sự được giải thoát khỏi áp bức bóc lột. Họ đã hoàn toàn làm chủ đời sống của họ, vận mệnh của họ và do đó thật sự là những người chủ đất nước. Chủ nghĩa xã hội là con đường tiến lên tất yếu.. Và chúng tôi nghĩ rằng, chúng tôi tin rằng Độc lập dân tộc và Thống nhất tổ quốc phải được gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Và sau 25 năm, chính ông Hồ Ngọc Nhuận đã viết lại như thế này: ** Và tôi nữa, sau 25 năm, khi đọc lại chính mình, tôi tìm thấy được bao nhiêu phần trăm của tôi hôm nay trong đó.. Trong những gì mình viết, suy nghĩ, khẳng định năm xưa.*

Sau người Pháp, chính quyền nay tính đến chuyện người Việt gốc Hoa.

Đây là bụi cỏ dại lớn nhất, rộng nhất, ảnh hưởng nhất đến nền kinh tế cần phải được nhổ. Báo chí đồng loạt lên án, tố cáo nạn đầu cơ, tham nhũng. Thực phẩm khan hiếm, giá cả gia tăng đều là do bọn thương gia tích trữ, đầu cơ, tạo ra khan hiếm giả tạo nhờ đó lên giá làm giàu.

Đợt càn quét đầu, nhà nước đã bắt giam hơn 100 thương gia người Tàu có máu mặt trong thành phố nội trong hai ngày. Một quỹ của người Tàu đã quyên được 4 tỉ đồng trong một buổi

hợp bí mật tại một nhà thương gia trong Chợ Lớn..Người Tàu Chợ Lớn tìm cách phản công bằng cách nhờ cậy đàn anh là Trung Cộng can thiệp và tẩy chay Việt Nam. Đây cũng là đầu mối sau này có nạn đi bán chính thức và nhân cơ hội đó, nước Tàu lấy cớ để gây hấn và để gây một thứ chiến tranh mới mệnh danh là cho "*Việt Nam một bài học*".

Đặng Tiểu Bình đã nói với các nhà báo ở Bắc Kinh như thế này :"*Chúng tôi có thể dung thứ việc Liên Xô có 70% ảnh hưởng ở Việt Nam, miễn là 30% dành cho Trung Quốc.*".Lần khác, Đặng Tiểu Bình nói : *Trung Quốc là NATO phương Đông, và Việt Nam là Cuba phương đông.* Bài học khá là nặng. 4 tỉnh phía Bắc VN bị phá hủy đến như bình địa. Nước uống bị nhiễm độc. Trẻ con bị rạch mặt, cắt tai cho nhớ đời đến 50 năm về sau.

Bài học dạy cho Việt Nam một bài học cũn làm cho các nước trong khối A.S.E.A.N như Thái Lan, Phi Luật Tân, Singapo lo ngại. Thái Lan trước đây lo ngại VN xâm chiếm, nay thì có nỗi lo ngại lớn hơn: Nước Tàu.

Trước khi dạy cho VN một bài học, họ đã dùng đủ mọi biện pháp sức ép trên chính quyền Hà Nội như:

- Ngay từ 1975, cắt viện trợ không hoàn lại. Tất cả những công trình xây dựng ở VN gần như ngưng lại.
- Cắt viện trợ và cắt sự giúp đỡ các trang thiết bị, tháng 6-1978
- Rút Đại sứ Tàu về nước với lý do đau ốm. 1978
- Yêu cầu VN đóng cửa các toà lãnh sự tại Quảng Châu vv..
- Trả về các sinh viên VN đang theo học tại nước Tàu.
- Cắt đứt đường xe lửa giữa Việ Nam và nước Tàu vào ngày 22-12-1978
- Sau này, 31-7-1978 ông Hua Kuo-Feng ủng hộ Cam pu chia:" *Cuộc chiến đấu của các ông là chính đáng và cuối cùng các ông sẽ chiến thắng, chúng tôi ủng hộ các ông*"

Mối bang giao trở nên căng thẳng đến độ đi đến quyết định cho VN một bài học. Thật ra bài học này trở thành một bài học cho cả kẻ cho và kẻ nhận bài học.

Thảm họa đã không tránh được vì người Tàu đã mang quân sang xâm chiếm nước ta vào sáng sớm ngày 17 tháng 2, 1979. Suốt dọc biên giới 1300 km, 20 vạn quân Tàu theo báo ngoại quốc và 60 vạn theo báo trong nước đã làm cỏ, phá tan hoang bốn tỉnh biên giới là Cao Bằng, Lào Cay, Lạng Sơn và Móng Cáy. Ngay từ 24 giờ đầu tiên, quân Tàu đã sử dụng chiến thuật biển người. Ở chiến trường Lạng Sơn, đồng chí Lê Canh, ủy viên chính trị tỉnh cho biết: *Chiến thuật biển người thật khủng khiếp. Bộ đội ta đã bắn giết hết lớp người này đến lớp người khác hàng giờ đồng hồ. Cuối cùng thì quân đội ta phải rút lui.*"

Chỉ hai tuần lễ sau của cuộc chiến, tức ngày 5-3, chính quyền VN ra lệnh tổng động viên: tất cả công dân từ 18-35 đối với phụ nữ, 18-45 đối với đàn ông đều phải sẵn sàng tham dự chiến đấu. Cụ thể là mỗi ngày phải dành hai giờ luyện tập quân sự. Cả một dân tộc sẵn sàng chiến đấu. Và đến ngày 20 tháng ba, tờ Nhân Dân đã chạy một hàng tít lớn: **Chiến thắng**. Vâng, nhưng với biết bao hy sinh về người và tài sản. Cho đến nay, chưa ai biết rõ thiệt hại nhân mạng người VN là bao nhiêu.

Về phía người tàu thì Đặng Tiểu Bình vẫn còn cay cú vì thất bại không dạy nổi cho VN một bài học đã tuyên bố:" *Chúng tôi biết rằng cuộc phản công tháng hai vừa qua vẫn chưa đủ để dạy cho VN một bài học. Vì vậy, một phản công mới trong tình trạng tự bảo vệ mình một cách chính đáng không phải là không có thể xảy ra* và Đặng Tiểu Bình kết luận:*Chúng tôi dành cái quyền lại có thể bắt đầu..* Họ Đặng còn tuyên bố tiếp:" *Quân đội của Bắc Kinh có thể tiến thẳng tới Hà Nội*" Nói cương vậy thôi. Trên thực tế, người Trung Quốc phải nhìn nhận đây là một cuộc thua trận về mặt quân sự. Không thể nói khác được.

Theo giáo sư Ph. Devillers, trong lúc mà chiến tranh Việt Nam-Tàu đang ở lúc cao điểm là tháng giêng 1979, bộ ngoại giao chính phủ Tàu đã gửi ít nhất là cho 7 nước Âu Châu một kháng thư như sau:" *Chúng tôi yêu cầu các ông chấm dứt mọi giúp đỡ cho VN. Nước Tàu sẽ coi mọi sự giúp đỡ cho VN là một hành vi gây hấn và sẽ gây ra những hậu quả* ".

Phải chăng, do áp lực của Tàu mà chính Phủ Carter của Mỹ đã thiếu hẳn một đường lối rõ rệt trong việc thiết lập lại bang giao với Việt Nam. Xin nhắc là Chính Phủ Carter đã có ý định thiết

lập lại bang giao với Việt Nam vào mùa thu 1978, nghĩa là trước khi quân Tàu tràn sang xâm chiếm VN, sau đó đã bắt thần bãi bỏ mọi thương thuyết về vấn đề này. Mỹ đã chọn quyết định bình thường hoá với Trung Quốc và gác sang bên việc quan hệ bình thường với Việt Nam. Vì thế, trong khi gặp Carter ở Washington. Đặng Tiểu Bình đã tỏ ý sẽ tiến công vào Việt Nam và không gặp phải phản ứng bất lợi nào từ phía Mỹ. Và sau đó Mỹ đã đưa ra 6 biện pháp xử sự trong trường hợp Trung Quốc xâm lăng Việt Nam. Tuyền là những biện pháp bất lợi cho Việt Nam như bất can thiệp, Việt Nam phải rút khỏi Campuchia, cuộc xung đột không đe dọa lợi ích của Mỹv.. (Hồi ức của ông Trần Quang Cơ, thứ trưởng ngoại giao chánh phủ CHXHCNVN). Ông Phan Hiền đáp lễ lại:” Chúng tôi nghĩ rằng nước Tàu phải suy nghĩ lại hàng triệu lần trước khi quyết định tiến hành một cuộc gây hấn mới”.

Còn ông Võ Văn Kiệt đã có lần than thở:” Mình bị nó lừa nhiều quá. Tôi nghĩ Trung Quốc chuyên là cạm bẫy.

Còn Ông Tô vốn người diêm đạm cũng đã phát biểu:” Mình hớ, mình dại rồi mà còn nói sự nghiệp cách mạng là trên hết, còn được hay không thì không sao”

Nhưng theo Alain-Roux trong cuốn Le casse-tête chinois, bộ chính trị Tàu đã phê phán nặng đường lối của Đặng Tiểu Bình trong một buổi họp tự kiểm thảo vào ngày 14 tháng ba 1979. Nhưng thực tế thì đường lối cứng rắn của ĐTB đối với VN vẫn được thi hành và thực hiện như người ta đã thấy sau này.

Nói cứng thì như vậy, nói ngoại giao thì như vậy. Nhưng thực tế Đại tướng Wu Hsiu-Chuan, Tham Mưu Trưởng của Tàu đã nhìn nhận chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn trong việc đánh sang Việt Nam. Ông nói thêm, một trong những khó khăn đó là, chúng tôi cần những tin tức phóng ảnh địa hình, địa lý chính xác hơn.

Không lạ gì sau này, chính phủ Tàu yêu cầu chính phủ Mỹ giúp đỡ kỹ thuật để canh tân quân đội Tàu.

Phía chính quyền Cộng Sản thì chỉ rêu rao hai cuộc chiến thắng chống đế quốc Pháp và Mỹ.. Nhưng nể mặt, chưa bao giờ dám xác nhận là đã chiến thắng nước Tàu. Việc đó cũng chẳng khác gì cái lễ phải giữ của các vua chúa thời xưa. Tây Sơn, Nguyễn Huệ cũng đã vang lừng truy sát quân nhà Thanh, sau đó đã không quên cái lễ thần phục. Vẫn phải nể mặt.

Dù sao, những diễn tiến cuộc chiến tranh này cũng chỉ là câu chuyện sau này để tư đó chúng ta rút ra những bài học.

Cuộc bắt bớ truy lùng gian thương vẫn tiếp tục một cách quyết liệt và mạnh mẽ trong thành phố cũng như tại các tỉnh. Loa Phóng thanh, các đoàn thanh thiếu nhi quàng khăn đỏ đi ngoài đường với biểu ngữ, hô hào, đả đảo gian thương. Nhà nào có xe hơi, có tý máu mặt nay sợ xanh mắt. Trước cửa nhà tôi ở đường Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận, có hai ông bà già mở một quán chạp phở trong một túp lều với mấy mái tôn che nắng. Ông bà cụ là người mua bán, cho mua chịu, có thể cho vay lãi cho các gia đình nghèo túng trong các hẻm Nguyễn Huỳnh Đức. Căn nhà được canh gác ngày đêm, dò trần nhà, đào đất sàn nhà để tìm kiếm vàng. Chẳng hiểu kết quả ra sao? Phần gia đình tôi sợ sanh máu mặt vì ở đối diện nhà ông bà cụ, lại có phần khá giả hơn nhiều. Phúc tổ bảy mươi đời không sao cả. Chỉ lén lút mang xe hơi của người anh để lại đậu xa nhà. Vậy là xong. Một hai bữa sau, chiếc xe đã bị làm thịt tanh banh, tách bách. Chỉ còn cái khung xe hơi.

Người ta cũng dựng lên một thứ toà án nhân dân đặc biệt để xử những con buôn đầu cơ, trục lợi. Hình phạt có thể từ ba năm tù đến án tử hình cộng với tịch thu toàn bộ tài sản. Cuộc truy lùng bọn đầu cơ tích trữ này kéo dài mãi đến tháng 6 năm 1976. Trong một vụ án vào tháng 6, năm 1976. Tòa án nhân dân đã đem xử 6 thường dân và 6 cán bộ. Trong đó, một trong những người bọn họ bị kết án tù chung thân và tịch thu toàn bộ tài sản. Những người khác từ 8 đến 20 năm tù. Riêng 6 cán bộ thì bị nhẹ hơn từ 6 tháng tới 15 năm tù..

Tiếp đến là các ông vua xuất cảng lúa gạo, vua thép, vua cà phê, vua vải vóc lần lượt bị bắt. Ở các tỉnh như Bạc Liêu đến lượt các vua nhà máy xay thóc. Có ông có đến 100 nhà máy xay lúa,

ông khác cất dấu, nói một cách chính xác là 3740 hạt kim cương. Các ông vua con đó nay lần lượt rủ nhau vào tù. Từ vua vua cá, vua xi măng, vua thép gai, vua hải sản v.v.. Không lúc nào mà số phận mấy ông vua khổ sở như lúc này. Nhưng người ta cũng ngại nhấn mạnh đến tên các chú Ba Tàu, vì ngại sự dòm ngó của Bắc Kinh. Các ngã đường vào Chợ lớn bị chặn để ngăn chặn tẩu thoát tài sản, vàng bạc châu báu và tiền bạc. Những rào cản đặt ở một số đường lục soát người ra vào. Quý kim và vàng bạc bị tịch thu. Tiền bạc không được quá số 50 chục ngàn. Sau Chợ Lớn đến lượt Gia định vào những ngày sau đó.

Thứ hai 22 tháng 9-1975, một ngày không như mọi ngày.

Đây cũng là một ngày đáng ghi nhớ. Ngay chiều chủ nhật, người ta đã chờ đợi một thông cáo quan trọng vào lúc 10 giờ tối. Có lệnh giới nghiêm trên toàn thành phố. Bộ đội canh giữ khắp nơi. Thông cáo cuối cùng được dờn đến 5 giờ sáng thứ hai.

Hóa ra có lệnh đổi tiền. Mỗi gia đình được đổi tối đa 100.000 đồng. Một đồng tiền mới tương đương 500 đồng tiền cũ. Và chỉ được lãnh trước 10 ngàn đồng. Số còn lại do nhà nước giữ lại. Để hiểu giá trị tiền mới thì 100.000 đồng tương đương với số tiền 600 đồng quan Pháp hay hơn 100 đô la Mỹ. Số tiền thật là nhỏ nhoi so với một gia đình. Gọi là bản cùng hóa nhân dân. Chữ dùng cũng không xa lắm.

Việc đổi tiền này áp dụng ngay cả đối với các cơ sở thương mại, các hãng xưởng và các tòa đại sứ như Pháp. Tòa đại sứ Pháp có số tiền là 50 triệu đồng cũng chỉ được đổi ra 500.000 đồng.

Tự nhiên, trong một ngày, cả nước trở thành trắng tay.

Giá cả ngay từ ngày chủ nhật tăng đến chóng mặt. Giá một con gà nay là 15 ngàn. Một chiếc xe đạp đang từ 60 ngàn lên một triệu đồng. Một xe máy thành mười lăm triệu đồng. Việc đổi tiền trừ liệu trong một ngày phải xong. Nó đã kéo dài đến thứ sáu.. Việc kéo dài này ra ngoài trừ liệu của giới chức thẩm quyền, vì nạn thiếu tiền mới. Họ không thể ngờ rằng nhà nào cũng đổi một trăm ngàn đồng cho mỗi hộ. Những hộ nghèo không có tiền thì đã có hộ giàu dúi tiền cho để đổi dùm.

Việc đổi tiền này đã tạo ra một cú sốc, một sự oán hận không cách nào bào chữa được. Đây là đòn chí tử đánh vào giới tư bản, giới thương gia của chế độ cũ. Nhiều tin đồn nói có người này tự tử, người kia quyền sinh. Cũng có tin đồn là đám tàn quân trốn lánh tại núi Bà đen, Tây Ninh đã đánh cướp một xe bạc mới dùng để đổi tiền cho dân chúng. Người ta cũng nói tới một lá cờ nền xanh da trời, với ba gạch đỏ và một con rồng vẫn bay phát phới trên núi Bà đen. Chuyện chỉ nghe, chẳng biết đâu là thực hư. Chỉ là loại tin đồn.

Vợ tôi thường có thói quen cất dấu tiền chỗ này, chỗ kia. Chỉ sau khi đổi tiền tình cờ khám phá ra một gói tiền cũng khá lớn, chẳng nhớ là bao nhiêu ?

Không, nay nó không còn giá trị một đồng tiền nữa. Giá trị một mảnh giấy cũng không đáng nữa.

Chủ nhật 28 tháng 9-1975, hận quả sau vụ đổi tiền.

Việc đổi tiền đã bị dân chúng ca thán oán hận. Nhà nước qua tờ báo Tin sáng, số ra chủ nhật đã được chính quyền tỏ lời xin lỗi về những bất tiện gây ra cho người dân trong việc đổi tiền này. Lời xin lỗi đó đã chẳng có tác dụng gì, vì ai cũng biết rằng, đây là cách bản cùng hóa mọi

người, triệt tiêu tư hữu, triệt tiêu tư sản tư bản, mại bản.

Sau đợt đổi tiền quá tàn bạo vừa qua. Chính quyền hình như muốn tạm ngưng các vụ bắt bớ tư sản. Bí thư Lê Duẩn trong dịp này lại tới Bắc Kinh, chẳng hiểu vì thế mà việc đánh tư sản, mại bản người Việt gốc Tàu có vì thế giảm bớt đi chăng ?

Hậu quả đi kinh tế mới.

Sau cái nạn đổi tiền đến nạn đi kinh tế mới. Theo chính quyền thì có khoảng ba trăm ngàn người đã dời bỏ thành phố để đi về các vùng kinh tế mới. Nhưng nhiều người cho biết là họ đi cho có, ký giấy tờ xong, lánh nạn ở nhà bà con. Ít lâu sau lại mò về.

Kế hoạch đi Kinh tế mới của chính quyền mới kể như hoàn toàn thất bại.

Sau này, hầu như không ai nhắc tới chuyện đi kinh tế mới nữa.

Thứ ba, 28 tháng 10-1975, tàu Việt Nam Thương Tín.

Đi mà lại mò về là chuyện lạ. Tàu VNTT trở về lại Việt Nam chở theo 1600 người hồi hương. Người ta không biết số phận nào sẽ dành cho những người hồi hương này. Trước hết họ bị giam tập trung lại để điều tra lý lịch từng người.

Sau vụ đi học tập, đánh tư sản, đổi tiền và đi kinh tế mới. Đây là bốn vố nặng nhất đè nghiền trên người dân miền Nam.. Không nhà nào thoát ra khỏi bốn vố này.

Nhiều gia đình tỏ ra tuyệt vọng với chế độ. Chế độ đã đẩy họ đến con đường cùng, đến ngõ cụt. Nhiều gia đình, trong đó có gia đình chúng tôi đã nghĩ đến chuyện phải trốn đi bằng đường biển. Không ai còn thiết tha nghĩ tới chuyện kéo dài thêm chuyện sống ở VN nữa.

Dấu hiệu chán nản và tuyệt vọng đã rõ rệt trong các buổi họp dân phố.

Người ta không còn muốn đi họp tổ, không còn muốn nghe phát biểu nữa. Và để phản đối bày tỏ sự chán nản, bất mãn của mình mà không bị làm phiền hà, người dân có lối phản ứng của họ: cán bộ phường chưa nói hết câu thì ở dưới bà con vỗ tay tràn lan không để cho cán bộ nói nữa. Cứ như thế mà các buổi họp tổ, khu xóm loãng dần. Người dân đâm chai lì, không còn biết sợ nữa. Nhiều thành phần dân chúng phát biểu lung tung chỗ công cộng chả còn ra thể thống gì nữa. Những lời châm chọc, chỉ trích, nói bóng gió đủ kiểu đủ cách đến cán bộ, bộ đội, chính quyền mới mỗi ngày mỗi công khai, mỗi ngày mỗi bạo dạn đến không còn kiêng nể gì nữa. Cán bộ, bộ đội có nghe thấy cũng giả điếc lảng đi chỗ khác.

Chính quyền với thêm nhiều tệ nạn do cán bộ gây ra đã hầu như không còn được dân chúng tín nhiệm nữa..

Cách đối phó của người dân đối với chính quyền là những câu thơ diễu cợt, những câu chuyện hài ước ác ý nhằm nói cho hả dạ..

Như thế mà nảy sinh ra một thứ văn chương truyền khẩu bôi đen chế độ bằng đủ hình thức.

Thứ năm, 30 tháng 10-1975:

Trên một chuyến bay đi Bang Cốc, có 14 người từng bị bắt cầm tù sau 30 tháng tù. Trong đó có 9 người Mỹ, hai Gia Nã Đại, hai Phi Luật Tân và một Úc Đại Lợi. Họ là người ngoại quốc thì trước sau gì cũng phải để họ ra đi thôi.

Đầu tháng 11-1975, một vài vấn đề tôn giáo như Phật giáo, TCG đối với chính quyền Cộng Sản:

Trước hết, xin rào qua vài dòng về hiện tình PG VN trước và sau 1975. Sau biến cố Phật giáo 1963, người ta có nhiều hy vọng Phật giáo đang trở mình, dần dần hiện đại hoá, có được những ảnh hưởng trên giới Phật tử về phạm vi tôn giáo và trên lãnh vực văn hoá, xã hội và chính trị đối với chính quyền. Tham vọng một giải pháp Phật Giáo và dân tộc không phải là

không có. Ấy là chưa nói tham vọng đó có nên hay không, bởi vì tham vọng thế quyền bao giờ cũng đi ngược lại yếu tính của bất cứ tôn giáo nào.

Trước mắt, để có được những ảnh hưởng trên, giới Phật Giáo cần tăng cường đội ngũ trí thức PG trong hàng tăng sinh. Theo bản tường trình của Hội tài trợ Á Châu vào năm 1965, trong con số 20 chục ngàn tăng ni ở VN thì chưa đầy 20 người có đi du học ở nước ngoài trong đó phải kể luôn 12 người đang đi du học. Trong nước thì có khoảng 30 người có bằng cử nhân. Những con số trên cho thấy giới trí thức Phật giáo không đáng kể và còn thiếu nhiều lắm. Phẩm chất cũng chưa đạt đủ.

Vì thế, giáo sư Như Hạnh, giáo sư đại học Harvard đã có những nhận xét thẳng thừng hơn khi cho rằng ngay cả các thầy như Thích Minh Châu cũng không thông hiểu đủ về Phật giáo. Chúng tôi ghi nhận lại với sự dè dặt.

Cũng theo Như hạnh thì không có bao nhiêu hiểu biết về Phật giáo VN vì thiếu tài liệu, thiếu văn bản Phật giáo như trong bài viết của ông : *Vài ghi chú về Tâm Kinh Bát Nhã hay truyền thống Phật giáo VN*. Về điều này, Hà Văn Tấn cũng đã nhìn nhận trong bài viết : *"Vấn đề văn bản trong các tác phẩm văn học của Phật giáo, tạp chí Văn học, viện văn học Hà nội, số 4, 1993. Ngay như tài liệu về Thiền Tông VN với bộ VNPG sử luận của Nguyễn Lang, tức Nhất Hạnh đã được nhiều người ca tụng cũng đầy những thiếu sót. Thiếu sót thứ nhất là thiền sư Nhất Hạnh đã bóp méo lịch sử Phật giáo thành lịch sử Thiền tông. Thứ hai là đã vay mượn thuật ngữ Phật giáo một cách bừa bãi, bình dân hoá Thiền dưới. Thầy Tuệ Sĩ cũng nhận xét không khác xa lắm : "Đọc kinh bây giờ ít thịnh hành hơn, còn học Thiền thì lại rất rầm rộ. Cái tệ hại của nó, quả thật, là những kẻ quê mùa dốt nát này, sau khi thăm viếng các Thiền viện và nghe các thiền sư giảng pháp, họ thích thú quá cỡ, và ít chịu suy nghĩ về tinh thần của giáo thuyết, tự cho mình là những bậc thầy, không những đã khinh miệt cỡ đức mà còn coi nhẹ kinh điển và nội dung của kinh điển với những phát ngôn bừa bãi của họ. Quả chúng ngây ngô bị lừa dối và những bậc trọng vọng, nhưng vốn ít học, lại vui thích với những lời rỗng tuếch của các môn đệ Thiền "* Phần tôi chỉ nêu ra mà chẳng dám có lạm bàn. Thầy Minh Châu cũng là một bậc trưởng thượng. Ông Như hạnh là người mà tôi có đọc một số bài viết về Phật học thì cũng là người có chuyên sâu.

Nhưng người Mỹ hơn ai hết đã nhìn nhận ra điều này và trong một bản tường trình mật nêu mục đích rõ việc tài trợ cho Phật giáo : *"Phật giáo đã đảm nhận một vai trò xã hội và chính trị. Có thể biến Phật giáo thành một lực lượng ưu thế xã hội trong vòng một vài năm. Tài trợ chủ yếu nhằm mục đích đào tạo giới lãnh đạo Phật giáo, tài trợ những tăng ni trẻ tuổi khá nhất.. Họ sẽ trở thành những người diễn giải chính yếu của Hoa Kỳ và chính sách của Hoa Kỳ cho Phật giáo."* (*Tài liệu của hội đại diện Mỹ của hội Quakers là Michael và Diane Janes đã trao cho THSV Sài Gòn, 1974*)

Sau 75, những dự định của Mỹ và Phật giáo về hiện đại hoá đạo Phật đã tan thành mây khói khi người CS vào miền Nam. Và trước đó, ngay trong nội bộ Phật Giáo đã có sự chia rẽ trầm trọng đến độ có thể thanh toán nhau như trong bạch thư của TT Tâm Châu đề ngày 31-12-1993.

Sau này, dựa vào tài liệu của đảng Cộng Sản, Lữ Phương một lần nữa cho thấy có sự hợp tác giữa Phật Giáo và đường lối chính sách của Mỹ như sau trong sách : *"Cuộc xâm lăng về văn hoá và tư tưởng của đế quốc Mỹ tại miền Nam VN"*. Nxb Văn Hóa, Hà nội, 1981.

Lữ Phương đã vạch ra kế hoạch tài trợ, việc gửi tu sĩ Phật giáo đi du học về giáo dục, y tế xã hội. Những dữ kiện mà Lữ Phương đưa ra đều dựa trên tài liệu của quỹ tài trợ Châu Á. (chương trình phát triển Phật giáo ở VN, tài liệu mật của đại diện VN gửi Giám đốc tổ chức này, trang 228, sách dẫn trên). Những người trong giới tu sĩ hay không phải tu sĩ, nếu đã được chọn thì theo « chế độ du học đi thẳng », nghĩa là chỉ qua Hội đồng du học của Bộ Giáo dục để làm thủ tục giấy tờ hành chánh mà Hội Đồng này không có quyền quyết định chọn lựa ai đi, ai không đi. Về điểm này, tôi có người bạn có chức vụ trong Hội Đồng du học xác nhận là có như vậy.

Sau này, những trí thức Phật giáo này trở thành niềm hãnh diện và một niềm hy vọng cho Phật giáo. Nếu trong tương lai, Viện Đại Học Vạn Hạnh được mở lại thì ta sẽ có đủ các giáo sư có trình độ để đảm đương công việc này.

Rất tiếc là sau 1975, tất cả kế hoạch chủ trương trên đã tan rã trở thành mây khói như bất cứ những chương trình nào khác thời trước 1975.

Trở lại sự nứt rạn mà TT Tâm Châu nhắc tới trong Bạch thư thì vào những năm 1972, nhóm các thượng tọa Thích Minh và Thích Huyền Quang đã muốn tách ra khỏi chùa những nhóm tranh đấu. Vì thế, cuối năm 1973, Thượng Tọa Thích Thích Minh và Thích Huyền Quang đã bị các nhóm tranh đấu loại ra đến phải từ chức. Sau ngày giải phóng, Giáo hội Ấn Quang, cũng như Thiên Chúa giáo, đã bắt buộc chuyển cho nhà nước toàn bộ các trường học cũng như các cơ sở xã hội, các nhà nuôi trẻ mồ côi. Thượng Tọa Thích Trí Thủ đã hoàn toàn tán đồng chủ trương đó. Nhưng các Thượng Tọa Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ phản đối việc trao trả các nhà nuôi trẻ mồ côi. Mỗi liên lạc hai bên, chính quyền và nhà chùa thêm tội tệ đi đến chỗ đối đầu, phản đối. Có việc bắt bớ một số nhà sư. Trong số 4000 chùa rải rác trong toàn miền Nam, người ta còn thấy sự giảm sút rõ rệt về số sư sãi, từ 3 chục ngàn xuống còn 10.000 người. (toàn bộ sư sãi ở ngoài Bắc phỏng chừng 4000 người. Con số đưa ra không có gì là thực chứng cả).

Theo một bài viết của ông Huỳnh Kim Quang: " *Giáo Hội Phật giáo VN thống nhất, bốn mươi năm hành hoạt*". Đừng kể sự thống nhất đã có mặt kể từ đời Đinh với Khuông Việt làm Tăng Thống đầu tiên theo Lê Mạnh Thát. Hãy cứ kể từ 31-12-1963, tại chùa Xá Lợi, trong 5 ngày đã thông qua bản Hiến chương và thành lập GHPGVNTN.

Ý nghĩa thống nhất đó đã được minh thị rõ ràng như sau: " *Quan niệm thống nhất Phật giáo Việt Nam được thể hiện theo chủ trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của các tông phái cũng như của hai giới Tăng Sĩ và Cư sĩ, chẳng những được tôn trọng mà còn phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo.*"

Xin để các giới chức thẩm quyền Phật giáo giải quyết những nan đề này.

Nhưng tôi có một điều thâm tín rằng: Tổ chức nào bất kể, tôn giáo nào bất kể, ở thời kỳ nào bất kể, ở đâu bất kể, hễ có bàn tay của chính quyền CS dính vào, cầm chịch ở nơi đó là có điều chẳng lành. Người nào bênh vực quan điểm thế quyền của tôn giáo, với sự chi phối (ingérence), ngay dù chỉ là tài trợ vật chất, đã không hiểu rằng, yếu tính của tôn giáo là là Siêu Vượt. Ở trong trần thế mà để thoát ra khỏi trần thế. Cái mạnh trần thế với quyền lực, với đủ thứ kênh cang vật chất, thay vì chỉ là phương tiện như cái thuyền chỉ để qua sông. Nay thuyền là chính, qua sông là phụ. Ấy là chỗ yếu, cái sa đà của tôn giáo vậy.

Theo tài liệu trong bài viết của C. Bonjean, le point, 25 tháng tư, 1977: *La résistance vient des pagodes* (sự chống đối đến từ các chùa). Tài liệu tiết lộ cho thấy có một số nhà sư chống đối chính quyền bằng cách tuyên truyền, chống báng nhà nước, ngăn cản Phật tử tham dự các buổi họp phùng khóm, chống đối việc chuyển giao các cô nhi viện. Thậm chí tung tiền giả, truyền đơn đủ loại và cả vũ khí nữa, ngay cả giết các viên chức chính quyền như ở Trảng Bom v.v...

Trong một kháng thư của Viện Hoá Đạo gửi cho Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ngày 9-2-1977, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo đã liệt kê danh sách 19 Tăng Sĩ trên khắp các tỉnh miền Nam đã bị chính quyền CS bắt giữ mà không có lý do chính đáng. Đặc biệt có các TT Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Thuyền Ân, Thích Thông Bửu, Thích Thông Huệ, Thích Thanh Thế.

Tôi nghĩ rằng danh sách các nhà sư bị tù đầy phải nhiều hơn thế nữa. Chỉ vì thiếu thông tin liên lạc mà thôi. Chẳng hạn, tôi không thấy một đại đức tuyên úy Phật giáo nào trong danh sách những người bị đi tù. Họ là những người đầu tiên bị đi học tập cải tạo.

Về phía TCG thì danh sách có vẻ đầy đủ hơn. Có cả thầy 303 linh mục, trong đó 109 là tuyên úy quân đội bị đi tù. Các tuyên úy quân đội sau 10, 15 năm được thả về, họ không có quyền công dân và bị cấm làm mục vụ.

Trong khi đó, tôi cũng rất lấy làm ngạc nhiên là ký giả Alain Ruscio trong cuốn sách của ông ta *Vivre au Viet Nam* cho rằng theo TT Thích Trí Thủ thì Phật giáo VN hoàn toàn tự do truyền đạo và hành đạo.

Trong một bài phỏng vấn trả lời cho đài TF 1, truyền đi ngày 11 tháng 5, 1987 sau này, Thượng Tọa Thích Minh Châu, cựu viện trưởng viện đại học Vạn Hạnh, nhân danh nhóm Ân Quang cho rằng ở Việt Nam hoàn toàn có tự do theo đạo, và rằng những nhà sư bị bắt là do những hành vi cá nhân của họ, không có liên quan gì đến tôn giáo.

Giải thích về lý do số nam tu sĩ Phật giáo giảm đi thì được cắt nghĩa rằng một số bọn họ trước đây đi tu chỉ là để trốn quân dịch. Có đến 2 chục ngàn người đã trốn quân dịch như thế trong các chùa. Bằng chứng là số nữ tu sĩ vẫn không giảm.

Dù giải thích thế nào thì việc đào luyện và tuyển chọn ở các chùa cần được xét lại, vì tình trạng tuyển chọn tùy tiện, thiếu phương tiện đào tạo có thể tạo ra một số tăng ni không đủ trình độ về mọi mặt.

Cho đến hiện nay, tôi đã hỏi ý kiến một vị Thượng Tọa trách nhiệm đào tạo tăng sinh ở một Phật học viện, Vị TT cho biết quả thực có hiện tượng một số tăng ni ở các vùng quê đã gia nhập các tu viện với mục đích chỉ vì những lý do kinh tế. Điều đó cũng xảy ra tương tự cho các tu tập bên TCG. Tôi đã hỏi một LM bề trên làm thế nào ngăn chặn tình trạng các tu sinh từ các vùng quê nghèo khổ vào tu viện. Vị LM cho rằng, việc tu tập kéo dài 6, 7 năm. Thời gian sẽ giúp nhận ra ai là người có thiện chí tu tập, ai không.

Mong là có những chọn lọc trong sáng để tránh tình trạng trong hàng ngũ tu trì có những người thiếu phẩm chất.

Dù sao, đây vẫn là một cảnh báo thường trực. Chưa kể, người của chính quyền có thể gia nhập các tu hội, giả làm tu sĩ và gây rối, phá nát từ bên trong.

Cách giải thích của TT Thích Minh Châu có điều không đúng hẳn như vậy. Bên TCG, kể từ sau 1975, việc truyền chức lm của TCG bị suy giảm đến tri tri. Theo báo Công giáo và Dân tộc, số 747, ngày 11-3-1990. Năm 1963-64. có 21 lm được truyền chức. Cao điểm năm 1968-1969 có 61 lm. Năm 74-75 chỉ còn có 22. Nhưng kể từ 1975 đến 1990, trong suốt 15 năm, chỉ có 23 tân lm. Trung bình một năm có hơn một người được truyền chức lm.

Sự suy giảm trầm trọng như thế ở phía giáo hội TCG có thể áp dụng tương tự cho phía Phật giáo được không.

Phía Phật giáo còn có một vấn nạn trầm kha là có sự chia rẽ giữa những nhà sư theo GHPGVN và những nhà sư theo GHPGVNTN cho mãi đến nay vẫn chưa có cơ hội hòa giải được. Nhà nước CS đã lợi dụng kẻ hở về tổ chức của GHPG và tạo thêm những rắc rối giữa hai bên nhằm thủ lợi, dùng những thủ đoạn vật chất tiền bạc, ngay cả nữ giới để mua chuộc. Rõ ràng là có bàn tay của chính quyền trong sự chia rẽ này.

Trong kỳ Đại Hội Phật giáo VN toàn quốc diễn ra từ ngày 19 đến 23-11, 1998 đã thành công tốt đẹp. 47 tỉnh thành đã tiến hành bầu cử Đại hội Phật giáo ở các tỉnh. Đài BBC, 22-11, đưa tin về Đại Hội này đã lưu ý rằng chính tại Đại Hội này, một lần nữa Hoà Thượng Thích Minh Châu *đã lên án một số phần tử lợi dụng Phật giáo để tạo các ảnh hưởng tiêu cực và phá hoại đất nước. Những phần tử này đã và đang bị cô lập*".

Về phía TCG giáo: Chính quyền cũng muốn cài nhóm *tứ nhân bang* như nói ở trên Và cho đến năm 1977-1988, người ta thấy có tên mấy LM sau đây cộng tác với chính quyền mới: Nguyễn Đắc Cầu, Lý Quý Phụng, Nguyễn Hữu Thanh, Trần Quảng Nghiêm, Lê Ngọc Triệu, Nguyễn Văn Triều, Trần Văn Kim, Mai Đức Long và Phạm Trung Kiên.

Những tu sĩ này bị chỉ mặt, bị cách ly đến độ không được nhìn nhận trong cộng đoàn TCG nữa. Họ trở thành những thứ lm quốc doanh và chỉ với hai chữ đó thôi, họ không làm được trò trống gì nữa.

Có hai thái độ của các vị lãnh đạo TCG tiêu biểu là Hà nội và Sài Gòn : Ở Sài Gòn và toàn miền Nam, TGM Nguyễn văn Bình chọn thái độ hợp tác với chính quyền mới. Sau 1975, toàn bộ hàng giáo phẩm lãnh đạo là các giám mục đều chọn ở lại, thay vì di tản. Điều này khác biệt hẳn

với cuộc di cư năm 1954. Trong cuộc di cư năm 1955, có 5 vị Giám Mục và 700 linh mục đi theo giáo dân trong cuộc di cư này.

Ngay từ ngày 19-4-1975, đã có một tuyên ngôn về vấn đề di cư ra nước ngoài, mang 102 chữ ký, (đợt 1) của nhiều thành phần như linh mục, tu sĩ nam nữ, dân biểu, giáo sư, cán sự xã hội, sinh viên, viên chức, lao động, y tá, nội trợ, thành viên hội đồng giáo xứ, phé binh.. Họ bày tỏ lo ngại về ý đồ của Mỹ, muốn lập lại phong trào di cư năm 1954. Họ tán đồng thông cáo của TGM Sài Gòn kêu gọi đồng bào TCG không di tản. *Chúng tôi xác tín rằng dầu bất cứ việc gì xảy ra, chúng tôi sẽ ở lại quê hương để góp phần nhỏ mọn của mình vào việc hòa giải dân tộc*”.

Trong khi đó tại Hà nội, TGM Khuê vẫn giữ khoảng cách trong tinh thần bất hợp tác. Cho mãi đến 16 tháng 08- 1975, tòa GM Hà nội mới ra một thông cáo mà nội dung hoàn toàn có tính cách đạo giáo, không có nhắc nhở gì đến biến cố 30 tháng tư. Sau đó, bản thông cáo để cho một LM thư ký đại diện ký tên là cha Trần văn Mai.

Nên nhớ rằng giáo hội thăm lạng sau bức màn sắt bị nhiều kiểm soát, giới hạn đủ thứ. Người ta chưa quên được những giám mục *chui* ở miền Bắc. Cha Đaminh Đinh Đức Trụ, được tòa thánh cử làm giám quản giáo phận Thái Bình, 1955. 5 năm sau được phong giám mục 1960. Ông phải giả làm phu xích lô đạp, đến tòa GM Hà nội để được GM Trịnh Như Khuê tấn phong chui, sau đó ông lại sang Bùi Chu tấn phong chui cho GM Phạm Năng Tĩnh. Giám mục Phê rô Phạm Tần, được phong gm năm 1960, nhưng 21 năm sau, ngày 26-6-1975 mới chính thức được thụ phong gm. Giám mục Phạm Văn Dự được chính thức phong gm năm 1960, tại Lạng Sơn, nhưng mãi đến năm 1979, do quân Tàu lấn chiếm sang VN, bắt buộc chạy về Hà nội và bị kẹt lại Hà nội cho đến 1990 mới được quay trở lại Lạng Sơn, nghĩa là sau 31 năm ẩn dật.

Trong Hồi ký *Tôi phải sống*, Im Lễ kể lại có đi dạo với Hồng y Trịnh Văn Căn trên sân thượng, ông Hồng y có chỉ cho ông thấy một đường hình quả trám khổng lồ trên sân thượng như có ai mài rũa, chà sát trên đó. *Và cho biết đó là dấu tích vết chân của Hồng Y Trịnh Như Khuê, trong suốt 20 năm bị quản chế, ngài đã chỉ đi bách bộ trên sân thượng này. Vì đi bộ nhiều năm nên những bước đi của Ngài đã tạo thành đường mòn hình quả trám như vậy. Nghe câu chuyện này, tôi quá thương cho hoàn cảnh Đức Hồng Y tiên khởi của Việt Nam và cho Giáo Hội miền Bắc lúc bấy giờ.*

Cho mãi đến năm 1974, sau 20 năm, giám mục phó Trịnh Văn Căn mới được phép sang Rôma họp Thượng Hội Đồng Giám Mục thế giới. 20 năm bị trói, bị bưng bít, bị kiểm chế đối với thế giới bên ngoài.

Hiểu hoàn cảnh giáo hội miền Bắc trong bối cảnh đó. Sẽ hiểu được cách ứng xử của lãnh đạo tôn giáo hai miền.

Và sau đây xin tóm lược hoàn cảnh của hai giáo hội Phật giáo và TCG về bức tranh tôn giáo trên đất Bắc như biểu tượng. Ông Đỗ Trung Hiếu, một cán bộ tôn giáo cao cấp của chính quyền Cộng Sản đã vẽ lại như sau: *”Hầu hết chùa, nhà thờ ở miền Bắc mà tôi đến thăm đều rêu phong tàn tạ. Các nhà sư lấm cặm sợt sệt, một bá cáo cụ, hai bá cáo cụ. Các linh mục, giám mục đóng kín cửa lạch hậu với thời cuộc. Phật giáo gần như không còn gì nữa, chỉ ẩn hiện dưới dạng mê tín, cúng bái linh tinh và rất e dè trước khách lạ. Tín đồ Thiên Chúa giáo thì khổ cực, hằn sâu trong mắt họ những nét u uất thâm-nghiêm, nhưng rục rũa và sẵn sàng bốc cháy khi có mồi... (Đỗ Trung Hiếu: Thống nhất Phật giáo, trong hồ sơ : Hồ sơ Phật giáo thống nhất-Thống nhất Phật giáo).*

Những nhận xét của ông Đỗ Trung Hiếu thật sự không xa với thực tế bên ngoài. Nó là vậy đấy. Cứ ra Hà nội sẽ thấy điều đó là thật.

Và sau cùng đây là danh sách những vị đã lên tiếng cho tự do tôn giáo xếp theo thứ tự A, B, C như sau, đặc biệt lưu ý không có trong danh sách TT Trí Siêu, người từng bị kết án tử hình với Tuệ Sĩ. Danh sách này do ông Nguyễn Chính Kết thực hiện ở trong nước, tôi chỉ xin chép lại.

Gm Nguyễn Kim Điền. Hoà thượng Thích Quảng Độ. Lm Nguyễn Hữu Giải. Hoà thượng Thích Thiện Hạnh. Giáo sĩ Trương Chí Hiền. Thượng tọa Thích Chân Hỷ, Ông Nguyễn Chính Kết. Gs Nguyễn Ngọc Lan. Ông Lê Quang Liêm. Lm Phan Văn Lợi. Lm Nguyễn Văn Lý. TT Thích Thiện Minh. Mục sư Phạm Đình Nhẫn. Hoà thượng Thích Huyền Quang. Mục sư Nguyễn Hồng

Quang. Thượng tọa Thích Tuệ Sĩ. Thượng tọa Thích Không Tánh. Lm Chân Tín vv và cuối cùng có cụ bà Nguyễn Thị Thu của Phật giáo Hoà Hảo đã tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của chính quyền CS....

15-1-1976, bức tượng Thương Tiếc không còn thương tiếc nữa..

Thêm một ngày, thêm một tuần, thêm một tháng... Có điều gì thay đổi không ? Có, vẫn có. Người ta xác nhận với nhau rằng: **Bức tượng Thương tiếc ghi lại hình ảnh một người lính VNCH trảm ưu giữa 16 ngàn người lính tử trận, trên một ngọn đồi nay đã bị giạt xập. Đây là một tin làm buồn lòng rất nhiều người. Bức tượng đó biểu tượng cho những cái chết đủ kiểu trong một cuộc chiến.** Đối với người chết, không có kẻ thắng người bại. Trong một nghĩa trang quân đội, cái chết đều bình đẳng đối với mọi người, không còn biên giới của thù nghịch, không còn phân biệt niềm kiêu hãnh hay sự tủi hổ. Rõ ràng chỉ còn một thứ tình cảm thương tiếc, nhớ thương. Họ, những người lính, những đứa con đó không bao giờ trở về. Nhất là đối với những bà mẹ, người chị, người em gái, người vợ, những đứa con thơ. Đối với người vợ hay người mẹ tử sĩ, không có lý tưởng tốt hay xấu, không có lằn ranh thù địch mà chỉ có người chồng, người con đã mất. Nhất là bức tượng Thương Tiếc nay đã đi vào huyền thoại của tình nhớ thương, biến bức tượng trở thành linh thiêng sống động và gần gũi.

Chỉ có điều đó là đáng kể. Ta đã lấy đi sự sống của chồng con họ, nữ nào dập tắt một chút tình cảm nhớ thương Từ nay, họ không có chỗ để thăm hỏi người đã mất. Chẳng bao lâu, có thể nghĩa trang sẽ được san bằng và ta sẽ xây cái gì trên mảnh đất đó ? Hận thù Chăng ? Cổ tình xóa bỏ để quên, vì tự nó biết quên đã là một điều thắng lợi ? Như Jules Roy viết sau trận chiến Điện Biên Phủ:” *Đối với một bà mẹ, không có lý tưởng tốt xấu, mà chỉ có những đứa con đã mất. Ở đây, trước những ngôi mộ phần, cái biên giới thù nghịch không còn, sự kiêu hãnh cũng như cay đắng không còn, có chăng chỉ còn là niềm thương nhớ của một người đối với một người đã khuất*”

Xin ghi lại đây về lịch sử bức tượng “Thương tiếc” do ký giả Lô Răng viết:” *Anh ngồi đó một mình, sau lưng là bao nhiêu người đã chết. Chiếc mũ sắt lỏng dây quai, súng nằm nghiêng một bên, dáng ngậm ngùi, mắt ngó mông về khoảng trước mặt. Anh đang thương tiếc ai. Bao nhiêu đồng đội vừa nằm xuống, những dây mộ chỉ dài dằng dặc sau lưng anh biết bao giờ chấm dứt. Hay anh đang tiếc cho sức xuân của dân tộc đang chết dần đi trong cuộc chiến này. Pho tượng như có mang chứa linh hồn của người đã chết ở trên khắp mọi miền đất nước nên thiêng lắm. Người ta đồn rằng có những lúc trời chạng vạng tối, âm dương hỗn độn, người lính tử trận cao đi xuống ngồi bên vệ đường. Hoặc những lúc đêm khuya trăng lạnh, có tiếng hát thê lương từ bức tượng bay đi*”.

Vậy mà nữ lòng nào dẹp bỏ đi. Bức tượng đã bị giạt xập, đầu người lính chúi mũi xuống đất và cứ nằm ở vị thế tủi nhục như thế ngót nghét khoảng hai tháng trời. Sau đó được kéo về Dĩ An, Biên Hòa. Nơi đây, người ta đúc để lấy đồng đem bán. Hồn linh thiêng của gần 2 chục ngàn chiến sĩ theo những miếng đồng đó phát tán đi khắp nơi, tha phương cầu thực. Bây giờ có hồi tiếc cũng không kịp. Có đắp bức tượng khác y như cũ cũng không được. Bởi vì bức tượng mang chứa linh hồn của người đã chết nên thiêng lắm. Cái hồn của bức tượng không còn nữa, phiêu diêu nơi nào, trôi dạt nơi đâu. Làm sao thay thế được ?

Thiêng lắm nên không có cái gì có thể thay thế được. Phải nói lại một lần nữa. Cho dù sau này có dựng lên một bức tượng Thương Tiếc khác cũng vô ích. Dựng ở đâu cũng thế thôi. Chẳng có ý nghĩa gì, vì nó thiếu cái linh hồn của gần 2 chục ngàn người lính đã nằm xuống nhập vào bức tượng. Bức tượng không phải chỉ là đồng, là sắt, là xi măng nữa. Nhưng là vong linh của những người lính VNCH.

Trong trí nhớ nhỏ nhoi, trong tâm địa nhỏ nhoi muốn quét sạch quá khứ, kỷ niệm, tâm tình người miền Nam, ta trông chờ được gì nơi họ. Vì thế, bài viết này là một cuộc hành trình đi lại dĩ vãng, bằng cách chống lại sự quên lãng, mong mỗi mọi người nhớ lại. Hãy nhớ và đừng quên.

Tết đầu tiên, sau Ngày Giải Phóng. Thứ bảy 31-1-1976

Tết năm nay lạng lẽ khác thường. Thiếu hẳn cái nhộn nhạo, xôn xao, nôm nống đón tết. Đứng ra là thiếu không khí tết. Mọi người như gượng gạo vui, gượng gạo cười. Tôi có nuôi một đàn gà vài chục con nay vừa biểu tết các anh, các chị hai bên, vừa đẻ nhà dùm.

Xe cộ ngoài đường cũng thưa vắng. Nay thì phương tiện chính là xe đạp. Cũng không có nhiều tiếng pháo nổ.

Thay vào đó, khoảng 1 giờ, 1 giờ 30, một chuỗi tiếng nổ lớn làm dân thành phố tự nhiên vui mừng. Cứ mỗi lần có tiếng nổ là người ta lại nuôi hy vọng. Nếu lên sân thượng sẽ nhìn thấy những cột khói đen bốc lên từ hướng Biên Hòa. Nhiều người cho rằng kho đạn Long Bình bị đốt cháy. Kết quả là trong dịp đầu năm có 180 người chết vì các vụ nổ và 200 người bị thương. Tất cả cũng chỉ là phỏng đoán. Nhưng sau này, tôi hỏi những người bị giam ở trại cô nhi Long Thành vào thời điểm này.. Không thấy có kho đạn nào bị nổ cả.

Tôi cũng được nghe kể, một số lớn viên chức chính quyền cũ từ giám đốc trở lên bị giam giữ ở đây. Trong những buổi học tập, người duy nhất có can đảm đứng lên phát biểu là luật sư Trần Văn Tuyên. Nhưng thường người ta kéo ông ngồi xuống. Sau này ông bị đưa ra Bắc và chết trong tù.

Trong giai đoạn này, có hai khuynh hướng khác nhau đối với tù cải tạo. Đám ít quá khích trong mặt trận thì nghĩ đến giải pháp thả một số tù cải tạo vào dịp tết và sẽ thả phần lớn vào dịp tháng tư, kỷ niệm một năm giải phóng miền Nam, đồng thời kỷ niệm ngày bầu cử Quốc Hội. Và lại, phần đông những người của mặt trận thường có anh em, bà con thân thích phải đi học tập cải tạo nên cũng mong giải cứu sớm họ hàng của họ. Chẳng hạn con trai của ông Mai Văn Bộ và con trai của chủ tịch Huỳnh Tấn Phát đều là những sĩ quan trong quân đội Sài Gòn cũ.

Nhưng có một điều chắc chắn và rõ rệt là nếu Ủy ban quân quản còn tồn tại, nếu người của mặt trận giải phóng miền Nam còn có cương vị và nắm quyền hành trong tay thì việc đi học tập cải tạo đã không kéo dài như sau này. Rất tiếc, việc đó đã không xảy ra.

9-1-1976

Như có tin đồn trước đây, Nghiệp đoàn nhà thương Grall đã đứng lên đòi trục xuất bác sĩ giám đốc là đại tướng Fourré. Ông bị nhân viên bệnh viện tố cáo là lãng phí tài sản của nhà thương nay cũng là tài sản của chính quyền Việt Nam. Từ việc tố cáo này dẫn đến việc phải trục xuất giám đốc bệnh viện vào trước thứ năm tuần sau. Với việc trục xuất này, chỉ còn duy nhất một bác sĩ người Pháp còn ở lại.. Việc đó cũng sẽ bắt buộc chính phủ Pháp phải đóng cửa nhà thương Grall. Trong khi đó thì như thương thảo giữa hai chính phủ, chính phủ Pháp sẽ vẫn duy trì quản lý nhà thương Grall cho đến tháng 6 năm sau.

Nhà thương Grall đã có một thư viện đồ sộ với 7 chục ngàn cuốn sách chuyên môn về các bệnh nhiệt đới và sẽ được chuyển giao cho chính quyền VN vào ngày 25 tháng 5, 1976.

Và sau này, một thánh lễ đã được cử hành lần chót tại nhà thương này vào ngày 23 tháng năm 1976 sau gần một thế kỷ hoạt động.

12 tháng hai, năm 1976, một lần nữa, lại có chiến dịch truy quét tàn dư văn hoá Ngụy

Chiến dịch đó được đăng trong mục Diễn đàn của tờ Tin Sáng, trong đó vạch ra 56 tác giả nhà văn, nhà báo, nhà thơ mà nội dung sách vở của họ cấm không được đọc.

Cứ mỗi lần có chiến dịch truy quét tàn dư văn hoá ngụy, tôi có cảm tưởng con người tôi bị xúc phạm. Tôi đã lớn lên ở đây. Tôi đã ăn miếng cơm miền Nam. Thờ không khí này, được đào tạo ở đây. Tôi đã thích nhà văn này, đã mê đọc những nhà văn kia, đã say mê nghiên ngẫm triết lý của tác giả ngoại quốc này, tác giả kia. Nay tất cả những thứ đó, sản phẩm tinh thần cao quý đó bỗng dưng bị xếp loại tàn dư Mỹ Ngụy. Phải tịch thu, phải đốt. Tàng trữ là phản động.

Công việc càn quét này lại giao vào tay các em bé 10 đến 15 tuổi.

Tôi có cảm tưởng chính quyền lợi dụng tuổi thơ mà đáng nhẽ tuổi các em được miễn trừ. Tuổi các em là để vui đùa, ca hát, để nhởn nhơ, để chỉ biết yêu mà không biết ghét, không biết oán hận.

Thế giới của các em là thế giới trẻ, không biết việc người lớn làm.

Các ông chính quyền kẻ như tàn ác. Các ông bắt trẻ con đi đánh tư sản mại bản, đi càn quét văn hoá Mỹ Ngụy đòi truy. Nào phải công việc của các em. Tại sao các ông không làm ? Tại sao cứ xúi trẻ con ăn cứt gà ? Tại sao biến học đường thành một xưởng đào tạo những người máy Robot về chính trị ? Hãy trả học đường về cho thầy giáo, cô giáo. Tại sao những bàn tay non nớt đó chằm lửa đốt sách ? Có khác gì ngày nay, người ta bắt các bé gái đi làm điếm? Mỹ-Ngụy biết gì về Hermann Hesse, về Kierkegaard. Ông Nguyễn Văn Thiệu, Kissinger biết gì về những tư tưởng cao quý đó?

Đó là sản phẩm tinh thần của cả nhân loại liên quan gì đến Mỹ Ngụy. Tức muốn chết.

Thứ hai 12 tháng 2-1976, vụ Vinh Sơn: mở đầu cho một biến cố

Ngày đầu năm mới đã nổ ra vụ Vinh Sơn. Nốt nhạc hợp tác giữa địa phận Sài Gòn và chính quyền đang có vẻ là trơn chu thì nổ ra vụ Vinh Sơn. Vụ Vinh Sơn do chính LM Nguyễn Quang Minh, chánh xứ và một vài người lẻ loi chủ xưởng, dùng vũ lực chống lại chính quyền. Nó không có bất cứ một liên quan xa gần nào đến thẩm quyền Giáo Hội cũng như vụ Cha Nguyễn Văn Vàng, dòng CCT sau này vào năm 1970-1980. Ngay khi vụ việc xảy ra, TGM Nguyễn Văn Bình đã phát biểu như sau tại Hội Trường Ủy Ban NDCM quận X ngày 14-1-1976 :”*Tôi rất buồn trong cái tình trạng thật là đau khổ của tâm hồn tôi, tôi thấy không biết dùng lời nói nào để tỏ ra cái tâm tình của tôi trong lúc này*”

Vụ nhà thờ Vinh Sơn được báo chí cho nổ bung ra. Tờ Sài Gòn Giải Phóng, số 177 đưa tin: *đã phá vỡ một ổ phản cách mạng, đội lột tôn giáo*. Nó chẳng đội lột tôn giáo gì cả. Người chủ chiên của họ đã xác nhận chỉ là cá nhân ông Im làm phản.

Tờ Tin Sáng, số 161 thì đưa tin:” *Những bằng cứ tịch thu được của bọn phản cách mạng chứng tỏ bọn họ muốn phá bỏ những thành quả của nhân dân ta trong suốt 100 năm nay.*” Người ta được biết rằng, đây là một âm mưu phản loạn có vũ trang vũ khí đầy đủ, được che dấu trong nhà thờ Vinh Sơn. Báo chí cũng phanh phui một ổ phản cách Mạng khác được nguy trang công giáo tại khu công giáo Tân hiệp, Biên Hòa. Người ta cho hay rằng, bọn phản động đội lột tôn giáo do bàn tay CIA Hoa Kỳ nhúng vô với sự trang bị đầy đủ điện đài, Radio và phát tuyến. Bọn họ tung ra những tin đồn thất thiệt, gây hoang mang trong dân chúng. Người chủ động là LM Nguyễn Quang Minh, chánh xứ nhà thờ Vinh Sơn.. Báo Sài Gòn Giải phóng cũng đưa ra những tin tức nóng hổi vừa ra lò tố cáo LM Nguyễn quang Minh chỉ là LM giáo gian. Ban đêm, ông này thường dẫn gái vào nhà thờ để làm bậy.

Tờ báo còn cảnh báo giới công giáo cần thay đổi thái độ và thay đổi lập trường đã lỗi thời của họ. Đồng thời cần gia nhập vào quần chúng, mạnh dạn tố cáo những thành phần phản động còn ẩn náu trong lòng các cơ chế của Giáo Hội.

Trong vụ Vinh Sơn này, những người chống đối chính quyền đã cầm cự và cố thủ bên trong nhà thờ Vinh Sơn. Chính quyền đã tỏ ra khách quan bằng cách mời mấy người đại diện TCG như quý ông Huỳnh Hữu Đăng, Nguyễn Đình Đầu và LM Nguyễn Huy Lịch đến chứng kiến vụ vây bắt những người cố thủ bên trong nhà thờ. Sau đó chính quyền đã dùng biện pháp mạnh.” *Dẫu trong khi dùng biện pháp mạnh đó, chính quyền còn tế nhị muốn tránh được chùng nào hay chùng đó sự thiệt hại cho nhân mạng, sự thiệt hại cho cơ sở nhà thờ và chính tôi thấy khi này những vết súng bắn vào tường bắt đắc dĩ như thế, nhưng cố tránh những tượng thánh. Tôi rất cảm động*” . Đó là lời phát biểu của cụ TGM Nguyễn Văn Bình về vụ Vinh Sơn, tại hội trường UBND CM quận 10, ngày 14-2-1976.

Sau này, trong dịp nói chuyện với Vũ Sinh Hiên, Đức TGM Nguyễn Văn Bình đã tâm tình:” *cho đến giờ này, tôi vẫn còn ngờ ngờ.*” Năm bắt được ý của ông, Vũ Sinh Hiên đã không hỏi thêm nữa.

Kết quả, LM Nguyễn Quang Minh bị kết án tử hình.

Sau khi biến cố hồ Con Rùa trên đường Duy Tân bị phá hoại, Nguyễn Thụy Long cùng nhiều trí thức, văn nghệ sĩ và nhà văn đã bị bắt vì vụ này. Sau đó, ông bị giam cạnh phòng các tử tội là LM Nguyễn Quang Minh. Xin nghe lại lời nhân chứng là nhà văn NTL trong vụ này :” *Những câu chuyện vật trong phòng giam bỗng im bật, khi tiếng nói thật lớn thật to ở phòng giam tử tội cuối hành lang cất lên: Chào tất cả các anh em bạn tù, chúng tôi ba người mang án tử hình, sẽ bị xử bắn vào sáng sớm ngày mai, chúng tôi có lời chào vĩnh biệt tất cả các anh em còn ở lại. Tôi là Nguyễn Xuân Hùng, tự Ali Hùng, hai người bạn tôi, một là linh mục, một là chiến sĩ. Tôi là một người Việt Nam lai da đen, xứ Phi Châu Sénégalais, mẹ tôi là người Việt Nam, vậy tôi xin nhận nơi này làm quê hương, vì mẹ Việt Nam của tôi đã nuôi tôi khôn lớn và thành người. Trong phòng giam của tôi, vị linh mục đang quỳ dâng mình cho Chúa, người bạn chiến sĩ thì đang huấn nhục. Tôi có giọng khỏe, xin được hát thân tặng lại tất cả những anh em còn ở lại. Những bài hát thấm đượm tình quê hương của Phạm Duy mà tôi rất ngưỡng mộ..”Chúng tôi đã mất Sài Gòn thật rồi” .*

Sau này thầy Tuệ Sĩ (Thầy Tuệ Sĩ tên thật là Phạm Văn Thương, sinh ở Pakse, bên Lào bị bắt giam hai lần, lần đầu 1978-1981, lần hai ngày 1-4-1984, nhưng mãi đến năm 1988, trong một phiên xử kéo dài ba ngày 28, 29, 30-9-1988, Thầy TS bị kết án tử hình. Nhưng nhờ Ủy Ban Bảo Vệ quyền làm người VN, Liên Hiệp Quốc, chính quyền phải giảm án xuống 20 năm khổ sai. Ngày 2-9-1998, thầy TS được trả tự do sau 14 năm khổ sai) và thầy Trí Siêu, tức Lê Mạnh Thát, cũng âm mưu làm phản, có võ trang, với khoảng 30 người đồng bọn, cũng bị bắt, cũng ra tòa cùng với ni sư Trí Hải, cũng lãnh án tử hình, sau giảm xuống chung thân, rồi cuối cùng được thả ra. Hiện nay, thầy Lê Mạnh Thát làm phó viện trưởng Học Viện Phật Giáo VN và được giao trọng trách xây dựng một Đại học Phật Giáo trong tương lai. Sắp tới đây, ông sẽ tổ chức một buổi hội thảo về Phật giáo vào các ngày 14-15 tháng 7.

Hai giai đoạn, hai biện pháp.

Có lẽ niềm mong mỏi thâm sâu của người Phật tử là có được một Khuông Việt như một giải đáp cho những vấn nạn hiện nay.

Thứ tư 17 tháng 3- 1976, thanh niên xuống ... đường làm vệ sinh.

Thường mỗi khi sinh viên học sinh xuống đường là có chuyện. Xuống đường là để đi biểu tình, để đòi hỏi, để phản đối một điều gì. Ngay cả khi xuống đường ủng hộ một điều gì thì cũng gián tiếp chống đối một điều gì.

Đó là truyền thống của SV, học sinh.

Nay theo báo chí nhà nước, có hơn một triệu thanh niên, sinh viên xuống đường làm sạch thành phố chuẩn bị đón cuộc bầu cử sắp tới với sự có mặt của các nhà báo ngoại quốc. Tôi không tin vào con số đó. Tôi cũng có mặt trong thành phố này và không có gì cho phép tôi cả quyết có một triệu sinh viên, học sinh xuống đường trên tổng số 3 triệu dân thành phố. Tôi cũng đang dạy một số lớp học và tôi cũng không thấy ai điều động cho công việc xuống đường này. Cái thói quen thói phồng thì ai cũng biết rồi. Ừ thì cứ cho là một triệu đi thì điều đó thay đổi được gì diện mạo thành phố.

Cho dù có thay đổi một chút về diện mạo thành phố thì làm thế nào thay đổi được diện mạo 3 triệu khuôn mặt của thành phố ấy. Những khuôn mặt xanh xao mất máu, ủ rũ và buồn nản là diện mạo dân Sài Gòn.

Các Sinh viên nay đã đi vào nửa năm học, nhưng hình như họ cũng chưa bắt đầu công việc học, vì còn nhiều nhiệm vụ trước mắt phải làm và kể từ nay, để được nhận vào các trường đại học, họ phải có giấy chứng nhận là " *đã tham gia vào những hoạt động chống Mỹ và tay sai* " Phải chăng, việc xuống đường làm vệ sinh thành phố là cái giấy chứng chỉ đầu tiên cho mỗi sinh viên nhập học.

Thứ tư 31 tháng 3-1976, những người con của đảng.

Có 50 vạn người đã dự cuộc mít tinh để đưa 25 ngàn thanh niên lên đường đi về các vùng kinh tế mới.

Cũng lại vấn đề những con số. Những con số làm phiền.

50 ngàn người tiễn đưa 25 ngàn người thanh niên lên đường đi kinh tế mới.

Cũng như mới đây, cũng đã có những buổi lễ tiễn đưa những người con của đất nước lên đường đi nghĩa vụ quân sự .

Đất nước vừa ra khỏi chiến tranh chưa đầy một năm. Việc tuyển quân mang ý nghĩa gì. Con trai của một dân biểu cũng đã gia nhập quân đội trong những dịp ra quân này. Nhân dịp này, ông đã làm bài thơ bày tỏ nỗi lòng của người cha vui mừng khi thấy con mình đi làm nghĩa vụ cho tổ quốc. Sự bày tỏ làm nhiều người quen biết ông đến ngạc nhiên. Có phải thật sự là ông không ? Xưa nay, con người ấy có cần bày tỏ công khai về một việc là con mình đi thi hành nghĩa vụ quân sự. Nếu là một nhiệm vụ bình thường của một xã hội mà đến tuổi trưởng thành, thanh niên có bổn phận nhập ngũ, hà cớ gì ông bày tỏ một cách hồ hởi như vậy ? Sau này, các con trai ông đều trở thành đảng viên đảng Cộng Sản, đi học các lớp sĩ quan của quân đội nhân dân..

Những con số làm phiền

Tôi nhắc lại đây như một điều chẳng nên nói như thế nữa. Những con số làm phiền, những con số quá nhiều, những con số ảo, những con số mà Tờ Sài Gòn Giải Phóng, số 234, nghĩa là sau gần một năm ngày 30-4 cho tin đến ngạc nhiên, không phải miền Nam mà chính miền Bắc cứu trợ miền Nam : * *Hà nội đã vất ruột gửi vào Nam 1.600.000 triệu tấn vật liệu hàng hoá và lương thực như gạo, đường, xăng dầu, trang thiết bị và phân bón cũng như thuốc men. Thêm vào đó 32 triệu mét vải đủ loại cũng được gửi vào Nam cho dân chúng may mặc. Trong khi đó, miền Bắc chỉ nhận được một con số nhỏ nhoi là 80.000 tấn sản phẩm của miền Nam**.

Vụ nổ ở tháp con rùa đưa đến việc bắt bớ giới văn nghệ sĩ

Thứ sáu, mùng 02 tháng tư. Đây là chuyện có thật, không phải là tin đồn nữa. Một vụ nổ lớn, dữ dội, vang động cả thành phố. Ngã tư tháp con rùa, sau nhà thờ đức Bà vẫn là điểm hẹn hò của trai gái trên đường Duy Tân. Nhiều người còn nhớ bài hát của Phạm Duy: Con đường Duy Tân, cây dài bóng mát Trả lại em yêu, con đường học trò. Tiếng nổ chắc có gây thương tích và người chết nên có xe cứu thương chạy qua chạy lại.

Dù sao vụ nổ này chẳng gây được tiếng vang gì. Báo ra ngày thứ bảy quy kết tội cho bọn phá hoại muốn gây rối trong ngày bầu cử sắp tới. Một trong những người phá hoại đã tử thương và một số người khác đã bị bắt.

Sau vụ nổ ở tháp Con Rùa, hơn 200 trăm văn nghệ sĩ, nhà văn, giáo sư đã bị bắt đi tù. Chẳng hạn như các ông Nguyễn Sỹ Tế, Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường. Sau này ông HHT thì chết trong tù, riêng ông Vũ Hoàng Chương được thả về nhà mấy bữa thì đã qua đời.

Thứ bảy 17 tháng tư 1976.

Kết quả cuộc bầu cử sắp tới thì như ai nấy đều biết cả rồi. Nhưng người ta vẫn làm như thể không ai biết và báo chí, loa phóng thanh vẫn làm công việc cổ võ tuyên truyền cho việc đi bầu cho đồng. Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ trong một buổi họp vào ngày thứ ba đã trả lời một câu của một thánh giá: *Tại sao không có ứng cử viên đối lập.* Trả lời: *Quyền hành ở trong tay nhân dân, nhân dân là những thợ thuyền, người nông dân, nghĩa là nằm trong tay đa số. Vậy đối lập là đối lập với ai. Không lẽ nhân dân lại đối lập với chính mình. Nhân dân sẽ đi bầu và xác lập cái quyền làm chủ đất nước (ses droits de maitre du pays).*

Trong khi đó, tòa đại sứ Nhật chính thức đóng cửa. Tòa Đại sứ Pháp thì kiên nhẫn hơn. Thư từ ngoại giao bị lục tung và bị kiểm soát. Phản đối cũng chẳng ăn thua gì.

Bộ đội thì được thưởng một ngày thứ ba đi coi chiếu bóng miễn phí. Kết quả là trên đường Trần Hưng Đạo có vụ nổ bom với 25 người chết và 80 người bị thương. Rạp Đại Nam gần đó cũng lãnh một vụ nổ Plastic.

Tờ SGP, số 262 hiển nhiên không đăng tải những tin về những vụ nổ này. Nhưng đã chạy bốn cột báo với nhan đề: " *Dân chúng thành phố đã vui mừng tham gia vào việc giữ gìn an ninh bảo đảm an ninh nhân dịp cuộc bầu cử Quốc Hội sắp tới*".

Kể từ ngày 30 tháng 4-1975, nay đã gần được một năm. Để kết thúc một năm sau ngày giải phóng, chính quyền quyết định một cuộc bầu cử trên toàn quốc. Danh sách 44 ứng cử viên của thành phố Sài Gòn đã được niêm yết. Phần lớn là người trong đảng, điều đó là dĩ nhiên rồi. Có một vài người của MTGPMN, một vài trí thức tiêu biểu của thành phần thứ ba và để tỏ ra dân chủ, có thêm một ứng viên là thợ làm cho công ty CARIC của Tây.

Trong danh sách cử tri, người ta nhận thấy có điều gì không ổn. Ở Hà nội, có 43 vạn đàn ông đi bầu so với 44 vạn đàn bà. Chênh lệch là 10 ngàn người. Một tỉ lệ chênh lệch hiểu được vì số đàn ông đi lính, tử trận. Riêng tỉ lệ cử tri đi bầu ở Sài Gòn có khoảng cách khá lớn giữa hai phái. Có một triệu cử chi phái nữ, nhưng lại chỉ có 75 vạn cử tri đàn ông. Có một khoảng cách tỉ lệ giữa hai phái khá xa làm nhiều người thắc mắc, đặt thành câu hỏi. Vậy con số 25 vạn đàn ông ít hơn này, họ đi đâu ? Trong các trại cải tạo ?

Hay là do không được phép đi bầu ? Điều đó vẫn không ai biết được một cách rõ ràng tại sao

Thứ tư mùng 7 tháng tư 1976

Thành phố chằng đầy các biểu ngữ về ngày bầu cử sắp tới. Nhiều biểu ngữ có nội dung ca ngợi đảng Lao động muôn năm. Báo chí thì viết đầy các tiểu sử các ứng cử viên. Tất cả đều là những cựu kháng chiến không chống Pháp thì cũng chống Mỹ.

Người ta ghi nhận một điều là trong tiểu sử bà Nguyễn Thị Bình không có ghi ngày sinh tháng đẻ. Truyền thống của Tây là không nên nhắc đến tuổi của phụ nữ chẳng ? Tiểu sử chỉ ghi một cách rất mơ hồ là bà đã chống Pháp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường trung học. Chồng thế nào thì không ai được biết.

Cũng có trường hợp một ông bác sĩ tên Nguyễn Ngọc Hà, ông này tham gia phong trào những người Việt Nam yêu nước ở nước Pháp từ năm 1948 cho đến hôm nay. Ông về nước lúc nào và tham gia cuộc bầu cử này dưới danh nghĩa gì.

Trong dịp kỷ niệm một năm ngày Giải Phóng, các báo cũng đăng tải hồi ký của Tướng Văn Tiến Dũng. Đây là một hồi ký đánh bóng mình không ít. Đồng thời làm giảm vai trò của tướng Võ Nguyên Giáp trong cuộc chiến kết thúc chiến tranh ở miền Nam.

Sau này, hồi ký đã bị đánh giá là thấp, thiếu trung thực, nhiều chỗ thổi phồng. Theo cụ Trường Chinh, chủ tịch Quốc Hội, cuốn sách này có khá nhiều điều viết không trung thực.

Cũng trong dịp đặc biệt và hiếm hoi này, người ta lại thấy xuất hiện cờ Mặt Trận Giải phóng miền Nam ở dinh cựu Tổng Thống Thiệu.

Thứ sáu, 16 tháng tư 1976.

Để đánh dấu một năm sau ngày Giải Phóng, người ta có một hai thống kê về chỉ số sinh hoạt kinh tế như sau để người đọc tiện việc theo dõi :

- chỉ số về giá sinh hoạt thực phẩm từ tháng tư 1975 đến tháng tư 1976 tăng 183,44 %.
- Chỉ số về giá sinh hoạt không phải thực phẩm tăng cũng cùng thời gian trên là 401%.

Những con số thống kê gia tăng như trên chẳng nói được gì và cũng chẳng phản ánh thực tế đời sống của người dân. Nó làm ra có vẻ khoa học mà chẳng có gì khoa học.

Cuối cùng thì dân vẫn có cảm tưởng là dói đến nơi rồi. Đó là tín hiệu rõ rệt nhất về sinh hoạt đời sống của người dân. Cái gì cũng khan hiếm như thể biển dâu mất..

Cũng trong dịp này, theo báo Tin Sáng của ông Ngô công Đức, do nguồn tin của dân chúng, chính quyền đã tịch thu 2700m³ các ấn phẩm, tương đương 2 triệu cuốn sách và hàng tấn sách vở tịch thu tại 5 địa điểm được dấu sau đây: 237 đường Điện Biên Phủ, 127 Nguyễn thị Minh Khai, 193 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và tại số 28 và 62 Lê Lợi. Kho sách này của ai ? Thừa một phần của ông Khai Trí.

Vậy mà bằng cách nào sau này, ông có tên trên một bảng đường thành phố ngay từ lúc còn sống như đã trình bày ở trên ?

Thứ năm 22 tháng tư 1976:

Các em tiểu học được chỉ dạy để về nói với cha mẹ bầu cho ai và không bầu cho ai. Ở quận ba, có chuyện rĩ tai không bầu cho các ứng viên số 1, số 3 và số 13. Những ứng viên này chỉ có mặt cho có hình thức. Họ là những người thuộc thành phần ứng cử viên tôn giáo và tư sản cũ. Có một số cán bộ phường đến từng nhà khuyên dân chúng nên bầu cho ai.

Cái điều chính yếu mà người dân quan tâm trong cuộc bầu cử này là họ sẽ có được tờ giấy chứng nhận đã đi bầu. Tờ giấy có giá trị như tấm căn cước hay một thứ chứng minh nhân dân. Tất cả chỉ có chừng đó là quan trọng, còn ai được bầu, ai không được không phải việc của họ. Cũng trong dịp này, báo chí cho biết theo thống kê thì ở miền Nam có 1328 bác sĩ cho 24 triệu dân. Nghĩa là 18000 dân, có một bác sĩ. Số bác sĩ này bao gồm cả bác sĩ từ miền Bắc vào? Người ta ước lượng có từ 300- 500 bác sĩ di tản theo Mỹ. Vậy số còn lại ở đâu ? Có thể còn ở trong các trại học tập cải tạo.

Thứ sáu, ngày 23 tháng tư: Tờ Tin Sáng loan tin :** dân chúng sẽ đi bầu đông đảo, đúng cách và nghiêm chỉnh **. Còi báo động của thành phố với những hồi thật dài mở màn cho cuộc bầu cử tại các phòng phiếu vào đúng 7 giờ. Đảng uỷ thành phố cũng không quên yêu cầu dân chúng ăn mặc tề chỉnh, quét dọn nhà cửa phía trước cho sạch sẽ. Một vài hãng thông tấn còn sót lại như hãng AFP đã đi một công điện như sau, mặc dầu đã có sự kiểm duyệt :*" Người ta vẫn theo thói quen bàn đến vụ nổ lớn ở khu vực Long Khánh vào ngày 24 tháng 4 vừa qua.. Vụ nổ lớn kéo dài đến tận Sài Gòn cũng nghe thấy tiếng nổ. Chung quanh khu vực đó, có nhiều trại cải tạo tập trung, không biết vì lý do thiếu an ninh mà sau này các trại đó đã chuyển dần ra phía ngoài Bắc."*

Chủ nhật, ngày 25-4-1976: ngày bầu cử, kết thúc một năm Sài Gòn sau 30-4-1975

Hôm nay là ngày lịch sử. Toàn quốc đã đi bầu. Ngoài đường cấm xe cộ lưu thông. Đường phố vắng vẻ, chỉ trừ các xe phóng thanh đi tuyên truyền. Những người đi xe đạp hoặc xe gắn máy thì có các người gác các nút chặn yêu cầu xuống xe dắt bộ.

Trên đường phố, chỉ còn những đoàn người, phần lớn là phụ nữ thanh niên, thiếu nữ, do các tổ dân phố hay phường khóm hướng dẫn đến các địa điểm bỏ phiếu. Mọi sinh hoạt đình chỉ. Ngay cả những người buôn bán lẻ dọc đường phố cũng phải tạm nghỉ, tạm lánh mặt.. Không khí vui vẻ và tập nập.

Có nhiều nơi, như trong Chợ Lớn, 10 giờ toàn thể dân chúng trong các khu phố đã làm xong nhiệm vụ đi bầu.

Một vài máy bay phản lực bay lượn trên không vụt qua vụt lại, tiếp theo là hai trực thăng kêu phành phạch trên trời làm tăng thêm cái vẻ nghiêm trọng trong ngày bầu cử. Đến xế chiều, kể như công việc bầu cử đã hoàn tất từ lâu. Thành phố Sài Gòn như một thành phố ngủ, không một bóng người hay xe cộ qua lại. Ngoài đường chỉ còn lại xe cộ qua lại của Công An, Cảnh sát. Những người giữ trật tự an ninh, đeo băng dờ tên xe phóng lướt nhanh, dáng vẻ khẩn trương

của một màn kịch sắp đến hồi kết thúc. Trật tự đạt mức độ an toàn tuyệt đối và hầu như không có một sự cố nào xảy ra, dù nhỏ thôi. Không có phá hoại, không có mất trật tự, tranh dành. Sau một năm, thành phố Sài Gòn đã đổi diện mạo. Sài Gòn không còn là Sài Gòn năm trước nữa. Đối với người dân thành phố, vấn đề không phải là bầu ai, vì đó là nhiệm vụ của chính quyền. Đối với họ, điều quan trọng là tấm giấy chứng nhận đã đi bầu. Vậy là đủ. Nếu có điều gì đáng nói trong chuyện bầu cử này như một câu chuyện bên lề. Đó là chuyện "Big Minh" đi bầu. Ông này vừa được chuyển về từ miền Bắc về lại miền Nam cách đây hai tháng. Big Minh đã đi bỏ phiếu tại trường Tây cũ Saint Exupéry trước mặt một số phóng viên ngoại quốc như báo L'humanité của Pháp và L'Unita của Ý. Cũng tin đồn cho hay Nhân vật số 1 là ông Phạm Hùng đã bị hai người ngồi xe gắn máy nhám bắn về phía ông ở góc bà Huyện Thanh Quan, khi ông vừa rời khỏi nhà ở đường Tú Xương, vào lúc 6 giờ 45 sáng để đi bầu. Người tài xế của ông bị thương, phần ông không sao cả. Sau đó hai người trên xe gắn máy đã bị bắt ngay. Những ngày sau đó, trước dinh của ông Phạm Hùng, luôn luôn có 4 người an ninh gác cửa. Xin lưu ý mọi người là các đường Tú Xương, bà Huyện Thanh Quan, nhất là Trương Định là nơi trú ngụ của các nhân vật cao cấp đảng Cộng Sản bây giờ. Mỗi khi vào Sài Gòn là họ ở đây. Nó cũng giống như ở Hà Nội, dọc đường Hoàng Diệu đều là dinh thự của các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước. Tôi đã đến thăm nhà bà quả phụ Vũ Đình Liệu ở số 28 đường Trương Định và lúc ra về, bà đã chỉ cho biết bên kia đường, xế phía tay phải là nhà ông Phó Thủ Tướng Dũng, một nhân vật có nhiều dấu hiệu sẽ dành được chức vụ Thủ Tướng trong kỳ sắp tới đây.

Thứ tư ngày 28- 4-1976.

Báo chí cho hay chỉ có khoảng 95% dân chúng miền Nam đi bầu, so với 99,82% cử tri miền Bắc đi bầu. Nhưng riêng các tỉnh Minh Hải, bao gồm Cà Mau và Bạc Liêu, số người đi bầu là 100%. Một tỉ lệ tuyệt đối không đâu sánh bằng.

Ở Sài Gòn, có 9 người không đắc cử, trong đó có 6 phụ nữ. Trong số 35 người đắc cử, có 8 phụ nữ, hai nhà sư, một linh mục Thiên Chúa giáo và 6 người thuộc Mặt trận Giải Phóng miền Nam. Mặc dầu kết quả được sắp đặt, người ta vẫn thấy sự sắp xếp có phần lộ liễu. Có thể nào có một sắp đặt ít lộ liễu hơn được không ? Chúng ta muốn lộ liễu hóa một điều mà tự nó đã lộ liễu rồi ? Con số nhiều nơi 100 phần trăm đi bầu, bất kể những trường hợp ốm đau, sinh đẻ hoặc có những lý do bất khả kháng.

Tưởng những con số trên là phi thực lắm rồi, vậy mà gần một phần tư thế kỷ sau, 3 tháng trước ngày bầu cử 14-11-1999, thủ tướng Phan Văn Khải đã tuyên bố: " *Phải tổ chức bầu cử thật dân chủ*" (SGGP ngày 24-8-1999). Dân chủ thật. Số cử tri đi bầu HDNDTP HCM đạt tỉ lệ 99, 84%, bầu đủ số 85 đại biểu.

Nhân tiện đây cũng nhắc đến nhà văn Tô Hoài, Ông là nhà văn đi công tác nước ngoài nhiều lần nhất ở ngoài Bắc trước 75.. Ông kể truyện, mỗi lần đi công tác nước ngoài là phải đi mượn quần áo của Bộ tài chánh: "...giày không có dây, cả thành phố không đâu bán dây giày và hộp kem. Tôi lại phải đi xin dây giày và mượn cái cà vạt của Nguyễn Văn Bồng". Nói về người bạn cũ di cư vào Nam, ông viết với giọng khinh miệt như sau: "... còn cái thằng Hiếu Chân Nguyễn Hoạ, làm báo Tự Do ở Sài Gòn.. Tôi được biết nó ở lại Sài Gòn. Có lẽ cũng không ai buồn xách cái tã ấy đi di tản". Và viết về bầu cử, ông đã trơ chèn tả lại một cách tự nhiên như sau: " *Chỗ nào cũng tít tít.. có người đi bầu hộ cả nhà.. Khi mọi người đã ra về, chúng tôi bóc miếng giấy dán niêm phong, đổ cả thùng phiếu ra mặt bàn. Hai chúng tôi mở từng cái phiếu rồi lại bỏ vào thùng. Cả phiếu không gạch tên- phiếu trắng cũng bỏ lại vào. Chỉ để riêng ra cái phiếu nào viết về nhằm nhí hay viết phản động. Những phiếu này gói lại, tự tay trưởng ban đem nộp lên khu. Trong những năm nay tôi làm việc, mấy lần bỏ phiếu thành phố hay toàn quốc đều làm như thế theo kế hoạch mật của khu*". Đặc biệt nhà văn này, chúng tôi giới thiệu tài liệu trích dẫn ở trong cuốn hồi ký *Chiều Chiều*, của ông do nxb Hội Nhà Văn, dày 562 trang. Hình như ông vào ngụ ở Đà Lạt thì phải.

Đó là sản phẩm của những đầu óc chính trị quá mẫn. Người ta vẫn chưa tìm được một sự dung hòa giữa ảo và thực, giữa sự nghiêm chỉnh và sự đùa nghịch. Sự nghiêm chỉnh (esprit du sérieux mà theo Voltaire cái nghiêm chỉnh thì thiếu cái duyên dáng, đối lại với esprit du ridicule) mà dẫn đến mức quá độ, tuyệt đối, nó không chừa cho bất cứ kẽ hở nào của thực tế thì nó biến thành sự khôi hài, kịch cỡm. Tỷ lệ đi bầu 99,82%, đặc cử ở mức độ tín nhiệm tuyệt đối 99.76% là một chuyện quá nghiêm chỉnh trở thành chuyện khôi hài.

Phải có một đầu óc lãng mạn chính trị ghê lắm mới đưa ra được kết quả trên.

Ở Sài Gòn, bà Bình dẫn đầu với 97% phiếu bầu. Đáng nhẽ cần minh định rõ hơn tý nữa. Bà Bình đã được tín nhiệm với 97% phiếu trên tổng số 95% số cử tri đi bầu. Nguyễn Hữu Thọ 95% và Võ văn Kiệt 94%, Huỳnh tấn Phát 92%. Một vài ghi nhận là ông Phạm Hùng, nhân vật số 1 ở miền Nam chỉ đạt tỉ lệ đặc cử là 92% ở quận 3. Ngôi sao Phạm hùng đang đi xuống. Bà Dương Quỳnh Hoa, bộ trưởng y tế, không phải đi xuống mà có vẻ bị thất sủng chỉ đạt được 81% phiếu bầu ở quận hai. Tỷ lệ 81% là quá thấp như một rế rúng.

Vì vậy, có thể xem kết quả bầu phiếu để biết được số phận tương lai chính trị của các nhân vật lãnh đạo nhà nước.

Ít ra thì một cuộc bầu cử về mặt này cũng tỏ ra có ích lợi, nhờ đó người dân biết được ai còn, ai mất.

Có vẻ như bộ máy bầu cử ở trong Nam có điều chi trực trực. Nó không tuân thủ một tình tự sắp xếp tính toán từ trước.

Ngoài Bắc, riêng ở Hà Nội, nghiêm chỉnh hơn nên khôi hài hơn. Số người đi bầu là 99,82. Trong khi đó, nhân vật số 1 miền Bắc ông Lê Duẩn, Tổng bí thư dẫn đầu với 99%76, Thủ tướng Phạm Văn Đồng 99%73, Trường Chinh 99%60. Tất cả 6 nhân vật cao cấp của chính phủ đều đạt tỉ lệ 99,35% số phiếu bầu. Nhưng theo kết quả công bố, ngay cả những ứng viên không được bầu, nghĩa là rớt không trúng cử, cũng đạt được tỉ lệ 50% số phiếu. Làm sao có thể người trúng cử đạt tỉ lệ hơn 90% số phiếu đi bầu và người rớt cũng đạt được 50% số phiếu bầu.

Ở một mặt khác, người ta để ý thấy tỉ lệ số phiếu của bà Bình phải thấp hơn so với tất cả các vị lãnh đạo miền Bắc. Tỷ lệ của Bí thư phải cao hơn Thủ Tướng và cứ thế, cứ thế, sự cao hơn đến độ vô nghĩa cũng cần phải được tôn trọng.

Tin tức báo chí về kết quả bầu cử nghiêm chỉnh, đứng đắn như thế nên ông Hồ Ngọc Nhuận đã có nhận xét như sau về hai nền báo chí Sài Gòn trước và sau giải phóng. Ông nhận xét khá chính xác khi nói: *Báo chí ngày nay ít dành chỗ cho biếm họa. Mà nếu có cũng ít khi thấy *đã*. Có lẽ là vì báo chí bây giờ* ngay ngắn, đứng đắn* hơn chẳng. Người ta nhớ thuở nào làng báo Sài Gòn có những họa sĩ "Ớt", tức Huỳnh Bá Thành cùng với các họa sĩ Chóe, Diệp Đình vv.. Sau 30 tháng tư, họa sĩ Ớt mới lộ diện là một cán bộ chỉ huy điệp vụ cách mạng. Ông Hoàng Ngọc Nhuận cho biết tiếp như sau về câu chuyện họa sĩ Ớt: "Chiều 28-4-75, sau vụ ném bom của Nguyễn Thành Trung, chúng tôi thấy nhóm ông Minh bị cô lập, tôi liền thực hiện ý định. Tôi gặp anh Hồ Ngọc Nhuận và tự xưng là điệp báo của Mặt trận, truyền đạt lời yêu cầu của cách mạng đến ông Minh, rằng ông nên giao chính quyền lại cho cách mạng".*

Thứ sáu 30 tháng tư- 1976, kỷ niệm một năm sau ngày Sài Gòn giải phóng

Sáng nay, từ Sài Gòn Giải Phóng đã chạy một tí lớn như sau : "*Cũng ngày nay năm, quân đội chúng ta gồm năm binh đoàn đã tiến vào Sài Gòn, trong khi hằng triệu người đã nhất tề đứng lên hưởng ứng cuộc cách mạng thành công*".

Ngày kỷ niệm diễn ra một cách êm ả. Không có mít tinh mà cũng không có biểu tình. Trên trời, có hai nhóm máy bay, mỗi nhóm ba chiếc máy bay chiến đấu, có thể là máy bay phản lực A 37 của quân lực VNCH cũ bay lượn nhiều lần và bay sà trên thành phố.

Chỉ có điều con số 5 binh đoàn, nay đổi ra là 15 binh đoàn. Đối với người dân, chẳng ai thắc mắc cái chuyện 5 hay 15 binh đoàn. Đó là công việc của nhà nước.

Văn phòng báo chí AFP sẽ đóng cửa vào ngày mùng 8 tháng năm sắp tới loan tin có 30 vạn người còn bị giam giữ trong các trại học tập. Bản tin này đã bị nhà cầm quyền kiểm duyệt từng chữ một. Dầu vậy, cũng đánh động được Amnesty International, hội Ân xá quốc tế và các cơ quan bảo vệ nhân quyền trên thế giới để can thiệp.

Ngô Công Đức đã tổ chức một bữa ăn để kỷ niệm ngày 30 tháng tư 1976, tại nhà nghỉ mát Thanh Đa của ông. Ông đã mời tất cả các bạn bè đã từng sát cánh tranh đấu với ông trong thời kỳ đệ nhị cộng hoà. Không có danh sách những người bạn cũ là những ai. Nhân dịp này, đám khách khứa, bạn bè cũng kiểm điểm xem ai mất, ai còn, ai là người đã đi xa.

Buổi họp mặt vui thật, nhưng đã có người bá cáo về những câu chuyện bàn tán trong bữa tiệc. Vì thế có kiểm điểm, cảnh cáo. *dư âm* nghe nói mãi tận ngày 30-4 năm sau vẫn còn.

Và kể từ đó, Hồ Ngọc Nhuận thề không dám mời những lần hội ngộ như vậy nữa. Và nếu có ai mời, cũng không dám tham dự nữa.

Một vài con số về tình trạng giáo dục đại học sau 75.

Trước 75, số sinh viên ở các đại học miền Nam là 131.500 người. Cho mãi đến cuối tháng 12, 1975, một số Đại học mới bắt đầu mở cửa học lại. Và sau 4 tháng học, người ta ghi nhận chỉ có 29000 sinh viên tham dự kỳ thi cuối năm nay. Nếu tính số dân miền Nam là 29 triệu dân thì chỉ có 3976 sinh viên ở trình độ cao học.

Cho đến nay, Sài Gòn thiếu trầm trọng các bác sĩ. Trường Y khoa chỉ thu nhận 349 sv trên số 5558 ứng viên ghi danh. Trường Nha 100 sv và dược khoa 79. Thời trước 75, số sinh viên Y nha dược là 15000 sinh viên, Cộng thêm 883 sv Đại Học Sư Phạm.

Cũng ghi nhận là nay tất cả các trường từ trung học đến đại học đều thuộc trường công lập của nhà nước. Không có hệ thống các trường tư thuộc giáo hội TCG, Phật Giáo, trường Tàu hay tổ chức nào khác. Chương trình giáo dục kéo dài 12 năm, thay vì 10 năm như ở ngoài Bắc.

Chương trình trong các trường có một số đặc điểm như:

- Ưu thế hàng đầu cho chính trị trong các bài về văn chương, sử ký, địa lý và ngay cả toán học.
- Ưu thế cho các bài học đạo đức chính trị về vô sản, đề cao đảng, tôn sùng cá nhân bác Hồ kính yêu
- Tinh thần ái quốc cực đoan, sô vanh đề cao sức mạnh của đất nước và quân đội, gieo rắc sự nghi ngờ và hận thù.
- Các giáo chức phải luôn được giáo dục cải tạo để thấm nhuần tư tưởng chủ nghĩa xã hội. Các bài học đưược phân phối mỗi hai tuần một lần và giờ làm việc của giáo chức trung bình ngày 12 tiếng với số lương khoảng 20 chục ngàn đồng tiền cũ.

Sau một năm, người dân tự hỏi Tương lai sẽ ra sao ? Thấm thoát mà đã hơn 30 năm rồi.

Câu hỏi vẫn chưa có câu trả lời trọn vẹn.

Theo Dương Thu Hương, sau 30-4-1975, nó còn những chiêu kích đau khổ khác. Và chính những chiêu kích ấy mới là tổn thất khủng khiếp nhất. Một năm sau ngày giải phóng, miền Nam là một xã hội tan rã và hủy diệt về mọi phương diện: phá sản về đạo lý con người, một xã hội băng hoại mất hết mọi giá trị đạo đức, luân lý cổ truyền. Chính sách đi học tập cải tạo vô hạn định có thể lừa được người dân trong ngắn hạn, nhưng sau này trả rất đắt, nói không ai nghe, không ai tin nữa, mất hoàn toàn tín nhiệm nơi dân chúng. Giải thể MTGPMN và thống nhất đất nước vội vã là một phản bội miền Nam, một sai lầm chiến thuật, bất cập. Đi kinh tế mới là một chính sách đầu voi đuôi chuột, đem con bỏ chợ, nhằm trả thù hơn là lợi ích kinh tế hay xã hội. Nó thất bại ngay từ đầu đến nỗi sau này không ai còn muốn nhắc tới nữa. Rồi đánh tư sản mại bản, chính sách đổi tiền, chính sách bài trừ và xua đuổi người Hoa ra khỏi nước, việc mang quân sang xâm chiếm Campuchia. Tất cả dẫn đưa đất nước vào vòng lao lý, tù tội hận oán mãi đến bây giờ chưa hết. Một xã hội bị xoá trắng về Văn Học nghệ thuật, phá sản về tư hữu, một nền kinh tế kiệt quệ lâm vào cảnh đói nghèo báo hiệu nguy cơ sụp đổ toàn diện.

Về đối ngoại, đóng cửa các tòa đại sứ, nhất là tòa đại sứ Hoa Kỳ trục xuất các người ngoại quốc, chiếm hữu tài sản của các công ty người Pháp là tự mình cô lập chính mình. Hủy bỏ mọi cam kết, ký kết, các thương ước thương mại, các khoản cho hoặc vay mượn, các cơ quan từ thiện quốc tế, các tổ chức nhân đạo, các quỹ tiền tệ Quốc tế, các ngân hàng ngoại quốc.. mà VNCH đã nhiều năm xây dựng là một việc làm ngu xuẩn. Vì thế, phải nhiều năm sau này chính quyền CS mới khôi phục và nối kết lại bang giao với các cơ quan Quốc Tế vừa kể trên. Chúng ta đã bịt tai không thèm nghe về tư thế và lợi ích chiến tranh của Việt Nam giữa hai đại cường, nên đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc André Young đã nói rõ như sau :” *Chúng tôi coi Việt Nam như một Nam Tư ở Châu Á. Không phải một bộ phận của Trung Quốc hay của Liên Xô, mà là một nước độc lập. Một nước Việt Nam mạnh và độc lập là phù hợp với lợi ích quốc gia của Mỹ*” (tháng 01-1977)

Như thế, Việt Nam đã bỏ mất nhiều cơ may đưa đất nước tiến lên và phát triển. VN đã tụt hậu gần 20 năm trong sự trì trệ và ngu dốt. Đã có một lịch sử đứt đoạn phân chia rạch ròi trước 1975 và sau 1975. Đã có một giai đoạn mất mát, cắt đứt với cộng đồng quốc tế và đất nước rơi vào tình trạng nghèo đói, lạc hậu và chậm tiến.

Đó là một lỗi lầm lịch sử lớn lao mà trách nhiệm là đảng cầm quyền CS.

Cả một tập đoàn cán bộ cao cấp đều thiếu một cái nhìn viễn kiến, một chính sách hợp tác quốc tế ngay từ đầu. Cái tư thế chính trị, quân sự của ta lúc bấy giờ là lớn lắm nếu có một chính sách ngoại giao cởi mở, mềm dẻo, biết điều, không hống hãnh quá lố đến lố bịch sẵn sàng hợp tác với cộng đồng quốc tế. Ta đã ngu dại, ngủ quên với những chiến thắng, coi trời bằng vung. Và cho đến bây giờ, cái đảng cầm quyền đó vẫn vấp phạm những sai lầm lớn nhỏ với tình trạng tham nhũng hầu như vô phương cứu chữa.

Một nhận xét cuối cùng của tôi sau một năm ngày giải phóng là:

Họ đã làm mất lòng dân mà họ không cần biết.

Sau một năm giải phóng, Tất cả mọi người từ già tới trẻ, từ đủ mọi thành phần xã hội đều mất tin tưởng và thấy rằng đất nước này không khá được nếu còn đảng CS.

Xu hướng này đến nay càng rõ nét. Phải thay đổi, phải dẹp bỏ đảng CS nếu muốn đất nước đi lên.

Cho đến nay, những gì họ tuyên truyền để phá hủy, chùy đập, phỉ báng, bôi nhọ, kết án thì sau thời kỳ đổi mới kể từ 1986.. Họ làm cuộc cách mạng trở về với cái cũ, cái mà họ từng phỉ nhổ, lãng nhục. Và một biểu tượng hết ý hết lời về đất nước mình, ấy là hình ảnh những cột xi măng thay vì phải là cột xi măng cốt sắt, nó lại là những cột xi măng cốt tre.

Đất nước này chỉ toàn là những cột xi măng đúc bằng cốt tre thay vì cốt sắt. Chúng ta hãy tự chọn cho mình một thái độ thích hợp.

Nguyễn Văn Lục

Chú thích của người viết:

Bài viết này mà tính chất là ký như một truyện kể . Để đạt được tính sinh động, nhẹ nhàng và bớt nặng nề của một bài khảo luận. Người viết xin không làm foot note dưới mỗi dẫn chứng và xin chỉ liệt kê một số sách, số tài liệu chính mà người viết đã xử dụng trong bài viết này. Nhiều chỗ, nhiều đoạn đã lấy nguyên văn để cho có được độ chính xác và nghiêm túc. Sau nữa cũng không liệt kê vô số các tài liệu rút ra từ các báo ngoại quốc, các bản tin hay tiếng Việt như Tin nhà, Đi Tới, Sài Gòn giải phóng..

Tài liệu ngoại quốc được trích dẫn từ cuốn:

La mousson de la liberté của Brigitte Friang.

Vivre au Viet Nam của Alain Ruscio

*L'aigle et le dragon của Claude de Groulat.
La guerre d'Indochine của Lucien Bodar.
Le temps des chiens muets. Mgr Paul Seitz. Flammarion.*

Cũng xin cảm ơn các bạn Nguyễn Trọng Văn đã cho tôi có dịp in Cuốn Đòi của HNN mà tôi đã xử dụng nó rất nhiều trong bài viết này. Cảm ơn đặc biệt bạn Đỗ Hữu Nghiêm đã gửi cho tôi cuốn: 30 năm công giáo VN dưới chế độ CS, 1975-2005 mà tôi đã dùng để trích dẫn nhiều tài liệu quý giá về TCG của những tác giả như Đỗ Hữu Nghiêm, Trần Ngọc Bái, Vũ Sinh Hiền, Lê Thiên và giáo sư Nguyễn Chính Kết. Sau chót, không quên Nhận Định 10, trong nước, ngoài nước của Nguyễn Văn Trung.

Về phía Tây thì tôi chẳng có cách gì để liên lạc để cảm ơn họ cả, dù có muốn cảm ơn.

Cuộc sống ở một nơi nào khác(la vie ailleurs)

Đặt chân đến Sài Gòn, tôi chỉ có một ý nghĩ **là về** : về với gia đình. Nhìn lại anh chị em mình còn ở lại. Gặp lại con cháu mình mà từ hơn 30 năm chưa gặp mặt. Đứa chưa gặp thì lạ hoắc. Nhìn nhau mà ngỡ ngàng, mà cười. Tất cả là hơn 60 đứa cháu lớn nhỏ. Tiền lì xì trong dịp tết phải có danh sách lần lượt mỗi nhà. Vui ơi là vui. Nhiều đứa đã lớn cái đầu, đã có dâu rể còn ty nạnh, mè nheo đòi cậu, đòi ông trẻ cho thêm. Thì cũng cho. Đứa gặp lúc thuở nhỏ thì nay cũng đã đứng tuổi hoặc chập chững bước vào tuổi già. Mừng vui lẫn lộn, cười chảy nước mắt. Lúc ra đi, cả một bày vẫy tay la hét. Cứ nhón nháo cả lên. Ra đi mà lòng không dặng. Cuối cùng cái gì còn lại chỉ còn lại một cuộc nói lại khúc ruột mà nhiều năm nay đứt đoạn.

Phần tôi chỉ mới nói được khúc ruột máu mủ.

Phần còn lại, Việt Nam còn nhiều khúc ruột đứt như thế lắm. Cần phải nói. Trước mặt là khúc ruột 75 của 3 triệu người di tản. Họ về là về gia đình, là thăm quê hương. Những cái khác thì còn cần phải xét lại.. Và chỉ có chân tình may ra mới có cơ hy vọng nối lại những lỗi lầm quá độ. Thống nhất đất nước thì đã xong từ lâu, nhưng thống nhất lòng người thì hẳn là chưa. Và qua chuyện về này, tôi cũng thấy là chưa phải lúc, hay lúc chưa tới.

Như đã nói, tôi chỉ thấy an bình khi về nhà. Ra khỏi cái bầu khí đó tôi có cảm tưởng **cuộc sống ở đây như thể một cuộc sống ở nơi nào khác**. Cái gì cũng chồn rồn, lạ lẫm và không quen thuộc. Hoặc lố bịch, hoặc vô trách nhiệm, hoặc hỗn loạn xô bồ vô tội chực. Hoặc quen thuộc đến chẳng thấy có gì lạ. Vẫn đường phố ấy, với những sợi giây trời giăng mắc chẳng chịt bừa bãi, những đám đông người nhung nhúc, cứ như phải nhoi lên mà sống, nhoi lên mà thờ như thể lẽ sống còn.

Thời gian bất tận

Ở nơi đây, nơi mà tôi đã lớn lên, đã trưởng thành, tôi có thể đong đếm mỗi năm cuộc đời bằng thời gian ngày, tháng, năm. Bằng thứ hai, thứ ba và thứ bảy, chủ nhật. Có thứ bảy cuối tuần, có lúc hẹn hò, có lúc dong chơi cuộc đời. Có ngày làm, ngày nghỉ như hai nhịp bước chân, có nhịp đi thì có nhịp nghỉ. Tôi đã mất một cảm giác về thời gian như thế.

Thời gian bây giờ là thời gian miên tục, triền miên đến không còn ý niệm thời gian nữa. Việt Nam, đất nước tôi, Sài Gòn, Hà Nội. **Thời gian lúc nào cũng là lúc không giờ**. Thời gian chuyển động triền miên cũng là thời gian lúc nào cũng chỉ không giờ. Nó xoay chuyển liên tục, chóng mặt như một vòng xoáy, như một cơn lốc, như một cơn mê. Nó không có lúc nào bắt

đầu nên cũng không có lúc nào dứt điểm. Người lao động các khu chế xuất làm từ sáng tới đêm, làm hùng hục, không còn thấy ánh sáng mặt trời. Và nay thì họ đã cất lên tiếng nói bằng đình công. Nhiều chỗ, nhiều nơi ở các khu chế xuất, nhất là Biên Hoà, Long An. Ít lắm đã có gần 20000 ngàn công nhân đình công.. Không làm thì ăn uống suốt từ sáng đến đêm. Lúc nào cũng là ăn, lúc nào cũng là uống và như thế không có công việc gì khác ngoài truyện ăn uống. Sáng trưa chiều tối. Đêm là ngày, ngày là đêm. Thứ hai, tư sáu, thứ bảy chủ nhật. Lúc nào là nghỉ, lúc nào là làm. Xe cộ như mắc cửi như thế không ai làm việc gì, ngoài việc phóng xe ngoài đường.

Tiếng động triền miên

Sáng đêm chiều tối tiếng động không ngưng nghỉ. Mà ngưng nghỉ thì không còn là Hà Nội, Sài Gòn nữa.. Đó là cuộc sống liên tu bất tận. Tôi chỉ thực sự nhận ra Sài Gòn ngưng nghỉ có một lần. Đó là lúc 5, 6 chiều tối 30 tết.. nhưng chỉ độ 9 giờ tối, nó lại rơi vào **cơn mê điên cuồng của tiếng Động**.

Trong cơn mê điên cuồng của tiếng động, con người đánh mất bản thân mình, không còn là mình. **Đó là cuộc vong thân trong tiếng động**. Con người không có thì giờ để nghĩ, để yêu thương, để nhìn lại mình. Mất hẳn cuộc sống riêng tư một mình. Tiếng động nay len lỏi vào bất cứ căn ngõ hẻm nào, bất cứ chỗ nào gọi là đường. Cứ chỗ nào không có nhà thì chỗ đó là đường đi, xe cộ chen chúc, lách mà đi và chỗ đó sẽ có tiếng động. **Tiếng động trấn áp tất cả**. Đến gà không thể gáy, chó không thể sủa. Hết rồi tiếng chim hót trên cành. Hầu như, ngay ở Hà Nội, đường phố còn khá nhiều cây xanh mà tôi cứ tâm tắc khen mãi. Ít ra còn có mảng da trời, ít ra còn có cây xanh hai bên đường phố. Ít ra Hà Nội còn mang vóc dáng con người. Vậy mà tôi cũng chưa hề nghe tiếng hát của loài chim, dù là chim sẻ. Hãy chỉ cho tôi, có con chó nào dám ra đường sủa, hoặc dám tè một bãi, nhất là dám nghênh ngang đứng trước cửa nhà gâu gâu. Chó cụp đuôi, gà tắt tiếng, chim ngừng hót.

Ngay cả những loa thành phố, trong các ngõ hẻm mà trước đây 10 năm còn oang oang sáng, trưa, chiều tối cũng hầu như tắt tiếng. Không ai muốn nghe nữa vì nó cũng thuộc loại tiếng động trấn áp và bạo lực. Họa hiếm còn phải nghe tiếng loa bạo lực ở một vài tỉnh miền Tây. Nay bớt được bạo lực trấn áp của tiếng loa thì được thay thế bằng bạo lực tiếng động.

Cuộc sống trí tuệ và tình cảm con người đã bị khô chồi và tàn lụi vì tiếng động.. Tiếng động phá và làm rối loạn các cơ năng thần kinh não bộ. Người ta không thể tập trung tư tưởng được, không thể học được, không thể nhớ được, nói chi có thể sáng tạo được. Người ta cũng không thể yêu thương được, cùng lắm chỉ làm tình được. Và rồi trong cơn mê điên cuồng của tiếng động, nó sẽ đánh thức tiềm lực của bản năng, của những động lực vô thức, của bản năng sinh tồn, bản năng tình dục. Khi mà con người bị vong thân trong tiếng động thì tất cả cơ chế vận hành của con người sẽ là những bản năng tự tồn. Con người sẽ sống như những loài động vật hay như những bộ máy biết đi, biết ăn, biết ngủ, biết làm, biết kiếm tiền, biết làm tình. Trẻ con hùng hục đi học từ sáng tới tối, tới đêm. Bùng con mắt dạy là học. Học như nhét, như nhồi. Học như tống vào đầu mà đầu óc như một kho chứa. Rồi trí óc sẽ tri độn. Rồi đói thì vọc vào ăn. Ham muốn thì thỏa mãn trong công viên, trong quán cà phê, chỗ tối tăm. Còn người lớn. Các then máy tự động của đời sống sẽ vận hành, điều chỉnh, thúc đẩy con người. Hùng hục làm từ sáng tới đêm, hùng hục kiếm tiền, hùng hục mưu kế, hùng hục gian manh, hùng hục lừa gạt, hùng hục lương thiện mà không đủ sống, hùng hục ăn. Người ta tưởng là làm, nhưng thật ra chỉ là những vận hành cử động của một guồng máy xã hội đẩy người ta đi.

Việt Nam báo hiệu có sự thay đổi và phát triển với tiềm năng và hy vọng lớn. Nhưng nó cũng cảnh báo về một nguy cơ suy sụp toàn bộ giá trị làm người. Nhìn mà cảm thấy ngao ngán và lo

ngại. Tình người khan hiếm, bạo lực có thừa, bản năng và thú tính ngự trị, lòng gạt và dối trá là món hàng trao đổi. **Việt Nam đang sống hay quay trở lại thời kỳ ngự trị của hoang dã, mất khả năng thực hiện làm người.** Đó không phải là xã hội người biết tôn trọng pháp luật, biết để cái chung trên cái riêng, biết cho và nhận. Nó không còn là xã hội lý, cũng chẳng phải xã hội tình (Theo sự phân biệt của Paul Ricoeur) mà là xã hội ở thời kỳ hoang dã.

Một đất nước mà tôi xa lạ đến không hiểu được như cuộc sống ở một nơi nào khác. Đó là cái cảm tưởng mà tôi cần phải nhắc lại. Tôi như bị vấp vào một tinh cầu nào đó, một cái gì đó mà tôi chưa rõ mặt. Tôi chưa thể hội nhập vào cái dòng chảy sự sống với tiếng động đêm ngày, với tốc độ, với thời gian vô tận, với tương giao con người không còn nữa trong những giao dịch.. Cùng lắm tôi chỉ còn thấy le lói nơi những người khó nghèo, nơi những người cùng khổ. Tôi gần gũi họ hơn, tôi dễ chia sẻ hơn. Xin từ từ để tôi còn có thể nhận ra quê hương mình. Bài viết này, không phải để nói xấu quê hương mình, nhưng muốn bày tỏ những điều tôi đã nghe, đã thấy và đã cảm nghiệm như thế nào với tư cách một người Việt.

Đi Hà Nội để tìm lại một phần của đời mình.

Tôi đã ra Hà Nội và tôi đã thấy gì. Thăm Hà Nội là để tìm lại một phần đời mình, một chút kỷ niệm, một chút mảnh đời tuổi trẻ. Tôi còn nhớ lại trước đây vào những buổi sáng tinh mơ, mặt nước hồ Tây hay còn gọi là Dâm Đàm có nghĩa là đồng sương mù còn mờ hơi sương. Sương la đà mặt đất, phủ nhẹ trên các lá cây một lớp bụi trắng đọng lại thành từng giọt nước. Phải lâu lắm, ánh sáng mặt trời mới làm tan lớp sương mỏng. Trên cao, một đàn chim sầm cầm lượn đi ăn sáng, chân duỗi thẳng ra đằng sau, thân mình nhọn dài, đâm chéo lên chân trời như trong một bức tranh. Tôi còn là một cậu bé Hà Nội co ro trong chiếc áo len nhiều màu chật đến muốn nứt ra, chân đất chân không tới trường. Hà Nội tôi thế đấy, nghèo mà thân thương. Nhớ từng bụi cỏ, từng tiếng ve sầu, tiếng rao phá xa, tiếng tục tacs, tiếng leng keng của đường tàu điện.

Cái cảnh đó không còn nữa. Cái kỷ niệm đó cũng không còn nữa.

Con đường Cỏ Ngưu, phía tay mặt, nay dựng lên những quán ăn che mắt mặt hồ. Tầm nhìn thu hẹp lại, chỉ còn ngửi thấy mùi thịt nướng từ quán ăn xông ra. **Nếu đất nói được, nếu thiên nhiên biết nói tiếng người, nó sẽ nguyền rủa con người.** Phía cuối đường là chùa Trấn Quốc nay bị những khối bê tông chắn hết tầm nhìn. Sừng sững và trấn áp. Con người cũng chẳng được tôn trọng thì thiên nhiên xá gì.

Chỗ nào cũng quán ăn nhậu. Mấy quán nhậu đó là cái bản mắt của thành phố do các quan chức bảo trợ đằng sau. Hà Nội không còn là Hà Nội nữa.

Bờ hồ Hoàn Kiếm thì nay chinh ình việc xây cất một toà nhà lớn của công ty Bưu điện. Bệnh xây cất tùy tiện là thứ bệnh dịch lan tràn khắp nơi.(*Maladie de la pierre*).

Tôi đạp xe xuống phía Giám để về Hà Đông vào thăm dinh Hoàng Cao Khải, nơi mà tôi đã từng học nhiều năm với biết bao kỷ niệm. Gần đấy là Gò Đống Đa giống như một cái lúm đất mỗi ngày mỗi lùn đi, bị khuất lấp bởi những nhà xây cất phía trước mặt. Hồi thăm mãi mới tìm ra được. Lên trên, ở phía tay trái, người ta lại tham lam làm một cái sân chơi với các cây đu cho trẻ con.. Sân chơi cho trẻ con là cần lắm, tốt lắm. Nhưng phải làm ở chỗ khác, không được đụng đến di tích lịch sử. Nếu đã đụng như thế thì nên dẹp Gò Đống Đa đi cho rồi. Còn gì là di tích lịch sử nữa. Dinh Hoàng Cao Khải, thời trước 54, trước mặt là một cái hồ bán nguyệt, rộng mênh mông nay thật đến ngu xuẩn người ta làm hồ nuôi cá. Giữa hồ là cái bè nổi với các thùng phuy có cái bảng đề như sau : *Hồ thả cá. Cắm câu cá, đổ rác.* Cổng vào dinh thì nay trở thành : *Trụ sở tuần tra nhân dân quận 9.* Dinh này có thể biến thành khu di tích lịch sử nay trở

thành hồ câu cá. Lấy cái lợi nhỏ, cục bộ quên cái lợi lớn. Ốc tham lam địa phương che mờ cái nghĩa lớn. Buồn thay. Tôi vừa đọc tờ báo Khởi Nguồn, số mới nhất, số 5, có bài của ông Diệu Tân viết như sau :** Về kiến trúc cổ, chùa Diên Hựu hay chùa Một Cột là một trường hợp điển hình có sự mâu thuẫn nặng nề giữa quyền lực chính trị và nhu cầu bảo tồn di sản quốc gia... Nguồn tin mới tiết lộ là khi xây chỗ cho ông Hồ, những người có trách nhiệm muốn phá bỏ ngôi chùa đặc biệt có một không hai trên thế giới cho rộng chỗ, cho vĩ đại hơn.. Rất may là * chương ngại vật* vẫn còn trợ trợ, nhưng người ta cho biết chùa nằm vào thế kẹt ngó rất khiêm nhường và thảm bại* ^[1]*

Vậy mà đi đến đâu cũng nói bảo tồn văn hoá. Cả thành phố Sài Gòn, cứ mỗi cổng vào các phường khóm đều có cái bảng đề : khu văn hoá..

Trên đường về, tôi nhớ hai toa tàu điện kêu kính keng với cái sào điện trên nóc. Đã không còn nữa. Tôi thử đi tìm hiểu xem, đường tàu điện đã được gỡ bỏ từ năm nào..Tôi kiếm được tờ National geographic, nằm ở xó kẹt tủ sách của tôi, số tháng 11.1989, có bức hình xe điện chiếm toàn hai trang báo. Tôi ngắm đi ngắm lại. Dĩ nhiên nó không đẹp và rách hơn thời 1950. Nhưng tàu điện vẫn còn đó. Nó như một cái mền rách. Nhưng chỉ cần nó còn đó, rách cũng được, sơn quét lại mấy hồi. Lớp vỏ bên hông tàu điện tróc sơn từng mảng, rách nát. Cửa sổ bằng then gỗ cái còn cái mất. Nó chỉ chạy có một toa. Và đằng trước toa, đứng ở bên ngoài, vẫn có một người mặc áo xanh, quần đen, đi dép, đang kéo một sợi giây hay cái gì đó để điều khiển cho tàu điện có thể chạy được. Cái kỷ lục của xe điện thành phố Hà Nội, trong hàng thế kỷ, theo ý nghĩ riêng tư của tôi, có lẽ nó chưa cán chết một người nào, chỉ vì nó đi chậm. Chậm đến độ, tôi có nhảy lên lúc nào tôi muốn và xuống bất cứ chỗ nào để khỏi trả vé. Cách nhảy lên cũng cần kỹ thuật lắm, phải chạy nhanh theo hướng xe điện, rồi thuận đà nhảy lên. Xuống cũng vậy, nếu không thì ngã dập mặt. Tôi đếm được tất cả hơn 20 chục chiếc xe đạp đi ngược đi xuôi chung quanh xe điện, sắp queo.. Chắc là Ngã Giám. Trong đó chỉ có một xe Honda.

Sau 14 năm thống nhất, qua chiếc tàu điện.. Hà Nội vẫn như một chiếc mền rách. Nghèo nàn và lạc hậu.

Vậy mà đến hôm nay, sau 16 năm, tôi về lại nó đã khác nhiều rồi. Xe máy chiếm trọn vẹn đường phố. Xe đạp hầu như rất hiếm. Nhờ có tôi và một người bạn mà Hà Nội có thêm được hai người đi xe đạp.

Chúng tôi thích thú và vui lại cái hồn nhiên tuổi trẻ. Mỗi lần lạc nhau, đứng chờ, sợ xanh mặt. Tôi cảm thấy mình trẻ ra như một người thanh niên hồi còn xanh tóc. Vui và phơi phới. Hai đứa đạp không biết mệt. Vừa đạp vừa ngó nhìn sợ lạc nhau. Có lẽ đây là những giây phút tôi cảm thấy đẹp nhất khi ở Hà Nội. Nhớ mãi. Sài Gòn thì không thể có những giây phút thư giãn bằng xe đạp được. Mỗi đoạn tôi lại dừng xe hỏi đường.

Hà Nội chỉ có hai nơi có thể hấp dẫn khách du lịch là khu phố cổ và đường tàu điện. Bỏ đường tàu điện là mất một nửa. Tàu điện làm nghẽn tắc lưu thông thì ta làm xe điện ngầm. Lấy nguồn lợi tức từ di tích lịch sử đường tàu điện để bù khuyết vào. Ai đến San Francisco cũng bắt buộc phải đi thăm cầu Golden Gate và đoàn xe điện. Đường có ùn tắc giao thông thì ta giải tỏa. Du lịch là nguồn vốn sẽ thu lại sau.

May mắn là khu phố đối diện nhà thờ cửa Bắc, xưa gọi là thành cổ Hà Nội, Bắc môn còn giữ lại được hai vết tích vết đạn đại bác của quân đội Pháp bắn vào thành Hà Nội. Dưới đó có ghi : thành cổ Hà Nội, Bắc môn 25 tháng tư, năm 1882. *Bombardet de la citadelle par les canonnieres surprise et fanfare.* Chỉ có hai lỗ đạn thị uy đủ làm khiếp đảm quân lính trong thành. Thật ra đạn đó có giết ai đâu. Đọc con đường Hoàng Diệu hay Nguyễn Tri Phương, trùng trùng điệp

điệp, nay là dinh cơ của hàng trăm các cấp lãnh đạo lớn nhỏ, tướng lĩnh..Đây là những đền đài dinh thự của các vua chúa mới thời Cộng Sản và có thể nói ước mơ cuối đời của giai cấp lãnh đạo chỉ gồm có hai điều :**Sống ở nơi đây trong các dinh cơ đồ sộ và tráng lệ, chết thì lưu danh với tên tuổi trên đường phố.**

Tôi cũng thấy thiếu cái thi vị Hà Nội mà mỗi buổi sáng tinh mơ, từng đoàn người lũ lượt từ hướng làng Ngọc Hà, phía sau vườn Bách thảo, làng Nghi Tàm, khu vực cạnh Hồ Tây quang gánh những tinh hoa của trời đất với những bông hồng, bông sen trắng đỏ, những cụm sồi bông trắng lá xanh, rồi những cành mai vàng, cụm quất đem vào thành phố. Ngược chiều là những người đi đồ thùng phân đi ra khỏi thành phố.

Hà Nội nay như thiếu vắng một cái gì xác lập nó là Hà Nội. Hàng Đào chẳng cần lụa nữa và hàng Bạc nay cũng chẳng cần vàng nữa.

Hà Nội với chả cá Lã Vọng.

Như mọi người, tôi đã đến ăn chả cá Lã Vọng. Và đây là lần đầu tiên tôi ăn chả cá ấy. Thời tuổi trẻ có muốn ăn cũng không có tiền..Điều đó cho thấy rằng Chả cá Lã Vọng thời xa xưa là một món ăn xa xỉ phẩm, không phải ai muốn ăn cũng được. Năm thế hệ gia đình chả cá Lã Vọng đã đi qua rồi, kể từ năm 1871. Cái gì còn lại và cái gì không còn lại trong tiệm chả cá ấy. Người đã thay đổi, nhiều thế hệ người đã dội nó ra đi, nhưng huyết thống vẫn còn đó. Nó giống như tiệm trồng răng Minh Sinh Hà Nội, thời năm 1950. Đã hơn nửa thế kỷ mà nó vẫn còn đó. Nay đổi là Sinh Sinh. Tôi đã vui mừng vào tiệm để hỏi gốc gác.. Nay là một nha sĩ, con trai của bà vợ hai của ông Minh Sinh đứng làm chủ, ở số 172 Hàng Bông. Vẫn Chuyên khoa răng giả. Nay thì có thêm có thể gắn kim cương, nắn chỉnh hàm, vẩu, ngược, lệch lạc.. Điều mà thế hệ trước không làm được. Cũng vậy, hiệu thuốc cam Hàng Bạc thời 45 nay vẫn còn đó. Vẫn quảng cáo, đây là đời thứ ba. Thuốc cam chuyên trị trẻ em biếng ăn, biếng ngủ, gầy, xanh xao và hay ra mồ hôi trộm. Vẫn cao dán chữa nhọt mụn như trước. Gần như không có gì thay đổi, không thêm cũng không bớt.

Phần quán chả cá vẫn với căn nhà lụp xụp, cầu thang gỗ hẹp và ọp ẹp là cố ý để như vậy, để câu khách hay chỉ là vô tình. Nhưng nó cho tôi có cảm tưởng là mọi sự vẫn như thế, không có gì thay đổi. Cái tòi tàn, cái dơ bẩn một chút, cái vứt bừa bãi giấy chùi miệng dưới sàn nhà cái nhếch nhác chỗ này chỗ kia, cái bức tường loang lổ không trang trí. Cái đó là như thế, là cố ý, là giữ gìn bản sắc hay là một nếp sống thiếu văn hóa. Có cái gì là cội nguồn, có thể trong cách pha nước mắm tô chanh, nhưng nó cũng chỉ cho thấy cái lụp sà lụp sụp. Vẫn địa chỉ ấy, 14 phố chả cá. Hơn 100 năm. Ăn xong vội vã cấp đít ra về, ăn không cầu no. No thì tốn tiền. Cái cảm giác là nó vẫn thế. Vẫn như thế mãi, thách đố với thời gian và mọi sự thay đổi chung quanh. Vẫn căn nhà đó, chỗ ngồi đó, cảnh đó, cá đó, vẫn mắm tôm chanh đó, những bàn, những ghế. Nó chả có gì thay đổi. **Chỉ có thể giá cả lên vùn vụt.**

Hà Nội như thế, phải chăng có thể thu gọn trong đĩa chả cá Lã Vọng, trong miếng ngon, miếng bùi đi vào văn học với Nguyễn Tuân, trong cái nghèo nàn lẫn chút bẩn thỉu dơ dáy, là niềm hy vọng và hãnh diện của hàng trăm năm nay, mặc cho thời thế biến thiên thay đổi. Dù gì thì Hà Nội cũng hãnh diện về hàng chả cá .

Đã có nhiều những nhân vật nổi tiếng thế giới đã từng ghé qua nhà hàng này. Và như thế kể là quá đủ cho một chủ tiệm. Vừa làm kinh tế kiếm lời, vừa tác động nhiều mặt đến người cái nhìn của người ngoại quốc khi viếng thăm VN.

Chỉ có một điều tôi không nhớ là chẳng biết ngoài cửa có đặt tượng ông Lã Vọng, tay sách một cần câu và một xâu cá không.. Và cũng không biết xâu cá của ông là xâu cá gì. Vì chả cá Lã Vọng phải chọn một loại cá riêng, gọi là cá lăng, phải tươi và mua ở các miền biển.

Dù sao sự cầu kỳ, khó tính một chút cũng làm cho món chả cá trở thành món ăn Văn hoá, truyền thống của Hà Nội. Hay dở gì cũng phải đến ăn một lần.

Hà Nội chuyên mình.

Nếu mừng tượng trong tương lai Hà Nội sẽ có gì thay đổi.

Hãy bắt đầu bằng sông Hồng.

Khúc ruột già của Hà Nội. Tôi tự hỏi như thế và nghĩ rằng một ngày nào đó, rất có thể, chúng ta có thể sẽ đi bộ qua sông Hồng Hà. Chiều chiều chúng ta sẽ đi bộ dắt người yêu qua sông. Nước sẽ cạn kiệt vì sự khai thác các đập nước trên thượng nguồn với các nhà máy thủy điện. Không cần cầu. Vì sông không còn nước. Dòng dòng tưởng muôn đời lại hoá ra lại là nạn nhân đầu tiên bị biến chất trong nền kinh tế kích cầu.

Hết rồi những câu chuyện của dòng sông.

Câu chuyện *Anh Phải sống* của Khải Hưng dần đi vào câu chuyện huyền thoại dân gian. Câu chuyện dòng sông thì thăm kể lại lịch sử cuộc đời của mỗi đời người với biết bao điều bí ẩn sẽ không còn nữa. Miền Bắc với Hà Nội mà thời xưa ta gọi là Kẻ Chợ, nơi mà mùa xuân năm ấy, Lý công Uẩn cùng với đại sư Vạn Hạnh, vị cố vấn của vua đã tự tay viết chiếu dời đô, chọn thành Đại La Hà Nội làm đô thành của nước ta, chọn thành * *Đại La như một trung tâm bờ cõi đất nước, ở cái thế rồng cuộn hổ ngồi, vị trí ở giữa bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc.. tiện hình thế núi sông sau trước. Ở địa thế rộng mà bằng phẳng, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất phong phú tốt tươi.. Thật là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi đô thành bậc nhất của Đế Vương...Bệ hạ vì thiên hạ lập kế lâu dài, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế ai dám không theo* * (Đại Việt sử ký toàn thư).

Bài chiếu dời đô ở thế kỷ thứ 11 nay nghe như còn vang vọng đâu đây. Cả cái nền văn minh sông Hồng được dựng lên, được hình thành và phát triển cho đến nay dựa trên cái bài chiếu khôn ngoan, với cái nhìn xa trông rộng của Lý Công Uẩn và vị cố vấn Đại sư Vạn Hạnh. Một quyết định khôn ngoan, dựa trên cái thế sông núi đã tạo dần ra cái cơ ngơi của nền Văn Minh sông Hồng. **Thần hoặc không có quyết định đó thì lịch sử miền đồng bằng sông Hồng đã hẳn là khác?** Và nay sông Hồng cạn kiệt thì sẽ ra sao.

Thủ đô Hà Nội nằm gói đầu trên bờ đê sông Hồng, giắt ngang bằng một giải yếm là cầu Paul Doumer. Sông đó, cầu đó, biểu tượng cho sức mạnh của người Pháp. Nay đã không còn như thế nữa. Thời đó, người ta không khời thờ dài thần phước : Les Francais font tout ce qu'ils veulent (Người Pháp làm được bất cứ cái gì họ muốn). Ai cũng nghĩ rằng, thật vô vọng để xây một cây cầu như vậy. Dòng sông Hồng, đúng như Pierre Gourou nhận xét ở trên: Đó là dòng nước đầy bất trắc và rủi ro. Nhưng nói như Gourou còn có vẻ văn chương quá. Thực tế, lòng sông Hồng về mùa khô, nước cạn, có nơi bề ngang chỉ còn 5,6 thước tây. Nhưng đến mùa nước lũ, khoảng tháng bảy trở đi, nước dâng cao ngập nghé bờ đê, diện tích lòng sông nay là 1980 thước. Từ 5 thước đến gần 2000 thước.. Dòng sông hiền lành bỗng chốc trở thành hung hãn, hoang dã. Chỉ tưởng tượng ra thôi cũng thấy đáng sợ rồi. Đứng trên bờ đê mùa lũ, nhìn nước chảy phẳng phẳng , cuốn theo bất cứ cái gì: đất phù sa màu đỏ gạch như hàng nghìn

chiếc xe tải chở đất, cuốn theo nó nào cành cây, củi khô, củi mục, rác rưởi, bè lục bình và nếu cần cả xác người trôi sông nữa vào thời Việt Minh trước 1945. Nước sông màu đỏ ngầu như đang say máu, phẳng phẳng như chạy giặc.

Vậy mà P. Doumer đã khắc phục được tất cả, hoàn thành cây cầu sau 4 năm. Công của ông không nhỏ..

Phải nhìn nhận rằng, dưới thời Paul Doumer, thành phố Hà Nội đã đổi mình. **Cây cầu Paul Doumer đã mở đường cho Hà Nội bước vào thế giới văn minh.**

Nay không cần cây cầu Paul Doumer nữa thì cái gì sẽ là biểu tượng cho sự phát triển của thủ đô Hà Nội. Tôi không biết nữa.

Tôi mừng tượng những ngày quá khứ của dòng sông ấy khi nghĩ đến câu truyện *Anh Phái Sống* của Khải Hưng có thể hình dung ra dòng sông này như thế nào. Hai bờ đê sông, có những khúc, người dân đã biết dựng nhà trên bè nổi bồng bênh lên xuống tùy theo con nước. Những căn nhà nổi đó là nếp sống đặc biệt của một thiểu số dân miền Bắc. Thật là kỳ diệu. **Một thứ Population flottante**, dịch văn chương là sống bồng bênh trên sông nước. Nhưng chữ đất nhất, **cách gọi nguyên uỷ nhất là nếp sống Hạ Bạc**. Một nếp sống văn hoá mà tất cả dựa vào nước, đến cái độ ăn, ngủ, làm ăn, sinh sống đều ở trên sông. Nhưng mai đây người Trung Quốc không còn có thể kéo quân sang nước ta bằng đường thủy được nữa. Những trận đánh trên sông Lô Giang, Bạch Đằng Giang sau này khó có cơ biện cãi. Khó Bởi vì dòng sông không còn. Trước đây cùng lắm, dòng sông bên lở bên bồi. Nay thì rất có thể tất cả đã là nhà. Nếu thế thì người Trung Quốc phải nghĩ cách khác để kéo quân sang đánh nước ta. Cách đó là chở hàng hóa ồ ạt sang giết chúng ta qua cửa khẩu Lao Cay vv..

Còn bờ đê Yên Phụ đã mất hút đi lúc nào không hay, nay có thể là điểm hẹn khởi điểm cho xa lộ Bắc Nam. Và sẽ không bao giờ còn câu ca dao :

Non cao ai đắp mà cao.
Sông sâu ai bó, ai đào mà sâu.

Sẽ và đã không còn đê Yên Phụ (digne Yên Phụ) chạy dọc theo sông Hồng nữa, có lối rẽ vào các bãi Phúc xá, bãi An Dương. Không có nước thì cần gì đến đê. Nhớ lại cái hình ảnh năm 1946, tôi chạy loạn và leo lên gác chuông nhà thờ cửa Bắc sáng hôm sau. Tôi đã thấy gì. Thấy từng đoàn người lũ lượt lếch thếch, bồng bé chạy trên đê Yên Phụ, hướng về phía Hà Đông thay vì hướng về phía cầu Long Biên. Bóng những người chạy tản cư in dấu một vệt dài trên nền bầu trời trắng đục. Tất cả hình ảnh đó đã phai mờ về những ngày khởi đầu chiến tranh trong ký ức của tôi khi về thăm lại Hà Nội. Nhớ lại 4 câu thơ của Quang Dũng những ngày ấy :

Thôi chào Hà Nội lửa ngang trời
Ta đi ngổ gạch, tường đang đục
Gạn từng giọt nước đánh cầm hơi.

Quả thực, lúc đó tự nhiên tôi biến thành thân phận loài chuột, chui rúc qua những căn nhà bỏ trống, chui qua những lỗ tường các nhà. Hà Nội đã tiêu thổ kháng chiến. Chỉ còn tôi ở lại, trôi nổi theo thân phận Hà Nội như một đứa trẻ mồ côi, lạc loài..

Và cũng sẽ không còn cái nỗi lo của một Bảo Ninh trong truyện Ngắn đọc đến ứa nước mắt , truyện *Bí ẩn của làn nước*.* *Năm ấy, nhằm trúng đỉnh lũ đêm rằm tháng bảy, một loạt bom Mỹ*

phá tan vệt đê canh giữ đàng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi âm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ đất sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đàng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bèn gót. Nước đã ngập làng.... Trời ơi. Con tôi.. Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hồng chụp lấy con. Tôi phóng mình theo nước. Nước lạnh, ngầu bún, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vọt lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi... Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ đẹp nhất làng. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế... Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. **Chỉ có dòng sông biết...** Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì không nguôi bởi ấy là một niềm đau không thể nói lên lời*.

Tất cả sẽ không còn nữa. Everything are different now.

Hà Nội và cuộc Nam tiến.

Chả cá Lã Vọng có thể vẫn thế. Nhưng nhìn vào những gì đang và sắp xảy ra. Sẽ có một cuộc Nam tiến. Đã có rồi và có một cách không lường hết được. Cuộc Nam tiến không giống như thời tự chủ dưới đời Ngô, Đinh và tiền Lê. Cũng chẳng phải cuộc Nam tiến của 16 Ô Châu lục đất Thuận Hoá mà những người thân thương, hoặc những cặp tình nhân hứa với nhau rằng :

*Ba phen quạ nói với dều
Cù lao ông Chưởng còn nhiều cá tôm*

Tôi nhắc lại đây như một điều chẳng nên nói như thế nữa. Từ Sài Gòn Giải Phóng, số 234 cho tin đến ngạc nhiên, không phải miền Nam mà chính miền Bắc cứu trợ miền Nam :* *Hà Nội đã vắt ruột gửi vào Nam 1.600.000 triệu tấn vật liệu hàng hoá và lương thực như gạo, đường, xăng dầu, trang thiết bị và phân bón cũng như thuốc men. Thêm vào đó 32 triệu mét vải đủ loại cũng được gửi vào Nam cho dân chúng may mặc. Trong khi đó, miền Bắc chỉ nhận được một con số nhỏ nhoi là 80.000 tấn sản phẩm của miền Nam*.*

Thời 75 mà nhiều người dân miền Nam có cái cảm tưởng cuộc thống nhất đất nước cuối cùng chỉ là một cuộc hôn của vô tiền khoáng hậu. Theo cái nghĩa một bên nhận Họ , một bên nhận Hàng.

Miền đất miền Nam nay không còn hứa hẹn những thứ đó nữa. Và người miền Bắc cũng không cần nhận những thứ đó nữa.

Mà Hà Nội cũng chẳng cần ai hứa những thứ đó nữa. Đất miền Nam, dưới mắt bác Hồ là cây vú sữa sẽ không còn là cây vú sữa nữa, mà sẽ là cây sung, cây vả, hay cây gì cũng được, nhưng không phải vú sữa nữa và sẽ không hứa hẹn đủ thứ như trước nữa. Trước đây, người ta nghĩ rằng so với các tỉnh phía Bắc và Trung phần thì đây là nơi dễ sống, vừa làm vừa chơi cũng đủ ăn. Đó là nhận xét của bà Li Tana ^[1]. *Thiên nhiên ưu đãi, thực phẩm có thừa. Đồng bằng sông Cửu Long quả là nơi lạc thổ. Nhiều địa cá, cá nổi đầu lên như mù u chín rụng chẳng ai thèm bắt.* (Chữ của Sơn Nam). **Những thứ mà cha ông thời xưa hứa hẹn thì nay đã xa rồi.**

Người ta sẽ thấy trong tương lai, ngược lại miền bắc sẽ chở của vào miền Nam. Tiền bạc miền Bắc dư thừa mang vào mua nhà, mua đất, mua cửa tiệm, mua cổ phần công ty, có cái gì mua tất tẩn tẩn. Sài Gòn sẽ là hàng Ngang, hàng Cân, hàng Đường, hàng Giấy, khu phố Khâm Thiên. Mà chủ nhân ông là các mệnh phụ của các cấp lãnh đạo miền Bắc. Đi đâu cũng thấy thứ tiếng Bắc mà chính người Bắc 54 nghe cũng thấy khó nghe. Những hàng phố mới chỉ cần chuyển cái tên, nhãn hiệu từ Hà Nội vô. Chẳng hạn Hàng Giấy nay ở Sài Gòn sẽ là trung tâm quyền lực về tài chánh với các ngân hàng, dịch vụ mà mục đích là bạch hoá và hợp thức hóa những khối lượng tiền tệ không có nguồn gốc. Tiếng thiên hạ thường nói là rửa tiền.. Đã đến lúc người ta nghĩ đến chuyện làm ăn đàng hoàng rồi. Phải không các đồng chí. Hàng giấy sẽ không bán giấy mà trao đổi các chi phiếu, lệnh phiếu với dịch vụ ngân hàng cho vay lãi, chuyển giao tiền bạc, chuyển tiền ra ngoại quốc, mua cổ phiếu, ký thác tiền do chợ đen, chợ đỏ. Cái này đã hẳn phải giao trách nhiệm cho Hải quan thành phố Hà Nội, đường Bà Triệu. Hoạc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đường Lý Thái Tổ quản lý mới đợc.

Hàng Hòm sẽ không bán hòm nữa mà sẽ mang vào bán đủ loại đồ cổ, từ đồ cổ thật đến đồ cổ dờm cho khách du lịch. Nào đồ gốm bát tràng. Nào bàn ghế, tủ, giường, tựa chung các đồ mộc theo lối cổ sản xuất từ các làng, thôn như Sở Như, thôn Khôn, trong tỉnh Hà Tây thuộc xã Minh Cường, Huyện Thường Tín. Mang vô, mang hết đi vì **Sài Gòn sẽ là faifoo của cả nước**. Vào mà làm giàu theo kiểu mới.

Nhưng đừng quên mang Hàng Cân vô nhé. Hàng Cân sẽ không bán cân, không bán công lý mà sẽ mở các dịch vụ pháp lý, các văn phòng luật sư, cứ theo hai bộ luật mới là **luật sống chết mặc bay và luật Huê cả làng**. Luật trên dành cho người dân nghèo, và luật dưới dành cho lãnh đạo hay người của đảng. Các lãnh đạo này sẽ biến các công ty quốc doanh nay chuyển ra cổ phần công ty, tư nhân hoá. Sẽ có các Tổng Giám đốc, giám đốc các công ty nhà nước trước đây đứng ra mua ráo chọi các cổ phần. Vẫn bình cũ mà rượu mới. Thế là một hình thức bạch hoá tiền bạc tham nhũng. Và viễn tượng tương lai sẽ để các cơ quan như quân đội, chính quyền trung ương đứng ra mở các công ty.. Lại một kiểu bạch hoá tiền bạc, hợp thức hóa tình trạng hối lộ tham nhũng.

Phố Khâm Thiên, dài 1700 mét. Nối các đường như Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng gặp lại nhau, một con phố có từ thời Pháp thuộc, nổi tiếng với những tiệm hút, tiệm cô đầu, song bạc nay được mang vào Sài Gòn biến thành khu phố du lịch cho khách Tây ba lô. Những khu này sẽ giao cho quý ông Tổng giám đốc Nhà Khách Ủy Ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, đường Lý Thái tổ phụ trách. Nhà khách Ủy ban nhân dân thành phố, đường Nguyễn Đình Chiểu phối hợp. Nhà khách Ủy Ban kế hoạch nhà nước, đường Quan Thánh quản lý. Nhà khách Tổng Liên Đoàn lao động giám sát, ở đường Trần Bình Trọng và Nhà khách Trung Tâm dịch vụ và điều dưỡng năng lượng điều giải cũng ở đường Lý Thái Tổ.

Cứ như thế mà cuộc Nam tiến mang tầm vóc chiến lược quốc gia với khối lượng hàng tỷ tỷ bạc lên đường, phân tán và mất tẩn dạng trong các tổ chức tài chánh ở miền Nam.. Trọng trách của miền Nam là một gánh nặng lịch sử, nơi mà sự tham nhũng sẽ không còn nữa hay đợc hệ thống và hợp thức hóa.

Phố Hà Nội ngắn đến không thể ngắn hơn đợc.

Nhân tiện nói đến Hà Nội mà không nói đến các con phố Hà Nội là không đợc. Tranh Bùi Xuân Phái đã một thời chuyên vẽ các căn nhà đường phố Hà Nội với một màu xám xanh đục, với những căn phố siêu vẹo, trông rất ấn tượng và rất là buồn. Trong văn chương thì Thạch Lam đã đề thì giờ ra viết cuốn *Hà Nội 36 phố phường*. Trong đó, ở trang 92 ông viết rằng :* *Người Pháp có Paris, Người Anh có Luân Đôn, người Tàu có Thượng Hải.. Ta phải nghe người Pháp*

nói đến Paris, người ở Paris mới hiểu được sự yêu quý ấy đến bậc nào. Chúng ta cũng có Hà Nội, một thành phố có nhiều vẻ đẹp, vì Hà Nội đẹp thật, chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy ra.*

Vẻ đẹp như thế nào, trong suốt cuốn sách không thấy ông nói ra.

Phần tôi có những ý nghĩ sau đây về đường phố Hà Nội. Lẽ thứ nhất là Hà Nội có những con đường ngắn quá. Ngắn đến nỗi chả ở đâu có. Ngắn đến không thể ngắn hơn được nữa. Có lẽ con đường Giải Phóng là dài nhất với 4000 mét, Hoàng Hoa Thám kể là dài với 3320 mét. Hoàng Diệu còn 1340 mét, Lý Nam Đế với 1090 mét. Kim Liên chỉ còn 250 mét. Hàng gà tụt xuống còn 225 mét. Hàng Cân 104 mét và tụt nữa Hàng Hương còn 65 mét. Ngắn như thế, đi mấy chục nhà đã hết đường, muốn tìm đường cũng khó mà muốn chỉ đường cũng thật là gian nan. Chỉ còn mỗi cách hỏi đường từng đoạn một. Nhưng được cái, người Hà Nội nói chung, nhất là các người lái xe ô-mô lúc nào cũng sẵn sàng chỉ đường. Tại sao đường Hà Nội ngắn thế. Cái đó phải hỏi người Hà Nội. Nó có cái gì giống với người Hà Nội. Cái đó cũng phải hỏi người Hà Nội.

Nhận xét thứ hai là tôi thấy họ tôn trọng khu phố Cổ, ít đổi tên đường. Tên đường phố Sài Gòn thì người ta đã đổi hầu như toàn bộ, đổi cả những cái không cần đổi. Đường công lý thì có gì cần đổi. Đường Tự Do, Lê Thánh Tôn, Lê Văn Duyệt thì có gì cần đổi. Hay người ta lại sợ hai tiếng Tự Do. Vì thế thiên hạ mới có câu rằng : Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu công lý. Đường phố Hà Nội với nhiều tên đường từ thời Pháp thuộc thế nào thì nay vẫn để như vậy. Như các đường Hàng Cân, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng khay, Hàng Quạt vv.. Nghe quen và thân thương. Hoặc các phố Quan Thánh, Ngọc Hà, đường Cổ Ngư, Phủ Dõan, Cầu Giấy, Thụy Khuê, Tràng Tiền, Ngọc Hà, Hoàn Kiếm, Khâm Thiên và chợ Đồng Xuân.

Thời xưa, người ta coi chợ Đồng Xuân là :

Hà Nội là Động tiên nga
Sáu giờ tắt hết đèn xanh đèn gần
Vui nhất là chợ Đồng Xuân.

Ba câu thơ trên bây giờ có thể đã không đúng nữa. Chợ Đồng Xuân cho dù đã được xây cất lại khang trang hơn. Ngày nay nó chỉ đóng vai trò trung gian vận chuyển hàng hóa đi các tỉnh. Hàng hóa ở đây phần lớn lại là hàng buôn lậu buôn từ Trung Quốc về.

Và mua bán thì cẩn thận trả giá, vì thế nào cũng có thể bị hớ. Không đâu nói thách bằng người Hà Nội, nói thách gấp đôi, gấp ba là chuyện thường. Và có lẽ chủ nghĩa Xã hội Cộng Sản nhập cảng từ nước Nga bị tha hóa, biến chất một phần cũng vì cái Văn hoá nói thách, từ VHNT biến thành cái Văn Hoá nói phét.

Nghĩ cho cùng, tôi thấy các khu phố cổ Hà Nội là khu **đường phố phi chính trị**. Cái ấy là hay lắm. Con người, đến cái cây, cái tờ báo, cái miếng ăn, miếng mặc cái bảng quảng cáo, dĩ chí đến lúc làm tình trên giường.. cái gì mà không có lập trường, không dính dáng đến chính trị. Vậy mà tôi khám phá ra rằng đường phố cổ Hà Nội là phi chính trị. Thật vậy. Thời nào đường phố đó cũng có mặt. Chế độ nào nó cũng vẫn nằm ở đó. Thời tiền Tây đến thời tây và hậu Tây, nó vẫn có ở đó.

Ngay cả các lãnh tụ cao cấp, hình như không có lãnh tụ cao cấp nào muốn dọn về khu phi chính trị này cả., vì sợ mất lập trường. Họ đã có khu biệt thự, đền đài riêng rồi.. Chỉ còn sót lại chỗ này là của nhân dân. Vì thế, đây là các khu phố buôn bán tự do nhất. Cái tự do nay thành

tự do quốc tế. Khách du lịch cũng tụ về đây, ăn ở đây, mua bán ở đây, đi chơi cũng ở đây. Ít ai héo lánh tới Ba Đình.

Phần tôi, đời sống ở Hà Nội cũng chỉ quanh quẩn trong khu này.

Có thể chỉ trừ một vài con đường như Tạ Hiền, dài 226 và con đường Thái Phiên, Bà Triệu, Lê Đại Hành là có hơi hướng chính trị. Tạ Hiền là phố rất quen thuộc đối với tôi, vì tôi thường thuê xe đạp của một cậu bé ở đây. Tạ Hiền là một anh hùng chống Pháp cùng với Nguyễn Thiện Thuật, lập chiến khu Đông Triều. Hà có gì, bằng cách nào, vì lý do gì, ông lại nằm chình ịch ra ở đây. Cô độc và cô đơn một mình. Có lần đang đứng bên này phố, một anh đàn ông ở lầu 3 đối diện đã nhổ toẹt một cái. May không trúng ai cả. Hà Nội có những cái bất ngờ đến như thế.

Những con đường khác, ở ngoại biên phố cổ thì chính trị đến 100%.. Ngoài những con đường với các danh nhân anh hùng thời chống Tàu như các đường Thi Sách, Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư, danh tướng nhà Trần chứ không phải tên của nhà văn Khái Hưng, Nguyễn trãi, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Cảnh Chân và các anh hùng thời chống thực dân Pháp như Hoàng Diệu, Tôn Thất Thiệp, Nguyễn Thái Học, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Tôn Thất Đạm.. Người ta thấy điểm xuyên một số nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khắc Hiếu mà không phải Tản Đà, rồi Phạm Đình Hổ, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn văn Tố, Nguyễn Du. Sau đó đến một số các nhân vật chính trị như Tôn Thất Tùngvv Loại này khá là hiếm..

Nhưng điều đáng nói là tên các lãnh đạo Đảng và nhà nước đã chết đều có mặt hết. Không thiếu một ai, và nếu thiếu một ai thì tại họ thôi như ông Trần Độ. Có người này thì phải có người kia, không lẽ bỏ. Gần như có đủ cả như Nguyễn Lương Bằng, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồngvv và nếu có thiếu ai thì chỉ thiếu đường Hồ Chí Minh. Tôi không thấy đường Hồ Chí Minh. Có nghĩa là lãng hơn đường.

Nhưng một nhà văn ở Hà Nội rỉ tai tôi nói rằng : *Ngày nay các bố lãnh đạo đảng, nhà nước sắp tịch, bố nào cũng có niềm mơ ước nho nhỏ là khi chết được để tên ở một đường phố.* Nhưng cùng mục này thì dần sẽ có sự lạm phát tên các vị lãnh đạo đảng và nhà nước.

Ngõ Hà Nội.

Phố và ngõ là hai đặc điểm sắc thái văn hoá của Hà Nội. **Phố là đời sống bên ngoài, ngõ là đời sống bên trong.** Cứ vài nhà lại có một ngõ. Ngõ sâu hun hút đến dài bằng một con đường phố nhỏ. Nơi ấy là nơi ra vào của hàng chục gia đình lớn nhỏ. Bề ngang chỉ chừng hơn nửa thước mà nếu có hoả hoạn thì không biết sẽ ra sao. Bề dài có thể 50 đến 60 chục mét. Có ngõ chật như thế chỉ vừa một người đứng một tý mà trong đó có một cửa hàng bán đồ vàng bạc. Tủ kính dựa vào tường, thế là thành một cửa hàng. Có cái ngõ gì quên mất bán chè chí mào phù và trong tiệm có một con chó đá. Chắc xưa hẳn là cửa ngõ đi vào đền. Chúng tôi đã quên đường và đi hỏi bằng được tiệm bán chè chí mào phù có con chó đá. Vậy mà hơn một tiếng đồng hồ sau, tôi cũng tìm ra. Khá vất vả. Tôi vừa tức, vừa vui, vừa đùa, tôi ngồi lên lưng con chó đá nói : Vì Mày mà tao phải vất vả thế này. Người trong quán nhìn tôi trách móc : Đây là chó thờ đấy.. Tôi vội vàng tụt xuống xin lỗi mọi người vì vô lễ và cúi vái ông chó đá vài cái.. Quả thực trước mặt ông chó đá có bát nhang thờ.

Tín ngưỡng miền Bắc còn khá nhiều vương vất tính cách thờ vật tổ(Totem), chen lẫn mê tín và dị đoan lắm, khác hẳn trong Nam.

Ngõ như thế trở thành quen thuộc và nét văn hoá đặc thù của Hà Nội. Chỉ có ở Hà Nội mới có. Một nếp sống chung đụng hàng vài chục người. Và người Hà Nội đã sống như thế, thế hệ này qua thế hệ khác. Nhất là kể từ sau 1954, mỗi hộ thay vì một nhà có thể thêm cả chục nhà sống chen chúc nhau. Tôi có cô em họ ở 14 Hàng Cân. Tôi đã đến thăm cô vào một buổi trưa. Vào đến bên trong là vô số nhưng bếp lớn nhỏ ở dưới và trên lầu của mỗi gia đình. Hỏi thăm cô, cô cũng chẳng thích thú gì cái đời sống với ngõ ngách như thế. Có đưa con trai đã ra ở riêng. Và chắc sau này sẽ dần tan biến đi. Cô nói muốn bán cũng không phải dễ, phải tất cả những người trong căn hộ đều muốn bán. Chắc bên trong cũng có nhiều điều phức tạp. Gì chứ kèn cựa nhau từng tấc vuông đất, từng ly từng chút chịu đựng nhau, nhịn nhục nhau mà sống chung là không tránh được.. Đi ra đi vào chạm mặt, nhà này làm gì, mua bán, cãi nhau, con cái ra sao. Nhà kia biết hết. Khó mà có thể dung hợp hết mọi người trong mấy thước đất đó được. Khó mà có chỗ riêng tư. Đây là một bi kịch của đời sống kiểu *l'enfer c'est les autres*. Tranh dành, cãi cọ, dòm ngó, ghen tuông, đổ kỵ, bon chen, giả dối, ác độc, thù hằn, khó tính khó nết. Có thể có hết. Có khi ở mấy chục năm không thèm ngó mặt nhau. Cô em tôi vốn là thừa kế gia sản của ông ngoại. Ông cụ vốn có 14 căn nhà. Nhưng sau 1954 bị tịch thu hết, chỉ còn giữ được căn nhà 16 Hàng Cân này.. Nhưng cũng chỉ được ở một phần, phần còn lại nhà nước chia cho người khác. Có lần, tôi gặp một bà cụ đi mua một quả trứng.. Tôi tò mò hỏi thăm cụ.. Thế là cụ dẫn tôi vào ngõ và lên lầu.. Cụ dặn tôi, con mẹ bán ngoài cửa hàng là khó chịu lắm. Đừng để nó biết lại lời thôi ra. Cụ nay ở một mình, trong nhà vương vất lối sống giàu có thời xưa, cũng sập gụ, tủ chè, ghế salông gụ chạm trổ. Cúng ông cụ vốn vẹn có một quả trứng đi mua và một bát cơm.

Tình nghĩa vợ chồng của một người còn ở lại dương thế trong cái nghèo nàn cô quạnh như một vạt ruộng chờ ngày để về.

Căn nhà trong ngõ cũng là quãng đời của bà cụ và biết đâu cũng là quãng đời còn lại của ngõ. Và đến một lúc nào đó cũng là lúc chấm dứt một thứ văn hoá ngõ. Bao giờ người Hà Nội ra khỏi những quãng đời tăm tối của những căn nhà hút sâu trong các ngõ hẻm. Bao giờ. Chắc rồi cũng thay đổi. Và nếu thay đổi thì đây chẳng khác gì một biến cố lịch sử của ngõ mà cũng là lịch sử cuộc đời của vô số người Hà Nội. Thật khó mà quên.

Hà Nội với những gánh hàng rong.

Xin đừng quên một điều là Hà Nội có những **cửa hàng di động**. Ấy là nói theo lối bây giờ. Ngay từ xưa đã có rất nhiều gánh hàng rong như thế. Phở gánh, xôi chè gánh, hoa quả gánh, bất cứ cái gì cũng gánh. Có khi một bên là cửa hàng, bên này là một chú nhỏ ngồi. Tôi còn nhớ những hàng phở gánh sớm đông, khói toả ra nghi ngút, mùi phở thơm đến sặc mũi trên đường phố cửa Bắc, xế con đường đôi, nay là đường Hoàng Diệu. Một bên gánh là tủ kính để bánh phở và đĩa thịt thái tươm tất. Bên kia nồi nước phở nghi ngút khói. Khó quên được mùi phở, thơm ơ là thơm, sao mà nó thèm thường đến chảy nước dãi ra được. Lại có những cửa hàng với hai tủ kính hàng hoành, lịch sự và trang nhã bán cà phê, bánh mì. Mùi cà phê cũng thơm nức mũi.

Cả một nếp sống Hà Nội

Hà Nội xưa và nay cũng không thay đổi mấy về cửa hàng di động này. Cửa hàng bán cam quýt thì dùng gánh, bán cháo, bán xôi, bán chè cũng dùng gánh. Nhưng bán bánh mì thì đội lên đầu. Tôi kể lại một điều để thấy những người bán bánh mì này khôn khổ biết bao nhiêu.. Họ ngồi thành lượt như xếp hàng, xế cửa chợ Đồng Xuân vào một buổi chiều tối. Chúng tôi đi qua như người đi dạo chơi chẳng có ý mua sắm gì. Tôi chỉ có chót dạm dừng lại ngắm những ổ bánh mì mà không mua. Thế là có màn năn nỉ. Tôi đành bỏ đi. Họ không thất vọng bỏ cuộc. Vậy là cả

cái cửa hàng di động chọt nhôm dạy đi theo năn nỉ ỏi đến không mua không được. Mua mà lòng thấy không vui. Chỉ vì một ổ bánh mì. Lờn lảm đến 500 đồng mà phải khốn đốn như thế.

Giá những ông bà tham những nhìn được cái cảnh này thì lòng họ sẽ nghĩ gì.

Cạnh đó, có một số hàng rong dùng xe đạp. Cũng khá là đặc biệt. Bán cả cảnh thì dùng xe đạp. Có một khung tròn bằng sắt, có nhiều vòng. Những túi ni lông buộc cá chung quanh những khung sắt tròn đó. Ai mua cứ tự do lựa chọn. Trông cũng vui mắt lắm và tức cười. Như là một cuộc rong chơi chứ không phải buôn bán. Rồi có cửa hàng di động bán các đồ chơi bằng nhựa lúc lắc đung đưa trên xe đạp. Chưa kể bán đồ hàng mã, trên đó cheo đủ thứ hằm bà lằng.

Người Đức trong cái viện Goethe ở Hà Nội, với ông giám đốc Ô gus tin sang đây giao lưu văn hoá với VN cũng học và bắt chước cái Văn hoá bán hàng rong của VN và đã mở 3 cửa hàng bán bánh mì di động. Họ nướng một khúc thịt treo trước mặt, rồi ăn đến đâu sẻo đến đó, trông lạ mắt và hấp dẫn. Cứ 10 ngàn đồng một cái bánh mì thịt, có bỏ thêm gia vị. Kể ra giá cũng khá đắt. Giao lưu thì được rồi, nhưng cạnh tranh với mấy bà bán bánh mì thì kể cũng tội. Lại còn muốn bành trướng ra tới Huế. Cái này thì phải hỏi ai đây mới rõ nguồn cơn.

Các người bán hàng rong với các cửa hàng di động thật ra công an cũng nương tay với họ một chút. Có làm thiệt hại ai đâu. Các nước bên này cũng nói tay đối với các xe bán kem, hot dog..Khách du lịch đôi khi thấy tiện, thấy lạ, cũng muốn ăn thử.

Các người buôn thúng bán mẹt đó, vì không có lối thoát nào khác đó mới phải bán hàng rong. Nên nói tay cho họ. Thay vì họ phải đi ăn xin, trông không đẹp mắt tí nào. Bán hàng rong nào có tội tình gì.

Người buôn bán như thế cũng có cái lợi là tránh được công an rượt bắt. Nếu cần, họ có thể chạy được mang theo cả cửa hàng. Chạy te tái đến sút quần.

Bán rong, cửa hàng di động là một nét văn hoá đẹp của Hà Nội ít ra cũng hơn hai hạng người : Người đi ăn xin, và người tham những hối lộ.

Phố Hàng mã.

Cách đây chừng 6 tháng, tôi được một người bạn thân ở bên Anh, gửi cho một tấm hình chụp khá ngộ nghĩnh do một người phóng viên ngoại quốc chụp : Hình một anh cyclo đạp ở Hà Nội đang chở một cái cyclo khác làm bằng giấy. Hình thật ngộ nghĩnh. Xích lô đạp chở xích lô giả. Ý nghĩ đó quần quanh lôi kéo tôi đến các phố Hàng Mã ở Hà Nội khi về Hà Nội.

Trước hết, tôi có nhận xét là trước 54, ở Hà Nội trước có bao nhiêu chùa thì nay vẫn thế. Hơn 50 năm mà vẫn thế có nghĩa là tụt dốc. Tụt dốc về số chùa không xây dựng mà còn tụt dốc về tín ngưỡng, đi dần sang cái hướng phiếm thần, mê tín ..Năm 1954, ta có các chùa sau đây : Chùa Bà Đá, Chùa Láng, chùa Hoè Nai, chùa Kim Liên, chùa Liên Phái, chùa Một Cột, chùa Ngũ Xá, chùa Quán Sứ, chùa Trấn Quốc.^[1]

Bây giờ vẫn chừng ấy chùa. Còn lại là Đền. Như đền Quan Thánh, đền Voi Phục, đền Gióng, đền Mẫu, đền hai Bà Trưng, đền Sóc Sơn. Các chùa này không phải chỉ thờ Quan âm mà còn do nhiều tông phái khác nhau. Như chùa Bà Đá do phái Lâm Tế, chùa Hoè Nai là của phái Tào động..Đã thế chẳng những thờ tượng Quan Âm, còn thờ thêm nhiều tượng khác. Tại chùa Kim Liên, bên cạnh tượng Quan Âm còn có tượng chúa Trịnh, tượng Tôn Ngộ Không, tượng Văn Thù. Chùa Láng cũng vậy, ngoài tượng Phật còn có tượng Lý Thần Tông, Từ Đạo Hạnh và

hai động thập điện Diên Vương. Chùa Ngũ Xá vừa thờ Phật, vừa thờ Nguyễn Minh Không, gọi là Lý Quốc Sư. Chùa Trấn Quốc trở thành một hành cung của nhà vua khi ra khỏi cung, tôi đã thấy ba bốn bàn thờ khác nhau.

Như thế thì nó pha nhiều đạo giáo và những tư tưởng phiếm thần, mang nhiều sắc thái có tính cách vụ lợi như cầu bình an và tiền tài phúc lợi.

Xuống một bậc nữa, theo chân người trung Hoa, người mình thờ thêm Quan Công, Tam đa Phúc Lộc Thọ, ông Địa, tượng tài thần Trần Huyền Đàn.

Xuống cấp nữa cho thấy người dân Hà Nội chỉ còn thứ tín ngưỡng dân gian với các tục thờ cúng, cầu đảo và đốt vàng mã. Hàng mã là một rừng, ở đó có hết không thiếu gì. Tục đốt vàng mã cũng chẳng mới lạ gì. Theo ông Lê Văn Lân trong một bài viết thì vào ngày 25-11-1925, người ta đã làm nguyên cả ngôi điện Kiến Trung bằng giấy thật lớn và nhiều thứ ngụy dụng khác như ngựa Liễn, Long xa, tàn kiệu vv... Sau đó thì đốt theo vua.

Bên Mỹ bây giờ, người ta còn đốt cả căn nhà phố trệt, phố lầu, biệt thự. Đốt quần áo thì phải đốt quần áo có nhãn hiệu như sơ mi polo, giày Adidas. Đốt đồ dùng thì đốt nữ trang, vòng xuyên, đồng hồ, bút máy, xe Honda, xe dream và nhớ đừng quên chiếc điện thoại di động. Và cũng đừng quên những xấp mỹ kim. Cho thấy ở dưới âm phủ nay thì người ta chỉ xài Mỹ kim mà thôi, trị giá phải là 10 ngàn đồng một tờ.

Cứ như thế, chẳng cần phải cảm đoán, hạn chế các tôn giáo.. Tự nó sẽ biến chất trở thành câu chuyện buồn thần bán thánh, chuyện cầu an, vụ lợi.

Ai hỏi miền Bắc có tự do tôn giáo không. Có chứ. Có Đạo Hàm Bà Lăng

Thay lời kết.

Và chả nhẽ ra Hà Nội mà lại không nói một tiếng về người Hà Nội. Thật ra sau 50 xa cách, tôi không hình dung ra người Hà Nội qua ông A, ông B hay chị C nữa.

Và đó có lẽ là cái thay đổi lớn lao nhất trên toàn bộ sinh hoạt đời sống người Hà Nội. Tôi không có dịp tiếp xúc nhiều, phần đông những người trên đường phố thì đều là những người bình thường. Một thứ Mr tout le monde. Ở đâu cũng có, ở đâu cũng vậy, **nhưng tiếp xúc rồi thì cũng ngại. Tại sao người Hà Nội ăn nói tục tĩu thế.** Một cô gái trẻ, xinh đẹp có thể vắng tục không ngượng miệng. Nhiều người đi về đã nói với tôi như thế rồi. Nhưng lần đầu nghe vẫn thấy thế nào ấy. Đó không phải người Hà Nội trong mắt tôi nữa mà người Hà Nội nguyên con, nguyên hình. Cái nơi mà tôi có thể nhận ra người Hà Nội chắc hẳn không phải nơi các cô chiêu đãi, các chị làm công trong khách sạn, hay các người bán hàng, hay mấy ông nhà văn, nhà báo.

Phải nhìn ra người Hà Nội qua đám trẻ từ 12-14-17 tuổi. Chỉ cần vào một tiệm Internet. Ta sẽ gặp, ta sẽ thấy.. Đây là sản phẩm nguyên gốc của xã hội người Hà Nội. Ta sẽ gặp những đứa trẻ ngổ ngáo, hỗn xược, nói tục tĩu hết chịu nổi. Những thanh thiếu niên, thiếu nữ này không biết con cái nhà ai, thuộc thành phần xã hội nào.. Thật tình tôi không biết. Nhưng từ cách ăn mặc, cử chỉ, ngồi trên ghế, nói to quát tháo, chửi thề, thái độ biểu tỏ một sự vô giáo dục ở mức độ báo động.

Tôi không nói ngoa cho người Hà Nội đâu nhé. Và sự khác biệt giữa lớp trẻ Hà Nội và lớp trẻ Sài Gòn làm tôi thay vì kinh dị thì **ngạc nhiên**. Lớp trẻ Sài Gòn, cũng chỉ trong tiệm Internet thôi

nhé, biểu tỏ một nếp sống Văn hoá có giáo dục, có lễ độ trong một chừng mực có thể tin tưởng được.

Cái này những bậc làm cha mẹ, những nhà giáo dục phải nên nghĩ tới. Tại đâu.. tại cha mẹ, thầy giáo hay xã hội. Tại sao có sự khác biệt giữa lớp trẻ trong Nam , ngoài Bắc và nói rộng ra lớp trẻ hải ngoại.

Thật là không vui phải viết ra điều ấy. Cứ tình trạng này thì Hà Nội có phát triển đến đâu cũng báo hiệu những cơn lốc phá hoại, hủy diệt không ai lường trước được về mức độ hư hỏng và mức độ tội phạm.

Lời cảnh báo này chẳng biết có ai muốn nghe không. Nhưng cảnh báo vẫn phải cảnh báo.

Trong dịp ở Hà Nội, đôi khi một cách ngoài ý muốn, đôi khi tình cờ, đôi khi không hẹn mà gặp, tôi đã nhìn, đã gặp, đã nói chuyện, đã thấy trong một hai buổi hội thảo một số nhà văn, nhà báo, họa sĩ, nhà phê bình, chủ báo theo một thứ tự lộn xộn sau đây. Thật là mỗi người mỗi vẻ, có người để lại ấn tượng tốt, có người không. Nói chung họ ăn nói, phát biểu vung vít hơn Sài Gòn. Và cũng có vẻ họ nói nhiều hơn là làm. Nhưng người ta cũng nhủ tai cho biết rằng.. Nói thì cứ nói, nhưng đừng viết là được. Họ có tên là : Lý Triệu Dũng, Lương Xuân Đoàn, Trần Thị Trường, Phạm Toàn (Châu Diên). Đỗ Hoàng Diệu, Phạm Xuân Nguyên, Dương Thúy Hằng, Bùi Như Hương, Văn Thành, Nguyễn Bình Quân, Nguyễn Minh Khánh, Đào Anh Khánh, Soma Chakrabarti-Fezzardi, Nguyễn Ngọc, Lê Đạt và đặc biệt, ông Hoàng Chương, chủ bút báo Văn Hiến.

Và nói thêm một điều. Đời sống họ cao, đầy đủ hơn mấy nhà văn của Sài Gòn trước 1975. Cũng khó mà làm khác được. Hình như chỉ là nhà văn của hội nhà văn.. Những Nguyễn Thị Hoàng của miền Nam trước 1975 nay họ sống bằng gì, như thế nào. Tôi gặp mà chả dám hỏi.

Người mà tôi ghi lại ấn tượng rất tốt khi biết ông là người đã hết lòng với Tây Nguyên, dịch sách về Tây Nguyên, hiểu Tây Nguyên và thương Tây Nguyên hơn ai hết. Người mà khi về đến Sài Gòn, bạn bè cho biết, ông đã từ chối một giải thưởng cao quý nhất. Ít ai đã làm được điều đó. Tôi chỉ có dịp nói chuyện chung với ông một lần. Đó là nhà văn Nguyễn Ngọc. Khen một người không có nghĩa là chê các người còn lại. Chỉ vì trong một tình huống nào đó, biết rõ người này hơn người khác.

Và cuối cùng, ấn tượng sâu sắc để lại trong tôi khi rời Hà Nội là ở nơi đây sẽ là trung tâm quyền lực của cả nước. Cái quyền uy đó nó lồ lộ ra khi đi qua những con đường như Hoàng Diệu. Bóng dáng quyền uy của những căn nhà, những biệt thự như chụp trên ta. Có cái gì thâm cung bí sử, có cái gì ghê sợ phát tiết ra ngoài. Nó bàng bạc trên không, trên mái nhà, trên những bức tường cao quá đầu người, trên những cây me, cây sấu già trăm tuổi, trên người lính gác hiền lành trước cửa. Không thể kiếm ra những người lính gác hiền hơn thế. Vậy mà tôi vẫn sợ anh, mà anh có làm gì tôi đâu. Tôi sợ anh, hay sợ cái gì đằng sau anh. Tôi không biết. Không một bóng người, không một ai tới gần, không dám tới gần hay không muốn tới gần. Phần tôi, chỉ sợ anh lính gác chặn lại hỏi đi đâu vì linh kính máy ảnh, sổ tay ghi chép. Anh mà đọc những thứ ấy, có thể tôi bị bắt giam.

Tôi cảm thấy mình nhỏ bé, yếu ớt quá, tôi cảm thấy mình như con dụn, con dế. Mặc dầu tôi là người nước ngoài, mặc dầu tôi không làm gì, mặc dầu trong thâm tâm tôi cũng muốn nó khá lên, mặc dầu tôi cũng yêu đất nước này, đất nước đó cũng là của tôi.

Tôi cũng từng nhiều lần đi qua tòa Bạch ốc. Nó đồ sộ và uy nghi gấp nhiều lần. Lính canh và an ninh nghiêm ngặt gấp nhiều lần. Loạng quạng có thể nó bắn mình chết ngay. Cứ bề ngoài thì nó dễ sợ lắm. Vậy mà tôi không sợ. Vậy mà hằng trăm, hằng ngàn người đi qua đó cũng không sợ. Tôi thản nhiên đi lại như một người khách du lịch nhàn tản. Thấy cái gì thích thì chụp. Tôi có dám đứng lại mà chụp những tòa nhà có lính gác không ở Ba Đình, ở Hoàng Diệu. Chụp cái cổng trụ sở an ninh, dinh Hoàng Cao Khải mà tôi cũng sợ..len lét nhìn trước nhìn sau.

Tôi chỉ có thể nói được rằng, lúc nhỏ tôi sợ ma, về nước, nay tôi sợ người.

Ai có thể giải thích cho tôi điều này đây, tại sao lại như thế. Cái gì đã làm cho tôi sợ như thế. Tôi nhớ lại ông Tổng Giám Mục Bình khi gần chết được tờ Công Giáo và Dân tộc phỏng vấn có hỏi : Sau 20 năm thống nhất đất nước, điều gì đáng nói nhất. Trả lời : Sau 20 năm mà tôi vẫn còn sợ.

Nếu cứ nhìn sinh hoạt bề ngoài thì tôi thấy chả có gì để sợ. Vậy cái sợ đó đã cấy mầm từ bên trong tôi từ thuở nào. 30 năm trở lại mà cảm giác sợ vẫn còn. Tôi không biết những người dân Hà Nội đi qua những nơi ấy có cảm nghĩ như tôi không. Nhưng tôi còn nhớ như in cái cảm giác đi qua những quảng trường chiến sĩ, khu vực Ba Đình. Ở đây không phải cảm giác sợ mà lạnh tanh, cảm giác hoang vắng, cảm giác chơ chọi. Và tôi đã quay xe trở về không đi tiếp nữa.

Vì thế, tôi mới viết một câu rất là vô duyên : Mọi quyền uy đều xuất phát từ đây mà ra. Ai chả biết nhu vậy. Nhưng nguyên ủy làm tôi viết câu đó là do nỗi sợ hãi khi đi qua những khu vực này.

Rất may, Sàgòn của tôi sẽ là trung tâm tài chánh, thương mại của cả nước. Với các tỉnh vệ tinh phía đông như Vũng Tàu, Bình Dương và Biên Hoà. Ít ra là như thế.

Đồng bằng sông cửu long, vựa lúa miền Tây sẽ mỗi mòn kiệt quệ.

Quay trở lại Huế thì đây là niềm thất vọng của cả nước, vì tính cách tụt hậu về kinh tế và phát triển. Chẳng có công ty ngoại quốc nào muốn đầu tư ở đây.. Nhưng Huế không có lối thoát và không có tí tiềm năng kinh tế nào mà người ta có thể trông chờ vào. Trái lại Đà Nẵng có cơ ngơi phát triển và còn có con đường đi lên như faifoo, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Và cuối cùng có thể nói ba cái trục chính của đất nước Việt Nam sẽ là : Hà Nội- Đà Nẵng- Sàigòn.

[i] Trích báo Khơi nguồn, số 5, tác giả Diệu Tàn, trang 100

[ii] Xem thêm Từ điển đường phố Hà Nội, Nguyễn Loan và Nguyễn Hoài. Nxb Thế giới. 1994

Lịch sử còn đó...

Nguyễn văn Lục

“L’histoire est vraie, mais la vérité est partielle: Nous pouvons savoir des choses sur le passé humain, nous ne pouvons savoir le tout de ce passé”

H. Marrou, sử gia.

Ngày mùng 8 tháng 5, năm 1963. Ngày đáng ghi nhớ. Ngày mở đầu cho biến cố Phật Giáo miền Trung 1963. Trong ngày đó, vào khoảng 10 giờ 30 tối, có cả thảy 8 em vô tội đã bị thảm sát tại Đài phát thanh Huế. Xin được nhắc lại một lần tên các em. Đó là Nguyễn Thị Ngọc Lan, 12 tuổi, 1951. Huỳnh Tôn Nữ Tuyết Hoa, 12 tuổi, 1951. Nguyễn Thị Phúc 15 tuổi, 1943. Lê Thị Kim Khanh 17 tuổi, 1948. Trần Thị Phước Tự, 17 tuổi, 1946. Nguyễn Thị Yến, 20 tuổi, 1943. Nguyễn Văn Đại 13 tuổi, 1950 và Đặng Văn Công 13 tuổi, 1950.

Sau cuộc thảm sát Đài phát thanh Huế tiếp theo cuộc tự thiêu của Hoà Thượng Thích Quảng Đức, 66 tuổi ngày 11-6-1963 tại ngã tư Phan Đình Phùng, Lê Văn Duyệt Sài Gòn.

Hồi chuông báo tử đã đóng lên cho một chế độ.

Dư luận thời đó và ngay cả hiện nay, nhiều người vẫn nghĩ rằng vụ thảm sát tại đài phát thanh Huế là do xe tăng của Thiếu Tá Đặng Sĩ đã cán chết các em. Và người trực tiếp trách nhiệm vụ thảm sát này không ai khác hơn là Đặng Sĩ? Và người đứng đằng sau có thể là ông Ngô Đình Cẩn hoặc TGM Ngô Đình Thục?

Riêng ông Ngô đình Cẩn, trước khi chết có tâm sự với luật sư Võ Văn Quan là ông không có ra lệnh cho Đặng Sĩ giết trẻ em trước đài phát thanh? Thế thì còn lại TGM Ngô Đình Thục? Theo LM Cao Văn Luận, trước khi Im Luận lánh mặt ra ngoại quốc có đến từ già TGM Thục và GM Thục tỏ ra chẳng có ưa gì về vụ biến động Phật giáo cả.

Cần có một câu trả lời cho cái chết của các trẻ em vô tội chết không toàn thân trước cửa Đài phát thanh Huế? Và nếu người ta thật sự thương xót các em thì cho đến nay ít ra cũng có cái gì đó, một cái miếu, cái cột, cái bảng, một hòn đá cũng được, hay một miếng gỗ. Ai dám nghĩ đến cái điều tưởng như tầm thường ấy?

Viết bài này, tôi cũng không quên chính mình cũng là thế hệ thanh niên trí thức ở thời kỳ đó. Tôi vẫn nghĩ rằng thắc mắc của tôi là chính đáng.

Bài viết có hai phần, phần đầu, chọn lựa dựa trên các lời viết của các nhân chứng hàng đầu trong biến cố đài phát thanh Huế. Phần hai, duyệt xét lại vụ án thiếu tá Đặng Sĩ để xem ở thời điểm ấy, vụ án đã được xét xử như thế nào?

1. **Trích dẫn về những chứng từ trong đêm 08 tháng 05 năm 1963, tại đài phát thanh Huế.**

Những chứng từ sau đây của các nhân chứng hầu hết nhìn tận mắt cho thấy một sự việc đã được nhìn, được thấy như thế nào? Người viết ghi những chữ, những câu viết nghiêng để đọc giả dễ theo dõi sự dị biệt giữa các nhân chứng.

1. **Chứng từ của ông Nguyễn Khắc Từ**, Huynh trưởng gia đình Phật Tử, người đã có mặt từ đầu đến cuối bên cạnh Thượng Tọa Trí Quang. Ông viết *“Một chiếc xe mang tên **Ngô đình Khôi** cán bừa lên cả người đồng bào. Vài tiếng thét ghê rợn. Mặc kệ, họ cứ tiến vào đám quần chúng. Giữa lúc ấy, **3 tiếng súng lục chát chúa** khô khan vang lên, và lựu đạn cay tung ra tứ phía. **Từng loạt súng liên thanh và một tiếng nổ kinh hồn rung chuyển cả đài phát thanh. Tiếng súng vẫn nổ. Trong đài, chúng tôi vào ẩn trong trong phòng hoà âm gồm***

các Thượng Tọa, Đại Đức, ông Tỉnh trưởng và một số chúng tôi.” (Trích trên web Giao Điểm, Giao Điểm trích từ tạp chí Liên Hoa, số ra ngày 15 tháng 1965, Sài Gòn.)

Nhận xét: Cứ như ông viết, lúc xảy ra có tiếng nổ, ông ở trong đài và ẩn trong một phòng hoà âm cùng với các Thượng Tọa, Đại Đức. Vậy bằng cách nào, ông có thể nhìn thấy cảnh xe tăng tiến vào với ba tiếng súng lục nổ. Đặc biệt, ông là một trong những nhân chứng nói đến lựu đạn cay tung ra tứ phía.

Bằng vào lời của nhân chứng, các nạn nhân chết vì **ba nguyên nhân**: vì xe tăng cán, vì tiếng nổ kinh hồn và đạn đại liên.

2. **Chứng từ của Nguyễn Lang (tức Thiền sư Nhất Hạnh),** cuốn 3 của Bộ Việt Nam Phật giáo sử luận.

“Thiếu tá Đặng Sỹ, Phó tỉnh trưởng nội an và Tiểu khu trưởng Thừa Thiên, huy động lực lượng thiết giáp Bảo An, **đại bác quân cảnh**, hiến binh và cảnh sát thành phố tới vây quanh đám quần chúng mà họ gọi là đám biểu tình..

“Thiếu Tá Đặng Sỹ ra lệnh **bắn đạn mã tử** khiến đám đông náo động. **Lựu đạn cay, lựu đạn nổ được tung vào. Đồng thời súng trường và xe thiết giáp chặn lại.** Khi thiền sư **Trí Quang và ông Tỉnh trưởng từ trong đài phát thanh ra tới thì máu đã đổ**: 8 người thiệt mạng vì **lựu đạn** và 4 người bị thương. Xe **thiết giáp cán vỡ đầu** một thiếu nhi, sọ em nát vụn. Một thiếu nhi khác bị **cán mất nửa đầu và một em khác mất hẳn nửa đầu.** Xe Hồng Thập tự được gọi tới để mang những người bị thương về bệnh viện.

Nhận xét: Không hiểu tại sao lại đổi chức vị của thầy Trí Quang là thiền sư? Đổi như thế nghe thấy lạ tai quá. Quân cảnh không có mang đại bác? Chắc là pháo binh? Một chi tiết khá quan trọng: Thầy Trí Quang và ông tỉnh trưởng chỉ ra khỏi đài phát thanh khi máu đã đổ. Chi tiết này phản lại lời tường thuật của chính người trong cuộc là thầy Trí Quang ở phần sau. Thầy TQ và ông Tỉnh trưởng đứng ở bên ngoài đài và đang phủ dụ đám đông thì xảy ra biến cố. 8 người chết vì lựu đạn, rồi lại chết bị xe thiết giáp cán. Như vậy giả thiết là các em bị bắn chết, rồi xe thiết giáp cán thêm một lần nữa? Một em bị cán mất nửa đầu và một em khác mất hẳn nửa đầu thì có gì khác nhau?

Xin ghi nhận thêm: Nguyễn Lang, trong phần ghi chú XXXV111 của bộ Việt Nam giáo sử luận, tập 3 có cho rằng Bác Sĩ Lê Khắc Quyến bị ép buộc nên phải ký biên bản như trên. Thiền sư Nhất Hạnh cũng là người đứng ra mời một Ủy ban Liên Hiệp Quốc đến VN điều tra về vụ Phật Giáo.

Về nội dung bản phúc trình của bác sĩ Quyến, người viết cũng thấy mỗi người nói mỗi khác. Ra đến tòa án, Bác Sĩ Quyến vẫn giữ lời khai mà nội dung như sau : Không rõ chất nổ, nhưng không phải là do lựu đạn hoặc chất Plastic. Không bằng lòng về nội dung những bản phúc trình này, người viết có liên lạc với hai con trai của Bác sĩ Lê Khắc Quyến, quý anh LKT và LKH. Nhưng cũng không giúp thêm gì trong việc làm sáng tỏ điều này.” Rất tiếc, tôi không giúp được nhiều vì do chỉ là những gì được nghe nói, không có bằng chứng cụ thể”

3. **Chứng từ của Bác sĩ Erick Wulff**

Phỏng vấn giáo sư Erick Wulff của báo Liên Hoa, số Đặc biệt Phật Đản, ngày 26 tháng 5-1964. (trích lại trên Giao Điểm). Cuộc phỏng vấn này xảy ra khi bác sĩ người Đức này trở lại thăm Việt Nam.

“Đêm 8-5-1963, tôi và anh Tôn thất Kỳ, sinh viên y khoa của tôi có đến xem cuộc lộn xộn trước đài phát thanh Huế. Khi chúng tôi vừa đến thì điều làm chúng tôi hốt hoảng là một loạt súng chát chúa vang lên. Liền đó, xe thiết giáp kéo đến, tôi thấy rõ ràng có một chiếc xe mang tên “Ngô đình Khôi” có gắn súng 12-7, chĩa nòng súng vào phía dân chúng đang tụ tập nhón nháo quanh đài phát thanh. Tôi đang bỡ ngỡ thì lại nghe tiếng nổ rất lớn. Rồi nhiều tiếng nổ khác tiếp theo.

Tiếp theo, ông đến nhà xác **“Tôi thấy một cảnh tượng vô cùng khủng khiếp, 7 cái xác chết tan hoang, nhưng còn có thể nhận ra được, kẻ bị văng óc vỡ đầu, kẻ thì thân xác nát bầy, máu thịt đất cát cùng với óc não lẫn lộn be bét, còn một cái xác khác thì hoàn toàn tan nát từng mảnh không sao nhận ra được. Xem xét các xác chết, tôi thấy có ba xác bị bể sọ, quan sát kỹ chắc là do đạn (cỡ súng lớn bắn). Mà chắc là do súng cỡ lớn trên xe thiết giáp NĐK bắn. Đạn này làm bay cả sọ, văng óc ra ngoài.**

Kết luận ông đáp: Vì tôi đã tận mắt chứng kiến cuộc thảm sát ở Đài phát thanh Huế, tôi vô cùng xúc động trước sự đàn áp dã man này nên tự thấy có bổn phận ủng hộ cho cuộc đấu tranh”

**Chứng từ thứ hai của Bác sĩ Erich Wulff, giáo sư Đại học Y khoa Huế, từ 1961-1967. bài trích dịch từ cuốn Vietnamesische Lehrejahren, 1972, từ trang 129-142, trích lại trên trang Giao Điểm và cũng trên Khuông Việt, 2003 trong bài *Những tháng ngày không quên* của Thái Kim Lan. Giữa bài phỏng vấn và bài trích trong sách của ông bác sĩ người Đức có nhiều chi tiết khác nhau lắm.

“Tôi bỗng nghe một người nào đó gọi tên tôi. Đó là Tý, một người học trò của tôi. Tý hỏi tôi muốn đi cùng đến nghe phát thanh lại bài nói chuyện sáng hôm nay của Thích Trí Quang, bài này sẽ được phát đi trong vòng vài phút nữa và sẽ được truyền ra bên ngoài bởi những loa phóng thanh đặt trước cửa đài.

Vài phút sau đó có tiếng ầm ầm của một đoàn xe thiết giáp. Có tất cả 5 xe thiết giáp xuất hiện. Một chiếc tìm cách đi thẳng vào khuôn viên của đài phát thanh. Nó dừng lại chỉ cách Tý và tôi vài bước mà thôi. Và rồi những phát đạn đầu tiên được bắn ra từ nòng súng cả nòng của xe thiết giáp, chúng tôi nghe khoảng 10 phát súng nổ kêu vang và khô khan. Tôi có thể nhìn thấy rõ ràng đầu ngọn lửa phát ra từ họng súng của hai chiếc xe án ngữ nơi bồn tròn nằm phía đầu cầu Trường Tiền. Sau đó một loạt súng trường bắt đầu nhả đạn. Sau đó, tôi đã gặp Paul Miller, một người Mỹ còn trẻ làm việc trong văn phòng trường đại học. Anh ta kể rằng “họ đã đi qua đây”. Thiếu tá Đặng Sỹ, người cầm đầu đoàn quân đã bảo anh ta phải biến mất đi. Sắp có màn phải giết người, vì ông ta đã nhận được lệnh của cấp trên đến dẹp tan vụ bạo loạn tại đài phát thanh với bất cứ giá nào”.

Sau đó, bác sĩ Wulff được một người y tá dẫn vào cổng sau nhà xác. Tại đây, ông ghi nhận như sau **“Không có ánh đèn điện. Dưới ánh sáng yếu ớt của đèn bạch lạp, chúng tôi thấy có 7 thân người đầy máu me được đặt trên ba bàn khám nghiệm bằng đá. Từ chân đến ngực, thân thể họ còn nguyên vẹn. Nhưng năm cái xác, tất cả là trẻ em, thì không còn đầu. Nơi một người phụ nữ thì có những vết đạn bắn vào cánh tay, vai và cổ. Các xe thiết giáp đã bắn nát đầu các em thiếu nhi, có lẽ vào lúc các em leo qua hàng rào của đài phát thanh và nhô đầu ra trước. Nếu như các em khôn ngoan như người lớn, tức là nằm xuống dưới đất lúc súng đạn bắt đầu nổ thì có lẽ các em đã không hề hấn gì.**

*Khi về đến cư xá giáo sư đại học, tôi vội bước đến phòng của Giáo sư Krainick. Tình cờ lúc đó bà Krainick đang đọc vào máy ghi âm bức thư gia đình hỏi thăm các người con. Trong sự hốt hoảng lúc bà và ông chồng nghe tôi kể lại những biến cố vừa xảy ra, bà đã quên tắt máy. **Cuốn băng ghi âm này đã được dùng làm bằng có vào tháng 09-năm 1963 trước Ủy Ban Việt Nam của Liên Hiệp Quốc, kèm theo với lời khai danh dự chứng thật nguyên bản của giáo sư Krainick.***

Nhận xét: Có lẽ những chứng từ của giáo sư người Đức được coi như có giá trị khả tín nhất, vì ông là người ngoại quốc. Đối với một số Phật tử thời đó, ông chẳng những là một nhân chứng hàng đầu mà còn là người ân nhân số một của biến cố 1963. Vào ngày 14-4-1964, ông E. Wulff được tiếp đón nồng nhiệt khi trở lại Huế sau ngày đảo chính. Người ta đã dành tất cả cái vinh dự ấy cho ông như một người bạn của Huế. Ông đã được các Thượng Tọa Thích Trí Quang và Hoà Thượng Thích Đôn Hậu đón tiếp với hàng rào người đứng hai bên. Vì vậy, ông mới được mời ra làm nhân chứng vào tháng 9-1963 với cuốn băng ghi kể lại biến cố với ông bà GS Krainick, trước Ủy Ban VN của LHQ. Nhưng thử so sánh hai bài tường thuật của ông xem sao.

- Thứ nhất: Có một sự lầm lẫn, nếu không được giải thích sẽ gây ra hiểu lầm. Có lúc ông nói là Tý có lúc là Tôn Thất Kỳ. Có sự khác biệt đổi tên như thế vì Tôn Thất Kỳ không muốn để lộ tên mình ra nên ông Wolff đã phải gọi tránh ra như thế.

- Thứ hai, ông viết khi vừa đến thì đã nghe một loạt súng, liền sau đó xe thiết giáp kéo tới. Chắc ông viết lầm, phải đợi xe thiết giáp tới rồi mới bắn được?

- Thứ ba, ông còn có thể nghe và đếm được có khoảng 10 phát đạn bắn đi. Cái này phải hỏi chuyên viên vũ khí, có thể đếm được đạn đại liên bắn đi không? Có chỗ ông viết: nhìn thấy 5 xe thiết giáp tiến tới rồi nhả đạn. Thật sự trong cái tình thế căng thẳng và có thể đi đến rối loạn, thật khó có thể có những ghi nhận thật chính xác được. Những trắc nghiệm tâm lý đưa ra những hoàn cảnh giả (simulation), rồi yêu cầu được trả lời đã nhìn, nghe, nhớ gì. 90 phần trăm người được trắc nghiệm đã không thể trả lời đúng như sự việc đã xảy ra.

- Thứ tư: Và nếu như lời ông tường thuật ở đoạn không trích ra đây, ông và Tý thấy tuần xa là bắt đầu sợ và rủ nhau nhảy qua hàng rào đài phát thanh, đứng sang bên kia đường để nhìn về phía đài. Khi có tiếng súng nổ thì còn chạy núp vô một đường hẻm gần đấy. Đọc đoạn ông mô tả thì như thể ông là một quan sát viên, hay một quan khách, đứng bàng quan và bình tĩnh, đứng gần tuần xa có máy thước, nghe và đếm được 10 phát đạn, thấy hết hiện trường. **Tôi chỉ hỏi thật, ông đứng ở đâu?** Tôi có đặt vấn đề về chứng từ của ông Wolff với một người bạn từng quen biết ông Wolff thì người ấy vẫn quả quyết 100% là ông Wolff nói thật, nói chính xác.

- Thứ năm: ông kể được nghe qua một người bạn tên Paul Miller cho biết gặp Đặng Sỹ và Đặng Sỹ cho biết phải biến đi, vì sắp có cảnh dẹp loạn và **cảnh giết người**. Cứ tin vào chứng từ của ông bác sĩ thì Thiếu Tá Đặng Sỹ đã được lệnh trước chẳng những dẹp loạn mà còn có bổn phận phải tàn sát dân chúng đi biểu tình. Chứng cứ này khá là quan trọng vì có sách lược tàn sát đồng bào Phật Tử tối hôm đó? Ông Wolff phải ra làm chứng về điều này và xác nhận lại một lần nữa câu nói của ông. Nếu ông xác nhận Đặng Sỹ có nói như thế thì vụ án Đặng Sỹ rất đơn giản vì có lời giải đáp. Rất tiếc, ông đã rời VN sớm hơn một tháng trước khi vụ án Đặng Sỹ được đem ra xét xử.

- Thứ sáu: theo ông các trẻ em bị thảm sát vì vượt hàng rào đài phát thanh cao khoảng 1m50. Như vậy, thay vì bị chết ở sát cạnh đài phát thanh thì nay chết ở hàng rào đài phát thanh. Đây là một vấn đề cần đặc biệt lưu ý. Chứng cứ này của ông không đứng vững được vì vi phạm

luật hiện trường. Một điều vẫn ám ảnh tôi mãi. Tại sao nạn nhân chỉ là trẻ con và thanh thiếu niên? Nếu đạn đại liên bắn như thế thì chẳng những các em chết và người lớn cũng chết không miễn trừ?

- Thứ bảy: ông là người thứ nhất, trước cả bác sĩ Lê Khắc Quyển có đặc quyền được giao nghiệm xác chết. Tôi có đem truyện này hỏi các bác sĩ thì họ cho rằng nếu không phải bác sĩ chuyên môn về giáo nghiệm tử thi (médecin légiste) thì không đủ tư cách để có thể xem xét và quyết đoán về các vết thương. Họ không thể nào xác định được một vết thương do đạn, hay do chất nổ? Về điểm này có thể nói rằng cho dù có chứng tử giáo nghiệm đi nữa, không bị cưỡng buộc đi nữa, chừng từ đó cũng khó có sự giáo nghiệm kỹ càng và chính xác. Một bác sĩ thường, không chuyên ngành, không có cách gì phân biệt được một vết thương do chất nổ lựu đạn hay plastic, hay do đầu đạn vv.. Thật không dễ đâu? Dầu vậy thì đây là một bằng chứng vô cùng quan trọng, bởi vì trong nhiều trường hợp, **nhân chứng duy nhất có thể truy lùng ra tội phạm lại chính là xác chết. Xác chết biết nói, biết tố cáo.** Mặc dù ông không phải bác sĩ chuyên khoa về giáo nghiệm xác chết, mặc dù dưới ánh đèn lù mù không soi sáng đủ và mặc dù thời gian chắc cũng không cho phép ông ở lâu để giáo nghiệm, đo đạc các vết thương sâu hay rộng để biết đích xác vết thương do chất nổ gì gây ra. Ông đã khẳng định là: quan sát kỹ, ông cho rằng **chắc là do đạn đại liên** bắn ra làm bay cả sọ và văng óc ra ngoài. Ông còn ghi thêm là do chiếc xe có bảng hiệu Ngô Đình Khôi bắn ra nữa. Có lúc ông nói có 5 xác bị bắn nát đầu văng óc, **nhưng từ chân đến đầu còn nguyên vẹn.** Đoạn sau, ông nói ngược lại là 7 xác chết tan hoang, nát bầy, hoàn toàn nát bầy. Còn nguyên vẹn và nát bầy đã hẳn phải khác nhau? 5 xác và 7 xác đã hẳn cũng khác nhau? Quý vị không tin cứ việc đọc lại. Không thể giáo nghiệm khơi khơi thế được? Chắc ông chưa từng được xem Bao Công xử án
Kết luận: các nạn nhân chết là **do đạn đại liên** từ xe thiết giáp Ngô Đình Khôi bắn ra.

Hai bản văn mà nội dung do một nhân chứng viết lại có nhiều chỗ phản lại nhau từng chi tiết một, không có chi tiết nào trong hai bản văn giống nhau đến độ có cảm tưởng do hai nhân chứng viết lại chứ không phải một người.

Theo tác giả cuốn The Ambassador: “Vụ nổ Plastic ở đài phát thanh Huế, chính là do đại úy cố vấn đơn vị Biệt động quân tên là Scott đã xác nhận thừa lệnh trên trao cho Trung úy Thiều, thuộc sư đoàn I bộ binh ở Huế ném vào đám đông”.

Các chất nổ plastic chỉ có đặc công Cộng Sản hoặc CIA mới có. Quân đội VNCH không được cung cấp những loại chất nổ ấy. Các chất nổ này CIA dùng để trao cho các biệt kích trước khi lên đường ra Bắc để phá hoại các công sở và cơ sở quân sự ở Bắc Việt mà thôi.

Nhận xét: Phần tài liệu trích ra từ cuốn Ai giết anh em ông Ngô Đình Diệm, người viết trích ra mà không có ý kiến.

Nhưng riêng sự liên lạc và giúp đỡ của Toà Lãnh sự Mỹ qua ông phó Lãnh sự Mỹ là có thật. Không có người Mỹ, chùa Từ Đàm không có đủ phương tiện liên lạc với bên ngoài. Sự giúp đỡ này cũng được coi là chuyện bình thường trong các đường lối chính trị của Mỹ. Nhưng tư liệu về về Đại Úy Scott thì cần dè dặt lắm vì chưa đủ bằng cứ. Trong phiên tòa xử Đặng Sĩ, tòa đã gạt đi chứng cứ này vì liên quan đến người Mỹ và nhờ vậy Đặng Sĩ đã không bị xử tử hình. Ông bị kết án chung thân khổ sai, nhưng sau đó được TT Nguyễn văn Thiệu ân xá vào năm 1966. Phần tôi chỉ trích dẫn mà không ý kiến. Bởi vì không có gì cho phép tôi kiểm chứng được. Tôi chỉ xin giữ một ý là về **hiện trường và chất nổ. Thói thường chỉ có trẻ con mới xúm xít chung quanh đài phát thanh, còn người lớn, đứng xa xa và ở dưới.** Trong phần trích dẫn cho thấy đây là một vụ nổ plastic và do bàn tay Hoa Kỳ gây ra. Sự thật ở chỗ nào?

3. **Ellen J. Hammer** Bàn Tay Hoa Kỳ, Cái Chết Của ông Diệm

*“Thiếu tá Đặng Sỹ đã tới đài phát thanh hai giờ sau khi có tin dân chúng đã nổi loạn. Ông mang theo một đại đội trên thiết vận xa bánh cao su. Vì không có lựu đạn cay nên họ được trang bị bằng lựu đạn MK-3. Họ vẫn còn ngồi trên xe cách đài phát thanh khoảng 50 thước, **thình lình có hai tiếng nổ long trời.** Sau đó, ông đã bắn ba phát súng lệnh. Đó là ám hiệu cho lính của ông dùng lựu đạn. **Ít nhất có 15 trái được ném ra.** Dân chúng chạy trốn để lại **7 xác chết và một trẻ em hấp hối.** Nhiều xác chết co quắp, thịt xương văng tứ tung, **nhưng không thấy vết tích của vũ khí giết người. Trong kho vũ khí mà quân lính của Đặng Sỹ được xử dụng, không có một loại nào như vậy.** Giới chức chính phủ nghĩ VC đã dùng bom Plastic, mặc dầu vị bác sĩ Phật giáo khám nghiệm tử thi nói ông chưa hề thấy những thương tích như vậy và **không tin rằng những thương tích này gây ra bởi bom plastic hay lựu đạn.** Những năm sau này, nhiều người trước đây đã làm việc với Việt Cộng nói họ không có bom plastic có sức công phá như vậy.” (sđd, Ellen J. Hammer, trg 109).*

*“Đặng Sỹ bị án tù chung thân khổ sai và bồi thường các gia đình nạn nhân. Luật sư của ông đã nhấn mạnh về vấn đề bà Đặng Sỹ thuộc một gia đình Phật giáo và chồng bà đã thi hành theo lệnh. Khi cuộc xử án đã xong, **luật sư biện hộ đã cho biết, tòa không xác định tính chất hay nguồn gốc cuộc nổ chết người.** Tướng Khiêm, lúc đó là bộ trưởng quốc phòng, sau này đã nói **Đặng Sỹ phải bị kết án để làm vui lòng Trí Quang. Tờ Luân đôn Kinh tế đã gọi bản án ‘một sự quá đáng tại một tòa án thiên vị.’** Ông ta nhận lệnh trên, và đã cẩn thận dùng lựu đạn “nổ” ở cách xa những người bạo động do Trí Quang xách động. Rồi ông bị kết án về trách nhiệm tám cái chết mà nguyên nhân chưa được xác định” (sđd, Ellen J. Hammer, trang 267)*

Nhận xét: lời tường thuật của Ellen J Hammer rất sát với lời khai của Thiếu Tá Đặng Sỹ sau này trước tòa án. Đó là những chi tiết có tiếng nổ lớn trước. Khi có tiếng nổ, biết là có biến loạn, như đã dự liệu trước, Đặng Sỹ cho bắn ba phát súng lệnh để binh sĩ tung lựu đạn giải tán dân chúng trước đài phát thanh.

Diễn tiến biến cố có thể là một tiến trình xảy ra tương đối hợp lý. Và Hammer đã đưa ra lời xác nhận giáo nghiệm của Bác sĩ Lê Khắc Quyến. BS Lê Khắc Quyến là một người nổi tiếng ở Huế, giáo sư y khoa Đại Học Huế. Ông được giao phó trọng trách giáo nghiệm. Trong trường hợp này, ông cũng dè dặt cho biết chưa hề thấy những vết thương tích như vậy, nhưng khẳng định **không phải do lựu đạn và chất nổ plastic.**

Về phúc trình giáo nghiệm, có tài liệu như của Thầy Thích Đức Nghiệp cho rằng, chính quyền đã ép ký biên bản cuộc khám nghiệm. Và vì thế bs Lê Khắc Quyến đã từ chức giám đốc bệnh viện Trung Ương và Khoa Trưởng trường Đại học Y khoa Huế. Sau vụ này, các giáo sư ngoại quốc dạy tại trường Y khoa Huế đều từ chức và bỏ về nước để phản đối chính quyền Sài Gòn vì họ đã biết rõ sự thực về cuộc khám nghiệm.

Trong một bài viết của Chính Đạo : Từ cờ đến máu lửa. Ông viết lại như sau :” Sau khi đám đông giải tán, viên chức chính phủ mang 9 xác chết tời bệnh viện thị xã Huế. Y sĩ Lê Khắc Quyến, Giám đốc Y tế miền Trung, được lệnh phải ghi vào giấy chứng tử là các nạn nhân “chết vì lựu đạn do khủng bố Việt Cộng ném”. Quyến không chịu ký. Diệm bèn cách chức Quyến, gọi vào Sài Gòn đợi lệnh. Thị Trưởng Đẳng cũng cách chức Sỹ, và viết thư phản đối lên chính phủ. Trong một đoạn khác cũng trong bài viết, ông Chính Đạo cũng đưa ra nhận xét :” Mặc dù từ ngày 24-5 các chuyên viên y khoa báo cáo là thương tích nạn nhân ở Huế đêm 8-5 không do mảnh lựu đạn gây ra (FRUS, 1961-1963, III tài liệu 160) Diệm vẫn chẳng tỏ một thái độ hoà giải.

Có vài điều ông Chính Đạo viết sai. 8 chữ không phải 9 xác chết. Không có chức vụ nào gọi là Giám đốc y tế miền Trung. Miền Trung gồm những tỉnh nào? Bs Lê Khắc Quyến là Giám đốc bệnh viện và Khoa trưởng Y khoa Huế. Cái chứng từ mà ông Chính Đạo nêu ra, ông lấy ở đâu? Ở tài liệu Mỹ? Cho đến nay, không có ai có thể quả quyết là có một chứng từ mà nội dung như ông Chính Đạo nêu ra? Mỗi người nói một cách?

Sự nghi ngờ này có thể đi xa hơn nữa như trong cuốn ký 6 năm đi dạy của ông bác sĩ Wulff khi ông viết: “Họ đang được chăm sóc bởi bác sĩ Tô Đình Cự, trưởng phòng mổ của bệnh viện. Ông ta có vẻ hốt hoảng khi thấy chúng tôi xuất hiện: “các ông hãy về đi, đây không phải là chuyện của các ông. Chỉ có một vài vết thương nhẹ, một mình chúng tôi cáng đáng được rồi”.

4. Trong “**Thôn nữ tự truyện**”, tác giả là vợ ông Trần Văn Thường, Giám đốc Công an Trung phần:

“Trước khi đi giải toả đài phát thanh, Đặng Sỹ có hỏi ý kiến chồng tôi, anh khuyên Đặng Sỹ gọi tư lệnh vùng để lấy chỉ thị. Đặng Sỹ đã cho biết đã trình tướng Nghiêm, và ông Tướng đã ra lệnh Đặng Sỹ phải bảo vệ Đài phát thanh bằng mọi giá. Chồng tôi khuyên Đặng Sỹ chỉ dùng nước và hơi cay thông thường mà thôi và Đặng Sỹ cho biết không dùng phương tiện nào khác.

“Các em tử nạn không phải do xe tăng xích sắt của Đặng Sỹ cán chết mà sức nổ do bom Mỹ đặt ở cửa đài gây nên. Những dấu lằn in ngang dọc trên mình các em là vì các em bị sức nổ đẩy mạnh các em dính lên cửa lá sách của đài. Hôm đó, Đặng Sỹ chỉ sử dụng xe bọc sắt không có xích, mà chạy bằng bánh cao su.

“Đặng Sỹ không dùng bom hay mìn, kể cả lựu đạn, mặc dù hôm ấy trên xe có vài quả O.F, loại tấn công không gây chết chóc. (Thôn Nữ Tự Truyện, tr. 203-204).

“Về sau, chuyện một Đại úy Mỹ đặt bom tại đài đã được xác nhận. Chính tiếng nổ bom ấy đã mở màn cho cuộc đảo chánh 1-11-63.” (Thôn Nữ Tự Truyện, trang 204).

Nhận xét: Trong vụ án Đặng Sỹ, cái cốt lõi là khám thi thể các nạn nhân để tìm ra loại chất nổ đó là gì? sức công phá của nó ra sao? Như đã trình bày, nay nhắc lại. **Thủ phạm để lại dấu tay trên chính thân xác đám trẻ em nạn nhân.** Đây là lần đầu tiên, một tác giả gán trực tiếp trách nhiệm cho người Mỹ. Quan điểm này không được mấy ai quan tâm cho đủ. Chứng từ trong Thôn nữ tự truyện xác nhận là do plastic của Mỹ? Nguồn tin này có cơ sở gì không? Từ đó đến nay không ai xác nhận được đúng hay sai?

5. **Chứng từ của Trần Văn Sinh.** Đoàn SV Phật Tử Huế.

Bên trong đài phát thanh có ông tỉnh trưởng kiêm thị trưởng thành phố Huế Nguyễn Văn Đăng, ông giám đốc đài phát thanh Ngô Ganh, TT Thích Trí Quang và đại đức Thích Chánh Lạc đã có mặt từ lâu.. Càng chờ đợi càng căng thẳng vì số lượng Phật tử dồn về càng đông mà chính quyền vẫn không có lời giải thích thỏa đáng. Thế rồi khoảng 10 giờ hơn, từ phía quân trấn Huế, một đoàn xe bọc thép, có chiếc kẻ tên Ngô Đình Khôi bằng sơn trắng chia mũi súng lù lù tiến vào đài phát thanh, cán nát bất kể mọi thứ bất kể tính mạng của người dân. Mọi người thất thanh túa chạy tứ phía tìm đường thoát thân, xe bọc thép chạy thẳng vào đài cán ngang qua những chiếc xe Gobel, mobylette, xe đạp mà mọi người đã bỏ lại khi tháo chạy. Vào sân đài phát thanh thanh thì những tiếng nổ lớn phát ra, khói bay mù mịt, tiếng khóc than, la hét cùng với tiếng nổ, làm mọi người kinh hoàng sợ sệt và chạy tứ tán khắp nơi... Trong bóng đêm, những người trẻ túm tụm bên nhau, **họ đã phát hiện mùi tanh của máu thịt, của óc não dính**

mắc trên lưng họ, thế nhưng họ vẫn không nghĩ rằng đã có người bị giết một cách oan uổng và tức tưởi như thế.

Nhận xét: Bài viết dựa này không đưa ra được một chứng từ nào mới. Nhưng nếu điều ông Trần Văn Sinh mô tả về bạn bè ông bị dính máu, thịt và nhất là óc là đúng sự thật thì ở đây có thể đặt vấn đề: Chất nổ đó là gì? Đạn và lựu đạn có đủ sức mạnh làm vỡ óc não ra không? Hay cần một lượng sức nổ mạnh hơn nữa, tạo ra sức ép để làm nát bấy thân thể các em ?

6. **Chứng từ của thầy Trí Quang:** Thật ra, TT Trí Quang đã không trực tiếp viết về biến cố đài phát thanh Huế, nhưng do thầy kể lại và ủy thác cho Thái Kim Lan với sự cho phép của thầy. Vì thế, phần tài liệu này được kể là chính thức. Chứng từ này được kể là quan trọng và có tầm mức cao nhất về mức độ khả tín do một vị lãnh đạo tinh thần, là linh hồn của biến cố đài phát thanh Huế.

Thầy Trí Quang kể: “Đến giờ, tôi đích thân đi với thầy Mật Nguyễn xuống đài phát thanh. Ông quản đốc nói có lệnh không cho Phật Giáo phát thanh, xin các thầy biết cho đây là việc ngoài quyền hạn của tôi. Tôi yêu cầu mời ông Tỉnh trưởng xuống giải quyết tại chỗ. Bảy giờ gần tối. Phật tử đứng nghệt sân đài phát thanh, ngoài đường và cầu Trường Tiền. Ông Tỉnh trưởng đến mới cùng thầy Mật Nguyễn, tôi và ông Quản đốc, **đứng lên chỗ cao**, chưa kịp nói gì thì phía ngoài vòi rồng phun nước rất mạnh, kể đến hai chiếc chiến xa tiến vào **đại liên và lựu đạn cùng nổ**. Một số Phật tử ở góc sân trên của đài phát thanh, chỗ gần chúng tôi đứng bị ném lựu đạn tàn sát. Họ là các Thánh tử đạo đầu tiên của cuộc vận động 1963.

Sau đó, được biết trong hai chiến xa xung kích, một chiếc được mật lệnh giết tôi. Kẻ thi hành là Trung Úy Kỳ. Khi chĩa súng bắn tôi thì bị một đội viên cùng xe đánh bật tay lên. Chiếc khác được lệnh tiến bắn thì không bắn, vì sợ làm chết lây thầy Mật Nguyễn và các ông Tỉnh trưởng, quản đốc. Sau bị trách phạt rằng sao không bắn luôn cả ba người ấy.

Súng ngưng nổ, chiến xa rút liền. Tên Phong, cảnh sát và tên Uyên, quân cảnh cùng một số lính, ăn mặc như xung trận vào đài phát thanh mặt đầy sát khí, nhìn chúng tôi nói đồng giọng: “Việt Cộng đột nhập, ném lựu đạn chết người” Và nhìn tôi muốn bắn. Tôi nói: “còn các ông thì yểm trợ cho Việt Cộng. Đúng là gà đẻ gà tục tác.”

Nhận xét; Qua lời kể này, có nhiều sự việc phản bác lại tất cả những nhân chứng và chứng từ vừa nêu trên:

- Thứ nhất, Thầy Trí Quang, thầy Mật Nguyễn, ông Quản đốc, ông Tỉnh trưởng **không ở trong đài** như nhiều người xác nhận, chẳng hạn theo lời kể của ông Nguyễn Khắc Từ, huynh trưởng gia đình Phật tử, cho rằng ông có mặt từ đầu, luôn ở bên cạnh thầy Trí Quang. Các vị ấy đứng ở chỗ cao là phải, để quan sát và lượng định tình hình đám dân chúng đang ở dưới như ngòi thuốc nổ, có thể nổ bất cứ lúc nào.

- Điều thứ hai, Rất quan trọng là Hiện Trường. Phải xác định rõ Hiện Trường. Hiện trường là chỗ góc **sân trên** của đài phát thanh, chỗ gần chúng tôi, bị ném lựu đạn tàn sát. Có nghĩa hiện trường ở sát cạnh đài phát thanh, là góc sân trên, như thể phản bác cái giả thiết của bác sĩ E. Wulff cho rằng các em bị bắn chết ở hàng rào đài phát thanh cao 1 mét 50. Hiện trường không phải cách xa đài cỡ 50, 60 mét. Các em tò mò phải tiến tới sát đài. Làm sao các em bé trèo qua được cái hàng rào sắt nhọn cao 1 mét 50 được?

- Điều thứ ba, hiện trường ở góc trên đài phát thanh, nghĩa là có bậc tam cấp để đi lên. Điều đó cũng phản bác tất cả những chứng từ như của ông Vũ Ngự Chiêu và một số người khác cho rằng có hai em bị tuần xa cán chết đập đầu, nát bấy. Có nghĩa là khẳng định tuần xa không leo

lên bực cấp đài phát thanh để cán chết các em được. Người đứng đông dày đặc như thế, nó cũng không thể nhúc nhích đến sát chân đài phát thanh được?. Và nếu nó cán chết các em thì trước tiên, nó đã phải cán bừa lên những đồng bào Phật tử người lớn đứng ở dưới sân đài phát thanh. **Nên nhớ là không có người lớn tuổi nào là nạn nhân của biến cố đài phát thanh.** Yếu tố chỉ có trẻ con dễ đưa đến ý tưởng là các em vì tò mò thường đứng gần sát đài phát thanh. Điều này hoá giải ý tưởng của phần đông dân chúng cho rằng các em bị các tuần xa cán chết.

- Điều thứ tư là các em bị đạn và lựu đạn bắn chết. Vấn đề này là vấn nạn gay go nhất, xin được bàn tiếp theo ý kiến của Trung Tướng Tôn Thất Đính và lúc Đặng Sỹ ra tòa.

Điều thứ năm theo Thượng Tọa là có một âm mưu muốn ám sát TT Trí Quang với danh tính hằn hoi. Đó là Trung Úy Kỳ và đồng bọn. Nhưng việc không thành chỉ vì có người lấy tay cản đồng thời sợ chết lây lan sang người khác. Chỉ rất tiếc là TT Trí Quang đã không chỉ đích danh cái người định ám sát Thượng Tọa. Nhưng chắc là phải giữ vai trò cao hơn Thiếu Tá Đặng Sỹ và ông Tỉnh trưởng? Người đó là ai? Có thể chỉ còn có mình TT Trí Quang có câu trả lời? Rất tiếc ông lại không nói. Đến lúc ra tòa, tôi đi tìm mãi không thấy Trung Úy Kỳ đâu? Chắc đã được TT Trí Quang bỏ qua.

Đã biết được rõ âm mưu như thế, hẳn nhiên TT Trí Quang cũng biết rõ ai là kẻ chủ mưu ra lệnh? Và cái kết quả thảm sát 8 trẻ em vô tội? Dù gì đi nữa thì TT cũng nên nói rõ ra một lần để rửa cái vết lõm dính máu trên đài phát thanh Huế cho oan hồn các em chứ? Không ra tòa đã đành? Nhưng không nói, im lặng lại là chuyện khác?

7. Chứng từ của Thượng Tọa Thích Tâm Châu

Trong cuốn Bạch Thư công bố ngày 31 tháng 12, năm 1993, nghĩa là 30 năm sau, thử xem TT Thích Tâm Châu, một trong hai vị lãnh đạo tinh thần hàng đầu của Phật giáo đã nhìn lại biến cố này như thế nào? Từ đó để tùy chúng ta suy nghĩ.

“Thông lệ, mỗi kỳ Phật Đản tại Huế, cuốn băng ghi lại buổi lễ Phật Đản được cho phát thanh lại trên Đài phát thanh Huế vào 8 giờ tối. Năm nay, lễ Phật Đản **có lời tranh đấu chống chính phủ** nên đài phát thanh Huế không dám phát. Quần chúng Phật tử quanh vùng Huế chờ đợi phát thanh về Phật Đản không được, lũ lượt kéo tới đài phát thanh mỗi lúc một đông, chính quyền địa phương lo sợ về sự biểu tình. Thiếu tá Đặng Sỹ, phó tỉnh trưởng nội an Thừa Thiên kiêm Tiểu khu trưởng ra lệnh giải tán. **Đột nhiên có tiếng nổ, làm 8 em Phật tử chết và một số bị thương. Do đó trở thành cuộc đấu tranh lớn.**

Nhận xét : Theo thầy Tâm Châu, vụ đài phát thanh bắt đầu bằng có lời tranh đấu chống chính phủ. Không có vụ chống chính phủ, cuốn băng sẽ được phát lại vào buổi tối như thông lệ. Tất cả rối ren chỉ vì nội dung cuốn băng này đã dẫn đưa đến vụ nổ đài phát thanh. Bất cứ ai trong cuộc không ngờ rằng rắc rối về cuốn băng đã đưa đến hậu quả tai hại và kinh hoàng đến như thế.

Thầy Tâm Châu không xác nhận bất cứ điều gì về vụ nổ cũng không ám chỉ bất cứ nguyên do nào cũng như bất cứ ai có trách nhiệm gây ra vụ nổ. Ý của thầy là chỉ ghi nhận có vụ nổ, có trẻ em bị tàn sát. Phần còn lại không biết không nói. Không xác nhận bất cứ điều gì. Sau 30 năm mới viết lại như thế, đã hẳn không còn vì ông Diệm hay ai khác nữa. Sau này vào ngày 3-6-66, TT Trí Quang có bất đồng với TT Tâm Châu về đường lối tranh đấu. Vì thế TT Tâm Châu và Hộ Giác đã từ bỏ các chức vụ trong Viện Hóa Đạo. Sau đó vì sợ hãi đã bỏ trốn ra Vũng Tàu vào ở Trung Tâm nhu đạo Quang Trung vì sợ bị ám sát.

Về việc này, trong tiểu truyện tự ghi của Hoà Thượng Trí Quang chỉ ghi vắn tắt có một câu: “có vụ cầm tù tôi ở Đường Đường Duy Tân, có Vụ Viện Hoá Đạo của Việt Nam Quốc Tự.” Vụ thế nào, TT không nói.

Lời tường thuật của Stanley Karnow:

“Several thousand gathered peacefully in front of the city’s radio station to listen to loudspeakers broadcast a speech by Tri Quang, a buddhist leader. The station director canceled the address, claiming that it had not be censored. He also telephoned Major Si, who **dispatched five armored cars** to the scene. The commander ordered the crowd to disperse, **then told his men fire. The people stampeded. A woman and eight children died, either shot or trampled in the melee...**

Diem’s regime blamed the whole incident on the Vietcong, but a distinguished physician who had examined the victims confirmed the Buddhist account of their deaths, **the government suppressed his report.** Outraged, the Buddhists demanded among other things that the officials responsible for the killings be punished. Diem ignored them.” (trích trong Viet Nam, a History, trang 279).

Ngay sau đó thì ông Karnow có đưa ý kiến của ông Trần Kim Tuyền và nhận xét TT Trí Quang, xin trích dẫn: “Le Dr Trần Kim Tuyền, chef de la police secrète, qui complotait déjà contre Diem, fit une remarque perspicace au milieu de ce bouillonnement: C’est un pays économiquement sous-développé, mais hautement développé sur le plan politique, me dit-il dans son salon encombré d’horribles objets d’art.” Xứ sở này nghèo thì nghèo thật đấy, nhưng chính trị thì chả thua ai đâu.

Derrière la puissante poussée bouddhiste se trouvait Trí Quang, moine boucan¹ d’une quarantaine d’années. Avec son crâne rasé, sa tunique safran et sa façon de parler elliptique, il respirait le mysticisme mais cléétait en fait un homme politique habile et infatigable. Sau biến cố Đàì phát thanh: **Il rencontra secrètement à Sài Gòn des responsables Américains, à qui il adressa cette mise en garde:** “Les etats-unis doivent contraindre Diem à entreprendre des réformes ou **se débarrasser de lui.** Sinon, la situation dégénérera et c’est vous, honorables gentlemen, qui en patirez le plus. Vous êtes responsables des troubles actuels parce que vous soutenez Diem et son gouvernement d’ignares”(Karnow. Viet Nam, trang 160-161)

Nhận xét: Stanley Karnow, một phóng viên nổi tiếng ở VN trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Nhận xét của Karnow có ba điều đáng ghi nhận: Các nạn nhân chết do súng đạn do binh đội của Đặng Sỹ bắn ra. Chính quyền đã thủ tiêu hồ sơ giảo nghiệm của bác sĩ Lê Khắc Quyến. Thứ ba, TT Ngô Đình Diệm giữ lập trường cương quyết đổ trách nhiệm cho Cộng Sản gây ra vụ thảm sát này. Về việc TT Trí Quang có gặp lén lút với người Mỹ với mưu cầu lật đổ ông Diệm? Tôi đã hỏi những người thân cận nhất với TT Trí Quang thì được cho biết: không bao giờ TT đi gặp người Mỹ cả như Stanley Karnow viết.

8. Chứng từ của LM Cao Văn Luận:

LM Cao Văn Luận lúc đó đang làm Viện Trưởng Viện Đại Học Huế.

“Trong lúc các nhà chức trách đang tìm cách giàn xếp, thì một trái lựu đạn không biết từ đâu đã nổ ngay giữa đám biểu tình làm nhiều người chết và bị thương. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo chính thức bùng nổ từ ngày đó”.

Có vài giả thuyết được nêu lên về **xuất xứ** của trái lựu đạn. Giả thuyết thứ nhất, và khó tin nhất cho rằng một cán bộ chính quyền, hoặc là binh sĩ hay cảnh sát bảo vệ đài phát thanh đã ném trái lựu đạn. Một giả thuyết thứ hai đổ cho mật vụ Mỹ là tác giả trong vụ này. Giả thuyết thứ ba thì cho rằng chính phe đấu tranh, tôi xin nói là phe đấu tranh trong đó còn nhiều thành phần khác ngoài Phật Giáo đã thâm độc cho ném lựu đạn gây nên cảnh đổ máu để tạo cảm phần trong quần chúng Phật tử hầu khích động mạnh hơn cuộc đấu tranh và dồn hai bên đến cái thế một sống, một chết với nhau. Tôi chỉ nêu lên những giả thuyết được bàn tán lúc bấy giờ, **mà không nghiêng theo giả thuyết nào**”(Trích Bên Dòng Lịch Sử, trích lại trong Ngàn Năm Xứ Huế, Nguyễn Châu, Đoàn văn Thông, trang 344-345).

Nhận xét: nhận xét của LM Cao Văn Luận đưa ra ba giả thuyết và không nghiêng theo giả thuyết nào nên phần tôi, người viết cũng không thể đưa ra nhận xét nào được.

Viết thêm về LM Cao Văn Luận. Sau này, ngày 18-9-64, một số giáo sư và sinh viên Huế tại Viện Đại Học yêu cầu LM từ chức để khỏi làm trở ngại cho việc bài trừ cần lao của Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc. Lý Chánh Trung đã nhận xét về vấn đề này trong cuốn sách: Ba năm xáo trộn, Nam Sơn, 1966, trang 108-112 như sau: “Cái ung thư đó đã lê cái thân già đi khắp nơi trên cùng trái đất, xin tiền, kiếm người, khẩn khoản mời mọc từng người về giúp Viện Đại Học Huế. Và kết quả sau 7 năm trời coi cũng được lắm chứ... Thực ra các anh đã cách chức cha Luận vì cha không đồng ý với các anh về mặt chính trị. Như vậy viện đại học Huế đã biến thành một đảng chính trị rồi. Các anh đòi hỏi dân chủ. Đòi hỏi dân chủ bằng cách bắt đầu đọc tài, đọc đoán, bắt đầu khệnh khạng huyên hoang, bắt đầu làm chủ chân lý “sếp xong cách mạng”. Sau này, một trong những người sếp xong cách mạng là giáo sư Lê Tuyên, một trong những học trò cha CVL, được cho đi du học về, tác giả vụ CVL từ chức và bị bắt tại Huế ngày 21-6-66 đã tuyên bố: TT Trí Quang mới là người chủ động, ông chỉ là người thừa hành mà thôi. Bọn họ gồm 26 người bị đưa ra tòa án Mặt trận Thủ đô và vùng 3 chiến thuật, trong đó có Đại tá Đàm Quang Yêu, đại tá Nguyễn Văn Mỏ, BS Nguyễn Văn Mẫn và GS Lê Tuyên về tội xâm phạm an ninh Quốc Gia và tội phản nghịch. Trớ trêu là người biện hộ cho họ lại là luật sư Võ Văn Quan, người đã biện hộ cho ông Ngô Đình Cẩn. Ông Quan chỉ nói thế này: “Nếu đó là một cái tội thì tại sao TT Trí Quang, người lãnh đạo sự tranh đấu ấy, người đã gửi văn thư xác nhận phân minh trước quý tòa rằng ông lãnh đạo sự tranh đấu lại không bị truy tố? **Tôi xin quý tòa tha bổng bị can** (Nghề hay nghiệp, LS Võ Văn Quan)

9. **Bản phúc trình của ông Lê Dư, Trưởng Ty Cảnh sát quốc gia Thừa Thiên kính gửi Thiếu Tướng Chủ tịch Ủy ban điều hành Trung nguyên Trung phân. Khẩn. Tuyệt mật.**

Tôi có được bản tường trình mật này, đánh máy và in ronéo. Bản tường trình thì là thật, nhưng lời khai của các bị can có thể do áp lực mà phải nói khác đi. Theo tôi được biết, ông Lê Dư nay còn sống và hiện ở Mỹ. Hy vọng ông đọc được bài viết này và xin góp ý.

“Sau nửa giờ kêu gọi vẫn không kết quả, các lực lượng an ninh buộc phải dùng đến biện pháp xịt nước. Lúc này số đồng bào hiếu kỳ đứng bên ngoài vòng lằn lượt giải tán trở về, còn lại số Phật tử vì có lời kêu gọi của sư Trí Quang chẳng những không chịu giải tán mà lại còn vào thêm đông ở khuôn viên đài phát thanh, dùng lời lẽ khiêu khích chống báng việc làm của lực lượng an ninh, ném đá vào đài phát thanh.

*Trước tình trạng đó, Thiếu tá phó tỉnh trưởng nội an ra lệnh tung lựu đạn hơi cay giải tán đám đông thì **bọn đối phương đã lợi dụng cơ hội ném plastic vào cửa gương phòng vi âm đài phát thanh, nhưng không lọt vào được, lại bật nổ tại thêm** làm cho 8 em bé bị chết và mấy chục người bị thương.*

Mãi hơn một giờ sáng, trật tự mới vẫn hồi” (Trích Tổng kết nội vụ Phật Giáo và Đại học. Lê Du Trường Ty cảnh sát quốc Gia Thừa Thiên.)

Nhận xét: Dầu thế nào đi nữa, dù là một bản Tổng Kết của một nhân viên chính phủ, đôi khi nó cũng để lộ ra những chi tiết lý thú lắm. Và tôi nghĩ rằng, đây là những chi tiết có vẻ vô thường vô phạt lại hé lộ nhiều điều đáng để ta bàn. Trong tất cả những bài viết của các nhân chứng vừa nêu trên. **Ít có ai nói tới Hiện Trường của vụ án.** Trừ TT Trí Quang. Xác chết và Hiện Trường theo tôi học được qua các phim Tàu với Bao Công xử án thế mà hay. Thói quen nghề nghiệp của ông Trường Ty Cảnh sát nói tới hiện trường, nói cụ thể và chi tiết. Hay lắm.

Thứ nhất, trong phạm vi trách nhiệm, ông thấy trong đám đông thế nào cũng có đám thanh niên hứng chí, khiêu khích cảnh sát như chửi bới, ném đá, v.v... Điều đó chắc là có. Tâm trạng của một người có trách nhiệm an ninh trong lúc đó là làm thế nào trấn áp được đám đông mỗi ngày mỗi lúc bùng bùng khí thế. Đám đông có thể lên đến con số vài ngàn người, hay nói quá đi đến chục ngàn người. Đám đông vô tội. Nhưng lại rất nguy hiểm dưới con mắt viên chỉ huy cảnh sát. Căng thẳng và e ngại. Chuyện gì sẽ xảy ra? Nào ai biết được? Loa phóng thanh, vòi xịt nước chắc là tỏ ra vô hiệu quả? Cảnh sát tỏ ra yếu thế và bất lực, phải gọi đến sự tiếp tay của quân đội và mãi đến hai giờ sau, 5 xe tuần thám mới có mặt. Cục diện hẳn đã thay đổi từ lúc này?

Ông cho biết thêm một chi tiết khá quan trọng là ném plastic vào **cửa gương** của phòng vi âm đài phát thanh và rồi plastic dội bật trở ra rơi **xuống thềm đài phát thanh.**

Là cửa gương, có nghĩa là nếu xe tuần thám mà dùng đại liên nã vào đài phát thanh như ông Bác sĩ người Đức hay một số người khác xác nhận thì nạn nhân đầu tiên sẽ là ông Tỉnh Trường hay ông giám đốc đài phát thanh Ngô Ganh và một số chức sắc Phật giáo có mặt, như TT Trí Quang. Các vị này không sao cả. Không có một ai trong đài phát thanh bị thương. Plastic ném dội ra rơi xuống thềm. Có nghĩa là, đài phát thanh có nhiều bậc cấp. Muốn vào đài, phải đi qua một sân rộng, sau đó leo các bậc cấp trước khi bước vào cửa đài phát thanh. Hiện trường là như thế. Điều đó rất đáng nghĩ và hiểu được tại sao trong 8 nạn nhân đều là các trẻ em và không em nào quá 18 tuổi. Các em thiếu nhi, ưa tò mò sẽ không chịu đứng dưới sân đài mà bám sát vào cửa gương để xem và nhìn cho rõ câu truyện đàm phán bên trong đài.

Sự tò mò này đã giết chết các em, nạn nhân đầu tiên của biến cố 1963.

Nay thì tôi không biết có bao nhiêu bậc cấp và cao bao nhiêu so với sân đài phát thanh? Nhưng chỉ cần từ hai đến ba bậc cấp là xe tuần thám đành chịu. Vậy giả thiết cho rằng xe tuần thám cán chết 8 em có còn đứng vững được nữa không? Ấy là có nhân chứng không xác định rõ xe bọc sắt hay xe bánh cao su? Và đơn giản mà nói, chi khu của một tòa tỉnh trưởng lấy đâu ra một đơn vị xe bọc thép, có bánh sắt? Bánh sắt hay bánh bọc cao su sẽ xác định cái chết của các nạn nhân như thế nào? Chỉ có bánh xe bọc sắt mới có thể cán nát đầu, nát bét thân thể được?

Ông Lê Du là một nhân vật có trách nhiệm trong vụ thảm sát trước Đài phát thanh Huế, vậy mà trong bài tường thuật vụ án xử Đặng Sĩ, tờ Lập Trường thời đó đã không nêu tên ông với tư cách một nhân chứng?

10.- Lời khai của Trưởng đoàn SVPT tại sở Công An Trung nguyên Trung phần

Anh Hoàng Văn Giàu, đoàn trưởng SVPT Huế khai như sau: Tối hôm đó đương sự có đến đài phát thanh Huế và đứng ở góc Morin cũ. Khi xảy ra vụ biến động, đương sự bị lựu đạn cay, nhưng vẫn hô to: “*Đồng bào hãy từ từ mà chạy, họ chỉ bắn chỉ thiên thôi.*” Trước tình hình căng thẳng đó, đương sự lo sợ nên chiều ngày ngày 9-5-63 vào Đà Nẵng để lánh nạn.

Trong một nhật ký của anh Hoàng Văn Giàu bị chính quyền tịch thu, anh có ghi lại những điều sau đây: Cụ thể anh đã dùng những danh từ sau đây bày tỏ lập trường chính trị chống đối chính phủ: *ngu si, ngu dần, thủ đoạn vật, mù quáng, lang sói, lưu manh, lũ điên, khiêu khích, gia quyến, giáo quyền và chính quyền.* Để gán cho chính quyền của Ngô Tổng Thống, đương sự đã có những câu:

- “*Chuyện của tôi là chuyện đạo, nhưng thực sự là bị chi phối bởi một dụng tâm khác hơn. Đạo đức với tôi chỉ là việc phụ.*”
- “*Hành động của tôi không phải hoàn toàn cho Đạo.*”
- “*Không ưa, không còn tin tưởng chế độ nữa.*”
- “*Mỗi hành động của tôi là một sự đóng góp làm cho chế độ hiện hữu đi lần đến chỗ sụp đổ. “Tôi đã biết cuộc tranh đấu của tôi là chỉ làm lợi cho những kẻ đầu cơ chính trị hơn là cho Phật Giáo, song tôi vẫn phải làm, miễn sao cho chính phủ hiện hữu (đánh máy không rõ) thì thôi.”*”
- Đương sự cũng xác nhận rằng đương sự đã biết các sư Thích Tịnh Khiết, Thích Trí Quang, Thích Thiện Minh, Thích Trí Thủ là những người chỉ huy Phật giáo đã kéo đoàn SVPT do đương sự làm đoàn trưởng vào **cuộc đấu tranh tôn giáo chính trị nhằm mục đích lật đổ chính quyền.** (Chữ in đậm trong tài liệu) nhưng đương sự vẫn tích cực hoạt động theo sự chỉ đạo của các sư **miễn sao lật đổ được chính quyền hiện hữu** (chữ in đậm trong tài liệu)(Trích trong hồ sơ Tổng kết nội vụ Phật giáo và Đại học. Tài liệu: Lê Dư, Trưởng Ty cảnh sát Quốc gia Thừa Thiên, kính gửi Thiếu Tướng Chủ tịch Ủy ban điều hành Trung nguyên Trung Phần. Khẩn. Tuyệt mật. Từ trang 62-69).

Nhận xét: Khi trích lại những lời khai này, tôi thâm tín rằng anh Hoàng Văn Giàu đã khai không hoàn toàn đúng với tâm niệm của anh như cho rằng biết rõ các thầy làm chính trị, anh bị lợi dụng. Thực sự mà nói, lúc đó các sinh viên Phật Tử cũng như các thầy tranh đấu nhằm đòi hỏi bình đẳng tôn giáo. Ít ai có thể nghĩ đó là một cuộc tranh đấu chính trị. Chỉ sau này thì ý tưởng đó mới thực sự bắt rễ ăn nhập với các biến động mỗi ngày mỗi sôi động và rõ nét. Các biến động đã mỗi ngày vượt qua mọi toan tính, suy nghĩ và trù liệu của các nhà lãnh đạo Phật giáo như chính Thượng Tọa Trí Quang đã thừa nhận: “*Đấy là một sự vận động kỳ quái*”.

Khi viết xong bài này, việc đầu tiên tôi làm là gửi cho anh Hoàng Văn Giàu, ở bên Úc để anh xem, đồng thời hỏi anh có điều gì để nói về tài liệu trên. Trong trường hợp, anh xác nhận là giả thì tôi sẽ rút lui ý kiến lại. Nhưng sau đó thì tôi có nhận được thư anh Giàu cho biết cứ việc cho đăng và cho rằng mỗi người có một ý kiến, quan niệm về biến cố 1963. Qua lá thư anh Giàu, tôi cho rằng tài liệu tôi có được là thật không phải giả. Ngay cả nội dung khai báo cũng có phần sự thật trong đó nữa.

Mặc dầu có đến đài phát thanh, có tham dự và chứng kiến sự việc, anh Hoàng Văn Giàu cũng không cho biết được gì nhiều. Ngoại trừ chấp nhận là có lựu đạn cay được tung ra.

11.-Ai giết anh em Ngô Đình Diệm của Quốc Đại

Có lẽ đây là phần tài liệu dài nhất về vụ thảm sát trước đài phát thanh Huế. Tác giả dành ra 64 trang để viết về vấn đề này ở chương 8, từ 281 đến 342. Xin chỉ tóm lược.

- Thiếu tá Đặng Sỹ đã được sự đồng ý của Thiếu Tướng Lê Văn Nghiêm, tư lệnh vùng 1 chiến thuật. Rồi tư lệnh sư đoàn 1, Đại Tá Đỗ Cao Trí. Ông này bỏ về Sài Gòn thì có Trung Tá Lê Quang Hiển, tư lệnh phó đại diện. Qua lệnh của Thiếu Tướng Nghiêm, Thiếu Tá Sỹ có thêm một đại đội khóa sinh C1, một đại đội thiết giáp đang hành quân tại Phú Lộc, một đại đội quân trấn, đại đội Thiên Hồ và một chi đội cơ giới Bảo An do Trung Úy Kỳ chỉ huy (Sau này, TT Trí Quang chỉ đích danh Trung Úy Kỳ có ý định ám sát Thượng Tọa Trí Quang. Sau này Trung Úy Kỳ bị ám sát khá ly kỳ) và một số hiến binh Quân Cảnh. Như vậy Thiếu Tá Sỹ đã nhận được lệnh từ ba phía Tỉnh Trưởng, vùng và khu. Bộ tham mưu của Thiếu Tá Sỹ bây giờ gồm có Đại Úy Lê Nguyên Phú, tiểu khu phó, Đại Úy Nguyễn Kinh Lược, tỉnh đoàn trưởng Bảo An. Đại úy Lê Duy Hiển, tham mưu trưởng.
- Không có sự đồng ý của Tư lệnh vùng, Thiếu Tá Sỹ không thể có một lực lượng hỗn hợp đông đảo như thế.
- Diễn tiến nội vụ: gửi hai tiểu đội cảnh sát và quân cảnh dàn hàng ngang vào dẹp biểu tình. Thất bại. Quyết định dùng xe cơ giới Bảo An mở đường, lính tiến theo sau xe. Thiếu Tá Sỹ, mặc áo giáp cùng với hai hạ sĩ quan Tư và Quang đi mở đường. Gạch đá ném tứ tung vào xe.
- 10 giờ 30. xe cách đài chừng 50 thước. Hai tiếng nổ kinh hoàng. Thiếu tá Sỹ bắn ba phát súng lệnh, đồng loạt cho nổ lựu đạn MK3 ở 15 địa điểm khác nhau.
- Thiếu Tá Sỹ tiến được vào đài, gặp Thượng tọa Trí Quang. TT Trí Quang chấp tay vào nhau lo âu nói: *Tôi không ngờ xảy ra như thế này*. TT Sỹ nói với TT Trí Quang: *Thầy phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra như thế này*. TT Thiện Minh nói với Trung Tá Thường: *Chuyện đã xảy ra như thế này, thì tôi không biết nói sao. Tôi xin chịu hết trách nhiệm*.

Nhận xét: Bài viết có khá nhiều chi tiết để người đọc nắm được diễn tiến từng giờ cuộc biến động lúc bấy giờ. Nhưng những mẫu đối thoại ghi lại giữa TT Trí Quang và Thiếu Tá Sỹ cũng như giữa Trung Tá Thường và TT Thích Thiện Minh không có gì làm bằng cứ là có thực có những lời đối thoại như thế hay không? Ai đứng đó mà nghe? vì không ai kiểm chứng được là thật hay không thật.

Căn cứ vào tài liệu, Ông Sỹ nhận được lệnh từ cấp trên để dẹp đám biểu tình. Hai tiếng nổ là do từ đâu tới, Ông Sỹ sau đó chỉ thi hành theo phương án đã được hoạch định trước và không có trách nhiệm về cuộc thảm sát.

12.-Trích chứng từ của Tướng Tôn thất Đính

“Thảm kịch kinh hoàng của biến cố đài phát thanh là như vậy. Nhưng cho đến nay, chưa có một ai có thể nói rõ về sự thật của biến cố đài phát thanh đêm 8-5-63 như thế nào cả. Chúng tôi đã tận lực sưu tầm từ 1963 đến giờ.. đọc và phân tích tất cả tờ trình được đệ lên trình TT Diệm. Chúng tôi đã hội kiến với TT Trí Quang, cố TT Thiện Minh, Cố TT Mật Hiển, cố TT Mật Nguyên, TT Thiện Siêu, tiếp xúc với gia đình Phật Tử, sinh viên Phật tử, nhưng cho đến bây giờ, chúng tôi cũng không thể nào quy định được đâu là sự thật. Đọc lại những gì đã được ghi lại trong một số tài liệu của Phật giáo năm 1963, chúng tôi thấy vấn đề ghi chép quá đơn giản. (trg 321). Các tài liệu về phía Phật Giáo, Hoa Kỳ đến phía VN, suốt 35 năm qua cũng chỉ đưa ra những nhận xét chung, hay những giả thuyết, chứ không ai dám cả quyết về bất cứ một sự thật nào. Về kỹ thuật quân sự, lúc bấy giờ VNCH không thể có bất cứ một loại chất nổ nào có tính công phá lạ lùng như vậy, ép dẹp thân xác, thổi bay đầu làm cho khi khám nghiệm các tử thi, ngay các bác sĩ tại Huế cũng không quy định được bất cứ loại chất nổ nào. Họ không thể nói đó là lựu đạn, plastic hay bất cứ một vật gì. Thậm chí còn có dư luận cho là bị các xe bọc sắt (nhưng bánh cao su) của lực lượng cảnh bị nội an do TT Đặng Sĩ cán nát, nhưng trong hoàn cảnh hàng ngàn người ở đài phát thanh, các loại xe ấy không di chuyển dễ dàng vào tận hành lang của đài là nơi xảy ra tai nạn.” (Trích: 20 Năm Bình Nghiệp, trang 323)

Nhận xét: Nhận xét của tướng Đinh khá là trung thực. Nếu tin rằng ông đã tham khảo tài liệu, đã hỏi ý kiến các thầy, đã tham khảo tài liệu từ dinh Tổng Thống Diệm Không biết là loại vũ khí gì đã giết hại các em như thế, vì quân đội VNCH không được trang bị những thứ vũ khí giết người.

Nhưng nếu không tìm ra được thứ vũ khí giết người là thuộc loại nào? Việc kết án tù Thiếu Tá Đặng Sĩ liệu còn có cơ sở đứng vững hay không?

Tài liệu, chứng từ dẫn chứng đầy đủ, bạn đọc đã có thể tự mình trả lời hai câu hỏi của người viết bài? Ai trực tiếp trách nhiệm giết 8 trẻ em vô tội? Và giết bằng thứ vũ khí gì? Nếu đã có câu trả lời rồi thì xin khỏi đọc tiếp phần sau nữa? Nếu chưa, xin tiếp tục đọc phần Đặng Sĩ trước tòa án.

Tôi đã thu tập tất cả 25 chứng từ, nhưng nhận thấy nhiều chứng từ có điểm trùng điệp nên đã cắt bỏ hơn nữa những chứng từ ấy đi.

Phần Hai: Vụ án Thiếu Tá Đặng Sĩ trước tòa án Cách Mạng.

Biến cố đài phát thanh Huế xảy ra đêm 8-5-1963. Từ đó đưa đến sự sụp đổ chế độ TT Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963. Nhưng mãi đến 2-6-1964 mới được đưa ra xét xử tại Sài Gòn. Tức là hơn một năm khác với vụ án Trung Tá Vương Văn Đông và ông Ngô Đình Cần bị đem ra xét xử ngay và lãnh án tử hình.

Thời gian càng kéo dài ra thường có lợi cho bị can, tránh được những sôi nổi khi sự cố còn nóng hổi. Thứ hai, phạm trường là Huế, trung tâm đầu não của biến cố 8-5-1963, cứ sự thường tội đâu xử đấy. Nhưng cũng không ai cấm được tòa án thay đổi chỗ xử án để cho tòa án được độc lập hơn, tránh sức ép của dư luận quần chúng. Viện Chưởng lý tòa án quyết định xử ở Sài Gòn để tránh ‘*Sự gây hoang mang dư luận*’. Theo nguyên tắc có 3 trường hợp: Xử tại nơi xảy ra phạm pháp. Tòa án tại nơi can phạm bị bắt. Tòa án tại nơi can phạm bị giam giữ.

Sử Đặng Sĩ là chuyện nhỏ, cân bằng hai thế lực tôn giáo trong lúc này là chuyện lớn. Các chính phủ quân nhân đều quá yếu nên phải di giày chửi biết làm sao? Đặc biệt là chính phủ Nguyễn Khánh.

Trước ngày Đặng Sĩ ra tòa một tuần có bài báo trên tờ Lập Trường: Đồng bào Huế và Trung Việt nghĩ sao? Đặng Sĩ ra tòa tại Sài Gòn. Đối với dư luận xứ Huế:” Vụ thẩm sát tại Đài phát thanh chỉ là bước **cuối cùng của cả một chương trình tận diệt tôn giáo**. Dân chúng đã quá biết điều đó rồi. Lúc xử Ngô Đình Cần, tất cả các báo Sài Gòn đều viết rằng nhân dân đã xử ông Cần trước khi tòa án xử. **Đối với Đặng Sĩ cũng vậy, nhân dân đã xử rồi chửi đâu có chờ đến tòa án Cách Mạng?**

Vi thế Đặng Sĩ trước mắt người dân xứ Huế đương nhiên là một tội phạm. Rõ ràng như thế, mang xe tăng đến trước đài phát thanh, rồi ùm ùm, súng nổ, lựu đạn nổ rầm trời. 8 mạng trẻ con chết thê thảm.? Mọi người đêm đó đều trông thấy. Chối cãi đi đằng nào?

Vậy mà hơn 40 năm, chúng ta vẫn phải bắt buộc nhìn lại.

Nhưng nhiều người muốn truy đến cùng đằng sau Đặng Sĩ là ai ? Ai ra lệnh? Một phóng viên đã mập mờ đưa ra mà như thể không đưa ra: “*Chúng tôi không muốn dành quyền phán xét của tòa án như một hai tờ báo ở Sài Gòn đã làm, vì vậy chúng tôi không muốn bắt chước họ nêu tên*

nêu tuổi chánh phạm ở đây. Tên tuổi đó không phai mờ trong lòng dân chúng Huế được đâu? Không bao giờ.”

Theo như câu nói trên thì dân chúng Huế biết rõ, biết chánh phạm là ai rồi?

Cuối cùng, chính quyền nghiêng về giải pháp đem Đặng Sỹ về Sài Gòn xử. Chỉ tiếc một điều là Toà án Cách mạng không xử Đặng Sỹ tại Huế, là nơi Đặng Sỹ phạm tội, để đồng bào, những người đã nhìn thấy sự thật trước mắt, sự thật ngày hôm nay vẫn còn hiển hiện trước mắt, tự mình lắng tai nghe thử những người xử án, nhân chứng và bị cáo nói gì trước tòa án về những sự việc đã xảy ra.

Cho nên thật ra không phải người ta sợ hấn chết mà người ta chỉ sợ hấn không chịu im lặng để chết mà thôi. Chú thử nghĩ nếu ra giữa tòa mà hấn cà rịch cà tang khai hết những thượng lệnh mà hấn đã nhận để thi hành thì có tọa họa nó ra hết không. Người ta đang la làng lên là vì rứa..... Nếu phải chết, tội chi mà y chết một mình, y sẽ khai tùm lum ra hết. Nếu không thì phải tìm cách cho y đừng nói. Chú học lịch sử còn nhớ vụ Nuremberg không? Biết bao nhiêu tội phạm chiến tranh tự tử trong ngục trước trước khi bị đem ra xử... Minh lo cho Đặng Sỹ là vì rứa.(Nguồn : Báo Lập Trường tháng 6-64)

Vì thế, việc xử Đặng Sỹ đã làm nhiều người thất vọng đến độ nghĩ rằng:” Trước hiểm họa Cộng Sản, trước viễn tượng Cách Mạng sụp đổ, lòng tin sụp đổ, những chữ của chúng tôi đang chứa đầy tội nhục của nhân dân xứ Huế, của những người đã vùng dậy làm cách Mạng từ ngay sau đêm thảm sát Đài phát thanh, để rồi ngày nay thấy mình bị phản bội.”(Lập Trường 6-6-64)

Xử không khéo là lòng tin vào cách mạng sụp đổ và cảm thấy bị chính quyền phản bội?

TT Trí Quang đã đưa ra một liều thuốc giải vừa để gỡ rối vừa để trấn an dư luận, thày lúc đó đang ở Sài Gòn xin khoan hồng cho Đặng Sỹ đồng thời có đánh một công điện ra Huế mà nội dung như sau:” Chúng ta chủ trương khoan hồng cho ông ấy thì không cần quan tâm đến những chi tiết khác làm gì”

Tha thì không thể tha mà tội chết cũng không thể chết. Đó là cái thế của Đặng Sỹ.

Có nghĩa là thực sự đây là một vụ án chính trị. Và dựa trên sắc luật 4-64 ngày 18 tháng 2, năm 1964 thiết lập tòa án Cách Mạng dưới thời tướng Nguyễn Khánh. Luật này có “hiệu lực hồi tố” (retroactive effect). Và vì thế đã có một danh sách 267 những bị can phải ra trước tòa án Cách mạng. Trong đó có những vụ án nổi bật như Phan Quang Đông (cơ quan đặc vụ và tình báo) và Dương Văn Hiếu (tư lệnh Cảnh sát đặc biệt)

Xin trích dẫn lời Lý Chánh Trung trên tờ *Tìm hiểu* về tình hình lúc đó với nhan đề: “*Lộn để trị*” *Vì rằng từ mấy tháng nay, thành tích duy nhất của ông Khánh sau ngày chỉnh lý bị đập đổ, người dân miền Nam đã nếm được cái thú vị của Tự Do xuống đường, tự do đập lộn, chém giết, nói láo, bêu xấu. Muốn gì cứ việc xuống đường. Xuống đường là thắng trận. Hoan hô dân chủ. Thật không có cái chính quyền nào nhiều thiện chí bằng cái chính quyền này: xum xoe chạy từ nhóm này đến khối kia, vuốt ve hứa hẹn để làm vừa lòng tất cả mọi người”.*

Nhưng tội thay, không ai vừa lòng cả.

Ở Huế có cái Hội đồng Nhân dân Cách Mạng (rời cứu quốc) mà thành phần chủ yếu là một số giáo sư đại học. Hội đồng này đã cực lực phủ nhận tam đầu chế Minh-Khánh-Khiêm. Thế rồi

*người ta thấy ông Minh và ông Oánh lẽo đẽo ra Huế để * thỉnh ý* Hội đồng đó. Hội đồng thương thuyết tay ngang với chính phủ. Tại nhiều tỉnh miền Trung, những hội đồng tương tự được thiết lập và người ta đã chứng kiến những tấn bi hài kịch của những người dự đảng cần lao đến đầu thú nơi ông Tỉnh Trưởng thì được ông Tỉnh gọi qua Hội Đồng, đến Hội đồng thì được trả về tỉnh”*

Khung cảnh phiên tòa xử án:

Phiên tòa do ông Lê Văn Thụ, một thẩm phán kiến thức uyên thâm, đức độ thanh cao và phong thái lịch sự, nhã nhặn, ai cũng khâm phục, cũng là người từng sử tử hình ông Ngô Đình Cẩn (Trích theo Luật sư, Nghề hay Nghiệp, Ls Võ Văn Quan) ngồi ghế Chánh Thẩm, Trung Tá Nguyễn Văn Đức, Chương lý TACM ngồi ghế Công tố. Ông là người đã đưa Phan Quang Đông và Ngô đình Cẩn đến cái chết. “ Ông đến đây với hào quang chiến thắng trong vụ xử án Phan Quang Đông vừa qua. Lúc xử Phan Quang Đông, ông mới là Thiếu Tá . Và trong phiên xử này*xử ông Ngô Đình Cẩn*, ông chững chạc tự tin, phần thắng, khi sẽ đổi một bản án tử hình như đã nắm chắc trong tay. (Trích Luật sư, Nghề hay nghiệp). Luật sư biện hộ là Nguyễn Khắc Tân.

Bình thường, những phiên tòa như thế này sẽ có đông người đến nghe lắm. Như trong phiên tòa xử ông Ngô Đình Cẩn ở ngoài Huế :”Chưa tới 8 giờ sáng, còn hơn một giờ nữa mới họp. Nhưng chắc đã từ lâu một đám đông cả mấy ngàn người chen nhau đứng dưới mưa phùn gió lạnh, trên các đường chung quanh tòa án. Tất cả mọi người, già trẻ, bé, lớn, người nào cũng có vẻ mặt đầy căm thù. (Trong Luật sư, Nghề hay nghiệp..). Sau đó, vụ xử đã được đưa vào Sài Gòn một cách kỳ cục. Không khí Sài Gòn khác hẳn :”Nhưng khác hẳn quang cảnh căng thẳng, sôi sục không khí đấu tranh chung quanh Tòa án Huế lúc trước, công chúng Sài Gòn chỉ đứng thưa thớt trên các đường gần pháp đình và chỉ có vài người hiếu kỳ mà thôi.’

Khung cảnh pháp đình Sài Gòn sáng 2-6-1964 là một quang cảnh vắng lặng, khác hẳn hôm xử ông Ngô Đình Cẩn. Trong pháp đình chỉ có một số ký giả và, đội quân danh dự cùng một vài thân nhân và một vài Phật tử. Có thể dân chúng đã quen thuộc, đã hết hào hứng như hồi xử ông Cẩn. Điều này chỉ có lợi cho phía bị cáo là Đặng Sỹ. (Trích từ Lập Trường..)

Ông Chương lý cho biết nhân vật quan trọng hàng đầu cần ra làm nhân chứng là TT Trí Quang. Nhưng TT Trí Quang đã từ chối không ra làm nhân chứng trước tòa buộc tội bị can. Trả lời ký giả báo Dân Ta, TT Trí Quang cũng xác nhận việc này. Không biết việc từ chối như thế có hợp pháp không? Sự từ chối của một nhân chứng quan trọng như TT thì kể như cái tòa án đó giá trị pháp lý còn lại là cái gì? Sau này TT Trí Quang cũng từ chối ra trước tòa án Mặt Trận xử 26 can phạm trong vụ chính biến Đà Nẵng mà chính TT nhận là người lãnh đạo và trách nhiệm?

Thật sự thì miền Nam trong những tình huống như vậy chỉ cho thấy tòa án thiếu một thẩm quyền pháp lý, thiếu cái uy quyền thượng tôn pháp luật của tòa. Uy quyền quốc gia không còn nữa.

Đặc biệt thân nhân của dân sự nguyên cáo, tức gia đình các nạn nhân trong biến cố đài phát thanh gần 20 người, nhưng không có ai lên tiếng đòi bồi thường cho gia đình họ và để tùy tòa quyết định.

Và theo phái viên Từ Nguyên, đại diện tờ Lập Trường ngoài Huế Họ, những đại diện các gia đình nạn nhân là những người đau khổ nhất và ngày hôm nay đang là những người sung sướng nhất, vì đã hy sinh cho chính pháp.

Phiên tòa bắt đầu 9 giờ, nhưng phải đợi đến gần nửa giờ sau, bị cáo Đặng Sỹ mới tới. Đặng Sỹ bước vào với binh phục sĩ quan cấp tá hàng hoàng, lúc đó phiên tòa mới bắt đầu.

Có một điều kỳ ngộ, chỗ cái ghế gỗ dành cho bị cáo mà Đặng Sỹ ngồi thì trước đây ông Cẩn đã ngồi cùng ở một chỗ ấy. Cùng một phiên tòa của tòa án cách mạng, cùng là những người liên quan đến chế độ ấy, cùng có thể nhận một bản án tử hình. Nhưng thái độ hai người có khác. Ông Cẩn ngồi đó không nói gì. Im lặng từ đầu đến cuối. Còn ông Đặng Sỹ tỏ ra bực tức và có dịp được nói là nói thả dàn. Cứ được hỏi đến là ông có dịp được phân vua hoặc nói về những thành tích chống Cộng của mình.

Vấn đề thủ tục pháp lý

Mở đầu phiên xử, luật sư Tân đã nêu ra khước biện vô thẩm quyền của tòa án cách mạng đối với bị cáo. Đây thật ra chỉ là * bốn món ăn chơi* của thủ tục tòa án mà luật sư thường nêu ra và thường cũng bị ông chánh thẩm bác bỏ ngay từ đầu. Bởi nếu khước biện vô thẩm quyền của tòa án được chấp nhận thì tự nó đã vô hiệu hóa vụ án rồi. Tôi chẳng muốn đi vào chi tiết, chỉ biết rằng Sắc luật 4-64 khi thiết lập tòa án cách mạng có định như sau:” Mưu sát, tội giết người đối lập về chính trị, việc tra tấn cho đến chết” Theo luật sư Tân, các nạn nhân là Phật tử, không phải người đối lập. Vậy không thuộc thẩm quyền tòa án cách mạng. Sau đó có cãi qua, cãi lại. Chánh thẩm đình nghị án, vào tham khảo. Và lúc 10 giờ 15, tòa tái nhóm và ông chánh thẩm bác khước biện vô thẩm quyền do l.s Tân nêu lên. (Lập Trường, số 6-6-64.)

Lời khai trước tòa của Đặng Sỹ

Ông chánh thẩm hỏi bị can: Bị can phạm tội cố sát với trường hợp gia trọng, vì trong khi binh lính giải tán đồng bào tại đài phát thanh đã ném hay cho ném lựu đạn làm chết 8 đồng bào, bị can có nhận tội không? Dĩ nhiên là không. Sau đó thì bị can đã trả lời tóm lược như sau:” Bị can bị bắt từ ngày 24 tháng 11, 1963. Bị biệt giam tại Nha an ninh quân đội trong phòng tối. Bị tra vấn ngày đêm và bị **ép buộc phải khai ra là do Giám Mục Ngô Đình Thục và hàng giáo phẩm ra lệnh cho tôi đàn áp tôn giáo**. Xin Tòa ghi nhận cho tôi chỉ là cấp thừa hành, chế độ nào cũng phải thừa hành lệnh cấp trên của tôi sai phải. Trước hết ông Tỉnh Trưởng áp dụng dụ 57A trưng dụng tôi, rồi ông Tư lệnh vùng. Về điểm này, Ellen J. Hammer cũng viết tương tự :” Một áp lực buộc Đặng Sỹ phải tố cáo TGM Thục, lúc đó đang sống ở ngoại quốc, đã đích thân ra lệnh cho ông bắn vào đám đông. Nhưng ông đã từ chối (Trích trong Bàn tay Hoa Kỳ.. trang 110)

Tôi không phạm tội cố sát vì tôi chỉ nhận lệnh của cấp trên. Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm đã cung cấp phương tiện cho tôi. Lực lượng tiểu khu của tôi chỉ có 18 người sĩ quan và quân nhân.

Đêm 8 tháng 5, 1963, Tôi đã gọi điện thoại cho Cảnh sát tăng cường. 20 giờ, họ cho biết không đủ quân số. Tôi cũng đã gọi cho ông Tỉnh trưởng 5 lần, không gặp. 8 giờ 30 tối, tôi tới văn phòng ông Cẩn, có Đại uý Phu, phụ tá tiểu khu trưởng. Sau đó gặp ông Đảng, tỉnh trưởng, ông Đạm, Ông Trọng, Ông Vàng. Nhận được điện thoại của ông Ngô Ganh, quản đốc đài phát thanh yêu cầu can thiệp gấp, đồng bào tới đông đảo. Ông Tỉnh trưởng nói đồng bào không trật tự, yêu cầu Thiếu tá xử dụng quân đội giải tán. Tôi xin giấy trưng dụng. Ông Tỉnh trưởng nói, yêu cầu Thiếu Tá giải quyết gấp kẻo đài phát thanh bị phá, ngày mai sẽ có giấy điều chỉnh. Tôi cũng gọi cho Đại Tá Đỗ Cao Trí, tư lệnh sư đoàn 1. Đại tá Trí không có mặt. Đại tá Lê Quang Hiến phụ tá yêu cầu xin lệnh tư lệnh vùng. Sau khi trình tư lệnh, Thiếu tướng có nói: quân chúng tự động biểu tình, xâm phạm công quyền, Thiếu tá có bổn phận đem binh sĩ giải tán và ông cấp cho một đại đội BB ở trung tâm Phú Bài.

Tôi cấp phát lựu đạn MK3, lựu đạn này tôi đã xử dụng để huấn luyện cho thanh niên chiến đấu có sự chứng kiến của Đại tá Trí. Lựu đạn Mk3 không gây chết người, thường dùng cho nổ để huấn luyện cho Thanh niên chiến đấu, thanh niên Nam Nữ. Tôi đã dùng một chiến xa Bảo An đi trước mở đường, binh lính theo sau. Xe đến cách quân trấn 50 thước, bị chặn đường.. Tôi ra lệnh cho xe tiến lên, cán xe mo bi lét. Rồi nghe có hai tiếng nổ lớn. Tôi tưởng bị Việt Cộng tấn công. Sau đó tôi bắn ba phát súng lệnh chỉ thiên, nhưng đồng bào nào loạn cả lên, binh sĩ cũng chẳng nghe thấy lệnh của tôi.

Nhưng ai ra lệnh? Đặng Sỹ khai không nghe thấy lời kêu gọi của ông tỉnh trưởng. Ông còn la lớn, hai tài xế Ngọc và Khải, sau ngày Cách mạng đã bị bắt giam 3 tháng, rồi được thả và nay còn được thăng chức. Như vậy họ được thăng chức vì những lời khai của họ? Đặng Sỹ còn nhắc lại phản đối trước tòa về việc giam cầm thiêu nhân đạo và thẩm vấn viên đã buộc: phải khai nhận có ném lựu đạn, hoặc do lệnh TGM Ngô Đình Thục ra lệnh cho y đàn áp Phật giáo. Chương lý cho rằng hầu hết các nhân chứng đều khai trước tòa là bị cáo bắn trước ba phát súng, rồi mới có hai tiếng nổ. Chương lý cũng cho rằng bị cáo không được mang vấn đề tôn giáo ra đây, bị cáo theo tôn giáo nào không thành vấn đề.

Cả phòng như im lặng.

Theo ông chương lý, đa số các nhân chứng trong phiên xử này đều khai bị cáo có bắn 3 phát súng lục trước khi có tiếng nổ lớn. Riêng chỉ có mình bị cáo khai có hai tiếng nổ lớn trước khi bắn ba phát súng.. Ông Chương lý nói tiếp, công tố viện đã đưa ra một số nhân chứng tối đa, không lẽ các nhân chứng đều có thù oán với bị can cả sao? (tóm lược theo Lập Trường, số tháng 6)

Lời khai của các nhân chứng

Tướng Nghiêm: Có lệnh trưng dụng thì tỉnh trưởng hoàn toàn trách nhiệm không cần hỏi ý kiến quân đội hay tôi. Nhưng tôi cũng có căn dặn tránh đổ máu, dùng các biện pháp xịt nước. Tướng Nghiêm cũng liên lạc với Đại Úy Thiết, chánh văn phòng đại diện ở Huế để ông này liên lạc với Đặng Sỹ. Ông nói tiếp, Thiếu tá Sỹ có quyền xử dụng đại đội cơ giới ở Phú Lộc vì thuộc Bảo An. Riêng đại đội ở trung tâm huấn luyện Phú Bài thì thuộc quyền Bộ Tổng tham mưu chứ không thuộc quyền tôi.

Cứ như lời khai của tướng Nghiêm thì xem ra, ông chẳng có tỳ quyền hành gì, mặc dầu là tư lệnh quân đoàn. Và vì thế, ông hoàn toàn không có trách nhiệm gì trong vụ nổ ở đài phát thanh. Ông ra tòa với tư cách **nhân chứng** chứ không phải một liên đới trách nhiệm với bị cáo, với tư cách chỉ huy cao cấp. Tuy nhiên, trên thực tế, ông vẫn ra lệnh miệng cho Đặng Sỹ, vẫn liên lạc với Đại Úy Thiết, vẫn liên lạc với Đại tá Hiến. Dĩ nhiên vẫn có những lệnh miệng, hay khuyến cáo. Mà trong nhà binh, lệnh miệng đã đủ là bằng cứ chưa?

Ông Nguyễn Văn Đăng, tỉnh trưởng: Sự việc xảy ra ở đài phát thanh Huế rõ như ban ngày như một cộng với một là hai. Ông đã nói như thế. Tối hôm đó, tôi đến văn phòng chỉ đạo thì có Trưởng Ty Cảnh sát, TT Công an cho biết đồng bào Phật tử đang vây đài phát thanh. Tôi nói: Nếu có vây, đồng ý khi cần giải tán. Tôi thấy **các ông ấy sát khí đằng đằng** nên tôi thấy cần nhắc là cần có binh sĩ cải trang để giải tán biểu tình. Mọi người giải tán.

Có một chi tiết khá quan trọng mà Thiếu Tá Đặng Sỹ nêu ra là lệnh trưng dụng của Tỉnh Trưởng lúc đó có ông Hồ Đắc Trọng làm chứng. Ra tòa, ông Hồ Đắc Trọng khai là, tuy có mặt ở đó, nhưng không nghe là ông Tỉnh Trưởng có ra lệnh hay không? Nhân chứng phủ nhận?

Vậy lời khai của Đặng Sỹ trở thành vô dụng? Nhưng Hồ Đắc Trọng có khai là có gặp ông Cần, ông Cần có nói với ông rằng:” biểu tình thì phải dẹp, hỏi ông Tướng, ông đại biểu chính phủ mà làm. Lời khai của Hồ Đắc Trọng có thể xóa bỏ nghi ngờ ông Cần là người ra lệnh ngầm không? Mặc dầu lúc này có khai gì thì ông cũng đã chết rồi?

Sau đó, ông Tỉnh Trưởng khoe thành tích làm tỉnh trưởng của ông. Điều đó xin lược bỏ. Những điều sau đây qua lời khai của ông khá phù hợp với lời kể lại của TT Trí Quang. Tôi chỉ nói Đặng Sỹ **chuẩn bị**, chứ không nói **trưng dụng**. Không phải là tôi có ra lệnh bằng miệng mà tôi trốn trách nhiệm, nhưng bị can cố đẩy trách nhiệm cho tôi. Sự thật là vậy. Theo ông khai trước tòa, ông và thầy Trí Quang và Mật Nguyệt đang bàn cãi để tìm giải pháp dung hòa thì có tiếng ồn ào. **Cả ba đều ra ngoài** thì thấy xe tăng tới, xe xịt nước tới. TT Trí Quang ra trước Micro kêu gọi anh em công lực ngưng xịt nước, rồi thầy nhờ tôi nói lại và tôi nhân danh Tỉnh trưởng dừng xịt vì dàn xếp sắp xong. **Nói hai câu đó xong, súng nổ và lựu đạn nổ.**

Ông có hỏi tại sao lại không nghe thấy? Xe của Đặng Sỹ đậu cách đài phát thanh khoảng 50 chục thước và trong trường hợp ấy có thể không nghe thấy. Chính ông Tỉnh trưởng cũng chỉ đoán là Đặng Sỹ có đứng chỉ huy trên xe ấy qua cái dáng thôi.

Ít ra về điểm này cho chúng ta thấy hai cái piste đi tìm sự thật: Hiện trường là mấy nhân chứng đứng bên ngoài đài phát thanh và có thấy súng nổ, lựu đạn nổ.

Mặc dù ông Tỉnh trưởng là cấp chỉ huy trực tiếp của Đặng Sỹ, ông cũng chỉ ra hầu tòa với tư cách **nhân chứng** thôi. Như vậy chỉ có mình Đặng Sỹ là tội phạm. Nhưng qua hai lời nhân chứng vừa kể, người ta thấy trước khi vụ nổ đài phát thanh, Đặng Sỹ có trình cấp thẩm quyền, có ngồi lại bàn thảo, có nhận lệnh miệng, có được cung cấp phương tiện cùng với Chỉ huy Cảnh Sát và Công an cũng như tiểu khu phó. Nhưng trước sau, chỉ có mình Đặng Sỹ lãnh án. Trong một vụ việc quan trọng như thế này, có sự điều động nhân sự, có nhận lệnh lạc theo hệ thống quân giai, có hàng trăm vừa sĩ quan, vừa binh sĩ. Một người lãnh án? Tướng Khiêm cho rằng Đặng Sỹ phải bị kết án để vui lòng Trí Quang (Bàn tay Hoa Kỳ, trang 110..).

George A. Carver, nhân viên cao cấp CIA viết năm 1965 :” Tia lửa phát sinh vụ nổ ở Huế năm 1963 đã được châm trong một trường hợp mà các chi tiết luôn luôn sẽ là một vấn đề cho các cuộc bàn cãi trái ngược » » trích lại trong Bàn tay Hoa Kỳ.. trang 110.

Lời khai của Nguyễn Văn Kịch: Có lẽ lời khai của Nguyễn Văn Kịch còn quan trọng hơn bất cứ lời khai nào. Anh Kịch là tài xế của Đặng Sỹ đã khai là khi gặp mục Luyến, mục đã căn dặn Đặng Sỹ như thế này: “**Cố gắng làm tròn phận sự nhé**” (tóm lược theo báo Lập Trường, tháng 6-64)

Chuyên viên chất nổ.

Thiếu tá Lê Văn Ấn, sở đạn dược nha quân cụ. Ra trước tòa, ông cho rằng Lựu đạn Ak3 Hay Mk3 ? là lựu đạn tấn công, sức công phá trong vòng 2 đến 5 thước. Ông chánh thẩm: Có giống như lựu đạn cay không? Không, đó là lựu đạn tấn công. Ông chánh án - sức công phá của nó có thể làm văng đầu đứt tay? Thiếu Tá Ấn: trong vòng bán kính 2 thước có thể chết, đứng gần văng đầu, tét da, tét thịt. Lựu đạn khi nổ có hai phần: Một phần thực sự **bằng giấy cứng**, một phần là hỏa pháo cơ bả bằng kim khí. Lựu đạn khi nổ tan không còn mảnh nào. Một đảng Đặng Sỹ nói, lựu đạn nổ không chết người, một đảng chuyên viên chất nổ nói chết người? Giấy cứng trong lựu đạn thì có thể gây chết người hay không? Và có thể gây tác hại bay mất đầu, thân hình dập nát không toàn thân?

Nhưng theo Ellen J. Hammer và theo cẩm nang bộ quốc phòng Hoa Kỳ, khả năng tối đa của lựu đạn MK3 chỉ có thể làm bị thương nhẹ, điếc tai và giết mình. (trích Bàn tay Hoa Kỳ... trg 110)

Cái phần giấy cứng này đặt ra nhiều nghi vấn? Giấy carton có đủ gây sức chấn áp, nhưng có thể làm văng đầu, nát bầy cơ thể được không? Mà tại sao, không mang ngay một trái lựu đạn này cho nổ ngay trước toà? Sức nổ của nó sẽ có tác dụng phân rã trắng đen ngay? Giết người hay không giết người? Giết ban xác hay mất đầu? (Tóm lược báo Lập Trường)

Theo tôi được biết, người Mỹ hay phóng viên của họ có thể đã quay phim vụ biểu tình trước đài phát thanh. Giá có được mấy thước phim đó thì chuyện trắng đen đã hẳn không còn cần mang ra bàn cãi đến bây giờ? Theo Chính Đạo, trong *Từ cò đến máu*, trích dẫn tài liệu của Gravel, II : 226 như sau :” Dù được xem những khúc phim về cuộc đàn áp chứng minh quân lính của Sĩ bắn vào Phật tử. Diệm không thay đổi lập trường.”. Có một cuốn phim như thế thật? Rất tiếc là trước tòa án, Chương lý đã không có được những khúc phim như thế làm bằng cứ? Và nhất là sau này, Trung Tướng Tôn Thất Đính có điều kiện truy lục cũng không kiếm ra được những khúc phim như thế? Sự thật ở chỗ nào?

Phiên xử vụ án Đặng Sỹ kể là nhanh và gọn, kéo dài từ ngày mùng 2-6 đến ngày mùng 8-6 thì chấm dứt. E. Hammer cũng cho biết **khi phiên toà xử xong, luật sư biện hộ cho biết toà không xác định tính chất hay nguồn gốc của chất nổ**. Lờì nhận xét này cũng phù hợp với những đối chứng trước toà trong vụ án xét xử Đặng Sỹ vì có những nhận xét khác nhau về sức tác hại của lựu đạn giữa Đặng Sỹ và chuyên viên chất nổ?

Những nhận xét sau đó cho rằng để chiều lòng TT Trí Quang trong vụ xét xử này cần được xét lại, vì trước khi toà án xét xử, TT Trí Quang đã gửi một lá thư xin tha mạng cho Thiếu Tá Đặng Sỹ.

Xem xét lại Hiện Trường thì đúng như TT Trí Quang xác nhận. Các nạn nhân bị chết ngay sát góc cửa lối vào đài phát thanh. Ở dưới nền nhà. Sát góc cửa, có một lỗ thủng bằng cái chén. Các cửa kính đài phát thanh đều bị vỡ, nhưng cửa gỗ đài phát thanh còn nguyên vẹn. Điều này cho thấy rằng chất nổ bằng hơi, gây sức ép chứ không phải bằng mảnh đạn. Mảnh đạn thì sẽ để lỗ trên cánh cửa. Sức hơi thì hoặc cửa vẫn còn đó hoặc có thể làm bay cánh cửa.

Về chất nổ: chuyên viên chất nổ nhìn nhận rằng chất nổ trước đài phát thanh Huế là một loại chất nổ cực mạnh. Là gì thì không biết được, nhưng QLVNCH chưa hề được cung cấp xử dụng. Ngay trong ngày 11-7-1963, Ủy ban liên bộ đã thông báo cho Ủy ban liên phái cho biết các em nạn nhân chết do chất nổ của Việt Cộng. Dĩ nhiên, Ủy Ban liên phái không chấp nhận kết luận này và trong hồ sơ của Nguyễn Lang cho rằn Bác sĩ Lê Khắc Quyền bị ép buộc phải ký biên bản như trên.

Trong phiên toà, ông Đặng Phong, Trưởng ty cảnh sát quốc gia Thừa Thiên cho thấy người Mỹ có dính líu vào biến cố này bằng nhiều cách. Ông Đặng Phong đã tiết lộ rằng 2 nhân viên của cơ quan tình báo Hoa Kỳ là Scott, người điều hành cơ quan CIA tại Thừa Thiên lúc đó và Bell, người tổ chức chương trình đưa biệt kích xâm nhập miền Bắc có dính líu đến vụ cung cấp chất nổ này. Ông Mullen phó lãnh sự Hoa Kỳ tại Huế đã liên lạc thường xuyên với TT Trí Quang ở chùa Từ Đàm, nhờ giúp in ấn giấy tờ, truyền đơn, chuyển thư từ, tin tức vào Sài Gòn hay ra ngoại quốc.. Riêng ông Elble, Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Huế thường đi theo các cuộc biểu tình của PG và công khai chống NĐD.

Mặt khác, theo báo cáo của Bửu Thắng, một công an viên có nhiệm vụ canh gác trong đêm đó. Anh ta báo cáo rằng có thấy một vật sáng chạy dài từ sát góc bên phải đài phát thanh, bay qua trên đầu những người đang tụ tập, xéo xuống trước cửa đài phát thanh, sau đó là một tiếng nổ lớn phát ra. Khi các chuyên viên vũ khí đến thì đã không lượng được mảnh chất nổ nào. Nếu báo cáo của Bửu Thắng nói sự thật thì trái chất nổ bằng Plastic đã được châm ngòi rồi ném vòng tròn qua đầu đám biểu tình đang đứng trên bậc thềm, và rơi ngay góc cửa ra vào của đài phát thanh. Nếu trái Plastic rơi vào một khoảng trống thì chỉ phát ra tiếng nổ chứ không gây tác hại nào cả. Nhưng khi trái plastic kia rơi vào sát góc tường, xung quanh lại có người đứng chen chúc chật ních, tạo thành sức ép nên mới công phá mạnh đến thế..

Cũng theo Đại Úy Bửu thì trong cuộc hành quân ở Nam Đồng vào năm 1966. Đại Úy Scott lúc này là cố vấn tiểu đoàn 1-3 từ năm 1965 mới tiết lộ cho biết sự thật. Theo đó, hai người có trao đổi với nhau và Scott cho rằng Hoa Kỳ đã giúp cho Phật giáo nhiều yếu tố thành công trong vụ 1963..trong đó có chất nổ Plastic. (Tài liệu khá dài, 7 trang giấy không tiện viết hết ra Trích Ai giết anh em Ngô Đình Diệm. Quốc Đại từ trang 307)

Các nhà phân tích đều tin rằng chính phủ Ngô Đình Diệm, dù có loại chất nổ đó trong tay, cũng không ngu dại gì đem ra xử dụng trong trường hợp này để tự gây họa cho mình. Trên thế giới, người ta chưa bao giờ thấy một cơ quan nào dùng chất nổ Plastic để dẹp biểu tình. Như thế, ai gây ra vụ nổ để giáng tai họa cho chế độ NĐD? (Trích từ nguồn Giác mơ lãnh tụ).

-Về tính chất hợp pháp và công lý của tòa án: Thật khó mà bảo đảm tính cách vô tư của một thứ toàn án như thế. Xin viện dẫn ra ý kiến của luật sư Võ Văn Quan, người đã từng biện hộ cho các can phạm trong vụ Caravelle thời ông Diệm, vụ án Ngô Đình Cẩn, Trần Ngọc Châu và vụ án sinh viên Nguyễn Hữu Giao, tự là Giao Bảo Đại, sv tranh đấu Huế và cuối cùng là vụ án bác sĩ Nguyễn Văn Mẫn thị trưởng Đà Nẵng. Với kinh nghiệm tòa án như thế, lời ông nhận xét đáng được chú ý. Về trường hợp của Nguyễn Hữu Giao được tha bổng, ông viết thế này :’ Tuy biết rằng sự Giao được trả tự do, **đó không phải nhờ sự biện hộ của tôi**, nhưng tôi cũng thấy ấm lòng và vui mừng (Trích Trong Luật sư..). Về việc TT Trí Quang mời ông biện hộ cho Bác sĩ Mẫn. Luật sư Quan đòi TT Trí Quang phải đến gặp ông. Cuối cùng TT đã đến. Ông đòi ông Mẫn phải viết memoire để ông dễ nắm sự kiện. Ông Mẫn hỏi xin lệnh TT Trí Quang. TT Trí Quang đã giao cho Giao mang đến luật sư Quan vốn vẹn có mấy chữ như sau :’ Anh Mẫn, làm memoire đi. Ông Già (trong giới thuộc hạ, tiếng lóng ông già để chỉ TT Trí Quang). Ông viết như sau :’ Tôi suy đoán rằng TT Trí Quang thừa biết rằng thực sự các đệ tử của ông không cần đến sự biện hộ của tôi. Là người có nhiều kinh nghiệm về hậu trường chính trị, ông thừa hiểu dưới chế độ quân phiệt này, Tòa quân sự chỉ là công cụ của chính quyền trong những vụ án chính trị. Ông muốn có tôi chẳng qua là để thêm hoa lá cành cho các luật sư*gà nhà* của ông mà thôi.”(Trích luật sư, Nghề hay Nghiệp..) Về việc TT Trí Quang không ra làm chứng trước tòa. Ông viết :’ Trong thơ, TT tuyên bố sẵn sàng ra tòa khai rõ về những việc đã xảy ra tại miền Trung, vì chính ông lãnh đạo cuộc tranh đấu ấy. Dĩ nhiên tòa không mời TT Trí Quang ra làm nhân chứng để ông không dùng phiên tòa làm diễn đàn chánh trị. Còn truy tố ông, *họ* dám thì đã làm tử lâu. Chưa kể đằng sau tòa án, còn có *những sách nhiễu tiền bạc bỉ ổi, những thủ đoạn lừ lợc gian manh*.

Và luật sư Võ Văn Quan đã chua chát lấy lại câu nói của luật sư De Sège khi biện hộ cho vua Louis 16, đã can đảm nói với họ :’ Je viens ici chercher des juges mais je ne trouve que des bourreaux”. Tôi đến đây tìm những vị thẩm phán quan, nhưng tôi chỉ gặp những tên đao phủ thủ.

- Về hai nhân chứng tối quan trọng : TT Trí Quang và Thiều Tá Đặng Sỹ.

Người ta có thể phần nào gỡ rối về vụ án biến cố đài phát thanh này nếu hai nhân chứng trên, trong tình hình hiện nay, chịu lên tiếng và nói rõ tất cả những gì họ biết. Lịch sử đã trôi qua đi, thời gian như vết bụi phủ mờ những điều đáng nhớ có thể được sáng tỏ. Nếu nói về trách nhiệm đối với lịch sử thì họ là những người có trách nhiệm hàng đầu. Vậy mà cả hai đã không lên tiếng. Lý do tại sao không lên tiếng thì chỉ có thể suy đoán? Nhưng ngay cả suy đoán thì đem đến kết quả gì?

Người trách nhiệm và nhân chứng quan trọng nhất trong vụ thẩm sát trẻ em trước đài phát thanh Huế, ông Đặng Sỹ, nay vẫn còn sống và hiện ở Hoa Kỳ. Tôi có người bạn VP, nguyên trưởng ban biên tập Việt ngữ đài BBC, tôi có viết thư hỏi anh ấy. Anh cho biết, ngay từ năm 1992, đài BBC có tìm phỏng vấn Đặng Sỹ để cho rõ vấn đề, nhưng ông ấy cứ khất lần, rồi tránh né không muốn trả lời. Ông ấy có vẻ tức tối, nhưng tránh né cuộc phỏng vấn, chắc là muốn an phận. Tôi có hỏi thêm là Bác sĩ Trần Kim Tuyên, người đã tâm sự và để anh phỏng vấn, có biết gì hơn không? Câu trả lời là không. Còn chính bản thân anh, Trưởng Ban Việt ngữ đài BBC, nơi có thể có nhiều nguồn tài liệu, anh có thể khẳng định gì về vấn đề này không? Câu trả lời là không thể trả lời có hay không được?

Vì thế bao lâu ông Đặng Sỹ và một số người liên can không chịu lên tiếng, không chịu làm rõ có thể vấn đề vẫn còn đó? Không phải như ông Nguyễn Vũ kết luận và nghĩ rằng :” cho tới năm 2002, vài người còn nhắm mắt lại mà nguyên rửa quả lựu đạn hay trái mìn của cộng sản hoặc tình báo Mỹ không hề hiện hữu trên”(Trong Ngàn năm soi mặt, trang 32)

Cho dù thế nào đi nữa, biến cố đài phát thanh cũng như nhiều diễn biến lịch sử khác vẫn có một khoảng trống cần bổ khuyết: **Thiếu tài liệu của phía người Cộng Sản** như Stanley Karnow viết: *“Il fut en particulier très difficile de rendre compte de la guerre du côté Communiste puisque les documents saisis, la propagande... ne racontaient qu’une partie de l’histoire. Je crois que les dirigeants nord-Vietnamiens et Vietcong ont commis une grave erreur en refusant de fournir des informations aux médias occidentaux.”* (Việt Nam..., trang 420). Ông Nguyễn ngọc Giao trong một số báo Diễn Đàn Paris, xuất bản ở Pháp cũng có ý tưởng tương tự: *Bao lâu tài liệu phía CS chưa mở ra cho công chúng. Lịch sử VN vẫn là những mảnh rời rạc.*

Phản kết: Về phần tôi, chỉ có thể nói được rằng: **Lịch sử vẫn còn đó.** Sự thật nằm ở chỗ nào? Chúng ta có nên nhang khói cho những cái có vẻ như là sự thật không chối cãi được? Và chúng ta ngủ quên trong tiềm thức với những điều tin rằng là xác tín? Mỗi người chúng ta đều khát vọng sự thật và tôn thờ sự thật trong tôn giáo của mình, trong lịch sử đất nước của mình và lịch sử của chính mình bằng cách né tránh những nẻo đường có gai chông, hầm hố có thể đụng chạm đến những điều đã xác tín. Bẽ bàng thay giữa sự thật và điều xác tín thường có khoảng cách mây mù mà ngay ý thức lý trí cũng không soi rọi, soi sáng hết được những góc ẩn dấu, những phân mảnh rời rạc? Bởi vì sự thật thì ở tầm xa chưa nắm được. Còn điều xác tín chỉ là sự thật ảo? Ta khát vọng sự thật, nhưng lại thường sợ hãi sự thật và bằng lòng với xác tín ảo mà ta đã nắm chặt trong tay. Ai nói khác là không được.

Cứ nhìn lịch sử đi để thấy sự thật nằm ở chỗ nào? Có chỗ nào là sự thật? Nhiều khi chỉ là những tình cờ vụng dại, khờ khếch, vô tình. Nhiều khi là những mảnh lối gian dối đủ thứ.

Tình cờ như vụ treo cờ. Theo Vĩnh Phúc, trong những *Huyền Thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm*. Theo anh ấy, ông ĐDD là người rất trọng nguyên tắc: Cấm treo cờ tôn giáo ra ngoài. Có lần ông Diệm xuống phi trường, thấy bọn khuyến nho nịnh bợ treo đầy cờ tòa thánh Vatican. Ông không xuống máy bay, đòi dẹp hết ông mới xuống. Ông không bao giờ có ý định diệt Phật Giáo. Những người viết thiếu trung thực thường đưa ra cái luận điệu đó để kết tội ông mà họ khó có thể đưa ra những bằng cứ cụ thể. Ngay như ông Nhu khi đi săn về từ Đà Lạt

được ông Cao Xuân Vỹ cho biết chuyện, ông Nhu lắm bảm :” Mình chết rồi, hấn đưa tôn giáo vào trong chính trị là mình chết rồi.. Chuyện ni mình khó gỡ lắm.. Đây là cái đại nạn cho chính phủ.”. Và hai cái kẻ châm ngòi, đặt chất nổ là bà Ngô Đình Nhu và GM Thực. Những người làm chính trị như ông Diệm, ông Nhu và cả ông Cần, chẳng ai ngu dại triệt hại Phật Giáo một cách ngu xuẩn để gây ra kiếp nạn. (Xem Vĩnh Phúc, Những huyền thoại về... từ trang 280-299).

Và đây là ý kiến của TT Tâm Châu nhận xét về ông Diệm qua trả lời phỏng vấn trực tiếp từ Luân Đôn sang Canada của VP: theo Hoà Thượng , TT Diệm và ông Nhu có ý kỳ thị Phật giáo hay không? Thực ra, đối với TT Diệm khi đó tôi có gặp thì biết, ngài là người nho học. Ngài có tinh thần dân chủ hơn. Còn vấn đề kỳ thị thì tôi không dám nói có hay không? Chắc chắn thì tôi thẳng thắn nói rằng ở cấp trên thì đương nhiên là hiểu biết rộng hơn cấp thừa hành dưới...Hồi đó, sự phát triển của Phật giáo nói chung, mà điển hình là sự phát triển các chùa chiền có gì trở ngại không? Thực ra không có gì trở ngại. Nó chỉ có vấn đề trong sự bình thường chỗ nào làm chùa mà xin phép thì được xét thôi. Chung chung không có gì cả” (trích Những huyền thoại...của Vĩnh Phúc trang 296).

Điển hình của sự gian dối lịch sử như trường hợp tướng Giáp. Tôi có một lô sách của Võ Nguyên Giáp như *Điện Biên Phủ- Điểm hẹn lịch sử*, *Chiến đấu trong vòng vây* hay *Những năm tháng không thể nào quên*. Điều duy nhất tôi đọc được ở đó là không bao giờ có thống kê **bằng con số** về thiệt hại của Việt Minh. Nào, dờ bất cứ trang nào như trang 271, Đường tới Điện Biên phủ :” Tuyến phòng thủ của Đờ Lát đã ngốn của đội quân viễn chinh 25 tiểu đoàn Âu Phi tinh nhuệ, 1.200 khẩu súng cối, 500 khẩu pháo từ 37 ly đến 105 ly, trên 10.000 súng trường và liên thanh các loại. 800 lô cốt boong ke. Không một chữ cho sự thiệt hại về quân đội của tướng Giáp.

Trong khi đó thì Salan đã viết như thế này. 24 tiểu đoàn quân chính quy Việt Minh bỏ lại chung quanh Vĩnh yên 1280 xác chết, 450 tù binh, 3000 thương binh. Pháp đã bắn 50.000 quả đạn đại bác 105 ly, 200.000 quả đạn 75 ly, 250 phi vụ oanh kích.

Chúng ta là nạn nhân của những sự thật và đôi vai chúng ta nặng trĩu những gánh nặng oan trái của gian dối, tuyên truyền, bịa đặt của lịch sử: Lịch sử thời nhà Nguyễn, lịch trước 55 ở hai phía và sau 1975.

Phía bên quốc gia mình cũng chả hơn gì, chúng ta có nên đọc Trần Văn Đôn, Đỗ Mậu, Nguyễn Cao Kỳ, Cao Văn Viên hay Tôn Thất Đính? Bên kia ca tụng cái tập thể, cái Đảng thì bên này suy tôn cá nhân mình với những hào quang chiến thắng tự mình thiết chế lấy và tự đeo vào cổ? Hay là chúng ta nên bằng lòng với những cuốn sách của những người sĩ quan cỡ trung úy đại úy như Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Trương Duy Hy?

Nếu đọc giả đọc bài này mà không đồng ý với tôi là quyền của quý vị. Quyền nắm giữ sự thật? Còn tôi thì vẫn có thể ngêu ngao sự thật nằm ở chỗ nào?